

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH
GIẢI DIỄN NGHĨA

QUYỂN 8



Chủ giảng: LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG

Trưởng ban biên dịch:

TK. Thích Đồng Bổn



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA

淨土大經解演義

QUYỂN 8

(Tập 71 – 80)

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 71



Giảng ngày 06 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Tử Hà
Biên tập: Bình Minh



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 61, dòng 4.

7. Bộ Loại Sai Biệt

Đoạn cuối của mục thứ 6 bên trên nói về phân giáo, Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, đã dẫn chứng lời dạy của chư vị tổ sư từ xưa đến nay. Ý nghĩa này vô cùng thâm sâu. Khi chưa giác ngộ, chúng ta thấy có tướng sai biệt trong bình đẳng. Ai thấy như vậy? Chúng sinh hữu tình trong mười pháp giới, đều không ngoại lệ. Sau khi giác ngộ, trong tướng sai biệt sẽ thấy được tướng bình đẳng. Hai câu này trong kinh, đức Phật có nói.

Trong kinh *Kim Cương* nói: “*Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ*”. “*Thị pháp*” là hết thấy pháp. Hết thấy pháp thật sự là bình đẳng. Là thể bình đẳng, thể tự tính thanh tịnh viên minh hiện ra. Tướng cũng bình đẳng, dụng cũng bình đẳng. Thấy được tướng bình đẳng trong muôn ngàn sai biệt, giống như những điều Bồ tát Di Lặc nói, Ngài nói về hết thấy hiện tượng. Một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu niệm, niệm niệm thành hình, hình đều có thức.

Từ đây cho thấy, nếu quý vị nhìn mỗi niệm, nó sinh ra hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hầu như đều là sinh diệt đồng thời. Nói cách khác, giống như kinh *Kim Cương* nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, “*Nhất thiết hữu*

vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”, cho nên thể-tướng-dụng đều bất khả đắc. Bất khả đắc ở đây là bình đẳng.

Suốt 49 năm, đức Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, trong đó có 22 năm đức Phật nói về Bát nhã. Bát nhã là gì? Là trí tuệ chân thật vốn sẵn có trong tự tính. Nói thật, đó là vĩnh hằng, bất sinh bất diệt mới là chân thật. Có hiện tượng sinh diệt, thì không phải là chân thật. Trí tuệ Bát nhã và đức tướng trong tự tính, Bát nhã chính là trí tuệ. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật dạy, hết thảy chúng sinh đều có đầy đủ, không ngoại lệ, hữu tình chúng sinh có đầy đủ, vô tình chúng sinh cũng có đầy đủ. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa, hiện tượng của đại tự nhiên, không có gì là chẳng đầy đủ. Đây là chư pháp thật tướng, nghĩa là chân tướng của các pháp. Đức Phật đã nói điều này một cách rõ ràng.

Chư vị tổ sư phân giáo, bộ Đại thừa *Vô Lượng Thọ Kinh* này, trong tứ giáo Tạng - Thông - Biệt - Viên của tông Thiên Thai, chư vị tổ sư phân nó thuộc Viên giáo. Trong ngũ giáo Tiểu - Thỉ - Chung - Đốn - Viên của tông Hiền Thủ, cũng phân là Viên giáo. Chẳng những là Viên giáo mà còn là Đốn giáo. Vì sao là Đốn giáo? Bởi một đời thành tựu, không cần chờ đến kiếp thứ hai, trong một đời có thể chứng được cứu cánh viên mãn. Đây là pháp môn không thể nghĩ bàn.

Chúng ta xem đoạn thứ 7 - bộ loại sai biệt. Đầu tiên, giới thiệu sơ lược qua, vì sao có đoạn này. Lý do chính là vì thâm

cứu bản kinh. Nếu muốn nỗ lực nghiên cứu, để hiểu rõ về bộ kinh này, thì cần nên biết kinh luận đồng bộ, đồng loại.

Hết thấy kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, những bộ kinh nào đồng bộ với kinh này, những bộ kinh nào đồng loại với kinh này. Và những điển tích thuyết kèm về Tịnh độ, để tiện cho việc tham cứu.

Trong Đại thừa giáo thường gọi là tham cứu. Nghiên nghĩa là nghiên cứu, trên thực tế thông dụng, nói tham cứu cũng được, nói tham nghiên cũng được, cùng một ý nghĩa thôi.

Người đời, nếu thâm nhập nghiên cứu một học thuật, một môn học, thông thường đều là nghiên cứu. Dùng phương pháp nào để nghiên cứu? Dĩ nhiên phải dụng tâm rồi. Tâm ở đây là tâm ý thức. Thông thường, gọi tâm này là phân biệt, chấp trước. Phân biệt là thức thứ 6, chấp trước là thức thứ 7, gọi là tâm thức. Trong giáo pháp Đại thừa nói tâm thức. Dụng tâm thức không phải là chân tâm, nhưng công năng của nó rất lớn. Tâm sở của thức thứ 6, trong *Bách Pháp Minh Môn Luận* nói, có 51 tâm sở, thức thứ 6 đều tương ưng hết. Hầu như không có pháp nào chẳng nằm trong phạm vi nghiên cứu của nó. Nó có năng lực hiểu rõ ràng minh bạch.

Chúng ta thấy các nhà khoa học, triết học trên thế giới hiện nay, phạm vi và kết quả nghiên cứu của họ, có thành

tích tương đối khả quan. Nhưng nghiên cứu thì không thể duyên đến tự tính. Bản thể mà triết học nói, không thể duyên đến, cho nên rốt cuộc bản thể là gì, đến nay vẫn là một vấn đề lớn.

Phật pháp có cách nghiên cứu đến bản thể. Vì sao? Vì Phật Pháp dùng chân tâm, chứ không dùng vọng tâm. Chân tâm gọi là tham cứu. Tham cứu và nghiên cứu khác biệt nhau chỗ nào? Vừa rồi nói, nghiên cứu không rời tâm ý thức. A Lại Da là tâm, Mạt Na là ý, thức thứ 6 là thức, họ đã dùng tâm-ý-thức này. Tham cứu thì không dùng tâm ý thức. Phương pháp hoàn toàn không giống nhau.

Không dùng thức thứ 6, nghĩa là không phân biệt, không dùng tâm phân biệt. Không dùng thức thứ 7, nghĩa là không dùng tâm chấp trước. Không dùng A Lại Da nghĩa là không khởi tâm không động niệm. Quý vị nghĩ thử xem, không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước, hết thấy đều buông bỏ hết, khi đó chân tâm hiện tiền. Đạo Phật nói chân như bản tính hiện tiền. Nếu dùng tâm ý thức thì tự tính sẽ không hiện tiền. Đạo Phật gọi là ẩn hiện, tự tính ẩn đi, vũ trụ hiện tiền.

Các nhà khoa học thời cận đại nói: Năng lượng, vật chất, thông tin, đều hiện tiền. Vũ trụ này vô cùng phức tạp, đến cuối cùng quy nạp lại không ngoài 3 thứ: năng lượng, vật chất, thông tin.

Năng lượng chính là Nghiệp tướng của A Lại Da. Vật chất là Cảnh giới tướng của A Lại Da. Thông tin là Chuyển tướng của A Lại Da, cũng chính là Kiến phần của A Lại Da. Vật chất là Tướng phần, đây là hiện tượng tinh thần, cho nên giữa tham cứu và nghiên cứu khác nhau rất nhiều.

Trong Phật pháp, chư vị tổ sư thường nhắc nhở mọi người: *“lìa tâm ý thức mà tham”*, gọi là tham cứu. Nhất định không được dùng tâm ý thức. Từ đó cho thấy, từ xưa tới nay, trên thế giới này, có rất nhiều nhà khoa học và triết học, họ có lìa tâm ý thức chăng? Không, hết thảy dùng tâm ý thức, phát hiện được những bí mật trong vũ trụ. Khoa học ngày nay đang phát triển theo 2 phương diện, họ đều phát hiện những bí mật trong vũ trụ. Thế giới vĩ mô, nói về vũ trụ là lớn vô hạn. Phương diện ngược lại, họ nghiên cứu về thế giới vi mô, vũ trụ là lượng tử lực học. Nghiên cứu về cái nhỏ nhất như nguyên tử, điện tử, lap tử. Lượng tử lực học ngày nay còn nói quang tử, đại khái là vật nhỏ nhất.

Những hiện tượng này từ đâu mà có? Chúng ta cũng chẳng thể không tán phục các nhà khoa học, những điều họ nói hoàn toàn giống trong kinh Phật. Là hiện tượng dao động. Dao động là năng lượng. Sự dao động cực kỳ yếu ớt nhưng rất nhanh, trong Phật pháp gọi là một niệm bất giác. Bất giác là động. Giác tâm bất động. Điều này, quý vị cần nên biết. Giác là bất động. Động là bất giác. Một niệm bất giác, thì A Lại Da xuất hiện.

Đạo giáo nói: “*Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật*”. Đạo Phật nói: “*Nhất niệm bất giác mà có vô minh*”. Nhất niệm bất giác là nhất. Nhất biến thành nhị, nhị chính là âm dương. Âm dương biến thành tứ tượng. Tứ tượng sinh bát quái. Bát quái sinh vạn vật. Đạo giáo nói như vậy. Đạo Phật nói nhất niệm bất giác, từ tự tính biến ra một thứ gọi là A Lại Da. Tam thế tướng của A Lại Da nghĩa là vũ trụ xuất hiện. Quý vị quan sát kỹ từ những điều này, bình đẳng sai biệt, sai biệt bình đẳng, là một chẳng phải hai.

Do đó, phải thâm nhập một bộ kinh lớn, thật sự thâm nhập rồi, sẽ thấy rằng trong hết thảy kinh đều cùng một nguyên lý. Lâu thông một bộ kinh sẽ lâu thông được hết thảy kinh. Phải là người thật sự khai ngộ mới làm được như vậy. Nếu chưa thật sự khai ngộ sẽ thấy có khác biệt. Sự khác biệt này, nghiên cứu càng thâm nhập thì sự khác biệt càng nhỏ. Đến cuối cùng, đến đỉnh điểm cuối cùng là một. Giống như đi đến điểm giữa của hình tròn vậy, chỉ có một điểm giữa, chưa đến điểm giữa thấy còn khác biệt, càng tiếp cận điểm giữa của hình tròn thì sự khác biệt càng nhỏ. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch chân tướng sự thật này rồi, thì Tính đức viên mãn của quý vị sẽ hiển lộ.

Trục tâm của Tính đức, từ trước đến nay chư vị cổ đức, đều nói cho chúng ta biết trục tâm đó chính là tình thương. Trong Ngũ Luân nói phụ tử hữu thân. Thân ở đây chính là tình thương. Đó là trục tâm của Tính đức, hết thảy chúng

sinh đều có, con người có, động vật có, thực vật có, khoáng vật có, sơn hà đại địa cũng có.

Quý vị dùng chân tâm yêu thương nó, nó sẽ dùng chân tâm đáp lại quý vị. Điều này không tồi! Nhưng nếu con người có tâm tự tư, thì tình thương sẽ không còn nữa. Tình thương bình đẳng, tình thương chân thành, tình thương thanh tịnh sẽ không còn nữa. Vì sao? Bởi mê lầm. Ý niệm mê đầu tiên, là chấp trước có ta. Mê từ đâu? Mê từ chỗ có ta, cho rằng ngã là thật có, ngã chính là ta, đó là sai lầm. Đức Phật dạy chúng ta có chân ngã, nhưng chân ngã không phải thân này, chân ngã cũng không phải là vọng tưởng. Chân ngã là gì? Chân ngã là chân tâm. Chân tâm là chân ngã.

Chân tâm là gì? Trong Phật pháp gọi chân tâm là pháp tính, đôi khi chúng ta gọi là tự tính, đó là thật. Nó là bản thể của muôn sự muôn vật, vạn vật đều do nó biến hiện ra, nó năng sinh năng hiện. A Lại Da năng biến. A Lại Da là vọng tâm. Vọng tâm thì năng biến. Còn chân tâm năng hiện năng sinh. Vậy chân ngã là gì? Chân ngã là pháp thân.

Đạo Phật nói, đức Phật có 3 thân. Thứ nhất là pháp thân. Pháp thân là chân ngã. Báo thân và ứng hóa thân không phải chân ngã. Chân ngã là pháp thân.

Thiền tông có câu: *Bản lai diện mục khi cha mẹ chưa sinh.* Đó là chân ngã. Đạo Phật có nói đến chân ngã. Tứ tính đức: thường, lạc, ngã, tịnh. Trong tự tính sẵn có thường, lạc, ngã,

tịnh. Ngã ở đây có nghĩa là gì? Có rất nhiều ý nghĩa, nhưng chủ yếu có hai: là chủ thể và tự tại. Năng hiện, năng sinh là chủ thể. Năng ẩn, năng hiện là tự tại. Mười pháp giới Y, Chính trang nghiêm với ta là một thể. Đây là chân ngã.

Ai thừa nhận? Pháp thân Bồ tát thừa nhận. Vì sao? Bởi họ đã chứng được. Vì sao họ chứng được? Bởi lực căn đối với lực trần khởi tác dụng, các Ngài buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, nên các Ngài chứng được. Nếu chưa buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, là lực đạo phàm phu, hoàn toàn mê muội.

Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật dạy buông bỏ chấp trước, nhưng còn khởi tâm động niệm, còn phân biệt, chỉ không chấp trước thôi. Không còn chấp trước, hết thấy pháp của thế gian và xuất thế gian, người này gọi là A La Hán, họ đã giác ngộ. Nhưng có sự khác biệt, bởi họ giác ngộ ít. Giác ngộ rồi thì không còn lực đạo nữa. Bởi lực đạo là giả, "*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*", giống như quý vị nằm mộng, trong mộng có lực đạo, khi tỉnh dậy không thấy có lực đạo nữa. Tuy không có lực đạo, nhưng quý vị thấy được gì? Thấy được pháp giới tứ thánh: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát, Phật, cảnh giới này hiện tiền.

Như thế, nghĩa là vẫn chưa thật sự tỉnh dậy, vẫn còn trong mộng. Nói cách khác, lực đạo là mộng trong mộng. Tỉnh dậy, pháp giới tứ thánh hiện tiền.

Sao có pháp giới tứ thánh? Vẫn còn mê. Từ sự khởi tâm động niệm, phân biệt mà có. Khởi tâm động niệm là vô minh. Trong kinh *Hoa Nghiêm* gọi là vọng tưởng. Nếu buông bỏ được điều này, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, thì tứ thánh cũng không còn. Tỉnh ngộ từ pháp giới tứ thánh. Khi tỉnh ngộ rồi, đó là pháp giới gì? Là Nhất chân pháp giới. Đây là chân chứ không phải giả.

Định nghĩa chân giả trong đạo Phật, có biến hóa thì chẳng phải là chân. Không còn thấy biến hóa nữa, ví dụ thân người, thân người này miên viễn không già. Đây là chân. Nếu mỗi năm một già đi, đó là giả chẳng phải chân. Lá cây này miên viễn xanh, vĩnh viễn thường xanh, đây là chân. Có thể giới như vậy chăng? Có! Cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, Bồ tát, là như vậy.

Con người ở cõi đó vĩnh viễn không già nua, hoa cỏ cây cối nơi đó vĩnh viễn thường xanh, không hề thay đổi. Vì sao? Bởi đó là tự tính sở sinh sở hiện, không có A Lại Da. A Lại Da sẽ biến đổi. Nơi đó không có A Lại Da nên nó bất biến. Thế giới đó thật sự vô lượng thọ chứ không giả đâu. Con người vô lượng thọ, hoa cỏ cây cối vô lượng thọ, sơn hà đại địa cũng vô lượng thọ, vĩnh viễn không bao giờ biến đổi. Vì thế, chúng ta gọi nơi đó là Nhất chân pháp giới.

Ai chứng được cảnh giới này? Như vừa nói, người buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chứng được.

Mười pháp giới là thế giới có biến hóa, bởi nó có A Lại Da. A Lại Da là năng biến. Thân thể này và môi trường chúng ta sống đều đang thay đổi, thay đổi trong từng sát na. Buông bỏ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi, sẽ sinh về thế giới tự tính năng sinh, năng hiện, không có sự thay đổi. Thế giới đó rất đẹp. Thế giới đó là gì? Kinh *Hoa Nghiêm* gọi là Hoa Tạng thế giới. Kinh *Vô Lượng Thọ* gọi là thế giới Cực Lạc, nơi đó vĩnh hằng bất biến.

Nhiều tôn giáo trên thế gian này, họ nói đến thiên đường. Hồi giáo gọi là thiên viên, gần giống Nhất chân pháp giới mà Phật giáo nói. Vì sao? Họ nói người ở thế giới đó là vĩnh sinh. Vĩnh sinh nghĩa là bất sinh bất diệt, họ biết được điều này. Nhưng có vào được đó hay không, thì phải xem cách tu tập của mỗi người. Trong việc tu tập quan trọng nhất là định công. Phật pháp nói Tam muội phải có định công, cũng có nghĩa là phải có tâm thanh tịnh, có tâm bình đẳng, cuối cùng quan trọng nhất là tâm giác, giác mà không mê.

Trên đề kinh này nói Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Thanh tịnh, bình đẳng đến một trình độ nhất định nào đó, tự nhiên khai ngộ, sẽ vào được cảnh giới này. Sau đó, chúng ta mới biết được thì ra nhiều tôn giáo cao cấp, mục đích cuối cùng là tương đồng. Chỉ là chúng ta gọi là cõi Thật Báo Trang Nghiêm, còn họ gọi là thiên đường, thiên viên, nhưng cùng một nơi, không hề khác biệt. Do đó, việc thâm nhập kinh tạng giúp cho chúng ta, những kinh giáo khác thật sự có thể

giúp chúng ta. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói đồng bộ, đồng loại. Nếu chúng ta không ngừng đem lời dạy của đức Phật quảng bá rộng rãi, quý vị sẽ biết được, hết thấy tôn giáo, hết thấy triết học và khoa học, không phải đồng bộ với ta thì cũng là đồng loại. Thật sự thâm nhập rồi mới triệt để hiểu rõ, đối với muôn sự muôn vật trong biến pháp giới hư không giới, Phật pháp nói duy nhất là dùng tâm đại từ đại bi. Tính bi chính là tình thương, tình thương vô điều kiện, dùng tâm như thế đối với muôn sự muôn vật trong vũ trụ. Vì sao? Bởi nó cùng một cội rễ.

Lão Tử nói: *"Trời đất đồng căn với ta. Vạn vật đồng thể với ta"*. Đây là cảnh giới Hoa Nghiêm, cũng là cảnh giới của kinh *Vô Lượng Thọ*. Khi Lão Tử nói ra 2 câu này, thì Phật pháp chưa truyền vào Trung Quốc, nhưng những điều ông nói hoàn toàn tương đồng với kinh Phật. Cái hay của kinh Phật là nói tỉ mỉ, nói rất ráo.

Thâm cứu cần phải có tham cứu, nghiên cứu thì mới có thể thâm nhập được.

Nói về đồng bộ, *"Bản kinh dữ tiểu bản Di Đà thị đồng bộ kinh điển. Bản kinh Ngô dịch bản"* (Kinh này và tiểu bản kinh Di Đà là đồng bộ. Kinh này là bản dịch vào đời Ngô). Nước Ngô vào thời Tam Quốc là Đông Ngô. Thời Đông Ngô có vị cư sĩ tên là Chi Khiêm, bản này do ông phiên dịch. *Tăng diệc danh A Di Đà Kinh* (Cũng từng gọi là kinh *A Di Đà*), cũng

chính là kinh *Vô Lượng Thọ*. Ở Trung Quốc, kinh *Vô Lượng Thọ* có 12 bản dịch. Ông dùng “*kinh A Di Đà*” làm đề kinh này. *Dữ Tần La Thập sở dịch chi tiểu bản đồng danh* (Trùng tên với tiểu bản được Ngài La Thập dịch vào đời Tần). Đời Diêu Tần, Pháp sư Cưu Ma La Thập phiên dịch tiểu bản kinh *A Di Đà*, Ngài Chi Khiêm dịch kinh *Vô Lượng Thọ*, cũng mang tên là kinh *A Di Đà*. Tên gọi tương đồng, cho nên gọi kinh này là Đại bản. Kinh *A Di Đà* dịch vào đời Tần là Tiểu bản.

Di Đà Kinh Sớ Sao của Đại sư Liên Trì có nói: *Đại tiểu nhị bản, văn hữu phần giản, nghĩa vô thắng liệt, phán thuộc đồng bộ* (Hai bản đại, tiểu, văn có nhiều, ít mà nghĩa không có hơn kém, xét thuộc về đồng bộ). Thật sự, 2 bộ kinh này đều nói về một sự việc. Kinh *Vô Lượng Thọ* nói tỉ mỉ, kinh *Di Đà* nói tóm lược. Hoàn toàn tương đồng, cùng một bộ.

Hiện tiểu bản Di Đà, cộng hữu tam chủng (Tiểu bản kinh *Di Đà* hiện nay có ba loại). Một, kinh *A Di Đà* hiện nay, đời Diêu Tần Tam Tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập dịch. Hai, kinh *Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ*, đời Đường Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang dịch. Ba, kinh *A Di Đà* hội tập bản, 2 bản dịch vào đời Diêu Tần và đời Đường, đây là hội tập của cư sĩ Bồ tát giới Hạ Liên Cư hiện nay. Hạ lão cư sĩ đã hội tập kinh *Vô Lượng Thọ*, đồng thời cũng hội tập luôn kinh *A Di Đà*. Hai bản này ông đều hội tập hết. Đây là nói về đồng bộ.

Dưới đây giới thiệu sơ lược. *Tần Đường lưỡng dịch, đại thể tương đồng* (Hai bản dịch Tần - Đường phần lớn tương đồng). Đoạn này giới thiệu cho chúng ta kinh *Phật Thuyết A Di Đà*, là tiểu bản kinh, do Ngài La Thập phiên dịch và bản Đại sư Huyền Trang phiên dịch đời Đường. Hai bản này đều có trong *Đại Tạng Kinh*, đại thể tương đồng.

Sảo hữu xuất nhập (Hơi có thêm bớt). Chính là phương pháp dịch không giống nhau.

Tần dịch tinh yếu lưu sớ lược, chúng sở tông hướng (Bản dịch của Ngài La Thập, thật sự là tinh tế vắn tắt, văn tự lưu loát, đọc rất dễ chịu, cho nên lưu hành rộng rãi). Người tu theo pháp môn Tịnh Độ chẳng ai không đọc qua bộ kinh này, đặt nó làm thời công phu tối.

Bản dịch của Pháp sư Huyền Trang đời Đường không có ai đọc. Không phải người nghiên cứu kinh giáo, thì hầu như chẳng ai đọc bản này. Ngài dịch rất hay.

Đường dịch tắc chuẩn xác tường bị, lực bảo nguyên diện (Bản dịch của Ngài Huyền Trang thì chuẩn xác, đủ ý nguyên bản). Nghĩa là bản Phạn văn.

Ngài La Thập dịch ý, chứ không phải trực dịch, hoàn toàn nương vào ý nghĩa trong kinh, dùng khẩu ngữ địa phương dịch ra. Vì thế, nên người Trung Quốc đọc, họ cảm thấy như đọc văn chương của mình vậy.

Huyền Trang Đại sư phiên dịch hoàn toàn là Phạn văn, Ngài trực dịch từ Phạn văn, vẫn duy trì những thứ vốn sẵn có, nhưng chúng ta đọc sẽ thấy không suông, bởi đó là văn pháp nước ngoài, đọc thấy không suông. Ngài dịch rất hay, chính xác, không sai tí nào. Đáng tiếc, đó là văn pháp nước ngoài, chúng ta không dễ gì tiếp nhận. Vì thế, đại đa số đều đọc bản dịch của Ngài La Thập. Nguyên nhân là ở chỗ này.

Tiên sư hội tập lưỡng dịch, hiệt kỳ tinh yếu (Tiên sư tập hợp 2 bản dịch trên mà chọn ra tinh yếu). Tiên sư là nói Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ chú giải. Thầy của ông là cư sĩ Hạ Liên Cư. Hội tập 2 bản dịch, nghĩa là của Ngài La Thập và Ngài Huyền Trang. Dem 2 bản dịch này hội thành một bản.

Cánh cứ lục triều thạch kinh, bổ túc Tần dịch sở dật chi nhị thập nhất tự (Lại căn cứ bản kinh đá thời Lục triều, bổ túc vào bản Tần đã dịch sót 21 từ).

“Lục triều”, ở đây nói sơ lược cho chúng ta về niên đại. Niên đại này bắt đầu từ thời Tam Quốc. Đông Ngô thời Tam Quốc, lập kinh đô ở Nam Kinh ngày nay. Sau này là thủ đô của Đông Tấn. Về sau đời Tống, Tề, Lương, Trần, thành đô của 4 đời này đều ở Nam Kinh, cho nên gọi Nam Kinh là Kinh sư của 6 triều đại.

“Lục triều” ở đây, vào khoảng thế kỷ thứ III đến thế kỷ thứ VI Công nguyên. Chúng tôi nói Công nguyên, khái niệm này sẽ rõ ràng hơn một chút. Hiện nay là Công nguyên năm

2010. Chắc Công nguyên năm 300 đến năm 600. Hơn 300 năm này ở Trung Quốc là thời Nam Bắc triều. 6 triều đại của Nam triều, đều xây dựng thành đô ở Nam Kinh, cho nên gọi là Lục triều. Ý nghĩa Lục triều ở đây là nói về thời đại.

“Thạch kinh”, dưới đây nói rằng: *Án tương dương thạch kinh* (Xét theo bản kinh đá ở Tương Dương) ở Tương Dương. Kinh ở đây là kinh *A Di Đà*, được khắc ở trên đá. Chữ này do ai viết? Người Lục triều viết. Ai là người viết thì không biết được, họ không lưu tên, nên chẳng biết được, chỉ biết được vào thời đó mà thôi. Kinh khắc trên đá, gọi là “thạch kinh”.

Thủ thư nhi khắc thạch giả, ư nhất tâm bất loạn chi hạ (Dùng tay khắc lên đá và ở dưới câu “nhất tâm bất loạn”) vẫn còn 21 từ. Kinh hiện nay không có, nhưng kinh *A Di Đà* khắc trên đá, nhiều hơn 21 từ; 21 từ này rất quan trọng. Ở đây viết ra cho chúng ta xem

Đó là: *Chuyên trì danh hiệu, dĩ xưng danh cố, chư tội tiêu diệt. Tức thị đa thiện căn phúc đức nhân duyên* (Chuyên trì danh hiệu, vì xưng danh hiệu nên các tội tiêu diệt. Tức là nhiều thiện căn phúc đức nhân duyên). Trong kinh *Di Đà* hiện nay không có số từ này. Nhưng trong bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư có. Ông đã thêm những từ này vào trong đó.

Nếu chúng ta hỏi rằng: Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu được chăng? Diệt tội được chăng? Cổ đức từng nói, một

câu Phật hiệu, niệm Phật một tiếng, có thể diệt được trọng tội sinh tử trong 80 ức kiếp. Tôi nghĩ, hàng đệ tử Phật học theo tông Tịnh Độ đều có nghe qua câu này. Đây là lời tổ sư dạy, là thật không giả đâu. Chúng ta suy nghĩ thử xem, nó có sức mạnh lớn như vậy sao? Đọc đoạn văn này rồi, trong đây có phương pháp. Vì sao? Một tiếng niệm Phật đó phải niệm như thế nào? Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu, sẽ có sức mạnh lớn như vậy.

Ngày nay, chúng ta niệm Phật rất nhiều vọng tâm, xen tạp vọng niệm, thì công lực của chúng ta bị phá hoại mất rồi. Khi niệm Phật nếu niệm thành tâm thành ý, không có một vọng niệm nào, sức mạnh đó giống như trong đoạn này nói “chư tội tiêu diệt”. Vì sao? Trong kinh, đức Phật thường dạy, Ngài đã nói lên một nguyên lý nguyên tắc: “*Hết thấy pháp tông tâm tướng sinh*”. Chúng ta tạo tội là ý niệm bất thiện, ngày nay niệm một danh hiệu Phật là thiện niệm. Hơn nữa, câu Phật hiệu này, từ Tính đức viên mãn lưu xuất ra, thì tội gì không diệt được? Ngày xưa, chúng ta không hiểu được đạo lý này, ta niệm Phật hiệu sức mạnh đó rất yếu ớt. Vì sao? Bởi đối với câu Phật hiệu này, chúng ta có nhiều nghi vấn, hoài nghi. Sự hoài nghi này đã phá hoại công đức niệm Phật.

Vì thế, Bồ tát Đại Thế Chí dạy ta niệm Phật: *đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế* (đều nhiếp 6 căn, niệm tịnh nối tiếp), có đạo lý của nó. Công đức niệm một tiếng Phật không thể

ngĩ bàn. “Điều nhiếp 6 căn”, mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, thức thứ 6 ở chỗ lục căn duyên ra ngoài, “đô nhiếp” nghĩa là kéo nó trở lại. Kéo cách nào? Mắt thấy sắc không động tâm, không khởi tâm, không động niệm. Tai nghe âm thanh không khởi tâm, không động niệm.

Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, đều làm được đến chỗ không khởi tâm, không động niệm, đó gọi là đô nhiếp lục căn. Người như thế quá giỏi! Đó là bậc thánh nhân chứ không phải hàng phàm phu. Hàng phàm phu làm sao có thể khống chế được? Tâm của họ luôn hướng ra ngoài. Ngày nay, chúng ta dùng tâm gì? Dùng tâm tán loạn niệm Phật. Nếu chúng ta nhất tâm niệm Phật, thì quá giỏi rồi. Niệm Phật giống nhau, nhưng dụng tâm không giống, cho nên hiệu quả bất tương đồng. Chúng ta phải hiểu đạo lý này.

Chúng ta học giáo lý nhiều năm như thế, hiểu điều này, không còn hoài nghi nữa. Công đức của nhất tâm niệm Phật thật sự rất lớn, cho nên nói “*nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật*”. Tương ưng mà. Tương ưng với ai? Tương ưng với tự tính, tương ưng với Tính đức. Tương ưng với Tính đức chính là tương ưng với Phật A Di Đà. Tương ưng cách nào? Đồng tâm, đồng đức, đồng nguyện, đồng hạnh với đức Phật A Di Đà. Làm được đến chỗ 4 điều đồng này, thì ta và đức Phật A Di Đà là một thể. Quý vị nghĩ xem, tội gì không diệt được?

Xưng danh ở đây, ngày nay chúng ta gọi là chấp trì danh hiệu. Chúng ta niệm câu Nam mô A Di Đà Phật, hoặc niệm A Di Đà Phật. Đứng về hành môn mà nói, thì 84.000 pháp môn, trong tứ hoằng thệ nguyện thì nói: “*Pháp môn vô lượng thệ nguyện học*”, trong vô lượng vô biên vô tận pháp môn ấy, thì niệm Phật là đức thứ nhất.

Danh hiệu của đức Phật A Di Đà, là đức hiệu của chân như tự tính, chứ không phải điều gì khác. Niệm Phật A Di Đà là niệm tự tính của ta.

Danh hiệu này có thể dịch thành nghĩa chữ Hán. Không dịch là vì tôn trọng. Dịch ra có nghĩa là gì? A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vô Lượng Giác. Vô lượng giác là tự tính, là Tính đức. Ngạn ngữ có câu: “*Vô sở bất tri vô sở bất năng*” (Không gì không biết, không gì không thể), có nghĩa là như vậy, danh hiệu này có nghĩa là như vậy. Tự tính mới được tôn xưng như vậy. Ngày nào chúng ta cũng niệm, niệm niệm không ngừng, lâu ngày chày tháng thì minh tâm kiến tính. Quý vị nghĩ xem công đức lợi ích này có lớn không, bất giác kiến tính. Đến khi nào thì kiến tính? Chuyên trì danh hiệu nhất tâm bất loạn thì kiến tính. Ngày nay, chúng ta niệm Phật hiệu quả không nhiều, là do chúng ta không nhất tâm, mà là tạp tâm niệm Phật, loạn tâm niệm Phật chứ không phải nhất tâm. Vấn đề là ở chỗ này. Chẳng phải Phật hiệu không linh, mà do chúng ta không biết dụng tâm.

Nghiệp chướng của chúng ta rất nặng. Không cần nói đến quá khứ, nghiệp do đời này tạo, chúng ta dùng phương pháp nào để tiêu trừ? Đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp, không biết tạo bao nhiêu nghiệp tội. Chắc chắn tạo thiện nghiệp ít, tạo ác nghiệp nhiều. Vì sao? Quý vị thấy hiện tượng này, dụng tâm tư duy quan sát sẽ thấy, con người học điều hay khó, học điều xấu rất dễ dàng. Từ đó, quý vị có thể nhận ra vô lượng kiếp, chúng ta tạo thiện nghiệp nhiều hay ác nghiệp nhiều? Chắc chắn là ác nghiệp nhiều.

Trong kinh, đức Phật nói cho ta biết một sự thật. Trong *Bách Pháp Minh Môn Luận* nói, A Lại Da của chúng ta tương ứng với thiện, thiện tâm sở có 11, ác tâm sở có 26. Nhiều hơn quá một nửa, cho nên khởi tâm động niệm, dĩ nhiên sức mạnh của ý niệm rất lớn, sức mạnh của thiện yếu ớt, không mạnh như ác niệm. Huống nữa là môi trường bên ngoài cảm dỗ chúng ta.

Học thánh hiền, học Phật, Bồ tát, nhân duyên này rất thù thắng. Bởi đây là môi trường rất tốt, có thể dẫn khởi thiện tâm sở của quý vị. Rời điện Phật, đi vào xã hội, sự nhiễm ô của xã hội sẽ dẫn khởi ác tâm sở của quý vị. Ác tâm sở có 26. Thiện tâm sở chỉ có 11. Sức mạnh nào lớn?

Người học Phật ở trong điện Phật cũng không tồi, đến nghe kinh 2 giờ đồng hồ. Nhưng ra ngoài 2-3 phút, thì hiệu quả của 2 tiếng đồng hồ sẽ không còn nữa. Vì thế, những sự

và lý này, chúng ta cần nên hiểu rõ ràng minh bạch. Sau đó mới thật sự tin tưởng không nghi ngờ nữa. Thật sự tin tưởng công đức niệm Phật thù thắng không gì sánh bằng.

Người xưa có câu: “*Đọc kinh không bằng đọc chú. Đọc chú không bằng niệm Phật*”. Có lý đấy! Vì sao đọc kinh không bằng đọc chú? Bởi kinh dài, chú ngắn, chú ngắn nên dễ nhiếp tâm. Đọc chú không bằng niệm Phật, bởi chú vẫn dài. Một câu Phật hiệu chỉ có 4 từ, không có gì ngắn hơn nữa. Càng ngắn càng dễ nhiếp tâm.

Đức Phật dạy chúng ta “*tịnh niệm tương kế*” (niệm tịnh nối tiếp), đặc biệt là lâm mệnh chung mười niệm ắt vãng sinh. Một ý niệm tiếp một ý niệm, cứ như thế mười niệm. Thời gian mười niệm rất ngắn, thời gian khoảng một phút là đủ rồi. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, một phút là đủ rồi. Trong đó thật sự không có một tạp niệm. Từ phương diện này, quý vị dụng tâm quan sát, lãnh hội. Quý vị sẽ biết được sự thù thắng của pháp môn Niệm Phật. Vì sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni đặc biệt giới thiệu cho chúng ta, trong đời nhiều lần Ngài tuyên giảng bộ kinh này. Ngài thật sự từ bi đến tột cùng, khiến cho chúng ta chừa tội tiêu diệt, thành tựu đa thiện căn phúc đức nhân duyên. Đây là điều kiện tối quan trọng để vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc.

Tống đại Nguyên Chiếu sư tải nhập Linh Chi Sớ (Đời Tống, Pháp sư Nguyên Chiếu chép vào *Linh Chi Sớ*). Ngài chú giải

kinh *A Di Đà*, tên là *Linh Chi Số*, có trong *Đại Tạng Kinh*. Trong cuốn số đó có 21 từ này.

Minh triều Cừ Am pháp sư diệc thôi sùng thạch bản (Triều Minh, Pháp sư Cừ Am cũng coi trọng bản kinh đá). Chính là thạch kinh, đều chỉ về 21 từ này.

U Khê đại sư ư Viên Trung Sao (*Viên Trung Sao* của Đại sư U Khê). Đây là một trong ba bản chú giải quan trọng về kinh *Di Đà*. Chư vị cổ đức chú giải kinh *Di Đà*: Một là *Số Sao* của Đại sư Liên Trì. Hai là *Yếu Giải* của Ngài Ngẫu Ích. Ba là *Viên Trung Sao* của Đại sư U Khê. Học kinh *Di Đà* chẳng thể không đọc 3 bộ cổ chú này.

Trong *Viên Trung Sao* nói: *Kim truyền ngoa thuyết, phạm độc tập giả, ưng y cổ bản, nhi tăng chính chi* (Ngày nay, nói sai, phạm người học tập nên dựa vào bản cổ, mà thêm vào cho đúng). Ngài kiến nghị như thế, nghĩa là nói ngày nay chúng ta học tập bản kinh *Di Đà* của Ngài Cưu Ma La Thập, trong đó thiếu 21 từ, cần nên thêm số từ này vào.

Hội bản y tiên đức ý bổ nhập thử nhị thập nhất tự (Hội bản của cư sĩ Hạ Liên Cư, hội tập bản kinh *A Di Đà*, dựa vào ý của tiên đức thêm vào đó 21 từ này).

Ư thị hội bản ký bị lưỡng dịch chi trường, phục bổ Tần dịch chi dật, thánh ý bị hiển, dị khải chính giải (Bởi thế, Hội bản đã giữ đủ phần lớn của 2 bản dịch mà còn bổ túc phần thiếu sót của bản Tần dịch, hiển bày ý Thánh, dễ dàng hiểu đúng).

Mấy câu này là Niệm lão tán thán thầy mình. Hội bản của thầy mình, vẫn giữ nguyên những ưu điểm của 2 bản dịch, còn thêm vào đó 21 từ trong bản thạch kinh của Lục triều.

“Thánh ý bị hiển”, Thánh ý ở đây chỉ cho đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Thánh là đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ý của đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng bộ kinh này, là viên mãn, đều hiển thị ra, khiến cho hàng hậu học chúng ta dễ dàng đạt được sự lý giải chính xác.

Ư thị Tần dịch nguyên văn (Bởi thế, nguyên văn bản Tần dịch). Đây là điều Niệm lão nhắc nhở chúng ta. Nguyên văn của kinh *Di Đà* hiện nay, là *“Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”*. Ông đặc biệt chú giải 8 từ này phải đọc một hơi: *“Nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu”*.

Chính đồng ư Đường dịch chi hệ niệm bất loạn (Chính đồng với với bản Đường dịch là hệ niệm bất loạn). “Hệ niệm bất loạn”, Ngài La Thập dịch là “Nhất tâm bất loạn”. Ngài Huyền Trang dịch là “Hệ niệm bất loạn”.

2 câu này có sự khác biệt rất lớn. Không dễ đạt được nhất tâm bất loạn, cho nên nhiều người mới học, đọc trong kinh *Di Đà* câu này, liền nghĩ rằng mình làm không được. Niềm tin không còn nữa.

Nếu thấy được bản dịch của Ngài Huyền Trang, là nguyên bản tiếng Phạn. Nguyên bản tiếng Phạn không phải là “Nhất tâm” mà là “Hệ niệm”. Hệ niệm bất loạn, chúng ta suy nghĩ

nếu nỗ lực một chút, thì còn có thể làm được. Thật sự giúp cho hàng sơ học xây dựng được niềm tin.

Diệc phục dữ bản kinh chi nhất hướng chuyên niệm đồng chỉ (Cũng đồng ý chỉ Kinh này là nhất hướng chuyên niệm). Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, đức Phật không nói là “Nhất tâm bất loạn”, mà nói “Nhất hướng chuyên niệm”. Ý nghĩa của “Nhất hướng chuyên niệm”, gần giống “Hệ niệm bất loạn”. Một phương hướng, chuyên niệm Phật A Di Đà. Nhất định phải có niềm tin, không được thường xuyên thay đổi, thường thay đổi sẽ bị mất hết công phu.

Di hiển trì danh hiệu pháp, tông quả khởi tu, quả giác nhân tâm. Tha lực minh gia bất khả tư nghị (Càng hiển bày rõ pháp trì danh hiệu, từ quả khởi tu, quả giác nhân tâm. Tha lực ngầm gia hộ chẳng thể nghĩ bàn).

Mấy câu này hay quá. Phương pháp chấp trì danh hiệu vi diệu quá, từ quả khởi tu. Quả là gì? Là xứng tính, quả là tự tính. A Di Đà Phật là danh hiệu của Tính đức, cho nên không phải từ nhân, mà dùng quả làm nhân. Trực tiếp từ chân tâm bản tính. Quốc sư Hiền Thủ nói: “Tự tính thanh tịnh viên minh thể”. Danh hiệu Phật A Di Đà là “Tự tính thanh tịnh viên minh thể.”

“Quả giác nhân tâm”, lấy quả giác làm nhân tâm để chúng ta tu tập. Nhân quả là một thể, chứ không phải là hai. Không giống với những phương pháp tu tập khác. Những phương

pháp khác là tu nhân chứng quả, ở đây nhân quả là một. Thật sự thù thắng không gì sánh bằng. Đạt được “tha lực minh gia”. Thực tế mà nói, tha lực ở đây chính là Tính đức.

Mấy năm gần đây, một số học trò của Tịnh tông làm kỳ siêu bạt độ, chúng tôi đề xướng tam thời hệ niệm, do Thiền sư Trung Phong viết vào thời đại triều Nguyên. Pháp sư hệ niệm này, trong bài khai thị của Thiền sư Trung Phong đã nói rất rõ ràng: *“Tâm ta tức là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà tức là tâm ta. Phương này tức Tịnh độ. Tịnh độ tức phương này.”* Những câu này nương vào những điều đức Phật nói trong kinh: *“Duy tâm Tịnh độ, tự tính Di Đà”*. Nhân quả đồng thời, nhân quả không hai. Pháp môn thù thắng như vậy tìm ở đâu? Tìm không ra!

Vì thế, niệm danh hiệu Phật này, chẳng những được đức Phật A Di Đà gia hộ, mà hết thảy chư Phật Như Lai cũng gia hộ cho quý vị.

Việc gia hộ này, giới khoa học ngày nay đã chứng minh cho chúng ta thấy. Khoa học lượng tử thời cận đại phát hiện ra. Họ phát hiện ý niệm của chúng ta, gọi là tâm thái, ý niệm. Bất luận là thiện niệm hay ác niệm, bất luận là vô tình hay cố ý, ý niệm vừa động là châu biến pháp giới. Sự dao động của nó lập tức biến khắp vũ trụ. Giống như làn điện lưới vậy, thông được hết. Các nhà khoa học đã chứng minh, cho nên chúng ta khởi tâm động niệm, phải hết sức

cẩn thận. Hy vọng rằng hết thấy đều là thiện niệm, không nên có ác niệm.

Đừng tưởng rằng chúng ta khởi ý niệm không ai biết. Như thế là sai lầm! Ta vừa khởi ý niệm, biến pháp giới hư không giới đều biết hết. Chỉ có một số chúng sinh nghiệp chướng sâu nặng, tuy tiếp xúc đến, nhưng họ không cảm nhận được, chẳng phải không tiếp xúc đến. Với những người tâm địa thanh tịnh, thì họ hoàn toàn hiểu rõ. Có thể nói rằng, từ bậc A La Hán trở lên, chẳng ai là không biết. Hoa cỏ cây cối, sơn hà đại địa cũng đều biết hết.

Giống như Quốc sư Hiền Thủ nói 3 loại chu biến, trong *Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán*. Thứ nhất là châu biến pháp giới. Ý niệm đó, khởi lên ý niệm là châu biến pháp giới. Xuất sinh vô tận, hàm dung không - hữu.

Khoa học lượng tử ngày nay đã phát hiện được 3 loại châu biến này. Họ nói đó là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta với pháp giới hư không, với chư Phật Như Lai, với bất đồng không gian duy thứ, thông tin chúng ta phát đi, vì sao không phát thông tin thiện? Thân này khởi tâm động niệm là đài phóng xạ, đồng thời cũng tiếp nhận. Chẳng những có thể phóng đi, mà còn có thể tiếp nhận thông tin của biến pháp giới hư không giới. Chúng ta có năng lực tiếp nhận. Bởi tiếp nhận nhiều, nên đã làm phá hoại từ trường của chính mình, làm loạn hết.

Phương pháp giữ gìn từ trường của chính mình, đó chính là chính niệm. Niệm Phật A Di Đà thù thắng hơn bất cứ điều gì khác. Nếu công phu niệm Phật A Di Đà đắc lực, từ trường bất thiện trong mười phương thế giới, chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng. Từ trường thiện, chúng ta đều có thể tiếp nhận. Từ trường bất thiện, ta không bị ảnh hưởng. Đây chính là công phu của chư Phật, Bồ tát. Lý luận tu tập của đạo Phật, có thể dùng khoa học thời cận đại để chứng minh. Không hề giả tí nào.

Ở đây nói về oai thần gia hộ của chư Phật Bồ tát - tha lực minh gia. Việc này, khoa học ngày nay đã chứng minh rồi, nó không phải giả đâu. Thế giới hiện nay, người ta thường nói quả địa cầu bị bệnh, bị bệnh rất nặng, sợ nó sụp đổ mất. Nhiều người đưa ra câu hỏi làm thế nào để cứu quả địa cầu? Làm thế nào phục hồi lại nếp sống xã hội? Đây là vấn đề lớn chứ không phải vấn đề nhỏ đâu.

Ở phương Tây, nhiều tôn giáo dùng phương pháp cầu nguyện. Cầu nguyện - ý thức tập thể, có thể sinh ra một sức mạnh rất lớn. Sự việc này cũng được các nhà khoa học khẳng định. Họ chứng minh cho chúng ta thấy đây là sự thật chứ không phải giả.

Chúng ta thấy tôn giáo lớn nhất trên thế giới, thứ nhất là đạo Thiên Chúa. Tín đồ của họ trên thế giới, có khoảng gần 200 triệu người, đông như thế đó. Tôn giáo lớn thứ hai là

Hồi giáo, tín đồ của họ có khoảng 150 triệu người. Phật giáo trên toàn thế giới, có khoảng hơn 60 triệu người, chưa đến 70 triệu, xếp vào hàng thứ ba. Tín đồ của Hồi giáo, mỗi ngày cầu nguyện 5 lần.

Đầu tháng sáu, tôi đến tham vấn Phạm Đế Cương, giáo chủ của đạo Thiên Chúa. Họ phát động tín đồ trên toàn thế giới, hàng ngày cầu nguyện vì thế giới hòa bình. Việc này tốt đấy!

Trong đạo Phật chúng ta, tụng kinh bái sám, làm pháp hội, bao gồm cả tam thời hệ niệm của chúng ta, đều thuộc về hình thức cầu nguyện. Có hiệu quả chăng? Có hiệu quả! Tâm địa càng chân thành, thì hiệu quả càng lớn. Thật sự có thể hóa giải thiên tai. Thiên tai lớn hóa thành thiên tai nhỏ, thiên tai nhỏ hóa thành không còn thiên tai.

Vì vậy, những nhà dự ngôn trên thế giới nói, quả địa cầu của chúng ta sẽ có đại thiên tai. Điều này có chính xác chăng? Chúng tôi có thể nói rằng họ nói rất chính xác. Tương lai có xảy ra như những điều họ nói chăng? Không nhất định! Vì sao không nhất định? Bởi hết thảy pháp tùng tâm tướng sinh. Nếu tâm chúng ta hiện nay chỉ nghĩ về điều thiện, không nghĩ về điều ác, thì dự ngôn của họ sẽ không còn linh nghiệm nữa. Chẳng phải dự ngôn không linh nghiệm, mà chúng ta thay đổi nó. Phải hiểu đạo lý này.

Vận mệnh của một con người cũng như vậy, có thể thay đổi được vận mệnh. Thế mệnh cũng có thể thay đổi được.

Gia vận của quý vị cũng có thể thay đổi được. Chẳng có điều gì là không thay đổi được. Thay đổi từ đâu? Thay đổi từ tâm hành. Hiểu được đạo lý này rồi, sẽ thấy không khó thay đổi. Đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện là thay đổi rồi đó. Việc xấu sẽ biến thành việc tốt. Nếu không có nhiều người thiện tâm, thật sự cầu sám hối, thật sự đoạn ác tu thiện, thì kết quả sẽ giống như những nhà dự ngôn nói.

Nhưng chúng ta bình tâm quan sát, người có thiện tâm trên thế gian này không ít. Rất nhiều người biết được sự việc này nghiêm trọng. Mọi người đều thành tâm cầu sám hối. Việc tốt! Chúng tôi nhìn thấy vô cùng hoan hỷ.

Tôi qua lại với họ rất mật thiết . Chúng tôi cũng đề cập đến nền văn hóa truyền thống Trung Quốc, và những điều Phật pháp Đại thừa nói. Cầu nguyện là việc làm rất tốt, đáng được tán thán, nhưng nó là trị ngọn chứ không phải trị gốc. Vì sao? Nếu như 3 tháng, nửa năm ngừng không cầu nguyện nữa, phiền phức lại xuất hiện ngay. Bởi nó không trị gốc, chỉ trị ngọn thôi.

Trị gốc là gì? Trị gốc là giáo dục. Những điều cổ thánh tiên hiền dạy, hoàn toàn là trị gốc - “*Kiến quốc quan dân, giáo học vi tiên*”. Ngày xưa, đứa trẻ vừa chào đời, cha mẹ có trách nhiệm phải dạy nó. Đây là giáo dục.

Người xưa có câu: “*Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về*”. Quý vị cưới vợ về, bước vào cửa là phải

dạy cô ấy rồi, mới về mà. Dạy con cái phải dạy khi còn nhỏ, vừa chào đời là dạy rồi. Quý vị không được xem thường. Đứa trẻ chào đời, mở mắt ra nó đã thấy, lỗ tai biết nghe, nó bắt đầu bắt chước theo đấy. Vì thế, cha mẹ, người lớn ở trước mặt đứa trẻ, nhất cử nhất động đều phải có quy củ để đứa trẻ học được những điều hay. 1.000 ngày từ khi chào đời cho đến năm 3 tuổi, gọi là cội rễ giáo dục, quan trọng hơn bất cứ điều gì khác. Ngạn ngữ có câu: *“Ba tuổi xem tám mươi”*, có lý đấy! 1.000 ngày này, những điều thấy, những điều nghe, những điều tiếp xúc được đều là thiện. Những điều nó học được, đến năm 80 tuổi cũng không thay đổi. Cội rễ vững chắc.

Người thời nay không hiểu đạo lý này, nên đã bỏ qua. Không dạy cho đứa trẻ, cho nên trẻ con bây giờ rất khó dạy. Quý vị xem 1.000 ngày này là thời khắc quan trọng nhất. Bây giờ ai dạy nó? TV dạy nó. Ngày nào cũng xem TV, trên TV diễn gì? Bạo lực, sắc tình, sát đạo, dâm vọng. Nó học được hết. Quý vị phải làm sao đây? Đó chẳng phải là thiên tính, mà là tập tính. Người lớn đã bỏ qua.

Chúng ta học tập nền giáo dục của thánh hiền, tốt hơn được một chút, hàng ngày đọc sách thánh hiền. Tuy lúc nhỏ bị bỏ qua, bây giờ từ từ bù đắp lại, vẫn còn có thể quay đầu.

Chúng ta nghĩ đến, những người không có duyên tiếp nhận sự dạy dỗ của thánh hiền, họ trở nên tự tư tự lợi, khởi

tâm động niệm tổn người lợi mình. Những tư tưởng và hành vi sai lầm này, tuyệt đối không được trách họ, bởi họ không có lỗi. Nhân tố này vô cùng phức tạp. Nếu chúng ta trách họ, đó là hành vi vô đạo đức. Trong đạo Phật nói, chư Phật, Bồ tát thương xót họ, chứ không trách họ đâu. Các Ngài chỉ sinh lòng thương xót. Vì sao? Bởi họ tạo nghiệp này, tương lai họ sẽ phải chịu quả báo. Nghiệp nhân quả báo không ai trốn khỏi.

Muốn giúp người khác phải bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ bản thân mình. Trước, mình phải làm tốt, thì mới có thể ảnh hưởng đến người khác. Bản thân mình không làm tốt, mà đi khuyên người khác, thì người khác sẽ không tin.

Xã hội ngày nay, việc tốt nhiều trở ngại, người tốt khó làm. Làm người tốt thật sự nơi nào cũng bị trở ngại. Làm việc xấu có người giúp, có người đồng tình, làm việc tốt rất nhiều chướng ngại. Nhưng nhiều chướng ngại cũng phải làm. Tín tâm kiên cố. Sống một ngày làm một ngày. Làm vì ai? Vì để nâng cao cảnh giới của chính mình. Như thế là đúng! Đời này làm người, đời sau không bị đọa lạc xuống dưới mà hướng thượng vươn lên, như thế là đúng.

Thân tâm thanh tịnh, thân cận chư Phật, Bồ tát. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, phải thực hành những lời dạy của chư Phật, Bồ tát và thánh hiền. Thực hành trong cuộc sống, thực hành trong công việc, thực hành trong cách

đối nhân, xử thế, tiếp vật, thì “tha lực mình gia” sẽ gia hộ cho quý vị. Điều này không thể nghĩ bàn.

Yếu Giải vân: Nhược chấp trì danh hiệu, vị đoạn kiến tư, tùy kỳ hoặc tán hoặc định, ư đồng cư độ phân tam bối cửu phẩm (Sách *Yếu giải* nói: Nếu chấp trì danh hiệu, chưa đoạn Kiến tư, tùy họ tán tâm hay định mà ở Đồng Cư Độ, phân thành ba hạng chín phẩm).

Đây là lời dạy của Ngài Ngẫu Ích. Chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu niệm Phật. Chưa đoạn phiền não Kiến tư hoặc, khi niệm Phật hoặc tán niệm, hoặc là định niệm. Định là công phu sáng tối, công phu cố định. Tán là bình thường, có thời gian là niệm Phật, đây gọi là tán niệm. Nhưng chưa đoạn phiền não Kiến tư hoặc. Trong kinh *Hoa Nghiêm* gọi phiền não Kiến tư hoặc là chấp trước. Trong cuộc sống sinh hoạt, chúng ta đối với người, với việc, với vật, vẫn còn chấp trước. Chưa buông bỏ chấp trước, công phu niệm Phật như thế, vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, ở cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Tùy theo công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn, và chấp trước buông được nhiều hay ít, mà phân thành tam bối cửu phẩm.

Chúng ta hiểu được đạo lý này, nghiêm chỉnh thực hành, nâng cao chính mình, cái này là mang theo được. Quý vị nên biết, danh văn, lợi dưỡng của thế gian không mang theo được. Giàu có bao nhiêu, khi chết cũng chẳng mang theo được đồng

nào, địa vị cao cũng không mang theo được, người thân của mình cũng không mang theo được. Người xưa có câu: *“Mọi thứ mang không được, chỉ có nghiệp theo mình”*. Công phu niệm Phật của chúng ta có thể mang theo được, nó giúp cho chúng ta nâng cao phẩm vị ở thế giới Cực Lạc. Cái mang theo được chúng ta làm nhiều một chút, nghiêm chỉnh làm. Những thứ không mang theo được thì đừng làm.

Mấy hôm nay, tôi đi tham vấn ở Indonesia, tham dự luận đàm thế giới tôn giáo hòa bình. Tôi báo cáo với mọi người, và cùng khuyên mọi người nhất định phải làm thật sự.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã làm bậc mô phạm cho chúng ta. Ở Indonesia, tôi có gặp một số vị xuất gia của đạo Phật. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp. Điều này quý vị phải nên biết.

Khi đức Phật còn tại thế, ngày nào Ngài cũng giảng kinh thuyết pháp, nhưng không có sách. Điều này quý vị đều biết mà. Kinh điển từ đâu mà có? Sau khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhập Niết bàn, học trò của Ngài tập hợp lại, trong ký ức của mỗi người, nhớ lại và viết ra những điều đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế giảng dạy, lưu lại, gọi đó là kinh điển. Một đời đức Phật dạy chúng ta những gì? Kinh điển ngày nay chính là lời dạy của Ngài. Vì thế, không phải bảo quý vị đọc kinh, mà dạy quý vị sống như thế nào, làm người như thế nào, làm việc như thế nào. Ngài dạy quý vị những điều

này, chứ không bảo quý vị nghiên cứu nó, chẳng có gì để nghiên cứu cả.

Khi đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài xuất thân từ bậc vương tử, nếu không xuất gia Ngài sẽ làm quốc vương. Ngài xả bỏ vương vị, theo công việc giảng dạy. Khi đức Thế Tôn còn tại thế, chức vụ của Ngài là thầy giáo, suốt đời dạy học. Năm 30 tuổi khai ngộ, Ngài bắt đầu dạy học. Năm 79 tuổi, Ngài nhập Niết bàn, dạy học suốt 49 năm. Thời đó không ghi chép lại, đức Phật không soạn bài giảng, cũng không ghi chép, học trò cũng không ghi chép.

Tôn giả A Nan kiết tập kinh tạng. Tôn giả A Nan là vị thị giả của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, hàng ngày theo hầu bên đức Phật. Vì vậy, hết thầy kinh điển đức Phật giảng, Ngài đều được nghe. Ngài có trí nhớ rất tốt, nghe qua một lần là không bao giờ quên. Do đó, kiết tập kinh tạng để lưu truyền cho đời sau, tôn giả A Nan đã phụ trách việc này. Ngài giảng lại, mọi người cùng nghe, nghe rồi không ai phản đối gì thì ghi chép lại. Có một người phản đối, thì câu đó được bỏ đi. Những điều đó, đã làm niềm tin cho đời sau.

Kinh điển ngày nay chúng ta thấy, là những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế. Ngài dạy cho mọi người, đó chính là tài liệu giảng dạy. Chúng ta nương vào kinh điển học tập là đúng, nương vào kinh điển tu tập, thì sẽ không khác gì khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế!

Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni không xây dựng một đạo tràng nào. Ngài nhập Niết bàn ở trong rừng, chứ không phải ở trong nhà. Vì sao? Ngài muốn xây dựng đạo tràng cũng chẳng khó khăn, vì dòng họ Ngài là đế vương nên có đủ điều kiện. Xây dựng đạo tràng với Ngài chẳng phải là việc dễ dàng sao? Trong khoảng thời gian Ngài dạy học, Ấn Độ bấy giờ có 16 đại quốc vương, họ đều là học trò của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học vô cùng hoạt bát, Ngài không hề cố chấp. Một số quốc vương đại thần, họ có biệt thự, có hoa viên. Họ mời đức Phật dẫn theo đệ tử Ngài đến để cúng dường. Những người này phát tâm cúng dường, đức Phật tiếp nhận.

Bộ kinh này được giảng ở rừng Kỳ Đà, vườn Cấp Cô Độc, là do Thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Tu Đạt Đa, là vị đại phú trưởng giả phát tâm cúng dường. Hai vị đó cúng dường khu vườn này, đức Phật đã tiếp nhận. Tiếp nhận ở đây như lời người thời nay nói, đức Phật tiếp nhận quyền sử dụng, chứ không tiếp nhận quyền sở hữu. Quý vị nói con có khu vườn này cúng dường cho Phật, Phật sẽ không nhận đâu. Đức Phật có thể ở đó mấy năm, ở đó dạy học mấy năm, sau đó Ngài ra đi, vật trả lại chủ, trả lại cho quý vị. Vì sao? Bởi không tranh chấp. Chỉ cần có tài sản sẽ khiến cho con người khởi ác niệm. Họ muốn chiếm lấy, muốn khống chế số tài sản này. Đó là tạo nghiệp tội. Sao đức Phật có thể khiến cho người

khác tạo nghiệp được? Do đó, một đời đức Phật không cần tài sản, Ngài không có gì hết. Ngài ở đâu? Ở dưới gốc cây. Ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây. Ngài đã sống một đời như thế. Không tranh với người, không tranh với đời. Tự tại biết bao!

Ngài làm bậc mô phạm cho chúng ta, là điển hình viên mãn nhất, là tấm gương hay nhất. Phải như thế, chúng ta mới thật sự học được cái hay của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nếu như có tài sản, sẽ không học được gì, sẽ học sai lệch, chắc chắn tạo nghiệp.

Phật giáo truyền vào Trung Quốc, đạo tràng ở Trung Quốc do ai xây dựng? Đầu tiên là do đế vương xây dựng, tài sản này thuộc về quốc gia, chứ không thuộc về tư nhân. Sau này, đại phú trưởng giả hộ trì Phật pháp, họ xây dựng tự viện am đường, gọi là thập phương đạo tràng, chứ không phải của riêng ai. Họ cúng dường cho người xuất gia có nơi tu học để thành tựu đạo nghiệp, gọi là thập phương tông lâm.

Người xuất gia không có của riêng. Ngày nay, bị biến chất rồi. Người xuất gia thời nay, ra khỏi nhà mình, vào căn nhà khác. Căn nhà này còn lớn hơn nhà của mình nữa. Trong môi trường như vậy, làm sao tu tâm thanh tịnh? Làm sao tu tâm bình đẳng?

Tôi từ La Mã trở về, thấy được một hiện tượng, đây cũng là sự thật, chân tướng sự thật trước mắt. Trên thế giới,

người tín ngưỡng tôn giáo càng ngày càng ít. Người không tín ngưỡng tôn giáo ngày càng đông. Tôi suy nghĩ, nếu cứ tiếp tục như thế, 30 năm sau, trên thế gian này còn tôn giáo hay không? Người trẻ không tin, người trẻ họ tin khoa học, họ nói tôn giáo là mê tín. Có đúng là như vậy chăng? Đúng là như vậy, tôn giáo đúng là mê tín. Chẳng phải bản thân tôn giáo mê tín, mà hiện nay những người chịu trách nhiệm về tôn giáo mê tín. Nếu nó mê tín, thì làm sao có thể truyền đến ngày nay?

Quý vị xem kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng. Năm xưa, ngày nào Ngài cũng giảng, chẳng lẽ là mê tín sao? Người mê tín có thể nói được đạo lý hay như vậy sao? Điều này đã cho tôi sự nhắc nhở rất lớn. Nếu tôn giáo không trở về với việc giáo dục, thì khoảng 30 năm nữa tôn giáo sẽ không còn.

Tôi đến Indonesia tham dự hội nghị lần này, chủ yếu tôi nói về một vấn đề “giáo dục tôn giáo cứu quả địa cầu”. Tôi đã nói về chuyên đề này. Hy vọng tôn giáo có thể giống như những người khai sáng ra nó. Những người đó nếu dùng cách nói ngày nay, thì phải gọi họ là nhà giáo dục xã hội.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy học suốt 49 năm. Mô-ha-mét dạy học 27 năm. Chúa Giê-su dạy học 3 năm, bị người ta hại chết. Quý vị nghĩ xem, ai trong số họ là người không dạy học? Kinh điển đều do những vị này giảng dạy khi đó,

cho nên người ngưỡng mộ nhiều, người theo đuổi nhiều, người theo học với họ cũng nhiều. Đời đời kiếp kiếp truyền đến ngày nay.

Ngày nay, chúng ta cầm cuốn kinh biết đọc, chứ không biết giảng. Không hiểu ý nghĩa của kinh, đó chính là mê tín. Không đem đạo lý trong kinh, biến thành tư duy chính xác của chính mình - chính tri chính kiến. Không lấy những lời dạy trong kinh, để sửa đổi hành vi sai lầm của chúng ta. Việc này không liên quan gì đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni và Chúa Giê-su, cũng không liên quan đến kinh điển được lưu truyền lại. Chính bản thân chúng ta đã làm sai. Do bản thân tông giáo đồ chúng ta, nhất là những người làm công việc truyền giáo, chúng ta đã làm sai.

Nhất là danh văn, lợi dưỡng thời nay, điều này thật đáng sợ! Trong tôn giáo tranh danh đoạt lợi, những hành vi này không thua gì người thế gian. Người thế gian nói, chỉ có hơn chứ không có kém. Tôn giáo như thế còn có thể tồn tại được chăng?

Vì thế, lần này tôi đặc biệt nhắc nhở mọi người, trở về với việc giáo dục, mỗi tôn giáo đều là nhà giáo dục xã hội. Giáo dục tôn giáo dạy điều gì? Dạy luân lý, đạo đức, nhân quả. Đúng lúc giáo dục xã hội hiện nay thiếu những điều này. Giáo dục tôn giáo bù đắp lại, thì xã hội này có thể phục hồi trở lại an định, thế giới phục hồi hòa bình. Đó là tôn giáo

cống hiến cho xã hội. Ngoài việc này ra, tôn giáo đối với xã hội, đối với nhân loại có lợi ích gì?

Hàng ngày bảo mọi người cầu nguyện, việc cầu nguyện người thường không biết, họ cho rằng đó là hành vi mê tín. Cũng may, khoa học ngày nay đã chứng minh việc cầu nguyện thật sự có lợi ích, họ đã chứng minh cho ta thấy. Nhưng đại đa số con người vẫn chưa tin. Nhất định phải dạy học, phải phục hồi nền giáo dục, giáo dục tôn giáo. Những năm gần đây, chúng tôi làm việc giáo dục tôn giáo.

Tôi xuất gia, rất may mắn được Chương Gia Đại sư hướng dẫn, học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Suốt đời, tôi đi theo con đường này, học tập theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Năm 30 tuổi, Ngài bắt đầu giảng dạy. Còn tôi, 33 tuổi xuất gia, vừa xuất gia là đi dạy ở Phật học viện, bắt đầu giảng kinh. Giảng đến nay là 52 năm rồi. Học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni, không có đạo tràng, hai bàn tay trắng.

Đạo tràng nhỏ này, do một số cư sĩ ở HongKong, phát tâm xây dựng, do hội quản trị quản lý. Khi chúng tôi ở HongKong thì mượn nơi này làm chỗ giảng kinh. Tôi ở Bào Mã Địa, do lão cư sĩ Trần, cũng là người ở đây phát tâm. Đạo tràng 11 tầng này do ông ấy mua và cúng dường. Tôi ở phòng của ông ấy. Ông ấy cho tôi mượn, tôi có quyền sử dụng, ông ấy có quyền sở hữu. Tôi không ở nữa, thì trả lại cho ông ấy, rất tự tại.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni có trí tuệ, chúng ta học với Ngài cũng là hưởng phúc rồi. Tôi ở phòng của ông ấy, ông đưa cho tôi chiếc chìa khóa. Hết thấy mọi chi phí đều do ông quản lý, tôi không phải lo. Tôi cũng không biết mỗi tháng chi tiêu hết bao nhiêu tiền điện nước, tôi không biết gì hết. Tốt! Đi ra khóa cửa, khi về mở cửa, quý vị nghĩ xem tự tại biết bao!

Nếu ông ấy tặng cho tôi căn nhà này, tôi có nhận không? Không! Vì sao? Mệt lắm! Có nhà rồi có cần chi tiêu chẳng? Phiền phức biết bao! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni tối ngủ dưới gốc cây. Sáng suốt cực kỳ!

Vì thế, nhất định không được lụy vào thế duyên. Như thế là sai lầm. Phải nhảy ra khỏi hầm lửa này. Bản thân mình phải nhảy ra khỏi, không bị nó làm phiền. Tâm chúng ta an định ở kinh giáo. Hàng ngày học tập, hàng ngày chia sẻ cùng các bạn học. Điều này, năm xưa thầy Phương Đông Mỹ có nói với tôi, là sự hưởng thụ tối cao của con người.

Khả kiến chúng sinh đản năng tín nguyện trì danh, quyết khả vãng sinh bỉ quốc phàm thánh đồng cư độ, thật bất đãi trì chí sự nhất tâm bất loạn, hoặc lý nhất tâm bất loạn (Có thể thấy, chúng sinh hễ có thể tín nguyện trì danh, quyết định được vãng sinh Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Ở cõi kia, thật sự không đợi trì đến sự hoặc lý Nhất tâm bất loạn).

Mấy câu này rất quan trọng. Sự Nhất tâm bất loạn, nghĩa là đoạn được Kiến Tư phiền não. Lý Nhất tâm bất loạn là

đoạn được Vô minh phiền não. Không dễ dàng đâu. Chỉ cần chúng ta đạt đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Những điều chúng ta làm ngày nay, chắc chắn có thể đạt được tín nguyện trì danh. Chúng ta thật tin, thật sự phát nguyện cầu sinh về thế giới Cực Lạc, chắc chắn được vãng sinh.

Trì danh pháp môn diệu dụng, hòa bàn thác xuất, túc chứng hội bản thật đại hữu công ư thánh giáo dã (Diệu dụng của pháp môn Trì danh được đưa ra hết, đủ chứng tỏ Hội bản có công lớn đối với Thánh giáo vậy).

Thánh giáo là lời chỉ dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Hội bản có 2 hội bản. Cư sĩ Hạ Liên Cư đã cống hiến cho chúng ta rất lớn. Hội bản của Tiểu bản và hội bản của Đại bản kinh *Vô Lượng Thọ*. Chúng ta nương vào 2 bản này để học tập, tu hành. Tu hành nghĩa là sửa đổi quan niệm sai lầm của chúng ta, sửa đổi ngôn ngữ, hành vi sai lầm của chúng ta, thì đời này chắc chắn chúng ta được vãng sinh.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH

GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 72



Giảng ngày 07 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
***Chuyển ngữ:* Nguyễn Thanh**
***Biên tập:* Bình Minh**



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống.
Mời quý vị xem “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”,
2 dòng cuối cùng trang 62.

Ất, Đồng loại, phàm xương đạo ức niệm Di Đà nguyện sinh Cực Lạc chi kinh điển quân thuộc đồng loại, kỳ trung diệc hữu thân sơ, dĩ trì danh niệm Phật vi thân, kỳ tha vi sơ (Hai, Nói về đồng loại: Phàm các kinh điển nào hướng dẫn việc nhớ niệm Di Đà nguyện sinh Cực Lạc, đều thuộc là đồng loại. Trong đó cũng có thân, sơ. Lấy Trì danh Niệm Phật là thân, còn các tu tập khác là sơ).

Trước nói rõ, cùng một bản kinh ngoài đồng bộ ra còn có đồng loại. Dưới đây Hoàng lão cư sĩ nêu ra cho chúng ta thấy.

Đồng loại:

Một là *Phật thuyết quán Vô Lượng Thọ Kinh*, cùng với hai kinh *Đại bản*, *Tiểu bản* ở trên gọi chung là *Tịnh độ Tam Kinh*.

Nãi Tịnh Tông cơ bản kinh điển cụ đàm thập lục diệu môn (Chính là kinh điển cơ bản của Tịnh tông nói đầy đủ 16 diệu môn), tức là 16 pháp quán.

Khuyến đạo quán tưởng niệm Phật dĩ trì danh niệm Phật (Khuyên tu Quán tưởng Niệm Phật và Trì danh Niệm Phật). ‘*Thập Lục Quán kinh*’ là một bộ kinh quan trọng nhất của Tịnh Độ tông, chúng ta có thể nhận định như vậy. *Đại thừa*

Vô Lượng Thọ Kinh là khái luận Tịnh Độ tông, từ các phương diện đến giới thiệu pháp môn này. Kinh *A Di Đà* tiểu bản, rất tiện để thọ trì, cho nên hơn một ngàn năm nay, người tu Tịnh độ đều đem bản kinh này làm thành khóa tụng buổi sáng và tối, vô cùng giản đơn, đây là từ bi vô lượng của đức Thế Tôn, đích thực cho chúng ta một pháp môn, một phương pháp rất dễ tu học.

‘*Thập Lục Quán kinh*’ tức là *Vô Lượng Thọ Phật Kinh*, trong kinh giảng về 16 pháp quán, trong đó có Quán tưởng Niệm Phật, có Quán tượng Niệm Phật, có Trì danh Niệm Phật. Cuối cùng, quán thứ 16 là Trì danh Niệm Phật, càng ở sau cùng, pháp môn này càng quan trọng. Thời xưa, Trung Quốc và Ấn Độ đều có quan điểm này, cái tốt nhất, cái thù thắng nhất là đặt ở sau cùng. Trong biểu diễn văn nghệ như tuồng hát, vở kịch hay nhất thường xếp ở sau cùng, khiến khán giả càng xem càng có hứng thú. Nếu như vở kịch hay nhất diễn trước, xem xong rồi, vở sau không bằng vở trước thì mọi người không xem mà bỏ đi. Cái hay nhất nên xếp ở sau cùng.

Vậy chúng ta hiểu rằng trong 16 quán, đem Trì danh Niệm Phật xếp ở sau cùng, như thế biết được phương pháp tu học của Tịnh Độ tông, trên thực tế Trì danh thù thắng hơn Quán tưởng và Quán tượng. Vì sao vậy? Những kinh này trước đây tôi đã giảng qua rồi. Khi tôi học *Quán Kinh*, đã từng hỏi thầy Lý, hỏi ông ấy về Quán tưởng, Quán tượng trong 16 quán, còn Thật tướng Niệm Phật thì chưa đề cập đến.

Quán tưởng có 14 loại. Trí Giả Đại sư đời nhà Đường tu Quán tưởng Niệm Phật mà được vãng sinh, cho nên pháp môn này cũng được truyền đến Hàn Quốc và Nhật Bản. Ở Trung Quốc, tu pháp môn Quán tưởng không nhiều, tôi hỏi thầy tại sao như vậy? Thầy nói với tôi rằng, vì Quán tưởng không dễ thành tựu! Ví dụ quán thứ nhất, quán tưởng mặt trời, cái gì gọi là thành tựu? Quý vị mở mắt nhìn buổi hoàng hôn mặt trời xuống núi, vậy thì mặt trời ở trước mặt quý vị, quý vị thật sự nhìn thấy được. Khi nhắm mắt lại, cảnh tượng này cũng ở trước mặt quý vị, thử xem đến lúc nào quý vị mới quán thành được? Thật sự quán thành rồi vãng sinh đến thế giới Cực Lạc Tây Phương, thì phải đem các thứ này bỏ đi. Không đem nó bỏ đi, thì ta chấp tướng rồi. “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, quý vị phải bỏ nó đi. Bỏ các thứ này đi thành tựu hơn quán tưởng, khỏi phải mất công, khỏi phải khó khăn.

Thầy nói, niệm Phật tốt, niệm Phật chỉ cần một câu danh hiệu, muốn buông bỏ thì rất đơn giản. Buông bỏ dễ hơn quán tưởng nhiều. Thiết nghĩ cũng có lý, cho nên cần ghi nhớ, câu nói này trong kinh là nguyên tắc chung, cương lĩnh chung: *Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*.

Tại sao bảo ta phải tu quán? Nghĩa là bảo ta phải đem các tạp niệm khác trừ bỏ đi, giống như chúng ta Nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm này mới có thể vãng sinh, nhưng không phải nói là Nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn đương nhiên là

phẩm vị cao rồi. Sự Nhất tâm bất loạn sinh Phương Tiện Độ, Lý Nhất tâm bất loạn sinh Thật Báo Độ. Chúng ta ngày nay là người mới học đạo, có thể sinh Phàm Thánh Đồng Cư Độ đã là thành công rồi. Vì thế, trong *Yếu Giải*, Đại sư Ngẫu Ích khuyên chúng ta, qua bản thân mình: Tôi một đời cầu sinh Tịnh độ chỉ hi vọng được vãng sinh Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm, thì tôi đã rất hài lòng rồi. Đây là Ngài thị hiện cho chúng ta xem, vãng sinh Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm không khó. Đại sư Thiệu Đạo nói “vạn tu vạn nhân khứ”, một người cũng không sót lại.

Pháp Niệm như thế nào? Vẫn là cần Nhất tâm xưng niệm. Điều này cũng rất quan trọng, tức là khi niệm Phật không để vọng tưởng xen lẫn, không thể có vọng niệm. Đây gọi là nhất tâm. Khi đạt được nhất tâm, không nghi ngờ, không xen lẫn, gọi là nhất tâm. Vì thế, thật sự muốn cầu sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta nhất định phải biết thế giới này. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật A Di Đà khuyên chúng ta, hết thấy chư Phật trong mười phương ba đời đều dạy khẩu đồng âm khuyên chúng ta, nếu không phải hết sức thù thắng, thì Phật có khuyên chúng ta không? Cơ hội khó gặp! Chúng sinh ngu si cho rằng pháp môn này đơn giản, đại khái không cao siêu lắm, cần cầu pháp môn khác, cho rằng pháp môn khác cao siêu hơn pháp môn này, vậy là sai rồi. Càng thù thắng càng đơn giản, cổ kim trong ngoài đều không ngoại lệ. Đơn giản nhất là tối thắng nhất.

Ở trước, trong phần khái yếu, tôi đã giảng tường tận rồi. Trì danh niệm Phật là xứng tính khởi tu. Lấy quả địa giác của Như Lai làm nhân địa tâm của chúng ta. Nhân quả không hai, điều này quá thù thắng. Chúng ta nhất tâm hướng đến, thì có thể buông bỏ thế gian. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, như người xưa đã nói, đây là mùi vị của thế gian, thông thường mọi người tham luyến, vị thế gian không đậm bằng vị pháp! Đậm nhất trong vị pháp là trì danh niệm Phật. Tại sao quý vị niệm không được? Trì danh mà không thưởng thức được mùi vị của pháp, vì thế quý vị thoái tâm. Tại sao không thưởng thức được mùi vị của pháp? Vì khi niệm Phật có nghi ngờ có xen tạp, nghi ngờ pháp môn này có phải là thù thắng nhất hay không? Pháp môn này có thật hay không? Tôi có thật được vãng sinh không? Thật có thế giới Cực Lạc không? Do nghi ngờ, hoài nghi.

Điều thứ hai là tham luyến danh văn, lợi dưỡng của thế gian không bỏ được. Vì thế, quý vị siêng năng niệm Phật. Nếu niệm bao nhiêu năm mà không đạt được pháp hỷ, mà không nếm được pháp vị, thì nguyên nhân ở chỗ này.

Đề kinh của “*Vô Lượng Thọ Kinh*” rất hay, nửa đoạn trên là nói về quả báo, nửa đoạn dưới nói về tu nhân. Ta tu như thế nào? Tu nhân nói đến 5 từ “Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”. Người học Phật chúng ta tu gì? Tu thanh tịnh tâm. Dùng phương pháp nào? 84.000 pháp môn đều là tu thanh tịnh tâm, đều là tu bình đẳng tâm, đều là tu giác. Đạt được thanh

tịnh tâm, thì quý vị chứng được quả vị A La Hán. Đạt được bình đẳng tâm là thành Bồ tát rồi. Đại triệt đại ngộ, đó tức là giác, nghĩa là đã thành Phật.

Quý vị tu nhân, quả báo đạt được là gì? Đại thừa. Đại thừa là trí tuệ. *“Hoa Nghiêm Kinh”* nói: *‘Hết thấy chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai’*. Đại thừa là trí tuệ, vô lượng thọ là đức, trang nghiêm là tướng, ta hoàn toàn đạt được. Đạt được thanh tịnh tâm, vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc là ở Phương Tiện Hữu Dư Độ. Thanh tịnh tâm không dễ gì đạt được. Đạt được bình đẳng tâm, thì phá được một màn vô minh, chứng được một phần pháp thân, sinh về thế giới Cực Lạc Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trong *Hoa Nghiêm Kinh*, Bồ tát Sơ Trụ trở lên, pháp thân đại sĩ, giống như thành Phật rồi. Điều này khó, đây đều cần phải niệm đến Nhất tâm bất loạn.

Sự thù thắng nhất của Tịnh Độ tông là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, vô cùng thù thắng. Nếu chúng ta thật sự muốn cầu vãng sinh đến Phàm Thánh Đồng Cư Độ, thì mỗi người quyết định đều có thể đạt được, thù thắng nhất là chỗ này.

Thế giới Cực Lạc và các thế giới khác không giống nhau, thật giống *Hoa Nghiêm Kinh* nói *“Một tức hết thấy, hết thấy tức một”*, sinh đến Đồng Cư Độ đồng thời cũng giống như sinh đến Phương Tiện Độ và Thật Báo Độ. Vì sao? Vì ở nơi ấy không có không gian duy thứ, không giống các quốc độ của

chư Phật khác. Các quốc độ của của chư Phật khác thực sự có không gian duy thứ. Không đồng không gian duy thứ, thì quý vị nhìn không thấy, thế giới Cực Lạc không có. Vì thế, mặc dù chúng ta sinh đến Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ tát Quan Âm và Bồ tát Thế Chí, ta cũng có thể nhìn thấy Bồ tát Văn Thù và Bồ tát Phổ Hiền. Các vị ấy ở đâu? Họ ở Thật Báo Độ.

Các vị đại Bồ tát này ở Thật Báo Độ cùng với Phàm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm, cũng luôn luôn ở chung một chỗ, nhân duyên này khó có được lắm! Ta thường thân cận các Ngài, thường nghe các Ngài dạy bảo thì tiến bộ rất nhanh, sẽ không thối lui, không có nguyên nhân thối lui, chỉ có hướng lên cao thêm mà thôi. Chư Phật Như Lai là thầy giáo, chư đại Bồ tát là học trò, quý vị đi đâu tìm cho ra môi trường tu học như thế này được?

Sinh đến thế giới Cực Lạc quyết định một đời thành Phật, thọ mạng dài - vô lượng thọ, quý vị nghĩ xem nhân duyên này thù thắng quá. Không gặp được là không có phương pháp. Sau khi gặp rồi mà ta còn luyến tiếc thế gian này, thì sai rồi. Ở thế gian này chỉ cần một việc không buông bỏ thôi, thì cơ duyên một đời này luống qua vô ích. Vì thế, chúng ta phải triệt để buông xả, một mảy may cũng không luyến tiếc.

Chúng ta sống ở thế gian này, điều quan trọng nhất là cầu được vãng sinh, trước khi chết, thân thể vẫn chỗ này. Cần

học Bồ tát, cố gắng, cố gắng khuyên bảo người khác. Phật độ người có duyên. Quý vị khuyên người, họ chịu tin tưởng, chịu phát nguyện, thì người này được độ rồi, quý vị đã giúp họ thành Phật. Quý vị đã thành tựu cũng giúp được người khác thành tựu. Quý vị giúp người khác càng nhiều càng tốt. Bồ tát Đại Từ dạy chúng ta rằng: Ta có thể thật sự khuyên được hai người vãng sinh, mạnh hơn tự mình niệm Phật. Nếu quý vị có thể khuyên 10 người, 20 người, quý vị đến thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà cần lời nói của người nhân gian chúng ta, nhất định khen ngợi quý vị. Mang theo càng nhiều càng tốt, đây là trong kinh Phật nói không giả chút nào.

Ngoài việc tự mình niệm Phật cầu vãng sinh ra, hãy cố gắng giúp người khác, khuyên bảo người khác, khuyên như thế nào? Phải hiện thân thuyết pháp, khi chết không bệnh hoạn, biết trước giờ chết, không bị đau đớn, mình vãng sinh như vậy, mọi người nhìn thấy như vậy.

Hồi trẻ, trước khi tôi còn chưa đến Đài Loan, Ở Hong Kong, mẫu thân của Hà Thế Lễ, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Phụ thân tước sĩ Hà Đông ở Hong Kong rất có địa vị, toàn bộ gia đình họ là tín đồ Cơ Đốc giáo thuần thành, nhưng dẫu sao họ còn chịu ảnh hưởng nền văn hóa truyền thống xưa, cho nên đối với mẫu thân rất hiếu thảo. Trong nhà có lập bàn Phật, người nào tu người đó. Người mẹ hằng ngày niệm Phật, họ thì ngày chủ nhật đến giáo đường. Gia đình này rất hòa thuận, có sự giáo dục của truyền thống xưa, khiến họ

sống với nhau hòa thuận vui vẻ. Khi người mẹ qua đời, liền mở một đại hội vãng sinh. Bà lão biết trước giờ chết. Khi chết, bà chết trong tư thế ngồi, báo cho giới báo chí Hong Kong những tin tức này. Ngày bà chết, ai cũng đến xem, thật đã chết rồi, cho nên các đài phát thanh đều phát tin.

Thời đó chưa có TV như bây giờ, đó là hơn 30 năm về trước. Bà ấy chết đi, cả gia đình Hà Thế Lễ niệm Phật. Quý vị thấy đó, không cần nói năng biểu diễn cho họ xem, quý vị thấy đây là thật chứ không phải giả. Sau đó, họ đem nhà cửa của mình hiến dâng, tức là Đông Liên Giác Uyển ngày nay. Đông Liên Giác Uyển là nhà của tước sĩ Hà Đông hiến cúng làm đạo tràng Phật giáo. Cả đời bà lão không giảng kinh thuyết pháp, nhưng lần biểu diễn này độ được nhiều người, vì đã giúp cho nhiều người niệm Phật nhìn thấy sinh khởi lòng tin, không giả chút nào. Giống như loại phương pháp này, tự mình thành tựu cũng thành tựu người khác, đâu đâu cũng như vậy.

Đây là khoảng hơn 40 năm trước, tôi dạy học ở Phật Quang Sơn. Ở đó có một công nhân, công trình của họ là kết thúc trong một năm không gián đoạn. Công nhân này làm việc ở Phật Quang Sơn là người bản xứ. Một hôm buổi tối, chúng tôi dẫn theo mấy học trò, ánh trăng rất đẹp, chúng tôi ngồi trên bãi cỏ thảo luận Phật pháp. Người công nhân này đến chỗ chúng tôi, cũng đến nghe pháp. Nghe một lúc, anh ta nói với chúng tôi, khuyên chúng tôi niệm Phật. Anh

ta nói niệm Phật là thật, không giả chút nào. Anh ta đã tận mắt nhìn thấy láng giềng của anh ta, là một bà lão niệm Phật 3 năm, vãng sinh trong tư thế đứng. Bà lão rất từ bi, có lòng quan tâm, vui vẻ giúp đỡ người khác, bà ấy không đi học, không biết chữ, bà lạy Phật, lạy Bồ tát, cũng lạy thần, bà lạy hết cả, thường thường đi miếu hội. 3 năm trước, bà cưới về đưa con dâu. Người con dâu này có hiểu đôi chút Phật pháp, liền khuyên mẹ chồng chuyên tâm niệm A Di Đà Phật, không cần đi đâu lễ lạy cả. Bà mẹ chồng có thiện căn, nên nghe theo lời khuyên của con dâu, liền thiết lập bàn Phật ở trong nhà, mỗi ngày đều niệm A Di Đà Phật. Niệm “A Di Đà Phật”, không tham gia các miếu hội nữa, chuyên tu Tịnh độ 3 năm.

Bà mất vào buổi tối. Khi ăn cơm, bà lão nói với những trong nhà rằng, các con ăn cơm trước, đừng đợi mẹ nghe, rồi bà đi tắm. Bà thật sự đã đi tắm, nhưng con trai và con dâu rất hiếu thuận nên vẫn đợi bà. Đợi rất lâu mà không thấy bà ra, liền đi vào xem sao. Thấy mẹ đã tắm xong rồi, gọi thì không nghe tiếng trả lời nên đi tìm bà. Cuối cùng, thấy bà đứng trước bàn Phật, mặc áo tràng ngay ngắn, trên tay cầm tràng hạt, mặt đối trước tượng Phật, gọi bà không trả lời liền đến bên cạnh nhìn kỹ, bà đã mất. Người công nhân này nói với chúng tôi là tận mắt nhìn thấy, không chút giả dối, khuyên chúng tôi phải niệm Phật, phải cầu sinh Tịnh độ.

Ở Đài Nam, người ở làng Tướng Quân, bây giờ chúng tôi nhắc đến sự việc này, vẫn còn rất nhiều người biết, còn

nhớ rất rõ ràng. Vì thế, tự mình làm là cảm hóa người khác, quyết định không để bỏ lỡ cơ hội. Trì danh niệm Phật là quán thứ 16 trong kinh *Thập Lục Quán*, khuyên chúng ta Trì danh niệm Phật, cho nên thù thắng hơn Quán tướng và Quán tượng niệm Phật. Dễ dàng mà vẫn thù thắng.

A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Vương Đà La Ni kinh, khuyên *đạo trì danh* (Hai là, kinh *A Di Đà Phật Cổ Âm Thanh Đà La Ni* khuyên nên trì danh). Trong kinh này cũng dạy người trì chú. Chú này là *Chú Vãng sinh*. Lúc trẻ, tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có một cư sĩ, tuổi trẻ đã học Phật. Lúc đó, tôi ra giảng kinh là khoảng trên 30 chưa đến 40 tuổi. Cư sĩ này khoảng hơn 15 tuổi. Cậu ta nhìn thấy trong kinh giảng đọc đủ 300.000 biến chú vãng sinh là có thể thấy được Phật A Di Đà. Cậu ta làm thật.

Mất một khoảng thời gian rất dài, đọc đủ 300.000 biến, cậu ta đến nói với tôi rằng, Pháp sư Tịnh Không, trong kinh nói đọc 300.000 biến thì có thể nhìn thấy Phật A Di Đà, tôi đọc đủ 300.000 biến rồi, sao vẫn chưa thấy Phật?

Cậu ta đã khởi sinh vấn đề, phương pháp đọc 300.000 biến như thế nào. Điểm này quý vị phải chú ý, niệm Phật, đọc chú, đọc kinh đều là một tiêu chuẩn.

Bồ tát Đại Thế Chí nói “*Đều nhiếp sáu căn, tịnh niệm nối nhau*”, đây gọi là niệm Phật. Ta niệm 300.000 biến *Chú Vãng sinh*, khi niệm chú vẫn còn vọng tưởng, còn nghĩ xem có linh

hay không linh. Như vậy là có vấn đề rồi, làm hỏng hết công phu niệm chú của quý vị rồi, cho nên người xưa nói: Đọc kinh không bằng đọc chú. Đọc chú không bằng niệm Phật. Vì sao? Càng đơn giản càng dễ nhiếp tâm. Kinh văn rất dài, niệm một biến từ đầu đến cuối có thể không khởi vọng niệm được không? Thật sự không khởi vọng niệm mới gọi là công phu. Trong khi đọc bộ kinh này có rất nhiều tạp niệm trong đó, làm hỏng hết công đức của quý vị, không phải hoàn toàn không có giảm từ từ, cho nên lời chú ngắn, dễ dàng nhiếp tâm, nhưng danh hiệu Phật ngắn nhất, chỉ 4 từ A Di Đà Phật. Hy vọng trong 4 từ này không có tạp niệm, cái này dễ hơn *Chú Vãng sinh* nhiều. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, nhất định phải yêu cầu chính mình, thời khóa sáng chiều cũng tốt, ngày thường tán niệm cũng cần chú ý không xen tạp, phải chú ý điều này.

Khi suy nghĩ vấn đề gì nên dừng niệm Phật. Sau khi suy nghĩ xong rồi, thì niệm danh hiệu Phật trở lại. Không thể vừa niệm Phật vừa nghĩ đến sự việc, vừa niệm Phật vừa làm việc. Nếu công việc đó không cần trí óc thì được, không trở ngại gì, nếu phải suy nghĩ thì ảnh hưởng đến việc niệm Phật, điều này chẳng thể không biết được.

Tuyệt đối không được nói: pháp môn có vấn đề, kinh chú có vấn đề. Cái đó không có vấn đề, mà là chính chúng ta dụng tâm không đúng. Vấn đề phát sinh là ở chỗ này. Đây là nói đến trì chú, trên thực tế người xưa nói rất hay, 4 từ A Di

Đà Phật này là tiếng Phạn, không có dịch ra, giống như chú vậy! Đạo lý này không thể không biết được.

Hoa Nghiêm kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm”, thập đại nguyện vương, đạo quy cực lạc (Ba là, Mười đại nguyện vương trong Phẩm *Phổ Hiền Hạnh Nguyên* của kinh *Hoa Nghiêm* nói trở về Cực Lạc). Vì thế, hậu sinh là Ngụy Nguyên, tức là Ngụy Mặc Thâm đem quyển *Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm* - quyển cuối cùng, rút ra từ “*Kinh Hoa Nghiêm*” phụ ở phía sau *Tịnh Độ Tam Kinh*, gọi là *Tịnh Độ Tứ Kinh*. Nếu như sau này quý vị ở đâu đó thấy *Tịnh Độ Tứ Kinh* thì biết rằng vì sao có thêm một kinh, có thêm phẩm *Hạnh Nguyên*. Niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đã thêm vào trong đó.

“*Hậu Xuất A Di Đà Phật Kệ kinh*” (Bốn là, Hậu xuất *A Di Đà Phật Kệ Kinh*). Bộ này toàn là kệ tụng, gồm có 56 câu, trong ấy có 2 câu thể này: *Phát nguyện du chư Phật. Thệ nhĩ thập tứ chương*. Phát nguyện này là Phật A Di Đà phát nguyện, báo cáo với hết thảy chư Phật Như Lai. Trên thực tế, tức là hôm nay chúng ta nói Ngài làm báo cáo, báo cáo với chư Phật. Ngài phát nguyện lớn, 24 nguyện.

Dữ bản kinh Hán Ngô lương dịch trung, A Di Đà nhĩ thập tứ nguyện tương đồng (Tương đồng với 24 nguyện A Di Đà của 2 bản dịch Hán- Ngô).

Thủ Lăng Nghiêm Đại Thế Chí Bồ tát Niệm Phật Viên Thông chương, khuyến đạo chúng sinh ức Phật niệm Phật,

hiện tiền đương lai tất định kiến Phật, dĩ niệm Phật tâm, nhập vô sinh nhẫn (Năm là, chương *Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông* trong kinh *Thủ Lăng Nghiêm*, khuyên chúng sinh nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai nhất định thấy Phật, dùng tâm niệm Phật vào Vô sinh nhẫn). Ngài dạy chúng ta phương pháp niệm Phật “đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương tục”, đều là trong chương *Đại Thế Chí Bồ tát Viên Thông* dạy.

Ban Châu Tam Muội kinh, hậu Hán Nhục Chi Tam tạng Chi Lô Ca Sấm dịch (Sáu là, kinh *Ban Châu Tam Muội*, đời Hậu Hán, nước Nhục Chi, Tam Tạng Pháp sư Chi Lô Ca Sấm dịch). Kinh này còn có một tên khác gọi là “*Đại Phương Đẳng Đại Tập Hiền Hộ kinh*”. Đây là bản dịch khác, cũng là đồng một bản tiếng Phạn, nhưng khác bản dịch thôi.

Kinh chủ cứu thập nhật vi nhất kỳ, bất tọa bất ngọa, tu Phật lập Tam muội (Kinh chủ trương 90 ngày là một kỳ, không ngồi, không nằm, tu Phật lập Tam muội). Pháp môn này không dễ tu, vì sao vậy? Một kỳ là 90 ngày tức là 3 tháng. 3 tháng không ngủ, không được ngồi, chỉ đi, nhiều Phật, được đi, được đứng, không ngồi, không nằm. Tu pháp môn này phải có sức khỏe tốt, trẻ tuổi có thể được, tuổi lớn rồi thì rất khó khăn, khoảng dưới 40 tuổi thì được. 40 tuổi trở lên thể lực không tốt, quý vị sẽ không tu được.

Chúng ta thấy trong kinh *Hoa Nghiêm*, Thiện Tài đồng tử 53 lần tham vấn, vị thứ nhất là Tỷ khiêu Cát Tường Vân,

Ngài tu pháp môn này, gọi là “*Phật lập Tam muội*”, chuyên niệm Phật A Di Đà cầu sinh Tây Phương Tịnh Độ. Vì thế, xem 53 lần tham vấn này dụng ý rất sâu! Trung Quốc và Ấn Độ đều có khái niệm như vậy, vào trước là chủ. Thiện Tài trong hội Văn Thù Bồ tát thành tựu trí tuệ căn bản. Thành tựu trí tuệ căn bản như thế nào? Chấp trước được buông xả, đặc tâm thanh tịnh. Phân biệt được buông xả, đặc tâm bình đẳng, vọng tưởng được buông xả, khởi tâm động niệm được buông xả, thành Vô Thượng Chính Đẳng Giác.

Trên đề kinh này, Ngài đạt đã được Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Người xưa nói: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Trong hội Hoa Nghiêm đây là Sơ Trụ Bồ tát, pháp thân đại sĩ. Thiện Tài đồng tử trong hội Bồ tát Văn Thù chứng được quả vị này, là Sơ Trụ của Viên giáo, cho nên thầy giáo biểu ông đi tham học. Quý vị phải biết, điều kiện chân chính tham học là chỗ này, chưa kiến tính thì không có tư cách để tham học. Minh tâm kiến tính mới có tư cách tham học.

Dụng ý tham học ở chỗ nào? Tham học là phá trừ tập khí vô minh. Vô minh được phá rồi, khởi tâm động niệm được buông xả rồi, vẫn còn tập khí. Tập khí phải làm sao? Trong tham học phải đoạn trừ tập khí, cho nên tham học gọi là trải sự luyện tâm, lúc đó phải chịu được sự khảo nghiệm. Không kể thuận cảnh hay nghịch cảnh, thầy giáo khích lệ quý vị đi tiếp xúc, cảnh giới bên ngoài không ảnh hưởng quý vị. Ở trong hết thấy cảnh giới, có thể đem tập khí vô thỉ vô minh

của quý vị tự nhiên loại bỏ đi. Thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn.

Vì thế, 53 lần tham vấn, 53 vị đó đều là Bồ tát, là Phật cả. Vậy thiện tri thức không phải một người bình thường, là chư Phật Như Lai hóa thân đến. Hóa thân thế nào? Nam nữ lớn nhỏ, các ngành, các nghề. Trong đó, có thiện có ác. Trên thực tế thì xã hội ngày nay, chúng ta bước vào xã hội, từ sáng đến tối tiếp xúc với những người này, đó là 53 lần tham vấn. Mắt chúng ta thấy sắc, tai nghe tiếng, có thể không động tâm chăng? Nếu có thể không động tâm, không khởi tâm, không động niệm thì mới có tư cách tham học. Nếu một khi khởi tâm động niệm, lúc đó bị cảnh giới chuyển rồi. Vì thế, tham học không phải là chuyện đơn giản. Tham học thành tựu Hậu đắc trí,

Căn bản trí là Bát nhã vô tri, đó là gì? Đó là định công, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, Căn bản trí. Tham học thì sao? Tham học là Hậu đắc trí, không cái gì mà không biết. Có phải học, không cái gì mà không biết ở trong cảnh giới hay không? Không phải vậy, cảnh giới hiện tiền, trí tuệ ta sinh khởi. Không có cảnh giới, tâm địa trong sạch, một chút suy nghĩ cũng không có.

Không phải học từ bên ngoài, không phải vậy, cái này không được nghĩ sai. Khi đối diện với hết thảy các cảnh giới, tự nhiên ta phát sinh trí tuệ để đối ứng nó. Nhất quyết không

sinh phiền não. Phiền não là gì? Là thất tình ngũ dục. Thuận cảnh sinh tham ái, nghịch cảnh sinh oán hận. Không sinh cái này, nó sinh trí tuệ, chúng ta không thể không biết những đạo lý này.

Ngày nay, chúng ta có tham học chẳng? Không có, chúng ta tùy duyên tùy biến. Thiện Tài đồng tử tức là trong “*Hoàn Nguyên Quán*”, trong tứ đức nói tùy duyên diệu dụng. Diệu dụng là sinh trí tuệ, nhất quyết không sinh phiền não. Vì thế, lần cuối cùng trong 53 tham vấn là Đạo sư Cực Lạc, Thập đại nguyên vương Bồ tát Phổ Hiền.

Chúng ta xem biểu pháp của Ngài - thỉ chung. Đây nói rõ, Thiện Tài đồng tử học pháp môn gì? Từ đầu đến cuối, tu pháp môn Niệm Phật, giống như thầy giáo niệm A Di Đà Phật cầu sinh Tịnh độ, nói cho chúng ta sự việc như vậy. Tiếp xúc với hết thấy thế giới, Ngài mới có thể rộng độ chúng sinh, không có pháp môn nào mà Ngài không biết, chỉ cần tiếp xúc là hiểu rõ. Sinh trí tuệ không sinh phiền não.

“*Thiên Thai xưng chi vi thường hành tam muội*” (Tổ Thiên Thai gọi đó là Thường hành Tam muội). Đây là lời Trí Giả Đại sư xưng tán họ. “*Xướng danh quán niệm*”. Xướng danh tức là niệm Phật, quán niệm Phật A Di Đà.

Vãng Sinh Luận, Bồ tát Thiên Thân tạo, xướng Ngũ Niệm pháp môn, cầu sinh Tịnh độ, Tịnh độ tông Tam kinh nhất luận (Bảy là, *Vãng Sinh Luận* của Bồ tát Thiên Thân tạo. Ngài đề

xướng pháp môn Ngũ niệm, cầu sinh Tịnh độ. Trở thành ba Kinh một Luận của Tịnh Độ tông). Một Luận là bộ này, ba Kinh là kinh điển cơ bản của Tịnh Độ tông.

Trong “*Vãng Sinh luận*” nói rằng: *Tu ngũ niệm môn thành tựu giả tất cánh đắc sinh An Lạc quốc độ* (Người nào tu thành tựu pháp môn Ngũ niệm, nhất định được sinh quốc độ An Lạc). Quốc độ An Lạc này tức là thế giới Cực Lạc, “*kiến bỉ A Di Đà Phật*” (thấy Phật A Di Đà).

Ngũ niệm là gì?

Thứ nhất là “*lễ bái*”. Lễ bái là tu tâm cung kính, cho nên phải biết rằng cung kính tâm là Tính đức. Cùng một ý nghĩa với lễ kính chư Phật trong mười đại nguyện vương Bồ tát Phổ Hiền. Trong lễ kính chư Phật giảng tam thế, Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai. Phật quá khứ, Phật Thích Ca Mâu Ni đã giới thiệu cho chúng ta, có “*Quá khứ Thiên Phật Danh kinh*”. Phật hiện tại, như Phật Lô Xá Na.

Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói, Phật A Di Đà của thế giới Cực Lạc là Phật hiện tại. Thế Tôn cũng giới thiệu cho chúng ta Tam Thiên Tôn Phật danh, Phật hiện tại, Phật vị lai. Những vị nào là Phật vị lai? Hết thấy chúng sinh đều là Phật vị lai. Chúng ta phải dùng thái độ như thế nào để đối đãi với hết thấy chúng sinh? Chúng ta dùng thái độ như thế nào để đối với Phật A Di Đà, thì nên dùng tâm thái đó đối đãi với hết thấy chúng sinh. Đây gọi là lễ kính chư Phật. Chúng ta nhìn

người này không thuận mắt, nhìn người khác thấy ghét, thì nhìn thấy Phật chúng ta thấy ghét. Nhất định phải biết họ vốn là Phật. Hiện tại thì sao? Hiện tại họ vẫn là Phật, chẳng qua họ còn điên đảo mê hoặc mà thôi.

Chúng ta không nên nhìn cái mê hoặc điên đảo của họ, phải nhìn tự tính của họ. Họ vốn là Phật, điểm này vô cùng quan trọng, làm cho cái tâm cung kính này của chúng ta sinh khởi. Tâm cung kính là Tính đức. Chúng ta mê thất tự tính cho nên mới phân các loại sai biệt. Giác ngộ rồi là bình đẳng.

Thứ hai là “*xưng tán*”. Quý vị xem giống với *Hoa Nghiêm Kinh Thập Đại Nguyên Vương*. Xưng tán Như Lai, lễ kính không phân biệt, cung kính tất cả. Tán thán thì khác, tương ứng với Tính đức thì tán thán, không tương ứng với tính đức thì không tán thán. Vì thế, trong 53 lần tham vấn của Thiện Tài, có vài vị thiện hữu hành vi không tốt, tham, sân, si, quý vị xem Thiện Tài cung kính, có cúng dường nhưng không tán thán. Thiện pháp tương ứng với Tính đức, ông có lễ kính, có tán thán, có cúng dường, khác biệt nhau ở chỗ này, vì vậy chúng ta phải tu tập.

Người này là người xấu, nhưng làm việc tốt. Việc là việc tốt thì nên tán thán họ, tán thán họ một công việc. Họ làm là việc xấu, không tán thán, không nói, không phê bình, nếp sống xã hội mới có thể đoan chính. Người làm những việc bất thiện này, họ sẽ hổ thẹn. Quý vị xem tôi làm chút việc tốt,

mọi người tán thán tôi, nhưng khi làm việc xấu thì họ không nói gì cả, họ đều có thể bao dung, có thể tha thứ cho tôi, thì sẽ quay đầu.

Nhất định phải có thiện tâm thiện nguyện giúp đỡ người khác. Quay đầu là bờ, không nên chỉ trích. Khi bị chỉ trích, họ sẽ khởi ác cảm. Chẳng những không thể tiếp nhận mà càng sinh khởi tâm oán hận. Việc đó phiền phức rồi, mình đã gây oán kết với họ, sau này ở trong lục đạo oan oan tương báo không bao giờ dứt. Tuyệt đối không được gây oán kết với người khác. Nếu bị hại, bị hại cũng không nên oan kết.

Hai ngày trước, tôi ở Indonesia, có một vị đồng học hỏi tôi, đại khái là có người lừa gạt anh ta, đã gạt anh ta không ít tiền, anh ta muốn tìm luật sư tố cáo để đòi tiền lại. Anh ta hỏi tôi: Con làm như vậy đúng không? Tôi nhìn anh ta. Anh ta là một doanh nghiệp rất giàu có. Tôi nói chút tiền đó đổi với anh thì không là bao, anh sử dụng hay họ sử dụng đều như nhau cả, hà tất phải tính toán? Đây mới gọi là học Phật. Nếu thật sự anh không có tiền mà bị người ta lừa gạt, có chút ảnh hưởng đến cuộc sống của anh, tôi thấy anh không giống vậy. Anh là trưởng giả đại phú, gạt anh vài trăm vạn không bao nhiêu cả, thôi đi, đừng truy cứu nữa. Nếu thật sự anh không bỏ được, thì kiếp sau họ cũng sẽ trả lại cho anh. Vì thế, chân chính hiểu được nghiệp nhân quả báo, tâm của mình sẽ buông bỏ hết. Người thế gian có chịu thiệt thòi không? Không có, một cái thiệt thòi cũng không có. Có bị lợi

dụng không? Một người cũng không lợi dụng được. Không bị lợi dụng cũng không bị thiệt thòi. Đời này, mình lợi dụng họ, đời sau phải trả lại cho họ, phải trả thêm lợi tức nữa, nên làm gì có bị lợi dụng! Hiểu rõ đạo lý này thì tâm anh sẽ định, không bị ảnh hưởng cảnh giới bên ngoài, anh sẽ sống vui vẻ hạnh phúc. Khi nhìn thấy họ, anh hỏi họ đạo này có khỏe không, việc lừa gạt số tiền đó, một câu cũng không nhắc đến giống như không có chuyện gì cả, là anh đã có chút trí tuệ. Nhìn thấy liền nổi giận, là anh chưa bỏ được phân biệt, chấp trước. Cảnh giới này đang khảo nghiệm công phu của anh, anh không đạt tiêu chuẩn, anh còn nhớ mãi cái chuyện này, không đạt tiêu chuẩn.

Thứ ba là *“phát nguyện”*. Phát nguyện sinh về thế giới Cực Lạc.

Thứ tư là *“quán sát”*.

Thứ năm là *“hồi hướng”*.

Ngũ niệm môn. Quán sát tức là tác quán trong chỉ quán, cũng là thông thường chúng ta nói. Chúng ta đã hiểu rõ sự thật chân tướng rồi, hết thấy nhân, hết thấy sự, hết thấy vật, Tính, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả, đều rõ ràng, đều tường tận. Đây gọi là đã khai mở trí tuệ, đem công đức tu tập của mình, hồi hướng cho hết thảy chúng sinh. Hôm nay, đặc biệt hồi hướng các chúng sinh khổ nạn trên toàn thế giới, hóa giải thiên tai, bất luận tín ngưỡng tôn giáo nào cũng tốt. Pháp

môn bình đẳng không có cao thấp, nên đem tích lũy công đức tu hành của mình hồi hướng, cầu nguyện. Trong tôn giáo nói cầu nguyện, cầu nguyện thế giới hòa bình, cầu nguyện hóa giải thiên tai.

Tám là *“Vãng Sinh Luận Chú”*, đây là bản Chú giải cổ. Đại sư Đàm Loan thời Bắc Ngụy sau thời Nam Bắc triều viết. Hiện tại, đều thu thập trong sách *Tịnh Độ Tùng Thư*. Học *Vãng Sinh Luận*, chú giải này là tham khảo vô cùng quan trọng. Trước kia, tôi giảng *Vãng Sinh Luận* cũng xem bộ chú giải này.

Chín là *Du Tâm An Lạc Tập*, đây cũng là *Đường triều Đạo Xước đại sư đích trước tác* (Đại sư Đạo Xước, đời Đường trước tác), cũng đồng loại với bộ kinh này của chúng ta.

Tiếp nói đến các loại *Đới Thuyết Tịnh độ Kinh Luận* (Kinh Luận có nói kèm thêm về Tịnh Độ). Đây là bổ sung thêm. Thật ra, khoảng hơn 100 loại, ở đây lão cư sĩ lược ra 12 loại. Các Kinh, Luận này khá nổi tiếng, các đại đức tổ sư của Tịnh Độ tông cũng thường lấy trích dẫn khi giảng kinh thuyết pháp.

Phục hữu chư kinh luận, tuy bất chuyên luận Tịnh độ, dẫn diệc đới nhiếp xưng tán Cực lạc, khuyến đạo vãng sinh, kỳ trung chiếu trước giả (Lại có các Kinh, Luận, tuy không chuyên luận Tịnh Độ, nhưng cũng kèm thêm xưng tán Cực Lạc, khuyến tu Vãng sinh, các trước tác nổi bật), như *“Pháp Hoa Kinh”*, *“Bi Hoa Kinh”*, *“Tùy Nguyện Vãng Sinh Kinh”*, *“Văn*

Thù Thuyết Bát Nhã Kinh, “*Mục Liên Sở Vấn Kinh*”, “*Thập Vãng Sinh Kinh*”, “*Quán Phật Tam Muội Kinh*”, *Phật ký Văn Thù đương sinh Cực Lạc*, “*Văn Thù Phát Nguyện Kinh*” cầu sinh *Cực Lạc thế giới*, “*Nhập Lăng Nghiêm Kinh*”, *Phật ký Long Thọ, sinh Cực Lạc quốc*. Long Thọ Bồ tát cũng vãng sinh thế giới *Cực Lạc*. “*Tỳ Bà Sa Luận*” là tác phẩm của Long Thọ Đại sư, “*Đại Trí Độ Luận*” cũng là Bồ tát Long Thọ trước tác. “*Đại thừa Khởi Tín Luận*” do Mã Minh Bồ tát trước tác v.v...

Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ viết quyển chú giải này, trích dẫn 83 loại kinh, 110 loại luận, tổng cộng là 193 bộ. Vì thế, chúng ta phát tâm học chú giải này, cũng bằng học 193 loại kinh, luận, không dễ chút nào! Lão cư sĩ viết bộ chú giải này, được làm tài liệu tham khảo rất nhiều. Tôi nghĩ đó cũng là nhờ Phật, Bồ tát gia trì, chứ thật quá khó! Cần phải có rất nhiều người sưu tập tài liệu tham khảo khắp nơi tặng cho ông ta. Tôi đến nhà của ông ta, nhìn vào trong phòng sách nhỏ, thấy chất đầy sách, rất nhiều sách đều là sách cổ xưa, tôi nói ông từ đâu đến ông ta cũng không biết, thật là Tam bảo gia trì.

Tịnh độ Kinh Luận ước bách số thập bộ (Kinh Luận Tịnh Độ ước khoảng hơn 100 bộ). Ở đây, ông ta trích dẫn từ 193 bộ.

“*Dĩ thượng tự bản kinh bộ loại*” (Các đồng loại, đồng bộ của kinh này nêu trên). “*Dữ đối thuyết Tịnh tông kinh luận lược cử kỳ yếu, chí ư mật bộ hữu quan tịnh tông chi điển tịch*,

vi số thượng đa, quân vị liệt nhập” (Cùng với các Kinh, Luận nói kèm về Tịnh Độ tóm lược nghĩa trọng yếu, cho đến các điển tịch của Mật bộ có liên quan đến Tịnh Độ tông, cũng rất nhiều, đều chưa liệt kê vào đây). Lão cư sĩ Hoàng là Kim Cương Thượng sư của Mật tông. Trong Mật tông có tu Tịnh độ, ở đây không trích dẫn.

Đoạn thứ tám: *Dịch hội hiệu thích*. Trong này nói 4 việc. ‘Dịch’ là phiên dịch, “chỉ cho bản dịch gốc”. “Hội” là hội tập, chỉ cho căn cứ các bản dịch gốc mà hội tập. Đây gọi là bản hội tập. “Hiệu” là hiệu đính, có một loại là của cư sĩ Bành Tế Thanh. “Thích” là giải thích, tức là chú giải. Chỉ cho các bản chú thích của kinh này, tức là chú giải.

Giáp, bản kinh dịch bản (Một, bản dịch của kinh này).

Kinh nãi ngã Phật lý thuyết. Chư sư cạnh dịch. Đông lai tối tảo. Dịch bản độc đa (Kinh này chính là Phật nói nhiều lần. Các sư đua nhau dịch. Từ phương Đông đến sớm nhất. Riêng kinh này bản dịch nhiều nhất). 4 câu này là cư sĩ Mai Quang Hy nói trong lời Tựa. Phật Thích Ca Mâu Ni không phải một lần mà nhiều lần tuyên giảng, về sau giới thiệu cho chúng ta. Sau khi lưu truyền đến Trung Quốc, pháp sư dịch các kinh này nhìn thấy đều rất hoan hỷ, đều làm công việc này. Do đó, từ nhà Hán đến nhà Tống 8 triều đại, cũng khoảng 800 năm, gồm có 12 loại phiên dịch, có thể nói phiên dịch *Vô Lượng Thọ Kinh* nhiều nhất. Có 12 loại gọi là ‘đông lai tối

tảo', truyền đến Trung Quốc vào triều đại nhà Hán. 'Dịch bản độc đa' là riêng mình nó có rất nhiều bản dịch. Có thể nói *Vô Lượng Thọ Kinh* là thứ nhất.

Tự Hán ngật Tống, phàm thập nhị dịch, Tống Nguyên nhi giá, cần tồn ngũ chủng (Từ đời Hán đến Tống gồm 12 bản dịch. Từ đời Tống, Nguyên về sau chỉ còn 5 bản), cũng tức là nói trong 12 bản đó, có 7 bản thất truyền. Người Trung Quốc biên dịch "*Đại Tạng Kinh*", biên dịch kinh sách Phật giáo bắt đầu từ triều Tống mới thu thập lại một chỗ. Trước đó không có thu thập, cho nên rất dễ thất lạc, bởi vì quá ít bản. Lúc đó, kinh bản toàn là sao chép bằng tay, không có máy in.

Nay sẽ giới thiệu về 5 bản dịch hiện còn:

Một là *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*. *Hậu Hán Nguyệt Chi* (Kinh *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác*. Đời Hậu Hán, nước Nguyệt Chi). Nguyệt Chi là tên của một nước, tức Tân Cương bây giờ.

Sa môn là người xuất gia.

Chi Lô Ca Sấm dịch ở Lạc Dương, dĩ hạ giả xưng Hán dịch (Chi Lô Ca Sấm dịch ở Lạc Dương, sau gọi tắt là bản Hán dịch). Bộ kinh này bây giờ có trong *Đại Tạng Kinh*. Căn cứ thuận theo thứ tự triều đại, bản dịch kinh này xếp thứ nhất trong 5 bản.

Hai là *Phật Thuyết A Di Đà Tam Đà Tam Phật Tát Lầu Phật Đà Quán Độ Nhân Đạo Kinh*, nhất danh '*Vô Lượng Thọ*

Kinh', nhất danh 'A Di Đà Kinh' (Kinh Phật Thuyết A Di Đà Tam Đà Tam Phật Tát Lầu Phật Đàn Quá Độ Nhân Đạo, còn gọi 'Vô Lượng Thọ Kinh'. 'A Di Đà Kinh').

Ngô (nước Ngô) là thời Tam Quốc Ngụy-Thục-Ngô. Nước Ngô thời Tam Quốc, cũng là một cư sĩ tại gia.

Ưu bà tắc (cư sĩ) ông cũng là người nước Nguyệt Chi, là Tây Vực.

Chi Khiêm tự Cung Minh phiên dịch. Dĩ hạ giản xưng Ngô dịch (Chi Khiêm tự là Cung Minh phiên dịch. Sau đây gọi tắt là bản Ngô dịch). Đề kinh của bộ kinh này, đều là dịch âm tiếng Phạn.

'Phật thuyết chư Phật A Di Đà'. Trên “A Di Đà” còn thêm “chư Phật”. Đây là có ý nghĩa. Vì sao?

A Di Đà thị nhất thiết Phật đích tổng danh hiệu (A Di Đà là danh hiệu tổng của hết thảy Phật). Quý vị nghĩ xem, A Di Đà không phải không thể dịch, có thể dịch được. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật dịch là Giác, Vô Lượng Giác. Quý vị nói xem, có vị Phật nào không phải là Vô Lượng Giác chăng? Hiểu rõ rồi, niệm một câu A Di Đà Phật này là niệm đầy đủ đến hết thảy chư Phật, một vị cũng không sót, không những Phật quá khứ mà Phật hiện tại và cũng ở vị lai; là danh xưng tổng mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai, lại là danh xưng của tự tính.

‘Tam Da Tam Phật Tát Lầu Phật Đàn’. Đây là một trong mười hiệu của Như Lai, mười hiệu này phần sau trong kinh văn sẽ giảng đến. Trong mười hiệu có Chính biến tri. Chính là chính xác, không sai chút nào. Biến là biến tri, biết khắp cả, cũng chính là cái ý nghĩa chúng ta nói là Hậu đắc trí trong trí tuệ, Bát nhã không biết, mà không có cái gì không biết. (Vô tri, Vô sở bất tri) cũng có nghĩa Chính Đẳng Giác mà trên thực tế chúng ta thường nói là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác vậy.

Hai từ ‘quá độ’ là ý nghĩa tự độ độ tha. Mình tự độ mình rồi cần phải độ người. Vì thế, nói *‘Quá Độ Nhân Đạo Kinh’*. Nói cách khác, kinh này là một bộ kinh điển nói về A Di Đà Như Lai tế độ. Cứu tế, độ hóa chúng sinh, đây là đại ý của đề kinh.

Ba là *Vô Lượng Thọ Kinh Tào Ngụy* (Kinh *Vô Lượng Thọ*, đời Tào Ngụy). Đây cũng là thời Tam Quốc, thời Tam Quốc nước Ngụy.

Ấn Độ, Sa môn Khương Tăng Khải dịch ở Lạc Dương Bạch Mã tự, dĩ hạ giản xưng Ngụy dịch (Ấn Độ, Sa môn Khương Tăng Khải dịch ở Bạch Mã tự, Lạc Dương. Sau đây, gọi tắt là bản Ngụy dịch). Trong 5 loại bản dịch gốc hiện còn, bản này lưu hành rộng nhất, dịch rất tốt.

Bốn là *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội, Đường triều Nam Ấn Độ Tam Tạng Pháp sư Bồ Đề Lưu Chí phiên dịch* (Vô Lượng

Thọ Như Lai Hội, đời Đường, Tam Tạng pháp sư Bồ Đề Lưu Chí, người Nam Ấn Độ phiên dịch). Bản này trích từ một hội trong kinh *Bảo Tích*, là Vô Lượng Thọ Như Lai. “*Dĩ hạ giản xưng ‘Đường dịch’*” (Sau gọi tắt là bản Đường dịch). Sau giảng nói đến Đường dịch đều là nói bộ này.

Năm là *Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh* Tổng triều thời hầu, Tây Vực Sa Môn Pháp Hiền dịch, *dĩ hạ giản xưng Tổng dịch* (Kinh *Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*, thời nhà Tống, Sa môn Pháp Hiền, người Tây Vực dịch. Sau, gọi tắt là bản Tống dịch).

Trên đây là 5 bản hiện còn, chúng ta có thể xem đủ 5 loại bản dịch gốc “*Vô Lượng Thọ Kinh*”.

Chí ư dật chi thất chủng, cứ “Khai nguyên thích giáo lục” (Cho đến 7 bản dịch thất truyền, là căn cứ ở sách *Khai Nguyên Thích Giáo Lục*). *Khai Nguyên Thích Giáo Lục*, ‘Thích’ là Thích Ca Mâu Ni. ‘Thích Giáo’ tức là lời Phật dạy, là mục lục của kinh tạng. Đây là mục lục kinh tạng sớm nhất. Trong mục lục có, nhưng sách không có, không tìm thấy sách, cho nên trong mục lục thu lại vẫn còn 7 bản.

7 bản thất truyền như sau:

Một là *Vô Lượng Thọ Kinh*, *nhị quyển*. *Hán An Tức quốc Sa môn An Thế Cao dịch* (Kinh *Vô Lượng Thọ* 2 quyển, đời Hán, nước An Tức, Sa môn An Thế Cao dịch). Bộ kinh này thất truyền thật đáng tiếc. Vì sao? An Thế Cao dịch rất tuyệt vời!

Thời kỳ đầu khi dịch kinh, Ngài giỏi nhất, dịch rất hay. Người ngoại quốc đem kinh Phật dịch thành chữ Hán, khiến người Trung Quốc thấy vô cùng hoan hỷ, trước kia là An Thế Cao. Sau này là Cưu Ma La Thập. Kinh này mất đi thật đáng tiếc.

Loại thứ hai là *“Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh” nhị quyển, Tào Ngụy, Tam Quốc thời đại, Sa môn Bạch Diên dịch ư Lạc Dương Bạch Mã Tự*” (*Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*, 2 quyển, đời Tào Ngụy thời Tam Quốc, Sa môn Bạch Diên dịch ở Bạch Mã tự, Lạc Dương).

Loại thứ ba là *“Vô Lượng Thọ Kinh” nhị quyển, Tấn triều, sa môn Trúc Đàm Ma La Đa*” (*Vô Lượng Thọ Kinh*, 2 quyển, đời Tấn, Sa môn Trúc Đàm Ma La Đa). Tiếng Trung Quốc gọi là Pháp Hộ, là Ngài dịch vậy.

Loại thứ tư *“Vô Lượng Thọ Chí Chân Đẳng Chính Giác Kinh” nhị quyển*” (*Vô Lượng Thọ Chí Chân Đẳng Chính Giác Kinh*, 2 quyển có tên gọi khác là *“Lạc Phật Độ Lạc Kinh”*. *“Nhất danh ‘Cực Lạc Phật Độ Kinh’. Đông Tấn Tây Vực Sa môn Trúc Pháp Lực dịch”* (Một tên khác là *Cựu Lạc Phật Độ Kinh*, đời Đông Tấn, Sa môn Trúc Pháp Lực, người Tây Vực phiên dịch).

Loại thứ năm *“Tân Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển, đời Đông Tấn, nước Ca La Vệ La Sa môn Phật Đà Bạt Đà La* (đây là người Ấn Độ), đời Tấn nói Ngài Giác Hiền dịch ở Đạo Tràng tự”. Các vị pháp sư này ở Trung Quốc dịch rất nhiều kinh, nhưng *Vô Lượng Thọ Kinh* đã bị thất truyền.

Loại thứ sáu cũng là *“Tân Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển, đời Tống nước Lương Châu, Sa môn Bảo Đàm dịch ở Đạo Tràng tự”*.

Loại thứ bảy cũng là *“Tân Vô Lượng Thọ Kinh, hai quyển đời Tống, nước Kế Tân (tức là Tân Cương ngày nay). Sa môn Đàm Ma la Mật Đa, Pháp Tú dịch thành chữ Hán.*

“Dĩ thượng khuyết thất giả thất” (Trên đây là 7 loại thất truyền vậy).

Liên tiền tồn thế dĩ ngũ, thế xương thập nhị đại dịch, thật tặc bát đại (Nối tiếp trước, hiện tồn tại 5 bản, đời nay hiện rõ 12 đời dịch, thật ra là 8 triều đại).

Phía dưới Ngài nói, *“Kế Hán đại, hậu Hán nhị chủng. Tam Quốc, Ngô hữu nhất chủng, Ngụy hữu nhị chủng, Tây Tấn hữu nhất chủng, Đông hữu nhị chủng, Lưu Tống nhị chủng. Đường Triều nhất chủng, Triệu Tống hữu nhất chủng. Cái dịch thời, phân tại bát đại, dịch bản tặc vi thập nhị chủng”* (Kế tiếp đời Hán, hậu Hán có 2 loại, Tam Quốc-Ngô có 1 loại. Đời Ngụy có 2 loại. Tây Tấn có 1 loại. Đông Tấn có 2 loại. Lưu Tống có 2 loại. Đời Đường có 1 loại. Đời Triệu Tống có 1 loại. Bởi vì thời đại dịch có 8, nhưng bản dịch gồm 12 loại vậy). Đây là đem bản dịch *Vô Lượng Thọ Kinh*, giới thiệu sơ lược.

“Chân Giải vân”, “Chân Giải” là pháp sư Đạo Ân, người Nhật Bản, làm chú giải *“Vô Lượng Thọ Kinh”*, tên là *“Chân Giải”*. Trong đây có mấy câu như thế này: *“Phàm ư chư kinh trung*

truyền dịch. Thanh vô như kim kinh. Tư nãi dĩ xuất thế chính ý, lợi ích vô biên cố dã” (Phàm trong các kinh truyền dịch nêu trên. Thịnh hành không bản nào bằng bản này. Đây là bản thể hiện ý chính của Phật ra đời, nên có lợi ích vô biên).

Các vị pháp sư người Nhật, họ dùng bản kinh *Vô Lượng Thọ*, phần lớn đều là bản của Khương Tăng Khải, cho nên Ngài nói ‘kim kinh’ (bản này) đều là chỉ bản dịch của Khương Tăng Khải. Ở Nhật Bản rất thịnh hành. Hai câu trong này vô cùng quan trọng: *“Xuất thế chính ý. Lợi ích vô biên”*. Đây là nói pháp môn Tịnh Độ hết sức thù thắng.

“Hội Sớ dã thuyết” (Hội Sớ cũng nói). ‘Hội Sớ’ là pháp sư Tuấn Đế, người Nhật Bản, cũng chú giải tương tự *“Phàm u chư kinh trung truyền dịch thanh nhiên vô như kim kinh, tư nãi đạo lý u thúy lợi ích tối thượng cố dã”* (Phàm trong các kinh truyền dịch nêu trên, thịnh hành không bản nào bằng bản này. Đây chính là đạo lý thâm sâu, lợi ích hơn hết vậy).

“Lưỡng sớ đồng nhất trác kiến” (Cả 2 Sớ giải đồng một ý kiến trác tuyệt). Câu nói này là lời bình của thầy Hoàng Niệm Tổ. 2 loại chú giải Nhật Bản có cùng một nhận định *‘Lợi ích tối thượng, lợi ích vô biên’*.

“Tồn thế ngũ chủng, sai dị giáo trước” (Hiện tại trong Đại Tạng Kinh, có 5 loại bản dịch gốc, nội dung sai biệt rất rõ).

“Bất tợ A Di Đà kinh chi lưỡng dịch dữ Kim Cương Kinh chi lục dịch, kỳ văn chi tường lược tuy sảo hữu dị nhi nội

dung thật thị tương đồng” (Không giống 2 bản dịch kinh *A Di Đà* và 6 bản dịch kinh *Kim Cương*, văn chúng rõ ràng tóm lược hơi có chút khác, nhưng nội dung thật là tương đồng).

Lấy ví dụ, kinh *Kim Cương* trong *Đại Tạng Kinh* có 6 bản dịch, hiện tại lưu hành rất rộng rãi. Mọi người rất hoan hỉ đọc là bản của Đại sư Cưu Ma La Thập dịch. Ngài dịch ý rất hay, không phải trực tiếp chiếu theo văn tự dịch, lấy ý nghĩa của kinh văn, dùng ngôn ngữ của mình, cũng chính là dùng ngữ khí của người bản địa để dịch. Vì thế, chúng ta xem đặc biệt lưu loát, không khác gì văn của mình viết vậy.

“Kim kinh ngũ dịch” (5 loại bản dịch này), *“bất đản văn tự tương lược sai biệt huyền thù, thả nội dung thâm quảng diệc phục hữu dị. Liệt như Di Đà Nhân Địa Đại Nguyên”* (Không những văn tự rõ ràng, tóm lược sai biệt rất nhiều, mà nội dung sâu rộng cũng lại có khác. Ví như là *Nhân địa đại nguyên* của Phật Di Đà). Đây là điều vô cùng quan trọng.

“Hán Ngô lưỡng dịch nhị thập tứ nguyên. Tống dịch vi tam thập lục nguyên. Ngụy Đường lưỡng dịch thì vi tứ thập bát nguyên” (Hai bản Hán, Ngô dịch ghi, 24 nguyên; bản Tống dịch, ghi 36 nguyên; 2 bản Ngụy- Đường dịch, ghi 48 nguyên). Sai biệt lớn như vậy.

“Thả nguyên chi nội dung, các dịch diệc phục bất đồng, khả kiến xuất nhập chi cự” (Hơn nữa, nội dung các nguyên

mỗi bản dịch cũng lại không đồng, có thể thấy sự sai biệt khá lớn).

“Hiện thế lưu truyền, Ngụy dịch giáo quang” (Hiện tại lưu truyền bản Ngụy dịch rất rộng). Bản này của Khương Tăng Khải dịch.

“‘Chân Giải’ chỉ xuất, dĩ Hán Ngô lưỡng dịch, đối chiếu Ngụy bản, thô cử đại giả, kế hữu bát dị” (Sách *Chân Giải* chỉ ra, tạm nêu lên 8 điều khác biệt lớn giữa 2 bản Hán-Ngô dịch và bản Ngụy dịch).

“Nhu dĩ Đường bản đối kiểm lược hữu thất dị, kim bất tường lục” (Nếu so với bản Đường dịch, ít nhất có 7 điều khác, nay không ghi ra đây).

“Chí ư Tống dịch, dĩ chư dịch sai dị cách đại” (Đến như bản Tống dịch, thì càng sai biệt nhiều so với các bản dịch khác). Đây là vấn đề lớn, nếu như bản gốc tiếng Phạn là một loại, người phiên dịch phải là đại thể tương đồng, không khác nhau nhiều. Có khác nhau nhiều, vấn đề này ở đâu? *“Chư dịch hà dĩ bất đồng”* (Các bản dịch vì sao không đồng?). Tức là 5 loại bản dịch hiện còn của chúng ta, vì sao không đồng?

“Thanh Trầm Thiện Đăng cư sĩ Báo Ân Luận viết” (Báo Ân Luận của cư sĩ Trầm Thiện Đăng đời Thanh, trước tác có nói:). Đây là luận văn học Phật của ông. Trong đó có một đoạn như sau: *“Kỳ sở dĩ bất đồng chi cố, lược khảo chư kinh,*

ước hữu tam đoan” (Nói về lý do các bản dịch không đồng, qua lược khảo các kinh, ước tính có 3 nguyên do:). Khảo là khảo sát 5 bản kinh này.

Thứ nhất, *“Dịch thủ xảo chuyết bất đồng”* (Thủ pháp dịch khéo vụng không đồng). Đây là nói người phiên dịch.

Thứ hai, *“Phạn bản truyền tả bất đồng”* (Bản tiếng Phạn truyền ghi không đồng). Đó tức là không phải một bản tiếng Phạn.

Thứ ba, *“Bản sư tiền hậu đa thứ tuyên thuyết bất đồng”* (Đức Phật trước sau nhiều lần tuyên thuyết không đồng). Điều này, vô cùng quan trọng.

Bản sư tam bách dư hội pháp, ký đa chỉ quy Tịnh Độ, tắc tự nhiên lữ thuyết bất nhất thuyết. Nhi diệc tùy thời tùy cơ, khai thông đại ý, y nghĩa bất y ngữ, hiển nhiên khả tri. Cố tri Vô Lượng Thọ Kinh nãi Phật đa thứ tuyên thuyết, Phạn bản bất nhất, dịch giả sở cứ bất đồng, tả dịch bút chi xảo chuyết hữu sai, ư thị dịch văn tự nhiên sai dị dã (Đức Phật chúng ta thuyết pháp hơn 300 hội, đã phần nhiều chỉ về Tịnh Độ, thì tự nhiên phải nói nhiều lần không thể một lần, và cũng tùy thời tùy cơ khai thông đạt ý. Chúng ta phải dựa vào nghĩa không dựa vào lời nói, rõ ràng có thể biết, cho nên biết, kinh Vô Lượng Thọ chính là Phật tuyên thuyết nhiều lần, không thể là một bản Phạn, dịch giả y cứ tất nhiên không đồng. Hơn nữa, khả năng dịch thuật còn có hay dở không

đồng, nên văn dịch tự nhiên có sai biệt thôi). Đây là quan điểm của cư sĩ Trầm Thiên Đăng, trong này ông nói điểm thứ ba vô cùng quan trọng. Là người phiên dịch căn cứ bản gốc tiếng Phạn khác nhau, cho nên mới có sai lầm lớn như vậy. Nếu như là một bản tiếng Phạn, thì có lẽ không có hiện tượng này.

Phía trên nêu kinh *Kim Cương* có 6 bản phiên dịch, nhưng chỉ 1 loại bản gốc. Quý vị xem, hiện tại 6 bản đó nội dung đại thể tương đồng, không có sai khác lớn. Đây là nói khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, giảng kinh thuyết pháp đều là giảng một lần, không có giảng lại lần thứ hai. 4 bản *Vô Lượng Thọ Kinh* này, trong đó khác nhau rất nhiều, cho nên phán đoán ít nhất 3 bản không giống nhau. Như vậy, đức Phật phải giảng ít nhất hơn 3 lần. Nếu kể luôn 7 bản thất truyền, thì sự sai khác còn nhiều nữa. Đó biểu thị tính quan trọng của bộ kinh này, có thể độ khắp hết thảy chúng sinh. Độ nhất pháp trong hết thảy pháp môn, hết sức thù thắng.

Vì thế, thường nói mỗi một lần giảng không thể hoàn toàn tương đồng, giống như chúng ta học *Vô Lượng Thọ Kinh*. Tôi học bản này tức là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Tôi dùng bản này giảng bộ kinh này. Trước đây đã giảng qua 10 lần, mỗi một lần không giống nhau. Vì thế, có học trò đến nói với tôi, cần đem những điều trước đây tôi giảng viết thành giảng ký. Tôi nói được, tốt nhất là hội tập, đem 10 loại bản của tôi trước đây. Mọi người đều xem xem, chỗ

không giống nhau đều trích ra, vậy thì viên mãn hơn. Lần này là lần thứ 11, chúng tôi thay đổi phương pháp. Giảng chú giải, giảng chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, cũng là kỷ niệm trước đây ngày chúng tôi quen nhau. Rất không dễ dàng! Khi đó, ở trong nước giảng bản này chỉ một mình ông, không có người thứ hai.

Ở hải ngoại, giảng bản hội tập này chỉ có một mình tôi, cũng không có người thứ hai. Chúng tôi gặp mặt nhau vô cùng hoan hỉ. Chúng tôi trao đổi tâm đắc về tu học, giảng thuật, tôi biết ông khổ cực chú giải bộ kinh này, thân mang trọng bệnh ngày đêm không nghỉ, đem bộ kinh này chú giải hoàn thành. Sau khi hoàn thành không bao lâu thì ông mất. Ở trong hoàn cảnh như thế quả thật không dễ. Đây là oai thần Tam bảo gia trì.

Bản Hội Tập này, bộ chú giải này, khẳng định lưu hành đến cùng khi Phật pháp trên thế gian này mất hẳn.

Ở trong kinh *Pháp Diệt Tận Phật*, bảo chúng ta, pháp vận của Phật 12.000 năm, tính từ ngày Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ. Chiếu theo sự ghi chép của người Trung Quốc đại đức ngày xưa, Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến năm nay là 3.037 năm, với người ngoại quốc nói không giống nhau. Người ngoại quốc nói là hơn 2.500 năm. Năm nay 2010 là 2.554 năm, chư tổ sư của chúng ta ghi lại là 3.037 năm, chênh lệch nhau xấp xỉ năm đến 600 năm. Tuy nhiên, những

sai biệt này không cần khảo chứng, bởi ai cũng nói không đúng, trừ khi tìm lại Phật Thích Ca Mâu Ni!

Chúng ta nghĩ đến truyền thừa của pháp môn này, lợi ích vô biên. Từ thời đại hiện nay về sau, chân chính học Phật có thể đắc độ. Tiêu chuẩn đắc độ này, vượt qua luân hồi lục đạo, vượt qua mười pháp giới, chỉ có pháp môn này. Nói cách khác, chỉ có bộ kinh này, chú giải này, những kinh luận khác tuy nhiều, pháp môn tuy nhiều, không đoạn được phiền não. Đây là sự thật. Không cần nói phiền não vi tế, phiền não thô trọng nhất, 88 phẩm kiến hoặc, quý vị có thể đoạn trừ được không? Có thể đoạn chúng mới chứng quả Tu Đà Hoàn. Chưa ra khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định không đọa vào 3 ác đạo. Tu Đà Hoàn, 7 lần trở lại cõi Trời, Người. Đây nói tu hành phải trải qua thời gian dài như vậy. Chứng quả A La Hán mới được vượt qua lục đạo, còn chưa được vượt qua mười pháp giới. Vượt qua mười pháp giới, thì còn phải thời gian rất dài.

Chúng ta thấy trong kinh *Hoa Nghiêm*, Tiểu thừa Tu Đà Hoàn đoạn phiền não. Tầng này với trong kinh *Hoa Nghiêm*, bằng Thập Tín vị Bồ tát Sơ Tín đoạn chứng. Quý vị thấy đó, không dễ dàng đâu. Cái đầu tiên trong kiến hoặc là thân kiến. Thân kiến lấy gì làm tượng trưng? Nói rất đơn giản, tự tư tự lợi. Có người nào có thể đoạn được cái này? Không chấp trước thân này là ta nữa?

Thứ hai, đoạn biên kiến. Biên kiến là gì? Đối lập, cái này mọi người dễ hiểu, quý vị có thể không đối lập với người, không đối lập với việc, không đối lập với hết thảy vạn vật.

Thứ ba là thành kiến. Hôm nay, chúng ta giảng không theo quan niệm chủ quan, đã buông bỏ thành kiến, có thể hằng thuận chúng sinh. Không đơn giản! Một điều cũng rất khó.

Vì thế, lão Hoàng Niệm nói với tôi, tu thiền khó khai ngộ, cũng khó đạt được thiền định. Trước đây còn có thể đạt thiền định, thời nay thiền định khó đạt được. Tu Mật, tam Mật không thể tương ưng, chỉ có Tịnh độ, cho nên ông đã tham thiền qua thầy của ông là Hư Vân lão Hòa thượng. Học qua Mật, Thượng sư Mật tông - thầy của ông là Cống Cát lão nhân. Cuối cùng, ông niệm A Di Đà Phật cầu sinh Tịnh độ. Nói với tôi, một ngày niệm 140.000 câu danh hiệu Phật, vạn duyên buông bỏ, ngày đêm không nghỉ, mệt quá rồi thì chợp mắt ngủ một tí, tỉnh dậy thì tiếp tục danh hiệu Phật. Một ngày niệm 140.000 câu, ông nghe lời của thầy! Thầy của ông là Hạ Liên Cư. Khi thầy Hạ qua đời cũng là niệm Phật vãng sinh. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư cũng là thông Tông, thông Giáo, Hiển Mật viên dung. Đến cuối cùng, toàn bộ đều chọn Tây Phương Tịnh Độ. Vì vậy, lần này tôi chọn giảng chú giải này, kỷ niệm lão cư sĩ. Ông vất vả cực nhọc, chú giải này cần phải truyền đi, giảng kỹ một lần thì có thể truyền đi rồi. Do đó, chúng ta đặt nhan đề là “*Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa*”. Tôi đặt nhan đề này.

Câu nói này của cư sĩ Trầm Thiện Đăng, chúng ta xem qua rồi. Xem ông nói dưới đây: *“Phạn bản dị ngộ chi nhân viết”* (Trong bản tiếng Phạn này dễ xuất hiện sai lạc). Nguyên nhân gì? *“Cái phạn giáp giai tả bản, dị chí thoát ngộ”* (Vì bản Phạn đều là bản chép trên lá Bối, dễ bị rách mất).

Ấn Độ truyền qua là bản gốc tiếng Phạn, tại Cố Cung Bác Vật viện có bảo tồn. Có cơ hội, quý vị nên xem. Nó được viết ở lá cây Bối Đa La. Loại lá cây ấy giống như cây chuối tiêu của chúng ta, đem nó cắt từng miếng từng miếng lớn giống nhau, 2 bên khoét cái lỗ, dùng sợi dây khâu lại, đại khái một mặt có thể viết được 5 hàng, viết thêm trên đỉnh được 6 hàng. 2 bên đều viết, cho nên dùng dây khâu lại rất dễ dàng. Dây đứt thì nó rã ra, rất dễ mất đi. Đây là dễ sai sót.

“Như Hán dịch Đại bản kinh, nãi nhĩ kiếp thời hạ, thoát ngộ số thập tự, Hán nghĩa bất quán” (Như Đại bản kinh Hán dịch, trải qua thời gian cũng mất khoảng vài mươi từ, khiến nghĩa của Hán tự không thông). Văn nghĩa liên kết không được. Đây nêu ví dụ, tình hình này rất nhiều.

“Hựu Tứ Thập Nhị chương tạng bản, tự thị Tứ Thập Nhị Chương kinh” (Lại bản Tứ Thập Nhị Chương trong Đại Tạng Kinh, tức là kinh Tứ Thập Nhị Chương). Đây là bộ kinh điển thứ nhất dịch tại Trung Quốc, phiên dịch sớm nhất. Nó không phải là một bộ kinh, mà từ các kinh trích ra, rất nhiều kinh, những điều quan trọng Phật nói, từng điều từng điều

ghi chép lại, gồm có 42 đoạn. Ma Đăng và Trúc Pháp Lan, ban sơ họ đến Trung Quốc phiên dịch ra. Bản này đều viết bằng tay.

“Dữ Thạch Khắc Triệu Văn Mẫn tả bản cập tạng ngoại lưu hành các bản, chương tiết tiền hậu đa quả các các bất đồng” (Cùng với bản chép tay của Triệu Văn Mẫn khắc trên đá và các bản lưu hành ngoài *Đại Tạng Kinh*, các chương tiết trước sau, quả thật là mỗi mỗi chẳng đồng). Cái này sai biệt quá lớn rồi. Chúng ta thấy rất nhiều *“Tứ Thập Nhị Chương Kinh”*, cầm xem nội dung không giống nhau. Lúc bấy giờ lưu truyền lại, rất nhiều người sao chép, có người chép sót đi, có người chép nhiều thêm mấy từ. Đây cũng là việc thường có. Phạn văn lúc bấy giờ truyền đến Trung Quốc, cũng có tình trạng này, không phải một người viết dài như vậy, một người viết một chút. Rất nhiều người viết, có khi có thể liên kết lại với nhau, có khi không liên kết được. Nếu trong đó nó mất đi một trang, thì ta không liên kết được rồi.

“Sở dĩ ‘Tứ Thập Nhị Chương Kinh’ nhi dữ Pháp Uyển Châu Lâm sở dẫn hựu bất đồng” (Sở dĩ, kinh *Tứ Thập Nhị Chương* lại không giống như trong *Pháp Uyển Châu Lâm* đã dẫn chứng). Sách *Pháp Uyển Châu Lâm* trước kia, thông thường người đọc sách không có thời gian xem kinh Phật, nhất định xem bộ sách này. Đây bằng như nói là *Phật Giáo Bách Khoa Toàn Thư*, trong đó phân thành 100 loại. Ở trong mỗi kinh luận, thì sao chép lại các thứ. Quý vị cần trích dẫn, thì vô

cùng tiện lợi. Chúng ta tự tra kinh rất khó. Người tra được đều là người biên tập triều Đường, đây thuộc về sách.

“Thả hữu ‘Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa’ sở trích tự, nhi chư bản giai vô giả, đại để thông tập đa, tắc truyền tả đa, nhi đắc thất dị đồng diệc đa” (Vả lại, có những từ trong sách *Nhất Thiết Kinh Âm Nghĩa* trích dẫn, nhưng trong các bản đều không có. Đại để là do nhiều người biên tập, nhiều người truyền ghi, thì việc đủ, mất, đồng, khác cũng nhiều). Đây là nói rõ nguyên nhân, nhiều người sao chép. Đồng một bản gốc, chúng ta 2 người sao chép, chúng ta đem bản sao đối chiếu, thì của 2 người có thể không giống nhau. Bản gốc giống nhau, bản sao thì không giống nhau. Sao chép sót mất, làm không cẩn thận, hoặc là khi sao chép, âm đọc chúng ta viết chữ khác, cho nên sai chữ, việc này khó tránh được. Đây cũng là nghiên cứu nguyên do có những sai lầm lớn như vậy.

“Hựu viết ‘Chân Giải’ vân, dĩ thẩm chư dịch, thị Phạn bản quảng đa, chí sử truyền dịch văn nghĩa, tồn một tường lược bất đông nhĩ” (Lại nói: Sách *Chân Giải* nêu, vì xét kỹ các bản dịch, biết là bản Phạn sẽ rất nhiều, dẫn đến khiến cho truyền dịch chỗ còn chỗ mất, chỗ lược bỏ, chỗ nói rõ không đồng).

“Tổng minh bản kinh vi Phật đa thứ tuyên thuyết” (Tóm lại nói, kinh này chính là Phật tuyên thuyết nhiều lần). Suy đoán từ kinh điển phiên dịch lưu lại hiện nay, khẳng định kinh này, Phật không chỉ giảng một lần.

“Thả tụng tập giả đa” (Hơn nữa, nhiều người đọc tụng, học tập).

“Phạn bản truyền tả giả đa, Phạn bản hữu đa chủng, tồn một tường lược hữu bất đồng, Phạn giáp tả bản hựu dị thoát lạc, cố kim chư dịch bản thậm hữu sai dị” (Người truyền ghi bản Phạn nhiều, bản Phạn lại có nhiều loại, nên chỗ còn mất, lược, nêu bất đồng. Bản Phạn chép lại dễ rách mất. Vì thế, các bản dịch hiện nay rất nhiều sai khác). Trong này, có một câu chúng ta cần đặc biệt lưu ý: Tụng tập. Thời đại hiện tại này, Phật giáo suy yếu, suy đến mức độ nào? Phật giáo đã biến thành tôn giáo. Chúng ta là đệ tử Phật đời sau, không kể tại gia hay xuất gia đều có tội!

Khi Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, 37 tuổi khai ngộ liền dạy học, dạy suốt một đời mãi đến khi già chết, không bỏ qua một ngày nào. Ngài dạy học lúc đó, dạy học không có văn tự, không có sách vở. Các kinh điển này là sau khi Phật diệt độ, chúng đệ tử mọi người cùng đề cử tôn giả A Nan, đem kinh mà Phật còn tại thế đã giảng, đọc lại một lần. Trí nhớ của A Nan rất tốt lại nghe hết toàn vẹn. Thị giả của Phật Thích Ca Mâu Ni không rời xa một ngày, phụng dưỡng Phật Đà. Thỉnh Ngài đọc lại, 500 đồng học làm chứng. Nghe A Nan đọc mọi người đều gật đầu, đích thực là Phật có nói như vậy, ghi chép lại. Nếu có một người đề xuất ý kiến, hình như không phải như vậy, thì câu nói này không dùng nữa. Điều này, làm niềm tin cho đời sau.

Vậy kinh điển là gì? Là Phật Thích Ca Mâu Ni lúc bấy giờ giáo huấn cho đại chúng. Nghe xong lời Phật dạy phải y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành là tập, học là lúc thực hành nó, chúng ta mới chân chính đạt được lợi ích, cho nên kinh không phải để cho chúng ta đọc. Đọc là một phương tiện để ghi nhớ nó.

Quan trọng là ở tập. Tập là gì? Biến nó thành hành vi sinh hoạt của chính chúng ta, làm thành kiến giải, tư tưởng của chính chúng ta. Cái này quan trọng. Mọi người chúng ta ngày nay xem Phật như Thần. Sai rồi! Phật không phải Thần. Phật là người, ở trên cách xưng hô rất rõ ràng, chúng ta xưng Phật Thích Ca Mâu Ni là bản sư, thầy giáo căn bản. Chúng ta tự xưng mình là đệ tử.

Chúng ta với Phật Thích Ca Mâu Ni có quan hệ như thế nào? Quan hệ thầy trò. Trong tôn giáo không có quan hệ thầy trò, đạo Phật không phải tôn giáo. Học trò bất tài chúng ta đã biến nó thành tôn giáo là có lỗi với Ngài. Như vậy thì có tội lỗi. Ở Trung Quốc, lịch sử Phật giáo biến thành tôn giáo rất ngắn. Thầy Lý đã từng nói với tôi, không vượt qua 300 năm.

Trong lịch sử ghi lại, thời đại Càn Long, Gia Khánh vẫn chưa thay đổi. Hết thấy các đạo tràng tự viện, am đường này của Phật giáo đều dạy học, đều lên lớp. Do đó, tự viện, am đường là trường học. Nhà Phật gọi là chùa. Chùa không

phải là miếu. Trong miếu là tôn giáo, đó là cúng Thần. Chùa là gì? Chùa là cơ quan làm việc của chính phủ. Cơ cấu này trực tiếp thuộc về vua quản lý gọi là chùa. Bây giờ, nếu có cơ hội, quý vị đến Bắc Kinh, đến Cố Cung xem, sẽ thấy trong Cố Cung rất nhiều cơ cấu làm việc, treo cái bảng đó cũng là dùng chữ chùa (tự). Phật giáo gọi chùa, trực tiếp thuộc về vua quản lý. Giáo dục Phật Đà, từ Hán Minh Đế về sau, Trung Quốc có 2 thể hệ giáo dục, một là giáo dục của nhà Nho, thuộc Tể tướng quản lý, cơ cấu này gọi là Bộ Lễ. Lễ Bộ là Bộ Giáo dục. Lễ Bộ Thượng thư tức là Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Chùa là giáo dục Phật giáo. Thời đó, ngôi chùa thứ nhất là chùa Bạch Mã. Nhớ công của bạch mã. Bạch mã chở tượng Phật, chở kinh sách. Người xưa hiền lành, với súc sinh cũng không quên. Nó có công với Phật, cho nên lấy tên của nó đặt tên chùa là chùa Bạch Mã. Đây là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của Phật thuộc vua quản lý, không thuộc Tể tướng quản. Quý vị xem, thể lệ này mãi đến giai đoạn đầu triều nhà Thanh, Khang Hi, Ung Chính, Càn Long đến Gia Khánh. Họ đối với Nho, Thích, Đạo đều thật sự bỏ nhiều công sức. Trong cung đình, những tài liệu giảng kinh này, đều ở trong “Tứ khố”. Tôi thấy Tứ khố, thường thường đem các thứ này lật lại xem coi lúc bấy giờ trong cung đình nói như thế nào, đều tồn tại, giảng nghĩa đều tồn tại, đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng, cho nên Phật giáo giảng nghĩa không ở Tứ khố, tại “Đại Tạng Kinh”, đặc biệt biên soạn một bộ “Đại Tạng Kinh”.

Sách của Đạo giáo thì ở “*Tứ khố*”. Nho và Đạo đều ở trong “*Tứ khố*”, chỉ có Phật giáo là ngoại lệ. Đây, đối với Phật giáo đặc biệt tôn trọng. Ngày nay, chúng ta có sứ mạng, chân chính làm đệ tử Phật phải đem nền giáo dục Phật giáo khôi phục, cho nên chúng ta gọi là giáo dục của đức Phật, giáo dục Phật Đà. Gọi Phật giáo, mọi người sẽ nhầm sẽ nói Phật giáo là tôn giáo. Chúng ta ngày ngày cùng nhau học tập, đây không phải mê tín. Bây giờ trở thành như thế nào? Người học tập quá ít. Người mang danh nghĩa Phật giáo buôn bán nhiều quá rồi. Cái này chúng ta cũng không cần nói nữa, không cần nhắc lại nữa, tự mình siêng năng nỗ lực làm là được. Nhất định phải tìm người cùng chung chí hướng làm hi sinh phụng hiến, làm đệ tử chân thật của Như Lai. Sứ mạng công đức này không thể nghĩ bàn.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 73



Giảng ngày 08 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, bắt đầu từ dòng thứ 2, trang 86. Đoạn văn này là Hoàng lão cư sĩ đem 5 bản dịch gốc kinh *Vô Lượng Thọ*, trong 5 loại sách này sai biệt rất lớn. Nói cách khác, khi phiên dịch chắc chắn không phải dùng đồng một nguyên bản Phạn văn, mới xuất hiện tình hình này.

Căn cứ khảo chứng của chư vị cổ đức ngày xưa, nguyên bản Phạn văn chí ít có 3 loại không đồng nhau. Tại sao có 3 loại? Đương nhiên có khả năng nhất là lúc đức Thế Tôn còn tại thế giảng qua 3 lần, thậm chí trên 3 lần. Vì sao? Bởi cuốn sách này đã thất truyền 7 bản phiên dịch, nên bộ kinh này truyền đến Trung Quốc rất sớm. Thời nhà Hán, nó đã có bản dịch của An Thế Cao, chúng ta cũng biết niên đại đó rất sớm. Thời kỳ sớm đã đến Trung Quốc.

Đến thời Nam Tống 8 triều đại, cũng gần 800 năm. Trong thời gian dài đó, tổng cộng phiên dịch 12 lần. Nguyên bản Phạn văn từ Ấn Độ truyền sang, không ngừng lưu thông vào Trung Quốc. Mỗi lần truyền vào có thể không giống với lần trước, và toàn bộ đều phiên dịch. Đây là căn cứ hiện tại đang tồn tại 5 loại sách, phán đoán ít nhất có 3 loại nguyên bản. Ngoài ra, 7 loại đã thất truyền, thì không bàn đến nữa. Nếu có 7 loại này, có thể vẫn còn phát hiện những cái bất đồng.

Đức Thế Tôn lúc còn tại thế, một đời giảng kinh giáo hóa. Trong kinh điển ghi chép, Ngài 30 tuổi khai ngộ. Một số người gọi là thành đạo. Thành đạo chính là khai ngộ. Sau khi khai ngộ, Ngài bắt đầu giáo hóa cho đến già chết. 79 tuổi, Ngài nhập Niết bàn. Giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Hội này, giống như hiện nay chúng ta mở lớp. Một hội là giảng một phần. Một phần này, có lớn có nhỏ. Một phần lớn có thể giảng vài năm, cũng có thể giảng một bộ kinh, như “*Đại Bát Nhã Kinh*”. Đây là một mục lớn, còn nhỏ thì một vài người đến tìm Thế Tôn thỉnh giáo, đưa ra vấn đề và Ngài giảng. Nhỏ thì có thể nói là một vài giờ đồng hồ. Như vậy, cũng tính là một hội.

Trong *A Hàm*, chúng ta xem thấy một bộ kinh nhỏ, có văn tự của một vài bộ kinh nhỏ khoảng 300-400 từ. Đó cũng là một bộ kinh, như “*Bát Nhã Tâm Kinh*”. Đó cũng là một bộ kinh, 260 từ, nên có to có nhỏ, hợp lại cũng có mấy ngàn bộ kinh.

Mấy ngàn bộ kinh này, chúng ta biết lúc đức Thế Tôn giảng kinh giáo hóa, không có sách, không có văn tự, đến bản thảo không có, đề cương cũng không có. Nguồn gốc của kinh điển là sau khi Thế Tôn diệt độ, đệ tử của Ngài đã nghĩ đến giáo huấn của Thế Tôn. Những lời dạy này đáng trân quý. Nếu không truyền cho hậu thế thì thật đáng tiếc, nên từ ký ức, trong Tôn Giả A Nan truyền pháp. Trong hết thầy người tu học A Nan là người có ký ức tốt nhất. Hầu

như sau khi nghe qua một lần, Ngài có thể hoàn toàn nhớ lại không hề quên, nên thỉnh A Nan phúc giảng, đem hết thấy những gì đức Thế Tôn giảng tuyên lại một lần. 500 Tỷ khiêu làm chứng, 500 A La Hán nghe. Nghe và mọi người đều đồng ý. Không sai, đức Thế Tôn đã nói như vậy. Như vậy mới ghi lại.

Nếu có một người phản đối đều không được. Chỉ cần có người nói hình như câu này đức Phật không nói như vậy, thì câu đó phải xoá đi. Làm như vậy để đặt niềm tin cho hậu thế và lưu truyền về sau. Những tài liệu Phật giảng lúc tại thế vô cùng trân quý. Lưu lại những thứ này, chúng ta đều biết đức Thế Tôn lúc đó giáo hóa, dạy người hiểu lý lẽ, minh bạch đạo lý. Dạy người hiểu nhân quả. Dạy người làm sao làm người, làm sao xử thế, làm sao đối nhân, tiếp vật. Ngài dạy người như vậy, và truyền đến hôm nay kinh điển biến thành tạng. Nó vốn không phải để chúng ta tụng. Nếu để tụng, thì năm đó Thế Tôn nên viết vài bộ kinh để mọi người tụng. Không có. Đức Thế Tôn không có làm như thế.

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, đức Thế Tôn, giống như Khổng Tử vậy. Địa vị của Ngài là thầy giáo, chức vụ là thầy giáo. Không thu học phí của người khác, chính là thầy giáo tình nguyện. Làm thầy giáo tình nguyện suốt 49 năm. Người học với Ngài rất đông, và sau đó kết tập thành kinh tạng. Tài liệu phong phú này được lưu truyền về sau. Khi truyền đến Trung Quốc không phải là hoàn chỉnh, vì lúc đó giao thông

không thuận lợi. Kinh điển là viết tay, viết trên lá cây Bối Đa La, vô cùng quan trọng. Cao tăng Ấn Độ đến Trung Quốc, Cao tăng Trung Quốc đến Ấn Độ đi thỉnh kinh, chọn lựa rất kỹ càng tỉ mỉ.

Sách phiên dịch chữ Hán là tuyển chọn tinh hoa nhất, tốt nhất trong kinh điển Phạn văn của Ấn Độ. Đương nhiên cũng phải thích hợp với nhu cầu của người Đông phương chúng ta. Không đem về được tất cả, thật đáng tiếc vô cùng. Và những thứ còn lại đó, hiện nay đã thất truyền toàn bộ. Hiện nay, bảo tồn hoàn chỉnh nhất vẫn là bản dịch chữ Hán. Tiếng Tây Tạng bảo tồn một bộ phận. Bản chữ Hán bảo tồn hoàn chỉnh nhất, nên chúng ta phải hiểu, những kinh điển này đức Thế Tôn giảng dạy khi còn tại thế.

Chúng ta học Phật là tiếp nhận giáo dục của Phật Đà, cần phải hiểu điều này, với tôn giáo không có tương can gì. Đức Thế Tôn không phải thần, cũng không phải tiên, Ngài là con người. Phật nghĩa là gì chúng ta phải hiểu cho rõ ràng. Người Ấn Độ xưng là Phật Đà, người Trung Quốc gọi là Thánh nhân. Phật và Thánh ý nghĩa tương đồng.

Định nghĩa của Thánh là thấu triệt chân tướng sự thật. Hay nói cách khác, Thánh nhân là một người minh bạch; phàm phu chúng ta là người hồ đồ. Thánh nhân là người minh bạch, ý nghĩa của “Phật” là giác ngộ. Giác ngộ không phải chính là minh bạch sao? Người Ấn Độ xưng Phật Đà,

với Trung Quốc gọi Thánh nhân, ý nghĩa này có thể nói là vô cùng tương đương.

Hiện nay, những học sinh hậu thế này có lỗi với thầy giáo. Vì sao? Dem giáo dục của Phật Đà biến thành tôn giáo. Quý vị nói có hỏng bét rồi không? Tôn giáo là mê tín. Trong nhà Phật, lễ Phật lễ Bồ tát, còn chúng ta lễ tổ tiên, ý nghĩa tương đồng. “*Thận chung truy viển*” (Cẩn thận trong tang lễ, kính trọng trong cúng tế), ý nghĩa tức là kỷ niệm. Với lễ bái thần trong tôn giáo hoàn toàn không như nhau. Chúng ta kỷ niệm vị thầy giáo này, chư vị Bồ tát là học sinh trước đây, là sư huynh của chúng ta. Là những sư huynh vô cùng thành tựu, như 72 vị hiền của Khổng lão phu tử vậy. Trong 3.000 đệ tử, có 72 nhân tài kiệt xuất. Đó là hiền nhân, trong Phật pháp gọi là Bồ tát, không thể không biết.

Giáo dục tốt như vậy, nội dung tốt như vậy không người biết. Người y theo giáo dục này để học tập quá ít. Chúng tôi thật may mắn khi đã gặp được thầy Đông Phương Mỹ, mới thấu triệt được vấn đề này. Vốn dĩ chúng tôi đều không tin tưởng, vì cho rằng nó là tôn giáo, là mê tín. Sau này, tôi gặp được Chương Gia Đại sư, Ngài khuyên tôi xuất gia, khuyên tôi phải thật sự làm. Trách nhiệm này rất lớn, sứ mạng này vô cùng thiêng liêng, không dễ dàng gì. Chúng ta phải đem Phật pháp trở về với giáo dục. Đức Thế Tôn là một nhà tư tưởng, một nhà triết học, là một nhà giáo dục. Phải hiểu rõ ràng minh bạch điều này.

Giáo dục này xác thực có thể cứu xã hội, có thể cứu thế giới này. Lời này không phải tôi nói. Thập niên 70, Tiến sĩ Thang Ân Tử, nước Anh, đã nói. Lời này nói là thật, hoàn toàn không phải giả. Ông ta nói cần phải giải quyết vấn đề của xã hội thế kỷ 21. Vấn đề này hiện nay vô cùng nghiêm trọng, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh với Phật pháp Đại thừa, mới biết đúng đắn và thấu triệt. Điều này thật không dễ! Nhưng không tinh tấn tu học, thì không thể y giáo phụng hành. Những giáo huấn trong kinh điển không nhìn ra được, huống gì hầu như tuyệt đại bộ phận là kinh được phiên dịch hoàn thành trước triều đại Nam Tống. Nhưng vẫn được xem là rất khó gặp. Các đại sư phiên dịch kinh đều có trí tuệ cao độ. Dùng văn tự rõ ràng nhất, gần như là văn bạch thoại. Ngày xưa dùng văn bạch thoại này, khiến giáo dục Phật giáo tuyên truyền phổ biến khắp nơi. Lối hành văn của văn tự trong kinh Phật này, trong văn tự học được xưng là biến văn. Biến của biến hóa, so với cổ văn hoàn toàn không giống nhau, dễ hiểu hơn cổ văn rất nhiều.

Quý vị xem văn chương thời Hán - Đường. Quý vị xem kinh Phật. Kinh Phật này phiên dịch từ thời Hán. Chúng ta so với cổ văn, thì rất dễ hiểu. So ra cổ văn khó hơn rất nhiều, nên người dịch kinh cũng rất dụng tâm. Tuy rất rõ ràng, nhưng bây giờ không có cơ sở văn học, nên vẫn rất khó khăn. Chúng ta học Phật không thể không học thể văn cổ. Bây giờ, thầy giáo dạy thể văn cổ cũng không có. Chúng

ta rất cảm kích các chuyên gia học giả đời trước, bây giờ họ không còn cũng không có người học. Nhưng tư liệu mà họ lưu lại, nếu chúng ta quả nhiên dụng công, có thể đem những bài học này bổ túc thêm.

Nhật báo Đài Loan, xuất bản bộ sách *“Cổ Kim Văn Tuyển”*. Đây là tâm huyết của các chuyên gia học giả đời trước, họ phiên âm rất chính xác, chú giải cũng rất kỹ càng tường tận. Hiện nay, toàn tập hình như có 16-17 cuốn bìa cứng. Nếu chúng ta học tập từ chỗ này, chỉ mất thời gian 2 năm, sau đó đọc kinh Phật sẽ không có chút chướng ngại nào. Việc này không thể không làm, phải cần dùng 2 năm công phu, để tìm cổ văn đem trở về lại. Nó sẽ giúp chúng ta đột phá văn tự trong kinh Phật, chướng ngại văn tự không còn. Chúng ta có thể xem hiểu, mới có thể biết học như thế nào.

Kinh *Vô Lượng Thọ* phiên dịch rất đặc thù. Mấy bản dịch này, nội dung trong đó sâu cạn sai biệt rất lớn. Hoàng lão cư sĩ trong chú giải này nói rất tường tận, văn tự không khó hiểu. Bây giờ, chúng ta đọc tiếp đoạn sau:

“Nhật Bản Nhật Khê sư diệc đồng Trầm thị chi thuyết” (Đại sư Nhật Khê, Nhật Bản, cũng đồng cách nói với Trầm Thiện Đăng). Ở trước là nói Trầm Thiện Đăng cư sĩ thời nhà Thanh. Ông ta là người dưới thời Đồng Trị, cũng là sau Hàm Phong. Trong *“Báo Ân Luận”*, Ngài đã đưa ra vấn đề này. Trong đó, Ngài quan trọng nhất, chính là cho rằng người

phiên dịch, căn cứ không phải một nguyên bản Phạn văn mới có xuất hiện vấn đề như bây giờ. Cách nhìn của Đại sư Nhật Khê, người Nhật Bản với Trầm cư sĩ tương đồng. “*Y vân, dị dịch văn cú, dữ kim kinh, chỉ Ngụy dịch bản*”.

Cuốn sách của Khương Tăng Khải, dịch rất tốt, nên xưa nay, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc học tập kinh *Vô Lượng Thọ* đều thích dùng cuốn của Khương Tăng Khải. Ngài ở thời đại Tào Ngụy Tam Quốc Trung Quốc, là người của thời đó, cũng dịch vào thời đại đó.

“*Sảo sai dị giả bất thiếu*” (Rất nhiều sai khác không ít). Y cứ theo 4 cuốn sách khác, với kinh hiện nay, họ đang áp dụng học tập sách của Khương Tăng Khải. Vừa so sánh đã phát hiện trong đó sai biệt rất lớn.

“*Tư phu, đa dị bản*” (Chúng ta thử suy nghĩ, nhiều cuốn sách bất đồng như vậy).

“*Truyền giả bất nhất*” (Do người truyền nhiều).

“*Cố tri tư dị*” (Cho nên biết, sự sai khác đây). Vì thời đó đều là viết tay, không phải in ấn. Viết tay có khi viết sai, viết sót, viết thành chữ khác, điều này không thể tránh khỏi. Kinh nghiệm này chúng ta đều có.

“*Diệc hoặc phi nhất thời thuyết, lệ như Bát Nhã chư kinh*” (Cũng có khi không phải Phật thuyết một lần, ví như các kinh *Bát Nhã*). Đây chính là Phật nói không phải cùng một lúc mà nhiều lần tuyên giảng.

“Dĩ thử kinh Như Lai bản hoài, xứ xứ dị thuyết, trí thử đa bản. Cái thử đại bi chi cực xứ dã” (Vì kinh này là hoài bão chính của Như Lai, khắp nơi đều nói nên có sai khác, có nhiều bản kinh vậy). Mấy câu này nói rất hay, vì Phật dạy chúng sinh trong một đời tu hành chứng quả.

Trong hết thảy các kinh, bộ kinh này là thù thắng nhất, có lý luận, có phương pháp. Từ xưa đến nay, người y theo bộ kinh này tu hành thành tựu rất nhiều. Đây là đại từ đại bi, không phải nói một lần mà nói rất nhiều lần. Nguyên bản Phạn văn có mấy loại bất đồng. Mỗi lần nói không thể hoàn toàn tương đồng. Tôi y theo cuốn kinh này, cuốn hội tập của Hạ Liên Cư lão cư sĩ. Tôi y theo cuốn sách này giảng bộ kinh này 10 lần. Tôi giảng 10 lần đó, hiện thu vào băng đĩa, mỗi lần đều không giống nhau.

Có người muốn đem nó viết thành giảng ký, hỏi tôi căn cứ vào lần nào. Tôi nói tốt nhất cả 10 lần đều nghe, quý vị cũng làm cuốn sưu tập. Đây là lần thứ 11. Lần thứ 11, chúng tôi sẽ hoàn toàn giảng giải chú giải của Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ. Đây cũng là lần quen biết giữa tôi và Hoàng lão cư sĩ. Ông ta lớn hơn tôi khoảng mười mấy tuổi. Khi viết chú giải này, ông ta đang bệnh, vô cùng đau khổ. Nhưng ngày đêm không nghỉ, đem chú giải này viết hoàn thành. Thật là hy hữu, không dễ dàng gì.

Đây là chư Phật, Bồ tát, chư vị tổ sư đại đức từ bi vô lượng. *“Dĩ thượng chư đức”* (Chư vị đại đức nói trên).

“Giai chủ bản kinh nãi Thế Tôn đa độ tuyên thuyết chi pháp thật hữu sở cứ” (Điều chủ trương cho bản kinh này Thế Tôn thuyết pháp nhiều lần, thật là có căn cứ). Ngày xưa, chư vị đại đức này chủ trương, kinh *Vô Lượng Thọ* xác thực là Thế Tôn nhiều lần tuyên giảng. Không phải như các kinh khác chỉ giảng một lần, không giảng trùng lặp lại. Bộ kinh này rất đặc thù, nhiều lần tuyên giảng.

“Lệ như bản kinh ‘Đường Dịch’ bản danh ‘Vô Lượng Thọ Như Lai Hội’, nãi ‘Đại Bảo Tích Kinh’ trung nhất hội chi văn. Túc chứng Phật thuyết ‘Bảo Tích Kinh’ thời, diệt tuyên thuyết bản kinh dã” (Ví như bản Đường dịch, vốn tên là *“Vô Lượng Thọ Như Lai Hội”*, thì chính là một hội trong kinh văn *Đại Bảo Tích*, đủ chứng tỏ khi Phật thuyết kinh *Bảo Tích* cũng đã thuyết bản kinh này).

“Đại Bảo Tích” là một mục lớn. Trong mục này phân thành hai mươi mấy hội. Mỗi hội là một mục nhỏ. Hơn 20 hội hợp lại thành một mục lớn. Trong mục lớn này, Ngài giảng kinh *Vô Lượng Thọ*. Đề kinh này gọi là *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, một hội trong kinh *Đại Bảo Tích*. Đây chính là chứng cứ của nhiều lần tuyên giảng.

“Trầm thị hựu vân, Ngụy dịch văn từ tường đảm, nghĩa lý viên túc. Cố tự lai giảng gia đa cứ chi. Đường dịch sai dữ”

tương cận, cái đồng nhất phạn bản dã” (Cư sĩ Trầm lại nói: Bản Ngụy dịch, văn từ rõ ràng, nghĩa lý trọn đủ, cho nên trước nay giảng sư phần nhiều y cứ. Bản Đường dịch sự sai khác cũng tương tự, bởi vì đều đồng một nguyên bản Phạn văn). Đường dịch này chính là “*Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*” trong kinh *Đại Bảo Tích*, so với bản dịch lưu hành rộng nhất hiện nay của Khương Tăng Khải (Ngụy dịch), thì giống nhiều, sai biệt ít. Họ phán định đây là một nguyên bản. Một nguyên bản nhưng 2 loại phiên dịch.

Họ nói: “*Tổng dịch diệc thậm minh sớng nhi từ cú tiền hậu đại dị hựu nhất phạn bản dã*” (Họ nói: Bản Tổng dịch cũng rõ ràng sáng sủa, nhưng câu từ trước sau sai khác nhiều. Lại là một bản Phạn vậy). Ở đây, khẳng định không cùng một cuốn.

“*Hán ngô nhị dịch, văn từ chuyết sấp, nhi nghĩa hữu tương bổ bị giả tắc hựu nhất phạn bản dã*” (2 bản Hán, Ngô dịch văn từ vụng về, nhưng nghĩa có vẻ đầy đủ. Lại là một bản Phạn nữa). Đây là xem 5 loại bản dịch hiện nay, ít nhất có 3 bản tiếng Phạn bất đồng. Điều này, nói cũng rất có lý.

“*Trầm thị tuy vị năng trực tòng cổ phạn giáp thủ chứng, dẫn kim nhược tế cứu tồn thế chi ngũ dịch, khả thôi tri đương niên phạn giáp chí thiếu hữu tam chủng, Cổ tri trầm thị chi thuyết khả tín*” (Họ Trầm tuy chưa thể trực tiếp chứng minh từ bản Phạn cổ, nhưng nếu nay nghiên cứu kỹ 5 bản dịch

hiện còn, suy ra biết chí ít có 3 bản Phạn hiện nay lưu hành. Cho nên biết lời họ Trầm nói đáng tin cậy). Truyền đến Nhật Bản, Nhật Bản có mấy vị pháp sư cũng có cách nhìn này.

“Chí ư tha sư hữu nhận vi ngũ dịch chỉ thị đồng bản dị dịch, các bản sai dị chỉ nhân dịch giả ý lạc bất đồng” (Đến các sư khác, thì cho rằng 5 bản dịch là cùng bản Phạn mà dịch khác. Sự sai khác ấy chỉ vì người dịch ý thích bất đồng). Lãn ngộ và cảm thọ của mỗi người không giống nhau, nên nói nguyên bản hình như là một. Có người cũng có cách nhìn này.

Hoàng lão cư sĩ cho rằng: *“Thật vị năng phục nhân”* (Thật chưa có thể thuyết phục người). Cách nói này không có cách nào bảo người tâm phục khẩu phục.

“Lệ như bản kinh tiểu bản Tần Đường lưỡng dịch” (Ví như 2 bản dịch kinh tiểu bản đời Tần và Đường). Tiểu bản là kinh *A Di Đà*. Kinh *A Di Đà* có 2 cuốn, một của La Thập Đại sư dịch.

“La Thập Đại sư nhân Tần nhân thượng giản” (Đời Tần, La Thập Đại sư, người dân chuộng giản dị). Lúc đó, đại sư đến Trung Quốc là thời đại Diêu Tần. Diêu Tần kiến quốc hiện nay là hành lang ranh giới của Cam Túc - Hà Tây. Người xưa thích đơn giản dễ hiểu, chứ không thích phiền phức.

“Nãi nhiếp thập phương Phật vi lục phương Phật, thủ thành dịch giả ứng cơ chi diệu, văn giản ứng cơ, nhi kinh

nghĩa vô thất. Thị thử vi dịch giả chi ý lạc dữ thiện xảo dã” (Bèn thu gọn mười phương Phật thành sáu phương Phật. Đây thật là chỗ diệu dụng ứng cơ của dịch giả. Văn giản lược ứng căn cơ, mà nghĩa kinh không mất. Đó là ý muốn và sự khéo léo của dịch giả vậy). Điều này, có thể nói thông được.

Kinh *A Di Đà* của La Thập Đại sư dịch gọn, còn bản Huyền Trang Đại sư phiên dịch là trực dịch, nói đủ mười phương Phật. La Thập Đại sư dịch thành sáu phương Phật, lược bớt bốn phương. Đây là do người phiên dịch có sở thích và cách nhìn không giống nhau. Nhưng nghĩa trong kinh hoàn toàn không thay đổi.

“Chí ư bản kinh chư dịch chi sai biệt đại dị ư thị, bất đắc tường lược bất đồng, thử nghĩa lý chi thâm quảng diệc dị. Cố bất ứng thị dịch nhân ý lạc bất đồng dã” (Đến như bản kinh này sự sai biệt các bản dịch rất nhiều, không chỉ tóm lược bất đồng mà nghĩa lý sâu rộng cũng khác. Vì thế, không hẳn là do ý thích bất đồng của dịch giả). Thử xem các kinh điển khác, cùng một bản dịch, nhưng khác người dịch. Chúng ta hãy xem 5 bản không giống nhau của kinh *Vô Lượng Thọ*. Hay nói cách khác, khẳng định đây không phải là một bản Phạn văn.

Bên dưới đưa ra một ví dụ nói, ví như *Di Đà đại nguyện*. Điều này rất quan trọng. Nói cách khác, đại nguyện này là tin tức quan trọng mà Phật A Di Đà truyền cho thế nhân. Trong bộ kinh này, đoạn trọng yếu nhất chính là đại nguyện.

“Lệ như Di Đà đại nguyện, nãi tịnh tông chi duyên khởi dữ bản kinh chi cương tông. Nhi thập niệm tất sinh chi nguyện” (Ví như đại nguyện của Phật A Di Đà, chính là duyên khởi của Tịnh tông và tôn chỉ cương lĩnh của kinh này và nguyện mười niệm nhất định vãng sinh). Câu này quá quan trọng. Chúng ta làm sao để vãng sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc? Khi sắp mạng chung, đầu óc phải tỉnh táo, có người nhắc nhở họ niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Mười niệm là có thể vãng sinh. Cơ duyên này là mấu chốt, một đời không gặp Phật pháp, khi sắp mạng chung, trước khi tắt thở có người nói với họ, buông bỏ hết thấy niệm Phật cầu vãng sinh. Cầu vãng sinh là cầu Tịnh độ, họ nghe sẽ có thể tin. Và họ phát nguyện muốn đi. Điều kiện đầu tiên là đầu óc tỉnh táo. Nếu người bị bệnh ngờ ngợ, thì không còn cách nào khác.

Sau khi nghe sẽ hoan hỷ, tin tưởng, phát nguyện. Đây là thiện căn phúc đức của chính họ. Mọi người đứng bên cạnh dẫn họ niệm Phật. Niệm mười tiếng Phật hiệu, họ tắt thở khẳng định vãng sinh Cực Lạc. Đây là bản nguyện của Phật A Di Đà. Điều này quan trọng biết bao! Đây là tinh túy *“Di Đà đại nguyện chi tuý”*.

“Thử nguyện kiến ư Ngự Đường lưỡng dịch” (Nguyện này thấy ghi trong 2 bản dịch Ngự, Đường). Đây là vừa đưa ra một ví dụ, sách của Khương Tăng Khải. Cuốn *Đại Bảo Tích*, kinh *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*, có mười niệm nhất định sinh. Mà nguyện văn trong 2 bản dịch thời Hán - Ngô

không có mười niệm nhất định sinh. Sao lại có sai biệt lớn như vậy? Đây hầu như là việc không thể có.

“Nhược vị Ngụy Đường lưỡng dịch chi tứ thập bát nguyện, dữ Hán Ngô lưỡng dịch chi nhị thập tứ nguyện, chỉ thị dịch bút khai hợp chi bất đồng, tắc thật nan tự viên kỳ thuyết” (Nếu nói 2 bản dịch Ngụy, Đường có 48 nguyện, còn 2 bản dịch Hán, Ngô có 24 nguyện, chỉ là do người dịch chia ra hợp lại có bất đồng, thì nói như thế thật là khó viên thông). Nguyện văn này có 48 nguyện, lại có 24 nguyện, người dịch chắc chắn không thể đem 48 nguyện biến thành 24 nguyện. Cũng nhất định không thể đem 24 nguyện này chia ra thành 48 nguyện. Điều này không thể được, đây khẳng định là do 2 bản Phạn văn bất đồng. Cũng nói rõ khẳng định đức Phật thuyết 2 lần, chứ không phải một lần.

Vì thế, nói: *“Thế gian yên hữu như thị đại đảm chi dịch nhân, cảm suất tự ý vọng san đại nguyện chi tâm tủy”* (Thế gian sao có dịch giả nào cả gan, vọng can tự ý san định tâm tủy của đại nguyện ư!). Đây là cách nhận định của Hoàng Niệm Lão. *“Cố tri tất thị sở cứ chi nguyên phạm bản bất đồng phương hữu thử dị nhĩ”* (Vì thế, biết chắc chắn căn cứ ở các bản Phạn văn bất đồng, nên mới có sự sai khác này). Đại nguyện này, trong 5 bản thì có 3 loại bất đồng, bất đồng quá lớn. Không thể có sai lầm như thế. Có bản 24 nguyện, có bản 48 nguyện, có bản 36 nguyện. Căn cứ thuyết này, ít nhất có 3 loại bất đồng, và Phật tại thế tuyên giảng ít nhất 3 lần.

“Hựu như ‘Ngô dịch’ nhị thập tứ nguyên trung, hữu quốc vô nữ nhân, dữ liên hoa hóa sinh chi thắng nguyên” (Lại như trong 24 nguyên của bản Ngô dịch, có 2 nguyên thù thắng rằng: Không có nước nữ nhân, và toàn là hóa sinh từ hoa sen). Điều này rất quan trọng.

“Nhi Ngụy Đường lưỡng dịch tuy cụ tứ thập bát nguyên” (Bản dịch Ngụy, Đường mặc dù 48 nguyên, lại không có 2 nguyên này).

“Nhược vị nguyên bản thị nhất chư dịch chỉ thị khai hợp bất đồng. Tắc thỉnh vấn ‘Ngô dịch’ thử nhị nguyên tòng hà nhi lai. Hà dĩ nhị thập tứ nguyên trung hữu chi tứ thập bát nguyên chi bản cánh nhiên vô chi. Khả kiến chư dịch sở cứ chi nguyên giáp bất nhất” (Nếu nói nguyên bản là một, chỉ vì dịch giả chia, hợp bất đồng, thì xin hỏi 2 nguyên trong bản Ngô dịch lấy từ đâu? Và sao trong bản 24 nguyên có, mà trong bản 48 nguyên rõ ràng lại không. Có thể thấy, các dịch giả căn cứ nguyên bản Phạn không là một). Chính là nguyên bản Phạn văn không phải một cuốn.

“Chính như Trầm Thiện Đăng thị sở thuyết bản kinh mong Thế Tôn đa độ tuyên thuyết. Hựu nhân phạn giáp dị thoát lạc nãi hữu bất đồng chi nguyên bản nhĩ. Tòng thượng chi lệ, khả kiến hội tập chư dịch thật hữu tất yếu” (Đúng như Trầm Thiện Đăng nói. Kinh này được Thế Tôn tuyên thuyết nhiều lần. Lại vì bản Phạn cũng có thất thoát, mới có các nguyên bản bất

đồng thôi! Từ những dẫn chứng nêu trên, có thể thấy việc hội tập các bản dịch là điều tất yếu). Trong 5 cuốn sách này khác biệt rất lớn, sâu cạn không giống nhau. Đây là lúc Thế Tôn tại thế, vì căn cơ thính chúng bất đồng, nên thiện xảo phương tiện tuyên giảng cũng không tương đồng. Khi kết tập kinh tạng, hết thấy đều kết tập, nên nguyên bản không đồng, không phải cùng một bản. Và cả 5 bản đều được lưu truyền.

Hôm nay, chúng ta phải học tập, cần phải đọc cả 5 bản này. Vì sao? Trong đó có rất nhiều điều quan trọng. Chẳng hạn như cuốn này có mà cuốn kia không có. Nếu ta đọc một bản, thì sẽ không đạt được tin tức viên mãn. Chúng ta nên nghe cả 5 lần, mới thật sự thấu triệt. Như vậy, đối với người sơ học không tiện lợi. Học kinh *Vô Lượng Thọ* phải học cả 5 bản. Trải qua nhiều thời đại học Tịnh độ, đều học kinh *A Di Đà*. Người học kinh *Vô Lượng Thọ* không nhiều, nguyên nhân là như vậy. Kinh *Vô Lượng Thọ* quá nhiều bản, không có bản nào hoàn thiện cả, nên cổ nhân mới nghĩ đến sưu tập các bản dịch quan trọng thành Tập Đại Thành.

Tập Đại Thành của 5 loại nguyên bản dịch, biên tập thành bản mới. Điều này rất cần thiết.

“*Thị dĩ tông Tổng chí kim*” (Vì thế, từ đời Tống đến nay), Vương Long Thư nhà Tống là người đầu tiên làm. Tên của Vương Long Thư là Nhật Hưu. Nhật của nhật nguyệt, Hưu của hưu tức, gọi là Vương Nhật Hưu. Long Thư là địa danh,

địa danh này ở Thư Thành, An Huy, cạnh bên Lô Giang chúng tôi. Ông ta người Đồng Thành Phái, người ở địa bàn này, ông là người Thư Thành, là người làm sách sưu tầm đầu tiên. Người đầu tiên làm sách sưu tầm là một nhà học vấn. Đại thiện tri thức phát tâm này. 5 loại nguyên bản dịch, ông ta chỉ xem 4 bản. Bản dịch đời Đường “*Bảo Tích Kinh*”, trong đó mục *Vô Lượng Thọ*, ông không nhìn thấy.

Nói cách khác, bộ sưu tập này của ông vẫn bị sót, không thể gọi là hoàn chỉnh. Nhưng bộ sưu tập này rất tốt. Đích thực thì sau khi xuất bản, được nhập vào “*Long Tạng*”. Nhật Bản thu nhập vào “*Đại Chính Tạng*”. Học tập kinh *Vô Lượng Thọ*, người dùng cuốn sưu tập của ông ta rất nhiều, so với người đọc bản của Khương Tăng Khải còn nhiều hơn. Đến Liên Trì Đại sư chú giải kinh *Di Đà Số Sao*, dẫn dụng kinh văn của kinh *Vô Lượng Thọ*, đều dùng bản sưu tập của Vương Long Thư. Có thể thấy nó ảnh hưởng rất lớn.

Thứ hai là Bành Nhị Lâm, chính là Bành Tế Thanh. Bành Tế Thanh làm cuốn này là hiệu chính, là dùng bản của Khương Tăng Khải. Trong bản của Khương Tăng Khải có rất nhiều chỗ khó đọc, nên ông ta đem văn tự chỉnh lý lại, cũng đồng nghĩa là hiệu đính, lược bớt. Ông ta dùng một bản, không thể gọi là hội tập.

Lần thứ hai hội tập là Ngụy Mặc Thâm (Ngụy Nguyên), là người nhà Thanh, niên đại Hàm Phong.

Lần thứ ba là cư sĩ Hạ Liên Cư, và tiên sư Hạ Liên Cư là lần thứ ba hội tập, vào năm đầu của Dân quốc. Thật không dễ. Bản hội tập này của ông xuất bản lần đầu tiên, trong tay tôi còn có một bộ, là bản tuyển trang. Không giống với bản chúng ta hiện nay. Bản của chúng ta hiện nay phân thành 48 phẩm. Nguồn gốc sớm nhất của hội tập này là 37 phẩm. Đại khái lấy ý nghĩa 37 đạo phẩm để hội tập.

Từ Châu Pháp sư ở Tế Nam, Bắc Kinh, từng giảng qua, mà còn làm qua khoa phán. Khoa phán này của ông, Hoàng Niệm lão tặng tôi một phần. Hoàng Niệm lão in ra một phần tặng tôi. Tôi vẫn còn bộ tư liệu này. Bản hiện tại là sau khi Hạ Lão cư sĩ hội tập đã sửa 10 lần. Sửa đổi 10 lần mới hoàn thành định bản này. Định bản này, tôi cũng làm khoa phán cho nó, làm rất tường tận, nên chúng ta có khoa hội. Ở đây có lưu hành, chư vị đều có thể xem được. Khoa hội phân rất kỹ cang. Toàn kinh, tư tưởng hệ thống, văn chương mạch lạc, xem qua là hiểu. Ta có thể xem hiểu bản này, thì đối với kinh Phật mới sinh tâm bội phục kính ngưỡng. Tâm này tự nhiên sinh ra.

Đoạn này giảng về 5 loại nguyên bản dịch. Bên dưới sẽ nói về 4 loại hội tập và hiệu chính.

“Dĩ thượng ngũ dịch, hồ hữu ưu liệt chương hối” (5 bản dịch trên, đều có chỗ sở trường và khiếm khuyết).

“Liệt như thập niệm đắc sinh chi bản nguyện dữ nhất hướng chuyên niệm chi yếu chỉ, ư Hán Ngô lưỡng dịch tắc vị

chương” (Ví như bản nguyện mười nguyện được vãng sinh, và yếu chỉ một hướng chuyên niệm ở 2 bản dịch Hán, Ngô không đề cập đến).

“Chí ư ngũ ác ngũ thống ngũ thiêu chi hoằng văn, nãi Thế Tôn khổ khẩu bà tâm chi cáo giới, ư Đường Tống lưỡng dịch tấ bất cụ” (Đến như văn nói rộng về Ngũ ác, Ngũ thống, Ngũ thiêu thì trong 2 bản dịch của Đường, Tống không). Đoạn văn này vô cùng quan trọng.

Chúng ta hôm nay vì các bạn học Tịnh độ, tuyển chọn và quyết định khóa tụng sáng chiều. Còn thời buổi tối thì đọc đoạn văn này. Ngụy dịch là bản của Khương Tăng Khải. Bản này phiên dịch hoàn bị hơn. *“Vi chư dịch quan”*, đứng đầu trong các bản dịch và lưu hành rộng nhất. *“Đản ư quốc vô nữ nhân, dữ liên hoa hóa sinh lưỡng nguyện”* (Nhưng 2 nguyện: ở nước không có nữ nhân và hóa sinh từ hoa sen). 2 nguyện này nó không có. Trong bản dịch này không có.

“Cổ Tống Long Thư Vương Nhật Hưu luận chư dịch vân. Kỳ đại lược tuy đồng nhiên kỳ trung thậm hữu sai hổ” (Cho nên, đời Tống trong Long Thư, Vương Nhật Hưu nhận định các bản dịch nói: Nhìn chung, đại để thì đồng, nhưng đều có sai biệt trong đó). Ở đây, chính là nói 5 bản dịch này, đem nó so sánh đối chiếu, và nhìn thấy sự sai biệt.

“Hựu kỳ văn hoặc thất ư thái phồn nhi sử nhân yếm quan” (Lại văn từ sai lạc, rườm rà khiến người xem chán). *“Hoặc*

thất ư thái nghiêm, nhi táng kỳ bản chân, hoặc kỳ văn thích trung, nhi kỳ ý tắc thất chi” (Hoặc văn quá nghiêm túc mà mất đi cái chân thật vốn có, hoặc văn thì đúng mà ý thì sai). Có rất nhiều khuyết điểm.

“Do thị Thích Ca Văn Phật sở dĩ thuyết kinh, A Di Đà Phật sở dĩ độ nhân chi chỉ vãn nhi vô tự” (Do vậy, ý chỉ Phật Thích Ca văn sở dĩ thuyết kinh, Phật A Di Đà sở dĩ độ sinh, không có thứ tự). *“Uất nhi bất chương”* (Chìm ẩn mà không rõ). Đây là những hoằng nguyện độ nhân của Thế Tôn với Phật A Di Đà, không có cách nào hiện lên rõ ràng. *“Dư thâm tích chi”* (Tôi rất làm tiếc). Tôi tức là Vương Long Thư cư sĩ. Ông ta phát tâm làm bản tập hội này.

“Ư thị nãi thủ Hán Ngô Ngụy Tống tứ dịch, hiệu chính hội tập tự vi nhất kinh, danh viết Đại A Di Đà Kinh” (Bởi thế bèn lấy 4 dịch bản: Hán, Ngô, Ngụy, Tống hiệu chính hội tập làm một kinh, gọi là *Đại A Di Đà Kinh*). Đây là mở đầu của bản hội tập kinh *Vô Lượng Thọ*. Ở triều Tống có bản như vậy.

“Hiệu hội chi bản” (Bản có sửa chữa), từ nhà Tống đến nay hết thấy có 4 bản:

Bản thứ nhất: *“Đại A Di Đà Kinh, Tống quốc học Tiến sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu hiệu tập”* (*Đại Kinh A Di Đà*, nước Tống, Tiến sĩ Long Thư Vương Nhật Hưu hiệu chính biên tập). Ông ta không nói phiên dịch. Ông ta không phải phiên dịch. Ông ta hiệu đính đối chiếu và biên tập lại.

Bản thứ hai: *“Vô Lượng Thọ Kinh, Thanh Bồ tát giới đệ tử Bành Tế Thanh tiết hiệu”* (Kinh Vô Lượng Thọ, do đệ tử thọ Bồ tát giới Bành Tế Thanh, đời Thanh, hiệu đính chi tiết).

Bản thứ ba: *“Ma Ha A Di Đà Kinh đã thị Thanh Bồ tát giới đệ tử thừa quán thiệu dương nguy nguyên hội dịch”* (Ma ha A Di Đà Kinh cũng là đời Thanh, đệ tử thọ Bồ tát giới Thừa Quán Thiệu Dương Nguy Nguyên dịch). Đây là bản hội tập lần thứ hai, tên gốc là *Vô Lượng Thọ Kinh*. *“Hậu kinh chính định Vương Âm Phúc cư sĩ hiệu đính tịnh cải kim danh”* (Sau kinh chính đề là Vương Âm Phúc cư sĩ hiệu đính và đổi tên như nay). Ông ta đổi thành *Ma Ha A Di Đà Kinh*.

Bản thứ tư chính là bản chúng ta đang dùng, *“Phật thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh”*. Hiện đại Bồ tát giới đệ tử Vận Thành Hạ Liên Cư hội tập” là bản mà chúng ta hiện tại đang dùng.

“Ư thị bản kinh nãi hữu ngũ chủng nguyên dịch bản, tứ chủng tiết hội tập, cộng hữu cứu chủng” (Do đó, bản kinh này có 5 bản dịch gốc và 4 bản hội tập chi tiết, tổng cộng là 9 bản). 9 bản này, chúng ta đã từng in thành một bộ, lượng lưu hành cũng rất lớn, tiện lợi cho mọi người thích nghiên cứu khảo sát, tiện lợi cho họ làm tham khảo.

“Ngũ dịch chi trung ‘Ngụy dịch’ lưu truyền độc quảng, Vương bản nhất xuất thủ nhi đại chi” (Trong 5 bản dịch, chỉ bản Ngụy dịch lưu truyền rộng, còn bản Vương, một khi xuất

bản, đều được lấy dùng thay thế các bản khác). Bản Vương chính là *Đại A Di Đà Kinh* của Vương Long Thư.

“Liên Trì Đại sư ‘Sớ sao’ trung, ngữ tắc đa tựu Vương văn. Dĩ Vương bản thế sở thông hành, nhân tập kiến cố” (Trong *Sớ Sao* của Liên Trì Đại sư giảng phần nhiều y theo văn bản của Vương. Vì bản Vương thông dụng ở đời, mọi người đều quen).

“Thanh mạt Ấn Quang pháp sư diệc xưng Vương bản vi văn nghĩa tường tất, dĩ thế lưu thông. Do thượng khả kiến Vương bản tại ngã quốc chi lưu thông viễn quá Ngụy dịch” (Cuối đời Thanh, Ấn Quang Đại sư cũng khen bản họ Vương văn nghĩa rõ ràng đầy đủ, lưu hành rộng rãi ở đời. Qua đó thấy, bản Vương ở Trung Quốc lưu hành vượt xa bản Ngụy dịch). Sau khi bản hội tập này ra đời, mọi người đều thích bản này, và 5 bản dịch này đều không còn học nữa, mà học bản của Vương Long Thư.

Bên dưới nói: *“Vương bản tuy thậm lưu thông, tịnh thâm nhập Long tạng dĩ Nhật bản Đại chính tạng. Đản Vương thị chi tác tắc hữu đắc hữu thất”* (Bản Vương tuy lưu hành tốt, và được thu vào trong *Càn Long Tạng* và *Đại Chính Tạng Nhật Bản*, nhưng họ Vương khi làm đều có chỗ được, chỗ mất), cho nên nó vẫn còn tì vết. Có thể thấy việc này thật không dễ. *“Liệt như sớ sao vân”* (Ví như trong *Sớ Sao* nói). Đây là lời của Liên Trì Đại sư. *“Vương thị sở hội, giáo chi ngụy dịch, giản dị minh hiển, lưu thông kim thế, lợi ích thậm đại”*

(Họ Vương hội tập, so với 5 bản dịch kia, thì rất giản dị rõ ràng, lưu hành đời nay, lợi ích rất lớn). Trước tiên là khen ngợi. *“Đản kỳ bất do phạn bản, duy chước hoa văn, vị thuận dịch pháp”* (Nhưng ông ta không từ bản Phạn dịch, mà chỉ gia giảm theo văn bản chữ Hán, chưa thuận theo phương pháp dịch), và biên tập lại.

“Nhược dĩ phạn bản trùng phiên” (Nếu dịch lại bản Phạn), sẽ thành 6 bản dịch, mọi người sẽ không bàn luận về ông ta. *“Cố bỉ bất ngôn dịch nhi ngôn hiệu chính dã”* (Cho nên ông ta không nói dịch, mà nói hiệu chính vậy). Đây là chỗ cần thận của Long Thư. Vậy vấn đề của ông ta ở đâu? *“Hựu kỳ trung khứ thủ cựu văn, diệc hữu vị tận”* (Lại trong văn bản cũ, ông ta cũng chưa chọn lọc hết). Đây là nói so với 4 loại bản dịch, chúng ta làm sao để lựa chọn, đây là kiến thức. Ông ta chọn chưa được thoả đáng. Ở đây, có đưa ra ví dụ: *“Như tam bối vãng sinh”* (Như ba hạng vãng sinh). Điều này rất quan trọng. *“Ngụy dịch giai viết phát Bồ đề tâm”* (Bản Ngụy dịch nói, 3 hạng thượng, trung, hạ đều phát Bồ đề tâm). Nhưng *“Vương thi duy trung bối phát Bồ đề tâm”* (Trong Long Thư, họ Vương chỉ nói hạng trung phát Bồ đề tâm), còn hạng hạ nói là không phát, hạng thượng thì không đề cập đến. Đây là một đoạn kinh văn vô cùng quan trọng. Vấn đề ở đây rất nghiêm trọng, *“Tắc cao hạ thất thứ. Thả văn trung đa thiện căn toàn tại phát Bồ đề tâm nhi tam bối bất đồng, đồng nhất phát tâm”* (Tức hạng thượng và hạ mất phần. Vả lại, trong

văn nói phần nhiều thiện căn hoàn toàn đều do phát Bồ đề tâm, cả 3 hạng tuy không bằng, nhưng đều đồng nhất phát Bồ đề tâm). *“Phát Bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm”* (Phát Bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm), đây là điều kiện quan trọng nhất để vãng sinh. Bản hội tập của Vương Long Thư, ở chỗ này có vấn đề. Hạng thượng thì không nói đến, hạng hạ nói là không phát Bồ đề tâm. Điều này không thể, đây là sai lầm nghiêm trọng.

“Liên Trì đại sư sở luận tinh yếu, chính trung yếu hại, Vương thị tự tự trung hữu văn tuy tập nhi thất thống, thác loạn nhi bất luân giả. Tắc dụng kỳ ý nhi tu kỳ từ” (Liên Trì Đại sư luận rất cốt yếu, đó là những điểm chính trong chính bản. Họ Vương thì tự nói trong lời Tựa rằng, đối với văn chính bản vụn vặt, tập nạp không thống nhất, lẫn lộn mà không thứ tự, thì dùng ý mà tu sửa câu từ). Nói văn kinh nguyên bản dịch, tức nguồn gốc 4 bản kinh văn phiên dịch. Dùng ý ở đây là dùng văn tự của mình để nói đại ý trong kinh. Điều này, cổ nhân đã có bàn luận. Vì ta biên tập sách của người khác, nhất định phải dùng văn tự gốc của họ, không thể dùng văn tự của mình để thay đổi. Với suy nghĩ này triển khai, về sau phiên phức rất lớn. Mỗi người đều có thể sửa đổi kinh, như vậy kinh sẽ sửa thành như thế nào đây. Nhất định không thể chỉnh sửa. Hội tập cần phải giữ quy tắc. Đây là Long Thư có nhiều khi đã dùng ý của mình, đem văn tự gốc sửa đổi. Điều này bị người đời sau chỉ trích.

“Thị chính Liên Trì đại sư sở chỉ, bất do phạn bản, vị thuận dịch pháp chi thâm bệnh” (Đây chính là Liên Trì Đại sư đã chỉ ra cái bệnh nặng của người không thuận theo phương pháp dịch từ Phạn bản). Liên Trì Đại sư nói rất hàm súc. Hoàng lão nói rõ cho chúng ta, chúng ta đã hiểu rõ đã minh bạch. Bậc cổ nhân trách cứ người cũng rất nhân hậu, cũng không phải dùng lời rõ ràng để trách cứ. Rất nhân đạo, rất uyển chuyển. Đây đều là chỗ mà chúng ta nên học tập.

“Kim nãi hội tập, yên năng bất thủ nguyên ngữ” (Nay thì hội tập sao có thể không giữ ngữ nghĩa nguyên bản). *“Nhi nhậm ý hành văn thị nãi vạn vạn bất khả dã”* (Tùy ý hành văn, thật muôn vàn không thể được). Đây là một cấm kỵ rất lớn. *“Chí ư tam bối phát tâm diệc nhiên, thiện cải Ngụy dịch hựu phục cao hạ thất thứ”* (Đến như 3 hạng phát tâm cũng vậy, tự tiện sửa đổi bản Ngụy dịch, lại còn để hạng cao, thấp mất phần). 3 hạng phát tâm là phát Bồ đề tâm. Hạng thượng không đề cập đến, hạng hạ nói không phát, chỉ hạng trung phát Bồ đề tâm. Đây là một sai lầm nghiêm trọng. Đây là *“Vương bản nan yểm chi tỳ”* (Là sai sót không nhỏ của bản Long Thư họ Vương).

Đối với bản thứ hai *“Thanh Càn Long Bành Nhị Lâm, danh Thiệu Thăng”* (Đời vua Càn Long, nhà Thanh, cư sĩ Bành Nhị Lâm, tên Thiệu Thăng), còn một tên là Tế Thanh - Bành Tế Thanh. *“Diệc ư Vương bản nghĩa hữu vị an”* (Cũng thấy bản họ Vương nghĩa có chỗ chưa ổn). Ông ta đối với

bản của Vương Long Thư cũng nghiên cứu rất sâu. “*Ư sở trước Vô Lượng Thọ Kinh Khởi Tín Luận trung, luận Vương bản viết, Vương thị bản giáo vi sướng đạt, cận thế thông hành, nhiên hữu khả nghị giả. Như tự phân trung du bộ thập phương dĩ hạ quảng minh Bồ tát hạnh nguyện, vi linh hành giả phát khởi đại tâm, tích tập đức bản, cứu cánh thành Phật. Nãi thị thử kinh khai chương yếu lĩnh nhi vương thị san chi*” (Trong *Khởi Tín Luận Vô Lượng Thọ* do ông trước tác đã luận về bản họ Vương rằng: Bản của họ Vương so ra thì cũng thông suốt, cận thế lưu hành, nhưng cũng có nhiều bàn luận. Trong phần Tựa, câu “*Du bộ thập phương*” trở xuống là nói rộng về hạnh nguyện Bồ tát để khiến cho hành giả phát khởi đại tâm, tích tập gốc đức, rốt ráo thành Phật. Đó chính là cương lĩnh chính yếu khai chương của kinh này, nhưng họ Vương lại cắt bỏ). Trong bản hội tập của Long Thư không có đoạn này. Đoạn này vô cùng quan trọng, nhưng ông ta đã sơ suất.

“*Chí vãng sinh thượng hạ nhị bối nhất san khứ phát Bồ đề tâm*” (Đến như 2 hạng thượng, hạ, ông lược bỏ việc phát Bồ đề tâm). Ông ta không nói, hạng thượng phát Bồ đề tâm, còn hạng hạ thì ông ta nói không phát.

“*Thai sinh nhất tiết, san khứ nghi hoặc, Phật trí nãi chí thắng trí*” (Một đoạn Thai sinh, ông lược bỏ phần nghi hoặc Phật trí cho đến thắng trí). 5 câu kinh văn này vô cùng quan trọng. Ông ta không đem nó đưa vào trong, cho nên “*Tiền*

tắc quai thành Phật chi chính nhân” (Trước là trái với chính nhân thành Phật), chính là phát Bồ đề tâm. *“Hậu tắc thất vãng sinh chi chính trí”* (Sau thì mất chính trí vãng sinh), chính là nghi hoặc Phật trí. Cho đến *Thánh trí*, ông ta đã sơ suất đoạn văn tự này, nên mất chính trí vãng sinh.

Con người vì sao lại thai sinh? Thế giới Tây Phương Cực Lạc vì sao có thai sinh? Sinh đến biên địa Cực Lạc cũng xem là không tệ. Vì sao sinh đến chỗ này? Đối với thế giới Cực Lạc chưa đủ tín tâm. Tín tâm không đủ mà thật niệm Phật, thật nguyện ý cầu vãng sinh, giống như cá độ vậy, có thì tôi thành công, không thì thôi. Chính ý niệm này, họ không thể nhập phẩm vị, mà sinh đến biên địa. Như vậy cũng rất khó gặp, họ đã thật sự làm. Tuy họ có vấn đề, nhưng họ đã thật sự làm. Lỡ như thật, không phải tôi đã thành công rồi sao? Quý vị xem, chỉ một ý niệm sai lầm, trong tín tâm bị khiếm khuyết, nên họ sinh đến biên địa. Từ biên địa đến thế giới Cực Lạc phải mất 500 năm. Sau 500 năm, họ tin tưởng, tín tâm thanh tịnh, nghi hoặc không còn, mới có thể nhập vào hạ phẩm hạ sinh. Họ thấp hơn một bậc so với hạ phẩm hạ sinh. Vì thế, nhất quyết không thể có nghi hoặc Phật trí, không được nghi hoặc.

“Tha như tự thứ nguyện văn hậu tiên suyễn thác, giai đương hiệu chính. Bành thị giám ư Vương bản chi thất, nãi chuyên tự ‘Ngụy dịch’ khứ kỳ phồn phức, tịnh án Vân Thê bản” (Ông ta như trình bày thứ tự nguyện văn, trước sau lần

lộn, đều nên hiệu chính. Họ Bành soi thấy các lỗi trong bản họ Vương, bèn chuyên dựa vào bản Ngụy dịch, bỏ đi phần rườm rà, và căn cứ theo bản của Ngài Vân Thê). Vân Thê là Liên Trì Đại sư.

“Tăng nhập tứ thập bát nguyện tiên hậu số mục, nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh, thị vi đệ thất bản” (Thêm vào số mục 48 lời nguyện, vẫn gọi là *Vô Lượng Thọ Kinh*, đó là bản thứ 7). *“Vương bản vi đệ lục bản”* (Bản của Vương Long Thư là bản thứ 6). Bành Tế Thanh là bản thứ 7. Nhưng bản của ông ta là Ngụy dịch, chính là bản lược bớt của Khương Tăng Khải, đem những chỗ rườm rà xóa bỏ, làm thành bản chi tiết. Dem 48 nguyện thêm điều mục vào. Bản này cũng có lưu hành, nhưng không rộng.

Vì thế, *“Đản thử bản chỉ thị Ngụy dịch chi tiết hiệu bản, nhi phi chư dịch chi hội tập bản”* (Bản này chỉ là bản chi tiết sửa chữa của bản Ngụy dịch, mà không phải bản hội tập các bản dịch). So sánh 2 bản, bản của Bành Tế Thanh tốt hơn bản của Khương Tăng Khải, vì đọc rất thuận. *“Cận đại Đinh Phúc Bảo cư sĩ tác Vô Lượng Thọ Kinh tiên chú”* (Cận đại, có cư sĩ Đinh Phúc Bảo làm *Vô Lượng Thọ Kinh Tiên Chú*). Ông ta căn cứ bản sửa chi tiết của Bành Tế Thanh, nhưng bản của họ Bành *“vị năng cứu Vương thị hội bản chi bệnh”* (không thể cứu những sai sót của họ Vương), nên nó không thể được xưng là bản hoàn thiện.

Bây giờ, đến bản ở dưới. Thời nhà Thanh, dưới triều đại Hàm Phong, cư sĩ Thiệu Dương Ngụy Thừa Quán “*vị chư dịch cập vương thị hội tập do vị tận thiện, nãi hội tập ngũ chủng nguyên dịch, biệt thành nhất bản, nhưng danh Vô Lượng Thọ Kinh*” (nói: Các bản dịch và bản hội tập của họ Vương vẫn chưa hoàn thiện, bèn hội tập 5 bản dịch gốc làm riêng thành 1 bản, vẫn gọi là *Vô Lượng Thọ Kinh*). Bên dưới nói “*Ngụy thị chi bản, tập ngũ chủng nguyên dịch, thị vi ngũ hội chi thủy*” (Bản của Ngụy, tập hợp 5 loại dịch gốc đó là khởi đầu của hội tập 5 bản). 5 loại nguyên bản dịch ông ta đều xem. “*Vương thị chỉ thị tứ hội bản*” (Bản họ Vương chỉ hội tập 4 bản). “*Sở hội vị cập Đường dịch*” (Bản chưa hội tập là bản Đường dịch), chính là *Đại Bảo Tích Kinh Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*. Bản này ông ta chưa xem. “*Đồng Trị trung*” (Trong năm Đồng Trị). Sau Hàm Phong là Đồng Trị. Đồng Trị là thời Từ Hy Thái hậu nhiếp chính, sau khi Hàm Phong qua đời, vị tiểu Hoàng đế này do mẹ nắm quyền.

“*Vương Âm Phúc cư sĩ cực sùng Ngụy bản*” (Cư sĩ Vương Âm Phúc rất sùng chuộng bản Ngụy). “*Tằng thân ký vân, cận thế Thiệu Dương Ngụy cư sĩ phục bản Vân Thê đại sư chi thuyết, biến khảo chư dịch, biệt vi nhất thư, bao cử cang tông, văn từ giản đương. Nãi đắc vi thị kinh chi quan miện*” (Từng đích thân ghi nhận: Cận thế, bản của cư sĩ Thiệu Dương Ngụy lại dựa trên thuyết giảng của Liên Trì Đại sư, tham khảo khắp các bản dịch, làm riêng thành một sách,

bao quát chung, nêu lên cương lĩnh tôn chỉ, văn từ giản dị. Chính là bản hội tập đứng đầu của kinh này). Đây là lời tán thán đối với bản của Ngụy Mặc Thâm. *“Vương thị phục bác khảo chúng bản, thủ tự hiệu thù, tịnh định kinh danh vi Ma ha A Di Đà kinh”* (Ông Vương lại tham khảo rộng ở các bản, tự tay hiệu đính, và định tên kinh là *Ma Ha A Di Đà Kinh*). Đây là bản kinh thứ 8.

“Ngụy thị phát tâm quảng đại, phục tinh u văn tự. Vi cứu Vương Long Thư cư sĩ đồ soạn kinh văn chi thất, bị thủ ngữ dịch, hội thành nhất kinh. Lực cầu cú cú hữu lai lịch, kỳ thành thiện bản, sở nguyện cực thắng, sở thành diệc vĩ. Kỳ sở hội tập viễn siêu Vương bản. Vương Âm Phúc cư sĩ tán chi vi bản kinh, bát chủng chi quan, diệc phi quá dư” (Họ Ngụy phát tâm rộng lớn, lại tinh thông văn tự, vì để cứu chữa những lỗi sai thiếu căn cứ trong khi soạn kinh văn của cư sĩ Vương Long Thư, nên lấy đủ 5 bản dịch hội tập thành một bản kinh. Lại ra sức tìm cầu lai lịch từng câu, mong trở thành bản hoàn thiện nhất. Sở nguyện thật thù thắng, thành tựu thật to lớn. Hội tập của ông ta vượt xa bản họ Vương. Cư sĩ Vương Âm Phúc ngợi khen bản này đứng đầu trong 8 bản, cũng không phải là quá đáng). Những lời này là của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói.

Nhưng đằng sau vẫn còn nuôi tiếc. *“Ngụy thị tuy nguyện lực bố Vương thị đồ soạn chi quá, tích vị toàn miễn”* (Họ Ngụy tuy nguyện lực muốn bỏ khuyết những sai phạm thiếu căn

cứ của họ Vương, nhưng vẫn tiếc là chưa hoàn toàn). Ông ta cũng phạm trục trặc này, tự ý sửa đổi kinh văn trong nguyên bản dịch, văn tự cũng sửa. *“Tư cử kỳ lạc lạc đại giả như hạ”* (Nay nêu ra những lỗi rõ ràng đó như sau: Có 3 điều:

Thứ nhất, *“Ngụy bản đệ nhị nguyện viết, thiết ngã thành Phật, quốc trung thiên nhân, thuần thị hóa sinh, vô hữu thai sinh, thử trung vô hữu thai sinh tứ tự, chư dịch giai vô”* (Bản Ngụy, trong nguyện thứ 2 ghi: Giả sử ta thành Phật, Trời, Người trong nước thuần là hóa sinh, không có thai sinh. Câu “không có thai sinh”, các dịch giả khác đều không có). Vậy nó từ đâu đến? Câu này là ông ta tự thêm vào. Đây là nêu ra những sai sót của ông ta. *“Thả thử tứ tự dĩ nguyên dịch văn tương vi”* (Vả lại, câu này trái nghịch với văn dịch gốc). Vì sao lại trái nghịch? Bản dịch thời nhà Ngụy nói, trong bản kinh của Khương Tăng Khải có câu như vậy: *“Phật cáo Di Lặc, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sinh giả”* (Phật bảo Bồ tát Di Lặc, nhân dân trong nước kia, có loại thai sinh). Tại sao trong này lại nói không có thai sinh? *“Đường Tống lương dịch đồng chi”*. Hai bản dịch nhà Đường và Tống này, đều có câu này, đều có nói đến thai sinh. *“Nhi Ngụy thị cánh vị vô hữu thai sinh, thử bảo vi nan yếm chi tỳ dĩ”* (Họ Ngụy rất cục lại nói không có thai sinh. Đây là lỗi lầm khó bỏ qua vậy).

Thứ hai, *“Ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu nhất đoạn số thiên ngôn”* (Ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu... một đoạn này nói đến vài ngàn lần). Đoạn này rất dài. Bản họ Ngụy đã lược bỏ, viết

thành: “*Sinh thời thống, lão thời thống, bệnh thời thống, tử thời thống, hoạn nạn cùng khổ thống. Dâm dục hoả thiêu, sân phần hoả thiêu, tham đạo hoả thiêu, tà nguy hoả thiêu, ngu si hoả thiêu. Thị vi ngũ thống ngũ thiêu. Nguy cư sĩ nguyên nguyện vô nhất tự bất hữu lai lịch, tích vị năng quán triệt sơ trung*” (Đau lúc sinh, đau lúc già, đau lúc bệnh, đau lúc chết, đau lúc hoạn nạn cùng khổ. Lửa dâm dục thiêu, lửa sân hận thiêu, lửa tham trộm thiêu, lửa gian dối thiêu, lửa ngu si thiêu. Đó là Ngũ thống, ngũ thiêu. Trong khi ban đầu, cư sĩ Nguy nguyện không để một chữ nào không có lai lịch, rất tiếc ông ta đã không tuân thủ). Đoạn trên này, các bản dịch khác không có lai lịch. Đoạn này không phải là văn lược bớt, mà ông ta dùng ý mình đem ngàn chữ kinh văn cô đọng lại thành như vậy. Đây hoàn toàn là ông ta tự viết không phải là nguyên văn. Nếu từ nguyên văn mà lược bớt, thì không cách gì để nói. Đây không phải nguyên văn, hoàn toàn là trích ý của mình, cho nên đây không có căn cứ.

Thứ ba, “*Nguy thị hội bản vị Cực Lạc chi cung điện lầu quán, đường vũ phòng các, hoặc xứ hư không, hoặc tại bình địa, hoặc y bảo thụ nhi trụ*” (Bản hội tập họ Nguy nói ở nước Cực Lạc, lầu quán, cung điện, hoặc trụ ở trên đất bằng, hoặc trụ ở trên hư không, hoặc trụ dựa vào cây báu). Câu “*Hoặc y bảo thụ nhi trụ*” có vấn đề. Câu này trong 5 bản dịch đều không có. Đây cũng là ông ta tự nghĩ ra, không có căn cứ. “*Hội bản trung, quá thị dĩ hậu, Vô Lượng Thọ Kinh diệt diệt.*

Duy dư A Di Đà Phật tứ tự quảng độ quần sinh” (Lại, trong bản này nói, trải qua sau này, kinh *Vô Lượng Thọ* cũng mất, chỉ còn 4 từ: A Di Đà Phật, để rộng độ quần sinh). Đoạn văn này trong 5 nguyên bản dịch không có.

“Do thượng khả kiến thị chi bản dữ tiền chư bản tương giáo. Tuy hậu hậu thắng ư tiền tiền, tích nhưng vị năng tận miễn suất tăng quai suyễn chi quá. Đản thử cự thất, thế tại tất cứu dĩ miễn hậu thế nhân tập thậm chí oán cải kinh văn. Cố tu phòng vi đồ tiêm, tuyệt thử tội nguyên” (Do đây có thể thấy, bản họ Ngụy so với các bản trước đó, mặc dù có khá hơn trước, nhưng đáng tiếc vẫn chưa hết khỏi những sơ suất, lầm lẫn. Với lỗi lầm lớn ấy, chắc chắn phải cứu chữa, tránh để đời sau noi theo đó, thậm chí sửa đổi kinh văn. Vì thế, ngăn chặn cái nhỏ dần dần, mà dứt được nguồn tội về sau).

Đây là lời bình của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đối với ông ta. Điều này rất quan trọng, vì những gì của cổ nhân, mặc dù sai cũng không được sửa nó. Phải làm sao? Dem tư duy của mình viết một bên. Viết và chú giải một bên, không được tùy tiện sửa nó. Nếu tùy tiện sửa đổi, tình hình này mà đem ra thì thật không thể tưởng. Sau này, mọi người xem thấy chỗ nào không thông, không nên như vậy. Tôi sửa một câu, anh cũng sửa một câu, và như thế lưu truyền đến mấy trăm năm sau, thì văn chương này không thể xem được. Điều này là tuyệt đối không thể được. Đây là cấm kỵ lớn nhất.

Chúng ta rõ ràng nhìn thấy, đây là gì? Người ta đã viết sai, nhưng nhất định không được sửa đổi. Cổ nhân thường nói, chữ này có thể là một chữ nào đó nhầm lẫn, và chú giải qua một bên, như vậy là chính xác. Cấm kỵ nhất là tùy tiện sửa đổi của người khác.

Những lời này của Hoàng lão cư sĩ, cũng là nói rõ thầy của ông là cư sĩ Hạ Liên Cư vì sao mà phải hội tập lại. Nguyên nhân là vì 2 bản hội tập ở trước. Bản tiết hiệu thứ nhất đều không hoàn thiện, đều có tì vết, nên cần thiết phải làm lại một bản hội tập. *“Tịnh vi đại kinh, tảo đắc thiện bản. Thị dĩ tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ nãi hữu đệ cửu bản chi tác dã”* (Đều vì đại kinh, sớm được bản hoàn thiện, nên tiên sư Hạ Liên Cư lão cư sĩ mới làm bản hội tập thứ 9 này vậy). Bản của chúng ta bây giờ là bản thứ 9. Đây là giới thiệu về Hạ lão cư sĩ.

“Tiên sư Hạ lão cư sĩ, vị quan học nho” (Tiên sư Hạ lão cư sĩ lúc chưa trưởng thành đã học Nho), *“vị quan”* (chưa đội mũ) là chưa đến tuổi thành niên. Cổ nhân đến tuổi vị thành niên là 20 tuổi. Đây chính là trước năm 20 tuổi đã học Nho. *“Tiên Trình Chu nhi hậu Lục Vương”* (Trước học Trình Di, Chu Hy đời Tống, sau học Lục Cửu Uyên, Vương Dương Minh đời Minh). Đây là các đại văn hào của đời Tống và Minh. Bây giờ, gọi là nhà triết học, nhà tư tưởng. Đây là nói về nguồn gốc học thuật của ông ta.

“Phủ tráng nhập Phật” (Vừa mới tráng niên đã thâm nhập giáo lý Phật). Người xưa gọi tráng niên là 30 đến 40 tuổi. Vừa mới tráng niên, đại khái là 31 hoặc 32. Tức là vừa mới vào tuổi tráng niên, ông ta đã học Phật. *“Nhiếp thiền mật nhị quy Tịnh độ”* (Nhiếp trì Thiền, Mật quy về Tịnh độ). Ông ta học qua Thiền, Mật, và cuối cùng học Tịnh độ. *“Hạ lão bác quán quần tịch, thâm ư văn tự, chuyên công cứu tu, giáo nhĩn viên minh”* (Hạ lão quán thông rộng khắp các sách, tinh thâm văn tự, chuyên công tu lâu, mắt tuệ tròn sáng). Đây là tán thán đối với thầy mình. Ông ta thích học văn, học Phật vô cùng chăm chỉ. Thật như cổ nhân thường nói *“nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu”*. Bất luận là học Thiền, học Mật, học Tịnh. Căn cơ của ông ta vô cùng thâm hậu.

“Ư Nhâm thân” (Vào năm Nhâm Thân). Nhâm Thân là năm 21 Dân Quốc *“Nhất cứu tam nhị niên chi tuế phát nguyện trùng hiệu thử kinh”* (Năm 1932, phát nguyện hiệu đính lại kinh này).

“Yểm quan tân môn, duyệt thời tam tải, biến thám ngũ chủng nguyên dịch, động sát tam gia hiệu bản. vô nhất ngữ bất tường tham, vô nhất tự bất hồ hiệu. Kiền cung kính thận, nhật đảo Phật tiền, thiên châm vạn chúc, thời oanh mộng mị, cập kỳ thành dã. Tứ chúng hoan hỷ, Tông giáo câu triệt chi Tuệ Minh lão pháp sư, Hạ lão chi quy y sư. Tháp y bổng kinh nhiếp chiếu ư Phật tiền thân vi ấn chứng” (Bế quan nhập thất, suốt trong năm, xem khắp 5 bản dịch gốc, và cả

so sánh đối chiếu với 3 bản hiệu đính của 3 nhà, không lời nào không tường tận, không chữ nào không đối chiếu. Một lòng cung kính thận trọng, ngày lễ trước ban Phật, dẫn đo lo lắng, lúc mê lúc ngủ, cho đến khi hoàn thành. Tứ chúng vui mừng. Tuệ Minh lão pháp sư Tông, Giáo đều thông suốt là thầy quy y của Hạ lão, đích thân cầm y bưng bát đến trước ban Phật mà đích thân ấn chứng).

Đoạn này là nói ông ta dùng thời gian 3 năm, hội tập thành bản thứ 9, chính là bản này.

Tôi vừa mới nói qua với quý vị, là bản đầu tiên ông ta hội tập, trên tay tôi còn một cuốn. Cuốn này đã nhập vào vi tính, chúng ta lên mạng đều có thể xem. Còn khoa phán của Từ Châu pháp sư, có thể nhìn thấy diện mạo vốn có của nó. Còn định bản này là sau đó ông ta đã trải qua 10 lần chỉnh sửa. Định bản đổi thành 48 phẩm. Từ đoạn văn ngắn gọn này, chúng ta sẽ hiểu Hạ lão cư sĩ vô cùng siêng năng. Đại khái trong cuộc đời của ông, sự nghiệp lớn nhất chính là việc này, để pháp môn Tịnh Độ có được bộ này. Bộ kinh này là đệ nhất kinh của Tịnh Độ, vô cùng quan trọng, mà không có bản nào tốt. Kinh *Pháp Diệt Tận* cho đến kinh này đều nói đến. Tương lai khi Phật pháp diệt tận, kinh *Vô Lượng Thọ* vẫn còn lưu hành ở thế gian 100 năm.

Chúng ta thử nghĩ đến cuối cùng kinh *Vô Lượng Thọ* cũng mất, thì bản kinh nào được lưu hành? Khẳng định là bản này.

Bản này so với mấy bản hội tập trước, thì mấy bản trước đều có tì vết. Đều không thể làm người khác mãn ý, nhưng trong bản này tìm không ra. Tì vết trong bản hội tập của tiền nhân, hết thấy đều có sửa, còn bản này thật sự không có chữ nào ra ngoài nguyên bản, chưa sửa chữ nào. Vì thế, đây là tập đại thành của 5 bản dịch kia, chọn lọc thích đáng, không có sai lầm. Tuệ Minh lão pháp sư ấn chứng cho ông ta.

“Tiên cứu phụ Mai Hiệt Vân cư sĩ” (Trước đây, cậu của ông là Mai Hiệt Vân cư sĩ). Mai Quang Hy cư sĩ là thầy của thầy Lý. Lý Bính Nam cư sĩ học kinh giáo với Mai lão, nên bản kinh này khi truyền đến Đài Loan, ở trước có một bài tựa của Mai lão. Bài tựa rất dài. Sau khi xem ông ta vô cùng hoan hỷ, lúc đó lưu hành ở Đài Loan, chính bản thân còn giảng qua một lần. Liên tục phát bài giảng này trên TV, và được coi là bản hoàn thiện. Từ Châu pháp sư chuyên giảng kinh này ở Kinh Lỗ, chính là Bắc Kinh và Tế Nam, *“tịnh thân vi khoa phán”* (đều trực tiếp làm khoa phán). Tôi viết khoa phán là y cứ khoa phán của Từ Châu pháp sư làm căn bản, và phân phối nó kỹ càng hơn, làm thành một bản khoa phán hoàn chỉnh.

Khoa phán này, lúc tôi gặp lão Triệu Bộc, tôi tặng ông ta. Ông ta vô cùng hoan hỷ. Ông ta nhìn thấy kinh do Hạ Liên Cư hội tập, chúng tôi viết khoa phán, và Hoàng Niệm Tổ chú giải. Ông ta nói kinh này rất hoàn bị, nên vô cùng hoan hỷ. Phương trượng Hòa thượng Diệu Thiện, ở Cực Lạc am tại

Bắc Kinh, mời xã trưởng Sơn Đông nữ tử liên xã Ngô Thanh Hương đến chùa giảng kinh này 2 tháng. Còn những người phát tâm hoằng dương chuyên tâm trì tụng, không sao kể hết, ấn hành liên tục không dứt.

“Thị dĩ tiên cứu phụ Mai lão tán vân ư Tịnh tông yếu chỉ, cùng thâm cực vi. Phát tiền nhân vị phát chi uân, hựu tinh đương minh xác, tạc nhiên hữu cứ. Vô nhất nghĩa bất tại nguyên dịch chi trung. Vô nhất cú dật xuất bản kinh chi ngoại. Hữu mỹ giai bị, vô đế bất thâm, tuy dục bất vị chi thiện bản bất khả đắc dã” (Vì thế, trước đây cậu là Mai lão khen rằng: Đối với *Yếu chỉ* của Tịnh tông, hiểu rất sâu nhiệm, phát hiện những điều ẩn chứa mà tiền nhân chưa thấy, lại tinh chuyên chính xác, rõ ràng có căn cứ. Không một nghĩa nào không có trong bản dịch gốc, cũng không có một câu nào vượt ngoài bản kinh. Thật là tốt đẹp đầy đủ, không sự thật nào mà không gồm thâm. Dù muốn không khen cũng không thể được). Đoạn này là trong bài tựa của Mai lão, tán thán đối với lần hội tập này.

“Tiên cứu chi ngữ, hiện dĩ cử thế công nhận, tịnh tương bản kinh thái nhập tân ấn chi tục tạng” (Lời nói của cậu trước đây, hiện đã được mọi người công nhận, và ngõ hầu bản kinh sẽ được đưa vào bản *Tục Tạng Kinh* mới in). Đây là một nguyện vọng, hiện tại chưa thực hiện được. *“Đại kinh trần phong thiên tải, kim thử đắc thiện bản, tiên hiền hội kinh chi nguyện nãi viên”* (Đại kinh bị giấu kín cả ngàn năm, nay mới

được bản hoàn thiện, ước nguyện hội tập kinh của tiên hiền mới được viên mãn). Từ Vương Long Thư, Bành Tế Thanh, Ngụy Mặc Thâm đều hy vọng làm một bản *Vô Lượng Thọ Kinh* hoàn thiện, và cũng thật sự nỗ lực làm. Nhưng trước sau không sao tránh khỏi những sai sót, cho đến cuối cùng cư sĩ Hạ Liên Cư mới thật sự hoàn thành.

Hoằng nguyện của các vị đại đức xưa nay, đến đây mới thật sự hoàn thành. Kinh *Vô Lượng Thọ* hơn một ngàn năm nay, vì không có bản hoàn thiện, nên người học tập không nhiều. Người Trung Quốc học kinh *Vô Lượng Thọ* kém xa người Nhật Bản. Đại khái, người Trung Quốc thích lựa chọn, Người Nhật Bản thành thật hơn. Truyền đến bên đó toàn bộ tiếp nhận, có thể là do nguyên nhân này. Người Trung quốc tu Tịnh Độ đều y theo kinh *A Di Đà*. Ở Trung Quốc kinh *A Di Đà* hoằng dương rộng nhất.

Nhưng sau khi bộ kinh này ra đời, tình huống không giống nhau. “*Đại kinh phóng quang, chúng sinh hữu hạnh. Bản kinh danh, Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng thọ trang nghiêm thanh tịnh bình đẳng giác kinh, thị vi đại kinh chi đệ cửu bản*” (Đại kinh phóng quang, chúng sinh gặp may. Kinh này gọi là *Phật Thuyết Đại thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*. Đó là bản thứ 9 của Đại kinh), nên kinh *Vô Lượng Thọ* hiện nay hết thấy có 9 bản. Nếu chúng ta muốn học tập thì phải dùng bản nào?

Năm 2006, tôi ở Paris tổ chức một hoạt động, sau đó thuận tiện đến Luân Đôn, đi phỏng vấn 2 Trường Đại học Cambrige và Luân Đôn. Đây đều là khoa Hán học, là trường đại học vô cùng nổi tiếng ở Âu Châu, đào tạo ra không ít nhà Hán học. Tôi cùng với các bạn khoa Hán học, và giáo thọ của họ giao lưu. Tôi biết có không ít học sinh lấy kinh Phật viết luận án tiến sĩ. Trong đó, có học sinh nói với tôi, anh ta đã dùng kinh *Vô Lượng Thọ* viết luận án. Tôi nói kinh *Vô Lượng Thọ* có hết thảy 9 bản, anh dùng bản nào? Anh ta dùng bản hội tập của Hạ Liên Cư. Thật hiếm thấy.

Chú giải này là lúc tôi ở Mỹ, cũng là đang hoằng dương bộ kinh này. Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đến Mỹ, ông ta đi một tháng. Chúng tôi ở đó liên lạc được, phần chú giải này ông ta chỉ đem theo một bản, mang theo một bản in giấy nấn. Cũng được, coi như là không tệ, chữ cũng xem được, là hơi mờ một chút, vì in giấy nấn, nên vô cùng đơn sơ. Ông chỉ mang theo một bản và tặng cho tôi. Vì nghe nói tôi ở đây giảng bản hội tập này.

Lúc đó ở trong nước, giảng bản hội tập này chỉ mình ông ta. Còn ở hải ngoại, giảng bản hội tập này cũng chỉ mình tôi. Vì thế, khi hai chúng tôi gặp mặt, hoan hỷ vô cùng. Thật là tâm đầu ý hợp. Chúng tôi cùng một phương hướng, cùng một mục tiêu. Tôi hỏi ông ta, *Chú giải* này của ông có bản quyền không? Có bản quyền thì không cần bàn, nếu không có bản quyền, tôi gởi về Đài Loan ấn tống. Ông ta nói không

có bản quyền, và hoan nghênh ấn tống, còn muốn tôi viết cho ông ta bài tựa, và muốn tôi đề chữ cho ông ta.

Chúng tôi lần đầu tiên in 10.000 cuốn ở Đài Loan, in 10.000 cuốn sách bìa cứng. Ở hải ngoại bắt đầu lưu hành, sau đó in liên tục. Tôi nghĩ, bây giờ cũng trên một triệu cuốn rồi. Ông ta rất hoan hỷ.

Chúng ta xem tiếp chú giải một đoạn kinh ở dưới. Những điều này đều liên quan đến việc giới thiệu hoằng truyền bộ kinh điển này. Lão cư sĩ viết rất rõ ràng, chúng ta hãy xem xem. *“Bính, Bản kinh chú thích ngũ dịch chi trung, Ngụy dịch giáo bị”* (Thứ ba, chú thích kinh này trong 5 bản dịch, thì bản Ngụy dịch là khá đủ). Đây là bản của Khương Tăng Khải nhà Tào Ngụy. Trong 5 bản dịch, thì bản này dịch tốt nhất. Năm đó, tôi ở Đài Trung, thầy Lý cũng giảng qua kinh *Vô Lượng Thọ* 2 lần. Lần thứ nhất, giảng bản của Hạ Liên Cư, bản hội tập. Lần thứ hai, giảng bản của Khương Tăng Khải. Lần đó, tôi đến Đài Trung, duyên phận rất thù thắng, vừa đúng lúc gặp thầy Lý giảng bộ kinh này. Bản của Khương Tăng Khải, tôi nghe từ đầu đến cuối. Trước đó một thời gian, ông ta giảng bản hội tập. Ông ta đem lời ghi chú ở lề sách cho tôi. Tôi nhìn thấy hoan hỷ vô cùng. Tôi có thể xem hiểu.

Lúc đó, tôi cũng muốn giảng bản hội tập này. Thầy Lý nói với tôi, thời tiết nhân duyên chưa thành thực, cần phải đợi thời tiết nhân duyên. Tôi lúc đó còn chưa biết lợi hại, vì bản

hội tập này tranh cãi nghị luận rất nhiều. Tranh luận điều gì? Người ta nói Hạ Liên Cư là cư sĩ tại gia, không phải là pháp sư, nên mọi người không đồng ý lưu hành bản này. Hạ Liên Cư cũng rất giỏi, lúc vãng sinh nói với học trò mình, Hoàng Niệm Tổ bên cạnh. Hạ Liên Cư nói với Hoàng Niệm Tổ, bản hội tập của ông ta tương lai sẽ từ hải ngoại lưu truyền đến Trung Quốc. Mọi người nghe xong đều ngơ ngác, sao lại từ hải ngoại lưu truyền về? Đến cuối cùng, quả nhiên chứng minh, bộ kinh này sau khi phổ biến lưu hành ở hải ngoại, mới lưu truyền về Trung Quốc, cho nên tôi cũng hiểu vì sao lúc đó thầy Lý không cho tôi giảng. Giảng bản của Khương Tăng Khải không vấn đề gì, nhưng nếu giảng bản hội tập của Hạ Liên Cư thì phê bình sẽ rất nhiều. Tôi lúc đó mới xuất gia chưa lâu, còn rất trẻ. Những vị Hòa thượng này muốn đến mừng người, áp lực này chúng tôi không chịu nổi. Bây giờ, những lão pháp sư này đều vãng sinh. Nếu chúng tôi biến thành lão hòa thượng, thì không vấn đề gì. Lúc đó rất khó, nên chúng tôi phải nhẫn nại. Thầy Lý đích xác có trí tuệ. Chúng tôi không bằng ông ta. Ông ta nhìn sâu và nhìn xa, thời tiết nhân duyên không thành thực tạm thời buông bỏ. Lúc đó kêu tôi giảng kinh *Lăng Nghiêm*, đó là một bộ đại kinh.

Chúng ta xem đoạn văn này: “*Cố đại kinh chú sớ, tập u Ngụy dịch*” (Chú sớ Đại kinh tập trung bản Ngụy dịch). Hầu như đều dùng bản của Khương Tăng Khải để chú giải. “*Ngã quốc đại đức đa vi tiểu bản Di Đà tác chủ chí u chú đại bản*

giả” (Ở Trung Quốc, các đại đức phần nhiều chú sớ *Tiểu bản A Di Đà*, cho đến *Đại bản*). Đại bản chính là kinh *Vô Lượng Thọ*, tức 2 bản. “*Tùy Tịnh Ảnh, Đường Gia Tường lương gia*” (Đời Tùy, Tịnh Ảnh; đời Đường, Gia Tường). Ở sau tiếp “*Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ lục quyển, tùy kinh sư Tịnh Ảnh tự sa môn Huệ Viễn soạn sớ*” (Một là, bản *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*, 6 quyển, đời Tùy, Kinh sư chùa Tịnh Ảnh, Sa môn Huệ Viễn soạn sớ). Bản mà tôi học, chính là bản này. Huệ Viễn ở đây và sơ tổ Huệ Viễn của Tịnh Độ tông, danh hiệu hoàn toàn tương đồng, nên trong lịch sử xưng Ngài là Tiểu Huệ Viễn. Nếu quý vị nhìn thấy có người viết trên văn chương Tiểu Huệ Viễn, chính là ông ta. Còn không dùng Tiểu Huệ Viễn chính là Huệ Viễn Đại sư ở Lô Sơn, tên hoàn toàn tương đồng. Lúc đó, Lô Sơn là thời đại Đông Tấn, còn Huệ Viễn này là nhà Tùy.

Hai là: “*Danh xưng tương đồng, đã khiếu Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ, Đường Gia Tường tự Cát Tạng soạn*” (Hai là bản có cùng tên gọi *Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Sớ*, nhưng do Ngài Cát Tạng, chùa Gia Tường, đời Đường soạn). Ở Trung Quốc, kinh *Vô Lượng Thọ* chỉ có 2 bản này.

Ngoài ra, lưu hành ở Trung Quốc còn có 2 vị pháp sư của Hàn Quốc. Tân La Quốc, nay là Triều Tiên, có Cảnh Hưng, Nguyên Hiếu, 2 vị pháp sư đều là người xuất gia. Chú giải của họ cũng có lưu truyền ở Trung Quốc.

Thứ nhất là 3 quyển *“Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Thuật Văn tán”* do Sa môn Cảnh Hưng, nước Tân La, trước tác. Đây là Cảnh Hưng chú thích.

Thứ hai là cuốn *“Vô Lượng Thọ Kinh Tông Yếu”*, cũng là Sa môn Nguyên Hiếu, chùa Hoàng Long, nước Tân La soạn. *“Tăng nhập Đường du học”* (Vào triều nhà Đường, ông ở tại Trung Quốc lưu học). *“Hoàn hậu hóa chấn hải đông, kỳ số viết hải đông số”* (Về sau, hoàng hóa ở Hải Đông, số của ông gọi là *Hải Đông Số*). Nguyên Hiếu pháp sư ở Hàn Quốc vô cùng nổi danh. Phật giáo Hàn Quốc không có người nào không biết ông ta.

Thứ ba là *“Du Tâm An Lạc Đạo”*. Đây cũng là trước tác của Nguyên Hiếu. Là *“Tịnh độ cổ dật thập thư chi nhất”* (Một trong 10 sách cổ thất truyền còn lại của Tịnh Độ). Những bản này đều lưu hành ở Trung Quốc.

Ở dưới nói: *“Đại kinh quang minh, chiếu diệu Nhật Bản, chú thích chi thịnh, viễn siêu ngã quốc. Bút giả sở tri giả dĩ nhị thập dư chủng”* (Nhờ ánh sáng Đại kinh chiếu rọi rõ ở Nhật Bản, việc chú thích phát triển, vượt xa nước ta. Các bút giả hiểu biết viết ra hơn 20 loại số). Hơn 20 loại này, đại khái đều ở trong *“Vạn Tục Tạng”*. Đây là cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nhìn thấy.

“Kế vi ‘Vô Lượng Thọ Phật Tán Sao’ nhất quyển, Hưng Phúc tự Thiện Châu tác” (Tính ra: *Vô Lượng Thọ Phật Tán Sao*, 1

quyển, Ngài Thiện Châu, chùa Hưng Phúc làm). Thứ hai “*Vô Lượng Thọ Kinh Thuật Nghĩa*”, 3 quyển, do Tối Trừng pháp sư biên tập. Thứ ba là “*Vô Lượng Thọ Kinh Tư Ký*”, 1 quyển, do Trí Cảnh trước tác. Thứ tư là “*Vô Lượng Thọ Kinh Nghĩa Uất*”, 7 quyển do Nam Sở, chùa Tổng Trì Kỷ Châu trước tác. Thứ năm là “*Vô Lượng Thọ Kinh lược tiên*”, 8 quyển, năm Hưởng Bảo thứ năm do Viện Khê, chùa Thiền Lâm Lạc Đông trước tác. Thứ sáu là “*Vô Lượng Thọ Kinh Sao*”, 7 quyển do Liễu Huệ, Vọng Tây Lâu trước tác.

Đại khái, tổng cộng những bản này, ở đây họ đưa ra 22 loại. Trong 22 loại này, có 6 loại trên kệ sách của Hoàng lão cư sĩ. Khi tôi đến chỗ ông ta tham quan và nhìn thấy. 6 loại này, ông ta đều dùng để tham khảo. Đều có một vài chỗ dẫn dụng trong chú giải này.

6 loại này, thứ nhất là “*Vô Lượng Thọ Kinh Sao*”, 7 quyển chúng ta vừa đọc, Liễu Huệ, Vọng Tây Lâu trước tác. Loại thứ hai, “*Vô Lượng Thọ Kinh Hội Sớ*”, 10 quyển do Tuấn Đế, chùa Việt Tiền Thắng Thọ trước tác, trích dẫn câu cuối cùng thuộc dòng thứ 4. Đây là lão cư sĩ nhìn thấy. Loại thứ ba, “*Vô Lượng Thọ Kinh Chân giải*”, 18 quyển do Đạo Ẩn trước tác. Bản này dẫn dụng nhiều. Tiếp theo là “*Vô Lượng Thọ Kinh Hợp Tán*”, 4 quyển, Quán Triệt trước tác. Trong đây, các chương thứ 6, thứ 10, thứ 21, thứ 22, những phần này dẫn chứng rất nhiều.

“Hựu chú thích đại kinh hiệu hội bản giả cộng tam chủng” (Lại chú thích Đại kinh, bản hội tập hiệu đính gồm 3 loại). Thứ nhất *“Vô Lượng thọ kinh Khởi Tín Luận”* do Bành Tế Thanh, triều Thanh, thời Khang Hy trước tác. Thứ hai *“Vô Lượng Thọ Kinh Tiên chú”*, bản này của Đinh Phúc Bảo. Bản này, hiện nay trong nhà Phật lưu hành rất rộng, cũng rất dễ nhìn thấy. *“Dĩ thượng lưỡng chủng sở chú giả giai vi Bành thị chi tiết hiệu bản”* (2 bản chú giải nêu trên chính là bản hiệu đính chi tiết của Bành Tế Thanh). Thứ 3 *“Phật Thuyết Ma Ha A Di Đà Kinh Trung Luận”*, do Chính Định Vương Canh Tâm, thời Quang Tự, đời Thanh trước tác. Bản mà ông ta chú giải là bản hội tập của Ngụy Thừa Quán. *“Mạt hậu, hựu Thanh mạt Trầm Thiện Đăng cư sĩ trước hữu ‘Báo Ân Luận’ tam quyển”* (Rốt sau, cuối đời Thanh, cư sĩ Trầm Thiện Đăng trước tác Báo Ân Luận, 3 quyển). Trong Báo Ân Luận có *“Tịnh độ Pháp Môn Cương Tông”*, có *“Vô Lượng Thọ Kinh Cương Tông”*, có *“Vãng Sinh Chính Nhân Luận”*. Mấy bản này có thể coi là chú thích kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn này chúng ta chỉ giới thiệu đến đây thôi.

Bên dưới, chúng ta xem đoạn thứ 9, giải thích tổng quát đề kinh. Chúng ta bắt đầu xem từ trang 79.

“Phàm kinh chi danh đề, giai trực hiển bản kinh chi yếu chỉ. Sử học giả nhân danh đạt thể, nhất lãm kinh đề, trực khuy toàn kinh đại nghĩa. Thị dĩ Thiên Thai gia chú kinh, tiên thích kinh danh” (Phàm tên đề kinh, đều hiển bày ngay yếu

chỉ của kinh, khiến cho các học giả nhờ tên mà hiểu thể. Một khi rõ được đề kinh, sẽ nhìn thẳng vào nghĩa chính của toàn kinh. Vì thế, Ngài Thiên Thai Trí Giả chú giải kinh, trước tiên giải thích tên đề kinh). Đoạn văn này chúng ta đọc qua một chút. *“Đại kinh ngũ chủng nguyên dịch, các hữu kinh đề. Vương thị hội bản danh vi đại A Di Đà Kinh dĩ biệt ư nguyên dịch dữ tiểu bản. Dẫn ‘đại’ tự chi tăng, vô sở y cứ”* (5 bản dịch gốc của Đại kinh, đều có đề kinh. Bản hội tập của họ Vương, đặt tên là *Đại A Di Đà Kinh*, để khác với bản gốc và Tiểu bản. Chỉ là tự mình thêm vào chữ “Đại” là không có căn cứ). Nếu là bản hội tập, thì phải nên dùng nguyên văn. Ông ta tự thêm chữ “đại”, điều này không có căn cứ.

“Bành thị tiết bản dữ Ngụy thị hội bản danh ‘Vô Lượng Thọ Kinh’ đồng ư ‘Ngụy dịch’, tam chủng nhất danh, hỗn đồng dị ngộ” (Bản chi tiết của họ Bành cùng tên “*Vô Lượng Thọ Kinh*” với bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm, và với bản dịch đời Ngụy. Cả 3 đồng tên nên dễ ngộ nhận). Vậy cuối cùng chỉ bản nào không rõ ràng?

“Chính định vương thị cải Ngụy thị bản vi Ma Ha A Di Đà Kinh” (Chính Định Vương sửa bản của họ Ngụy thành *Ma Ha A Di Đà Kinh*). 2 từ Ma Ha này cũng không có y cứ. Đây đều là trong bản hội tập có vấn đề.

“Khảo tòng hán ngật tống thập nhị dịch trung” (Xét từ đời Hán đến Tống, trong 12 lần dịch).

“Dĩ Vô Lượng Thọ vi danh giả thập, hữu thập bộ. Dĩ thanh tịnh bình đẳng giác vi danh giả hữu lưỡng bộ” (Lấy tên Vô Lượng Thọ có 10 bộ, lấy tên Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác có 2 bộ).

“Dĩ chính giác vi danh giả” (Lấy tên Chính Giác) có một bộ. Đầu đời Hán, có một bản dịch là *“Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”*. Bản phiên dịch cuối nhà Tống là *“Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh”*. Đề kinh này cư sĩ Hạ Liên Cư lấy tên của bản cuối đời Tống: *“Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Kinh”*, cộng với bản đầu đời Hán: *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*. Từ kinh bị trùng lặp nên bỏ, 2 từ *Vô Lượng* cũng trùng lặp nên bỏ. Do đó, đề kinh biến thành *“Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh”*. *“Tự nhiên giai diệu”* (Tự nhiên đều đẹp cả). Đây mới thật sự là hội tập, không có tự thêm chữ nào cả, chỉ là xoá đi chữ trùng lặp, nên biến thành đề kinh có 15 từ này.

“Bất giả phủ cân” (Một chút sửa đổi cũng không có). *“Lưỡng dịch nguyên danh, nhiếp ư nhất danh chi trung thập nhị chủng kinh đề tất nhập nhất đề chi nội. Toàn kinh đại chỉ, chiêu nhiên mục tiền, tịnh tông yếu nghĩa, bị ư đề nội. Nhân pháp dụ, giáo lý hành, thể tướng dụng đẳng tề hiển ư nhất danh chi trung. Như đế vông châu, viên nhiếp nhất thiết diệu pháp, bản kinh hội tập chi diệu, ư thử khả kiến lân trảo”* (Tên của 2 bản gốc, thâu vào 1 tên, đề của 12 lần dịch, gom vào 1 đề. Yếu chỉ toàn

kinh rõ ràng trước mắt, nghĩa chính Tịnh tông đủ trong 1 đề. Nhân, Pháp, Dụ, Giáo, Lý, Hành, Thể, Tướng, Dụng, đều được hiển bày trong 1 tên, như lưới ngọc Trời Đế Thích, nhiếp trọn hết thấy diệu pháp. Sự vi diệu của bản hội tập kinh, có thể thấy rõ ràng ở đây). Đây chính là tuệ nhãn trong hội tập của Hạ Liên Cư, thật khác với những người trước đây.

Đề kinh này, Hoàng lão chú giải cũng rất tường tận. Chúng ta hôm nay vẫn còn chút thời gian, tôi đem giải thích của tôi đối với đề này, có một giải thích rất đơn giản. “*Phật thuyết*”, đây là được thuyết ra từ chính kim khẩu của Phật. Trong kinh Phật thêm 2 từ “*Phật thuyết*” này, nó có ý nghĩa hết thấy kinh đều là Phật thuyết. Vì sao các kinh khác không thêm 2 từ *Phật thuyết*? Kinh *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* không có thêm *Phật thuyết*. Kinh *Kim Cương Bát Nhã* cũng không có thêm *Phật thuyết*. Kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* cũng không thêm 2 từ *Phật thuyết*. Vì sao ở đây thêm 2 từ *Phật thuyết*?

Thông thường, thêm 2 từ Phật thuyết, câu thứ nhất phần Chính tông là đức Phật giảng, như vậy mới thêm Phật thuyết. Nếu câu thứ nhất không phải Phật thuyết, thông thường không dùng 2 từ Phật thuyết này, nên nó có nghiên cứu chứ không phải tùy tiện lập ra.

“*Đại thừa*” là trí tuệ. “*Vô lượng thọ*” là Tính đức. “*Trang nghiêm*” chính là tướng hảo. Quý vị xem, trong kinh *Hoa*

Nghiêm, đức Phật nói, hết thấy chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai. Trong đề kinh này trí tuệ, đức tướng Như Lai đã có.

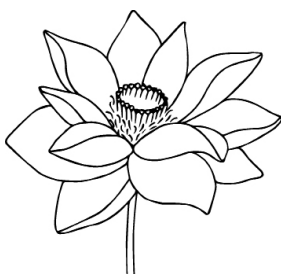
“*Đại thừa*” là trí tuệ Như Lai. “*Vô lượng thọ*” là đức của Như Lai. Thọ mạng là đức thứ nhất. “*Trang nghiêm*” là tướng hảo. Toàn bộ đã nói ra cho chúng ta biết, đây là quả. Chúng ta học Phật hy vọng đạt được điều gì? Đạt được “*Đại thừa vô lượng thọ trang nghiêm*”. Đây là quả của thế giới Cực Lạc.

5 từ bên dưới là tu hành nhân gì mới có thể chứng quả? Tu “*Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác*”. Thanh tịnh là giới. Trì giới có thể giúp ta được tâm thanh tịnh. Bình đẳng là định. Giác là tuệ. Quý vị xem, đây là giới, định, tuệ, tam học.

Còn Tam bảo, Tăng là thanh tịnh. Lục căn thanh tịnh, chút trần không nhiễm, đây là người xuất gia. Pháp là bình đẳng. Đức Phật nói các pháp bình đẳng không có cao thấp. Pháp là bình đẳng. Phật là giác. Tam bảo cụ túc. Phật dạy chúng ta tu hành như thế nào để chứng quả? Trước tiên là phải buông bỏ. Chúng ta dùng lời trong kinh *Hoa Nghiêm* để nói là buông bỏ chấp trước. Đối với các pháp trong thế gian và xuất thế gian không còn chấp trước nữa, thì tâm ta được thanh tịnh, chứng A La Hán. Tiến bộ hơn nữa, thì đối với hết thấy các pháp không phân biệt. Tâm phân biệt buông bỏ, ta sẽ được Chính đẳng Chính giác.

Hay nói cách khác, ta được bình đẳng. Bình đẳng là Bồ tát. Cuối cùng, có thể buông bỏ vọng tưởng. Vọng tưởng là gì? Là khởi tâm động niệm. Không khởi tâm, không động niệm là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Giác ở đây là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, là thành Phật, chứng Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Quý vị xem, tu nhân chứng quả. Trong Tịnh độ hoàn toàn hiển thị trên đề mục này. Nếu mọi người hỏi chúng ta, Tịnh Độ tông của các bạn tu như thế nào? Tu tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chính giác. Tịnh Độ tông cầu điều gì? Cầu trí tuệ, cầu Tính đức. Vô lượng thọ là Tính đức. Cầu tướng hảo. Tướng hảo là trang nghiêm. Rõ ràng minh bạch. Bộ kinh này giảng cái gì? Giảng về những điều này. Nội dung trong hết thấy bộ kinh là trên đề mục này, hết thấy đều hiển thị ra.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 74



Giảng ngày 09 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 80, dòng thứ nhất.

“*Dĩ hạ chính thích bản kinh đề danh Đề trung thủ tự viết Phật*” (Dưới đây chính thức giải thích tên đề kinh. Trong đề chữ đầu là *Phật*). “*Phật giả nãi phạn ngữ Phật Đà chi lược xưng*” (Phật là danh xưng tiếng Phạn của từ Phật Đà được rút gọn). Trong Phạn ngữ còn có một vĩ âm - âm đuôi, gọi là Phật Đà Da. Người Ấn Độ nói chuyện đều dùng vĩ âm. Phật, Pháp, Tăng; Pháp là Đạt Ma. Chúng ta thường thường nói Đạt Ma Da, Tăng Già Da. Người xưa thích đơn giản, đem vĩ âm tĩnh lược hết. Phật Đà Da chúng ta chỉ lưu lại từ Phật, vĩ âm xoá đi, cho nên đây là lược xưng.

“*Nghĩa vi giác giả*” (Nghĩa là bậc Giác ngộ). Ý của từ này với từ Giác của giác ngộ tương đồng, là ý nghĩa của từ giác. Tuy ý nghĩa của từ giác so với Trung Quốc nói vẫn chưa giống nhau. Ở đây nói có 3 loại giác.

Giác giả là đối với mê mà nói. Mê là chúng sinh. Giác ngộ gọi là Phật. Giác của người Trung Quốc không có ý của 3 loại giác. Có 3 loại giác: “*Tam giác câu viên, tức danh vi Phật*” (Ba Giác đều viên mãn gọi là Phật). Bên dưới nói là 3 loại giác nào? Ba loại giác là tự giác, giác tha và giác mãn. Tam giác viên mãn gọi là Phật Đà, cho nên người xưa cũng tìm không được từ thích đáng để dịch. Nếu có thể tìm được từ

thích đáng, thì chữ giác là được. Nhưng ý nghĩa của giác này không giống với ý của nó, nên lúc phiên dịch kinh bất đắc dĩ tạo ra một từ.

Quý vị nên biết, từ Phật này là lúc phiên dịch kinh tạo ra, Trung Quốc không có từ này. Không có từ “nhân” (人) đứng một bên, nhưng từ “phật” (弗) thì có. Có từ “phật” này, làm từ phủ định vì Phật Đà là người, nên thêm từ “nhân”. Từ này lúc phiên dịch kinh Phật tạo ra, phiên dịch kinh đã tạo không ít từ. Lai lịch của từ này là thế.

Cái gì gọi là tự giác? Trong kinh Đại thừa gọi là khai ngộ. Khai ngộ có tiểu ngộ, có đại ngộ, có đại triệt đại ngộ. Đây là có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn một cách nghiêm khắc thì như trong kinh Phật nói, tiểu ngộ là Chính giác, đại ngộ là Chính đẳng Chính giác, triệt ngộ là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Tiêu chuẩn này rất cao.

Nói chung, chúng ta một đời học Phật, tiểu ngộ cũng không đạt được, đây là thật. Vì sao? Phải đoạn Kiến Tư phiền não mới đạt được tiểu ngộ. Đây là việc không dễ dàng gì. Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kiến Tư phiền não là chấp trước. Quý vị còn chấp trước không? Trong chấp trước cái thứ nhất là ngã chấp. Trong ngã chấp khẳng định có tham, sân, si. Trong Pháp tướng nói, chấp trước là Mạt Na thức. 4 đại phiền não thường tương tùy. Cái thứ nhất là ngã, 3 cái tiếp theo là tham, sân, si. Ngã

ái, quý vị có thể không có ư? Ngã mạn, ngã si khẳng định có, sinh ra là có rồi. Trong Phật pháp gọi là câu sinh phiền não. Đức Phật cũng gọi nó là tam độc phiền não.

Vì sao? Hết thấy ý niệm bất thiện, hành vi bất thiện đều sinh ra từ 3 gốc căn bản này. Phật dạy phải dùng 3 phương pháp để đối trị nó. 3 phương pháp này là gì? Giới, định, tuệ. Dùng giới để đối phó tham, chính là ngã ái. Dùng giới luật để đối phó phiền não này. Dùng định để đối phó ngã mạn. Mạn là sân nhuế. Dùng trí tuệ để đối phó ngã si. Quý vị xem, hết thấy pháp mà đức Phật thuyết trong 49 năm, không rời giới, định, tuệ. Lưu lại nhiều kinh điển như vậy, chư vị tổ sư đại đức đem nó phân loại, chính là dùng giới, định, tuệ để phân. Nhưng Phật mỗi lần giảng kinh hoặc khai thị, bất luận thời gian dài hay ngắn, cho dù giảng một giờ đồng hồ, trong đó đều bao quát giới, định, tuệ.

Phân loại kinh điển bằng cách nào? Xem 3 điều này, điều nào nói nhiều hơn thì quy về loại đó. Tam tạng kinh điển gọi là kinh, luật, luận. Kinh chính là định học, giảng về định nhiều, giảng về tam muội nhiều. Giới là Luật tạng, đại khái là giảng nhiều về phương diện quy củ. Luận tạng là tuệ, giảng về tuệ. Gọi là Tam tạng kinh điển. Kinh, luận đối phó tư tưởng kiến giải sai lầm của chúng ta. Giới luật là đối với hành vi ngôn luận của chúng ta. Đây là tam học. Phiền não sâu nặng ta không có cách nào để khai ngộ. Chẳng những không có cách đại ngộ, mà đến tiểu ngộ cũng không có cách

nào. Dem chữ ngộ này, tiêu chuẩn của Phật hạ xuống chỗ thấp nhất, thấp nhất là Tu Đà Hoàn, Tiểu thừa sơ quả. Đại thừa Sơ tín vị là Bồ tát, chúng ta làm không được.

Trước đây, lúc tôi mới học Phật, học với thầy Lý Bính Nam. Thầy thường nói với tôi, Trung Quốc lịch đại tổ sư đại đức rất nhiều vị chứng quả, nhưng không chứng được quả A La Hán. Chứng tam quả, nhị quả rất nhiều. Tam quả là A Na Hàm, nhị quả là Tư Đà Hàm, mới thật là gọi có tu có chứng. Trong Đại thừa giáo như kinh *Hoa Nghiêm*, đại khái đều là Lục tín trở xuống, từ Sơ tín đến Lục tín. Người tu hành tại gia hay xuất gia, chứng được quả này rất nhiều, rất phổ biến. Thất tín vị ngang bằng A La Hán của Tiểu thừa, đã ra khỏi lục đạo. Còn đến Lục tín, chư vị phải biết, chưa ly khai được luân hồi lục đạo. Nhưng chỉ cần chứng được Sơ tín vị, thì sẽ ở trong lục đạo trên trời hay nhân gian, tuyệt đối không đọa vào tam ác đạo. Chỗ tu hành của họ chính là trên trời hoặc nhân gian. Chứng đến Thất tín thì xa rời lục đạo, sinh đến Thanh Văn pháp giới trong thập pháp giới. Lên trên là Duyên Giác pháp giới, từng bước từng bước lên cao.

Nghiệp chướng của chúng ta bây giờ sâu nặng hơn so với cổ nhân, Sơ tín vị không đạt được. Trong thời hiện đại này, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất rõ ràng, tu thiền không những nói không thể khai ngộ, đến định cũng không đạt được. Năm đầu của Dân quốc, có vài người tu thiền, đạt được thiền định. Đây là thật không phải giả, như Hòa thượng Hư

Vân, Ngài đạt được thiền định, nhưng không khai ngộ. Đến đời này, đời trước là quá khứ rồi, nhưng đến đời này, cả thiền định cũng không đạt được. Chúng ta không thể không biết điều này.

Cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập bản kinh này, như vậy là hỏng sao? Chư vị thử nghĩ xem, ngày xưa Vương Long Thư, Bành Nhị Lâm, Ngụy Mặc Thâm, tuy đều là cư sĩ tại gia nhưng không phải là phàm nhân. Thật sự phát đại tâm lợi ích chúng sinh, hoằng dương Tịnh độ, hội tập kinh *Vô Lượng Thọ* không sao tránh khỏi sai sót. Có ai không hy vọng hội tập được một bản tận thiện tận mỹ, để thật sự cống hiến cho Tịnh Độ tông? Cuối cùng đến tay của cư sĩ Hạ Liên Cư, mới thật sự hoàn thành một bản hoàn thiện. Thật sự đã tập đại thành 5 bản dịch gốc. Bản này của ông ta, ban đầu đã 10 lần hiệu đính chỉnh sửa, bây giờ chúng ta dùng chính là định bản.

Bản đầu tiên rất đáng để lưu lại làm kỷ niệm. Chúng tôi đã xin bên Đài Loan in 1.000 cuốn, không cần in nhiều, để người thật sự tu học Tịnh Độ tông làm kỷ niệm. Xem bản đầu tiên của Hạ Liên Cư, rồi xem tiếp 10 lần hiệu đính chỉnh sửa của ông ta. Sau khi chúng ta thấu triệt, mới cảm ơn chư vị đại đức đối với bản hội tập này. Họ đối với Phật pháp, đối với thời kỳ Mạt pháp 9.000 năm này, đã đưa ra một cống hiến vĩ đại nhất.

Tiêu chuẩn của tự giác là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Giống như lúc đức Phật 30 tuổi, Ngài thị hiện thành đạo cho chúng ta thấy. Khi sao mai vừa mọc, Ngài hoát nhiên triệt ngộ. Ngài Huệ Năng đại triệt đại ngộ trong giáo huấn của Ngũ Tổ, đây gọi là tự giác. *“Tam giác câu viên”*, tự giác này đã viên mãn. A La Hán đã tự giác, nhưng chưa viên mãn. Bồ tát đã tự giác, nhưng cũng chưa viên mãn. Nhất định phải minh tâm kiến tính, thì tự giác này mới viên mãn. Sau khi tự giác viên mãn, còn phải giác tha. Giác tha là sao? Giúp người khác giác ngộ. Rất nhiều người còn chưa giác ngộ, họ sao lại thành Phật rồi? Bồ tát giúp người khác giác ngộ, chính là đang giúp chính mình.

Người xưa nói *“Giáo học tương trưởng”* (Dạy và học tăng trưởng cho nhau), chính là ý này. Nếu ta không chịu dạy người khác, thì ta rất khó giác ngộ. Trong lúc dạy học, thường hay hoát nhiên giác ngộ. Đôi khi có học sinh vừa hỏi, ta liền giác ngộ. Vì khi không có người hỏi, ta đâu có biết. Khi vừa nghe hỏi, ta liền giác ngộ. Trong lúc dạy học, thành tựu và viên mãn tự giác của chính mình, đây gọi là giác tha.

Câu viên (Đều viên mãn) là như Bồ tát cũng có tự giác, giác tha, nhưng chưa đạt đến viên mãn, chưa đạt đến đại triệt đại ngộ. Nhất định phải đạt đến đại triệt đại ngộ, thì tự giác, giác tha sẽ viên mãn. Vì thế, tam giác viên mãn mới gọi là Phật Đà. Chúng ta dùng một câu trong kinh Đại thừa, đây là mục tiêu tu học chân thật trong Phật pháp, là những gì

mà chúng ta mong cầu. Học Phật cầu điều gì? Cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Câu này có thể dịch sang chữ Hán, nhưng tại sao không dịch? Vì tôn trọng nên không dịch. Nó là mục tiêu của hết thảy những người học Phật. Dịch thành chữ Hán có nghĩa là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác.

Trong đề kinh, Chính giác là tâm thanh tịnh. Chính đẳng, Chính giác là tâm bình đẳng. Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, chính là chữ Giác cuối cùng. Quý vị xem *“Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác”*, chúng ta đem nó dùng ở nơi tâm Bồ đề. Ở trên, tôi thêm từ “chính” tức Chính giác, vì đều là 2 từ: Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính giác, Từ bi. Phật Đà chính là ý nghĩa này. Chúng ta cần biết rằng, Phật là một chúng sinh có đầy đủ 3 loại giác, còn chúng sinh chính là vị Phật chưa giác ngộ, nên trong Phật pháp nhất định phải biết. Phật pháp không phải tôn giáo. Vì sao? Chúng sinh với Phật là bình đẳng. Trong tôn giáo, thượng đế và người không thể bình đẳng. Là thần với người tuyệt đối không thể bình đẳng.

Nhưng chúng ta phải biết trong Phật giáo, Phật, Bồ tát với hết thảy chúng sinh là bình đẳng. Sai biệt ở đâu? Một người là giác ngộ, còn một người chưa giác ngộ. Chúng sinh là Phật chưa giác ngộ, người học Phật nhất định phải hiểu một cách rõ ràng. Người khác hỏi, ta nhất định phải nói với họ rõ ràng, minh bạch. Vì sao? Xã hội bây giờ đối với Phật giáo ngộ nhận quá sâu, cho Phật giáo là mê tín, coi Phật giáo như là một tôn giáo. Chúng ta là đệ tử Phật phải có sứ mạng,

phải có trách nhiệm đem lại chính danh cho Phật giáo. Người xưa thường nói, danh bất chính thì ngôn bất thuận. Tôi vừa xuất gia cũng muốn làm việc danh chính Phật giáo, kiến nghị lên Hội Phật giáo Trung Quốc, trong Phật giáo thêm vào từ giáo dục của đức Phật. Họ nghe rồi cũng rất hoan hỷ, nhưng không hết mình mở rộng, nên chúng tôi đã tự làm.

Ở Đài Loan, tôi có một cơ cấu nhỏ *“Phật Đà giáo dục cơ kim hội”*. Tôi dùng giáo dục Phật Đà. Đạo tràng này của chúng tôi cũng là *“Phật Đà giáo dục hiệp hội”*. Chúng ta tu học là giáo dục của đức Phật. Giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Điều này cần phải biết, giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Dạy chúng ta nhận thức thật tướng các pháp. Dùng văn bạch thoại bây giờ nói, giáo dục của đức Phật dạy chúng ta nhận thức chân tướng của hết thủy pháp.

Ở đây mê tín chỗ nào! Mục tiêu cuối cùng của Phật giáo là gì? Mục tiêu cuối cùng là phải thành tựu Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Không mê tín, giác mà không mê. Mỗi người đệ tử học Phật, chí ít phải đem từ Phật này có thể nói một cách rõ ràng minh bạch, chúng ta mới không có lỗi với Phật. Nếu nói không rõ ràng, nói không minh bạch, thì thật có lỗi với đức Phật.

Tiếp tục xem bên dưới *“Hựu Phật giả nãi thập hiệu chi nhất”* (Lại, Phật là một trong mười danh hiệu). Trong kinh Đại thừa thường nói, Phật có mười danh hiệu. Vì sao có

nhiều như vậy? Tượng trưng trí tuệ, đức tướng của Ngài. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Phật nói, hết thấy chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai. Mà trí tuệ, đức tướng của Như Lai, thì một danh hiệu nói không rõ ràng, nên phải dùng đến mười danh hiệu. Mười cũng là đại biểu viên mãn. Mười danh hiệu này, nếu ta đem hết thấy giảng rõ ràng minh bạch, thì cũng thật sự đã hiểu Phật một cách thấu triệt, và giới thiệu cho người khác. Ở đây, ta đem mười danh hiệu này đọc qua một lượt.

Thứ nhất là Như Lai, thứ hai Ứng Cúng, thứ ba Chính Biến Tri, thứ tư Minh Hạnh Túc, thứ năm Thiện Thệ, thứ sáu Thế Gian Giải, thứ bảy Vô Thượng Sĩ, thứ tám Điều Ngự Trượng Phu, thứ chín Thiên Nhơn Sư, thứ mười Phật. “*Thập hiệu cụ túc vi thế sở tôn*” (Mười hiệu đầy đủ, là thế gian tôn sùng). Thế ở đây là thế gian, thế gian sở tôn.

“*Cố danh Thế Tôn*” (Cho nên gọi là Thế Tôn). Tôn ở đây có nghĩa là vâng theo. Sùng kính, tôn trọng đầy đủ trong mười hiệu này, chính là đầy đủ mười đức lớn, nên xưng là Thế Tôn. Đây là vị trí đáng để thế nhân tôn trọng, nên xưng là Thế Tôn.

“*Thế Tôn phạm âm Bạc Già Phạm*” (Thế Tôn, tiếng Phạn là Bạc Già Phạm). Trong kinh điển chỉ cần chúng ta nhìn thấy Bạc Già Phạm, biết đó là Thế Tôn. Bạc Già Phạm là Phạn ngữ, nghĩa là Thế Tôn. Bên dưới Hoàng Niệm Tổ dẫn chứng

kinh luận để chúng ta đối với Phật có nhận thức sâu sắc hơn. *“Phật địa kinh vân, thị Bạc Già Phạm tối thanh tịnh giác, cực ư pháp giới, tận ư hư không, cùng vị lai tế”* (Kinh Phật Địa nói, Bạc Già Phạm là Thanh Tịnh Giác tối thượng, tận cùng pháp giới hư không, suốt đến đời vị lai). Đây là nói phạm vi đức dụng của Ngài, rộng lớn vô hạn. Không phải như chúng ta bình thường nói, thân tâm chúng ta thanh tịnh. Hoàn cảnh cư trú chúng ta thanh tịnh, đạo tràng này thanh tịnh. Phạm vi này quá nhỏ. Thanh Tịnh Giác của Ngài là biến pháp giới hư không giới. Có chỗ nào không thanh tịnh chẳng?

Chúng ta nghĩ đến nga quý, địa ngục, ở đây không thanh tịnh. Phật là đấng tối thượng Thanh Tịnh Giác, có thể khiến địa ngục, nga quý đều thanh tịnh luôn chẳng? Đều thanh tịnh, không sai tí nào. Vì sao? Khi tôi mới học Phật, giúp tôi rất nhiều là một vị cư sĩ họ Châu, ông Châu Kính Trụ. Ông ta với Lý Bính Nam cùng tuổi, cũng cùng một thầy tu Tịnh độ. Họ học Tịnh độ với Ấn Quang Đại sư, kể cho tôi nghe câu chuyện. Câu chuyện này là thật không phải giả.

Đầu năm Dân quốc, anh ta là con rể của ông Chương Thái Viêm. Vợ anh ta là con gái của Chương Thái Viêm. Chương Thái Viêm là Quốc học đại sư của Trung Quốc thời đầu năm Dân quốc, rất có danh tiếng. Anh ta nói, nhạc phụ anh ta từng ở tại Đông Nhạc Đại Đế, Sơn Đông Thái Sơn Đông Nhạc Đại Đế, làm phán quan cho Đông Nhạc Đại Đế hơn một tháng. Có thể là phán quan lâm thời có việc không thể lên triều,

nên nhờ ông ta thay thế hơn một tháng. Địa vị của phán quan rất cao - tương đương với bí thư trưởng hiện nay. Trên thực tế là xử lý công vụ cho Đông Nhạc Đại Đế, đều là phán quan làm.

Hơn một tháng đó rất cực khổ. Việc này, ông Châu đều nhìn thấy, chứ không phải giả. Ban ngày làm việc, buổi tối người ta nằm trên giường ngủ say, ông ta đến sau và nằm trên giường, thì thấy Đông Nhạc Đại Đế đến nha môn xử công vụ. Mỗi ngày có 2 tiểu quỷ khiêng kiệu đến mời Đông Nhạc lên kiệu. Ông ta đã lên triều, nên ngày đêm không có nghỉ ngơi, rất cực khổ.

Anh ta nói nhạc phụ anh ta từng kiến nghị với Đông Nhạc Đại Đế, trong địa ngục có một loại hình phạt gọi là pháo lạc. Ông ta nói hình phạt này không nhân đạo, quá tàn khốc. Để một trụ đồng, lấy lửa đốt cho nó đỏ lên, bắt tội nhân ôm lấy trụ đồng đó. Khi tội nhân ôm vào cả thân thể đều thiêu cháy, người bị thiêu cháy. Ông ta nói hình phạt này quá tàn khốc, có thể xin Đông Nhạc Đại Đế phế bỏ nó? Đông Nhạc Đại Đế mỉm cười nói với ông ta: *“Ông đi xem trước đã”*, và sai 2 tiểu quỷ dẫn ông ta đi xem. Đi được đoạn đường khá xa, đến chỗ đó, 2 người tiểu quỷ nói: *“Phán quan, đến rồi, chính là ở đây”*. Ông ta nhìn không thấy. Ông ta là một Phật tử, nên lập tức nghĩ đến Đông Nhạc Đại Đế với Diêm Vương không tương quan, do nghiệp lực biến hiện. Ông ta không có nghiệp lực này, nên nhìn không thấy địa ngục.

Trong kinh *Địa Tạng*, chúng ta nhìn thấy ai đến địa ngục? Một vị Bồ tát đến địa ngục để độ chúng sinh. Ngoài ra là do ta có tội nghiệp, thì địa ngục này hiện tiền. Ta không có tội này, cũng không phải là Bồ tát, thì ta không nhìn thấy. Chúng ta từ nơi công án này có thể lãnh hội được, Phật là tối thượng Thanh Tịnh Giác. Những cảnh giới bất thiện này, Phật có thể nhìn thấy chăng? Không nhìn thấy. Vì sao không nhìn thấy? Phật không có nghiệp này. Tâm Phật thanh tịnh, Ngài nhìn địa ngục cũng thanh tịnh. Trừ khi chúng sinh trong địa ngục cầu cứu, cầu chư Phật, Bồ tát cứu họ, Phật, Bồ tát liền ứng ngay, đến địa ngục để hóa độ chúng sinh. Nhưng nói thật, Phật ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phàm phu chúng ta không nhìn thấy.

Đức Thế Tôn xuất hiện ở thế giới này. Ngài ở đâu? Ngài trú ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chúng ta nhìn không thấy, gọi là bất đồng không gian duy thứ. Chúng ta nhìn thấy Thế Tôn hình như giống với chúng ta. Thật vậy, Ngài ngày ăn một bữa, tối nghỉ dưới gốc cây. Chúng ta nhìn thấy tướng này của Phật, Ngài thị hiện tướng như vậy. Còn tướng trên sinh hoạt thực tế, thì không nhìn thấy. Hình như trong kinh cũng có đoạn kinh văn như vậy, không dài. Thế Tôn cũng thị hiện, có người đến thỉnh giáo Ngài.

Đức Phật kiết già ngồi như vậy. Ngài bỏ một chân xuống, đầu chân sát đến đất. Đầu chân sát đất, sơn hà đại địa hoàn toàn biến thành kim sắc thế giới, để mọi người xem. Như

vậy, là sao? Như vậy sẽ nhìn được điều gì? Cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phàm phu không nhìn thấy, nên trong cảnh giới Phật, xác xác thực thực. A Tỳ địa ngục ở trong cảnh giới Phật cực kỳ thanh tịnh. Trên lý mà nói là pháp giới bình đẳng. Trong pháp giới bình đẳng nhất định không có đối lập. Nhiễm tịnh là đối lập, phàm thánh là đối lập, thiện ác là đối lập, thiên đường địa ngục là đối lập. Ở trong Nhất chân pháp giới không có đối lập. Những điều này có tồn tại không? Tồn tại, không có đối lập. Tuy tồn tại, nhưng mỗi cái không chướng ngại nhau. Đây là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói cảnh giới không thể nghĩ bàn, đây là chân tướng sự thật. Vì sao? Hết thấy hiện tượng toàn là huyễn tướng, *“Phàm sở hữu tướng, đều là hư vọng”*, *“Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt nước, hình bóng”*. Hiện tượng không phải thật, mà hiện tượng tồn tại chỉ trong một niệm. Một niệm nào? Bồ tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu ý niệm. Một cái khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu, ta có thể tìm thấy sinh diệt ư? Ý này nói gì? Là hiện tượng của thập pháp giới. Nhất chân pháp giới cũng không ngoại lệ. Thuần chân không có vọng niệm, chỉ có một cảnh giới, gọi là Thường Tịch Quang.

Tịnh Độ tông giảng có 4 loại Tịnh độ, Thường Tịch Quang cao nhất. Thường Tịch Quang là tự tính, trong đó không có hiện tượng vật chất, cũng không có hiện tượng tinh thần.

Thậm chí, năng lượng mà ngày nay khoa học nói trong Thường Tịch Quang cũng không có. Trong A Lại Da có tam thể tướng. Thường Tịch Quang là tự tính, mà trong tự tính không có, không có những hiện tượng này. Nhưng không thể nói nó không có. Ngài Huệ Năng khi kiến tính đã nói, đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ, tuy đầy đủ nhưng nó không hiện hình. Đến năng lượng, hiện tượng này đều không thể hiện hình, nhưng nó đầy đủ, nên nó có thể sinh vạn pháp. Chỉ cần một ý niệm cực kỳ vi tế động, tự tính liền biến hiện ra A Lại Da. A Lại Da hiện hết thấy pháp, Y, Chính trang nghiêm.

Chúng ta là Chính báo. Ngoài tôi ra, bao quát Nhất chân pháp giới đều là Y báo của tôi. Trong Y báo có nhân sự Y báo, có vật chất Y báo, có hoàn cảnh Y báo. Y báo và Chính báo là đồng thời khởi lên. Đệ thất thức chính là tôi. Triển khai 8 thức, 51 tâm sở, chính là toàn thể vũ trụ.

Hôm nay, chúng ta nói mười pháp giới Y chính trang nghiêm, trong một niệm là đều hiện. Hiện ra đầy đủ hết, chỉ một niệm! Thời gian một niệm này quá nhanh, nên trong Đại thừa giáo thường nói bất sinh bất diệt. Thật là không sinh không diệt. Nói lời này hoàn toàn không có ý nghĩa, như vậy là biến thành hý luận. Xác thực có sinh diệt, nhưng thời gian sinh diệt quá ngắn, chúng ta không có biện pháp thể hội được. Ngày nay, giới lượng tử học nói với chúng ta vật chất là gì? Vật chất là hiện tượng do ý niệm tích lũy liên tục mà có, không phải là thật.

Từ đây mà biết, thiên đường địa ngục đều không phải thật. Vậy cõi Trời Dục giới, cõi Trời Sắc giới ở đâu là thật? Lục đạo, thập pháp giới, đều không thể vượt qua nguyên lý này. Chúng ta hiểu rõ những chân tướng sự thật này, cũng nhìn thấy ở đây *“Bạc Già Phạn tối thanh tịnh giác, cực ư pháp giới, tận ư hư không, cùng vị lai tế”*. Như vậy, chúng ta đã hiểu điều này là thật không phải giả. A La Hán đã giác ngộ. Giác ngộ, nói cách khác là không gian cuộc sống của Ngài lớn hơn so với chúng ta. Quý vị xem, không gian sinh hoạt của chúng ta hiện tại không có cách nào ly khai địa cầu. Mạnh hơn một chút so với cổ nhân, ngày xưa giao thông không có phương tiện như hiện nay, tin tức không truyền xa, rất nhiều người đến già chết cũng không qua lại với nhau. Ở trong thành này cả đời, mà thành thị kế bên chưa từng đi qua, cổ nhân họ sống như vậy.

Còn không gian của chúng ta bây giờ rất lớn. Có công cụ giao thông, có tin tức, nên không gian sinh hoạt hiện nay là cả địa cầu. Nếu chúng ta muốn suy nghĩ một việc gì, cũng phải thay cư dân trên toàn bộ địa cầu suy nghĩ, như vậy mới đúng. Vì sao? Họ với chúng ta là nhất thể. Bây giờ, người ta gọi là thôn địa cầu. Nói câu này rất có đạo lý. Chúng ta sống cùng một thôn, làm sao có thể không quan tâm? Làm sao có thể không chiếu cố?

Nhưng A La Hán đã thành Chính giác, ra khỏi luân hồi lục đạo. Không gian sinh hoạt của họ lớn hơn chúng ta. Trong

kinh nói, không gian sinh hoạt của họ là một tiểu thiên thể giới. Một đơn vị thể giới, cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói là một hệ ngân hà. Một tiểu thiên thể giới là 1.000 hệ ngân hà. Không gian sinh hoạt của A La Hán rộng lớn như vậy - một ngàn hệ ngân hà! Đối với chúng ta mà nói, điều này thật không thể nghĩ bàn. Nhưng ở trong Phật pháp mà nói thì quá nhỏ.

Không gian sinh hoạt của Bồ tát cao hơn, rộng hơn so với A La Hán, là tam thiên đại thiên thể giới. Bồ tát chưa kiến tính, còn Bồ tát đã kiến tính thì cảnh như ở đây không thua Phật bao nhiêu. *“Cực ư pháp giới. Tận ư hư không. Cùng vị lai tế”*. Câu sau *Cùng vị lai tế* là chỉ thời gian, ở trước là không gian. Cũng chính là nói, không gian và thời gian đã đột phá. Đó đều là không gian sinh hoạt của Ngài. Chỗ nào chúng sinh có cảm, Ngài lập tức nhận được tin tức. Nhận được tin tức, còn phải xem nhân duyên. Thế mới nói *“Phật không độ người không có duyên”*. Chúng sinh này với Bồ tát này có duyên, Bồ tát liền thị hiện. Cần lấy thân gì để độ thì liền hiện thân đó. A La Hán cũng có năng lực này, nhưng bị hạn chế trong tiểu thiên thể giới. Cần lấy thân gì để độ, họ cũng có thể hiện thân đó.

Họ có thần túc thông. Thần túc thông là phi hành biến hóa. Thật ra, phi hành chỉ là một ví dụ, không phải thật, thật thì không phải phi hành. Vì sao? Họ đã đột phá không gian duy thứ của lục đạo. A La Hán đã đột phá, sau khi đột phá, đối với không gian mà nói thì không có cự li. Còn đối với

thời gian thì không có trước sau, đây mới là thật. Đây chính là ý niệm, niệm lực. Trong kinh nói là niệm lực, trong ngũ lực nói là niệm lực, không thể nghĩ bàn. Khoa học hiện nay từ từ cũng đã phát hiện. Ý niệm không thể nghĩ bàn, cho nên ý niệm phải tốt. Không kể ý niệm này của chúng ta là thiện hay ác, là hữu ý hay vô ý. Hiện nay, giới khoa học nói, ý niệm của chúng ta không thể không cẩn thận. Vì sao? Bất cứ ý niệm nào, nó ảnh hưởng toàn thể địa cầu. Giới khoa học đã nói như vậy.

Nhưng Phật pháp nói không chỉ địa cầu. Trong *“Hoàn Nguyên Quán”*, chúng ta nhìn thấy bất luận là ý niệm gì, niệm thô niệm tế, niệm thiện niệm ác, niệm nhiễm niệm tịnh, ý niệm vừa mới động, thì biến pháp giới hư không giới, châu biến pháp giới, xuất sinh vô tận, bao hàm có, không. Đây là trong *“Hoàn Nguyên Quán”* nói, là thật không phải giả. Hiện nay, giới khoa học không dám nói là ảnh hưởng các tinh cầu khác, nhưng họ nói ảnh hưởng đến toàn thể giới của chúng ta. Phát hiện này không dễ. Chúng ta xem tiếp một đoạn trong *“Thành Thật Luận”*:

“Thành thật luận đẳng hợp vô thượng sĩ dĩ điều ngự trượng phu vi nhất hiệu, tắc tùng Như Lai chí Thế Tôn vi thập hiệu, thập hiệu chi tường thích” (Luận Thành Thật, hợp chung Vô Thượng Sĩ với Điều Ngự Trượng Phu làm một hiệu, tức từ Như Lai đến Thế Tôn là mười hiệu, giải thích tường tận mười hiệu này). Chính là giải thích tường

tận, bên dưới là phẩm thứ tư, chính là “*Pháp Tạng nhân địa*” (Nhân địa tu hành của Pháp Tạng), nên chỗ này, chúng ta sẽ nói từng điều một. Sau này, khi giảng đến phẩm thứ tư, sẽ giải thích tường tận.

“*Thượng minh Phật tự vi cực thánh chi thông hiệu*” (Trên nói chữ Phật là thông hiệu cho bậc cực Thánh). 2 từ “thông hiệu” phải đặc biệt chú ý đến. Nó không phải là chuyên dùng của một người nào. Tu học của chúng ta đạt đến cảnh giới này, thì xưng là Phật Đà. Chúng ta học đã nhiều năm như vậy, nó thật là giáo dục của Phật giáo. Phật, Bồ tát, A La Hán, vừa đúng như danh xưng học vị trong trường học hiện nay. Học vị cao nhất là Phật Đà, như học vị tiến sĩ trong trường hiện nay. Học vị thứ hai là Bồ tát, như học vị thạc sĩ. Học vị thứ ba là A La Hán, như học vị cử nhân.

Trong giáo dục Phật giáo, danh xưng của 3 học vị, nên nó là thông hiệu. Nếu đạt được cảnh giới này, thì đạt được danh hiệu này. Tiêu chuẩn của Phật pháp, học vị thứ nhất là đoạn Kiến Tư phiền não. Chỉ cần Kiến Tư phiền não đoạn, người này được xưng là A La Hán. Trí tuệ, đức tướng thần thông của A La Hán hoàn toàn đầy đủ. Trong tự tính nó vốn có và toàn bộ hiện ra.

Học vị thứ hai là Bồ tát. Bồ tát không những phải buông bỏ chấp trước, còn phải buông bỏ phân biệt. Cũng chính là nói, phân biệt này trong một số kinh điển Đại thừa gọi

là Trần Sa phiền não. Họ cần phải phá Kiến Tư phiền não, còn phải phá Trần Sa phiền não. Đây là Bồ tát, thành Chính Đẳng Chính Giác. Học vị cao nhất là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, chính là đem Vô Minh phiền não cuối cùng đoạn trừ. Vô Minh phiền não trong kinh *Hoa Nghiêm* gọi là vọng tưởng. Tôi thường dùng không khởi tâm, không động niệm. Nói câu này, mọi người dễ hiểu hơn. Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần bên ngoài, không khởi tâm động niệm. Không khởi tâm động niệm có thể thấu triệt chăng? Có thể thấu triệt, thật thấu triệt.

Quý vị phải hiểu, khởi tâm động niệm ta dùng là tâm thức, chính là A Lại Da. Dùng tâm thức là vọng tâm. Không khởi tâm, không động niệm là chân tâm.

Do đây mà biết, ở trước chúng ta đã nói về 3 học vị. A La Hán và Bồ tát. Bồ tát này gọi là Quyền Giáo Bồ tát, cũng là Bồ tát trong thập pháp giới. Trong kinh nói Bồ tát không phải là Ma Ha Tát. Trong kinh thường giảng Bồ tát Ma Ha Tát. Ma Ha Tát là pháp thân Bồ tát. Đó là gì? Là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Trên thực tế, họ đều đã thành Phật.

Trong kinh *Hoa Nghiêm* xưng họ là pháp thân Bồ tát, trên thực tế họ là Phật chân không phải Phật giả. Thiên Thai Đại sư giảng *Phần Chứng Túc Phật*, Bồ tát trong mười pháp giới là *Tương Tợ Túc Phật*. Phật trong mười pháp giới cũng là *Tương Tợ Túc Phật*. Điều này, chúng ta không thể không

hiếu rõ ràng. Chúng ta đã đến cảnh giới nào rồi, thì tự mình biết. Biết được thì quá tốt, không biết thì tạo tội nghiệp.

Vì sao? Không biết thì cống cao ngã mạn, tự cho mình đúng. Biết rõ ràng mình bạch mình chưa được, không so được với Phật, không so sánh được với chư vị tổ sư đại đức, với quả thấp nhất Tu Đà Hoàn và Sơ tín vị Bồ tát đều không so sánh được. Tập khí ngã mạn đó của chúng ta mới có thể hóa giải. Pháp trong thế gian, xuất thế gian, chúng ta trên con đường học thuật, hoặc là trong khoa học kỹ thuật có thành tựu. Càng có thành tựu thì càng cảm thấy mình thật ghê gớm, đáng được kiêu ngạo, như vậy là ta tiêu rồi.

Khổng Tử nói, người này *“Nhu hữu chu công chi tài chi mỹ, sử kiêu thả lận, kỳ dư tắc bất túc quán dã”* (Nếu vẻ đẹp tài năng của Chu Công, khiến ông ta trở nên kiêu ngạo và keo kiệt, thì những thứ còn lại đều không đáng quan tâm). Những vị thánh hiền này, thật là người có đức hạnh, có học vấn. Không quan tâm anh ta. Vì sao? Anh ta là giả không phải thật. Là thật, cổ nhân cũng có một câu: *“Học vấn thâm thời ý khí bình”* (Học vấn khi sâu, thì ý khí bình hòa). Càng có học vấn, thì càng là người có đức hạnh, càng khiêm tốn, càng hạ mình, càng biết tôn kính người khác. Quý vị xem, Phổ Hiền Bồ tát, mười đại nguyện vương Ngài đã làm được, người khác chưa chắc làm được. Ngài đã làm được viên mãn lễ kính chư Phật.

Bồ tát Phổ Hiền không những lễ phép cung kính, đối với người bần cùng hạ tiện, mà còn đối với hết thảy chúng sinh. Bao gồm điều gì? Kể cả cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa, hết thảy đều cung kính. Ngày nay, giới khoa học cũng đề xuất một phương pháp, tôi xem rồi cũng rất tán thán. Họ nói phải trân trọng đối với hết thảy vật chất, cơ bản của vật chất, tức là hạt cơ bản. Đối với mỗi hạt cơ bản đều phải tôn trọng. Vì sao? Dù nó có nhỏ đến đâu, thì trong đó cũng bao hàm hiện tượng tinh thần viên mãn, chính là tin tức viên mãn, không thể coi thường. Hết thảy hiện tượng vật chất đều do nó hình thành. Nó là cơ sở của vật chất.

Trong Phật pháp nói đến vi trần, cực kỳ vi tế. Nó có thọ, tướng, hành, thức. Bồ tát Di Lặc nói niệm niệm thành hình là hiện tượng vật chất. Trong hình đều có thức, đó là thọ, tướng, hành, thức. Vì thế, vật chất dù có nhỏ đến cùng cực đều có thọ, tướng, hành, thức. Điều này nói với chúng ta rằng, biến pháp giới hư không giới là có cơ thể, nó sống chứ không phải chết. Sơn hà đại địa là sống.

Chúng ta nhìn thấy Giáo hoàng của Thiên Chúa giáo, mỗi lần đi phỏng vấn một quốc gia, xuống máy bay, việc đầu tiên ông ta làm là gì? Chính là hôn mặt đất. Có lý chứ không phải là vô lý. Ông ta hiểu, chứ không phải không hiểu. Ông làm như vậy để chúng ta thấy. Quý vị xem, ông ta đến chỗ chúng ta, với đại địa ông ta đều có thể nồng nhiệt như thế, thì nhân dân cư trú ở địa phương này làm sao có thể không yêu!

Vì vậy, Phật, Bồ tát, A La Hán, chúng ta nhất định phải hiểu rõ ràng, họ không phải là thần, cũng không phải là tiên. Nó là học vị tu học trong đạo Phật, có 3 đẳng cấp học vị, đều là thông hiệu, không phải chuyên dùng để chỉ một người nào. Bồ tát cũng có rất nhiều Bồ tát, đó chính là mỗi khoa, mỗi hệ không giống nhau. Bồ tát Quan Âm không phải là một người, rất nhiều. Quý vị tìm vị Bồ tát Quan Âm nào? Giống như quý vị đang đi tìm một thạch sĩ vậy. Thạch sĩ quá nhiều, nó rải đều ở các phân khoa. Quan Âm chuyên môn thị hiện dạy từ bi. Địa Tạng dạy ta hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, khoa mục không giống nhau. Văn Thù dạy ta trí tuệ. Phổ Hiền dạy ta thực tiễn, dạy ta làm sao đem những gì học được thực hành trong sinh hoạt, thực hành trong công việc, thực hành trong đối nhân xử thế, tiếp vật. Danh hiệu Bồ tát là học khoa không giống nhau, nhưng đều là thông hiệu.

Bồ tát Phổ Hiền không phải một người, Bồ tát Quan Âm cũng không phải là một người, mà là rất nhiều rất nhiều! Người học pháp môn này đều xưng là Quan Âm, học pháp môn đó toàn gọi là Phổ Hiền. Vì thế, trong học vị nhất định phải thêm tên, mới hiểu được đây là chỉ người nào. Nếu thêm tên không được, sẽ không phân biệt được. Thông hiệu này chúng ta đã hiểu.

“Kim tự bản kinh” (Bộ kinh hiện tại này), *“đề trung Phật tự”* (chữ Phật trong đề) là ai? Phật là thông hiệu, Phật quá nhiều. Vậy thì ai? Sa bà giáo chủ. Sa bà là danh xưng chỉ thế

giới này của chúng ta. Phạn ngữ gọi là Sa bà thế giới. Sa bà giáo chủ Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Như Lai, là Thích Ca Mâu Ni Phật. Như Lai đằng sau có giải thích, ý nghĩa rất sâu rất rộng. Ý nghĩa phổ thông nhất, trong kinh *Kim Cương* nói: “*Như Lai giả, kim Phật như cổ Phật chi tái lai*” (Như Lai là Phật nay giống như Phật xưa tái hiện). Ý này dễ hiểu, Phật Phật đạo đồng, Phật Phật bình đẳng. Kim Phật và cổ Phật không phải hai. Đây là một ý ví dụ đơn giản trong từ Như Lai.

Chúng ta xưng Bản Sư, vị thầy căn bản. Người xưa quen xưng là tiên sư, chúng ta xưng Khổng Tử là Đại Thành Chí Thánh tiên sư. Đại Thành là tập đại thành của Khổng Tử. Trung Quốc cổ thánh tiên hiền lưu lại rất nhiều giáo huấn, nhưng lúc đó đều là khẩu truyền, không có viết thành văn tự. Ông ta đem giáo huấn của cổ thánh tiên hiền truyền lại, chỉnh lý lại, viết thành văn tự lưu cho hậu nhân. Do đó, trong “*Luận Ngữ*”, rất nhiều lời không phải của Khổng Tử nói, đều là của cổ thánh tiên hiền. Ông ta đã đem nó chỉnh lý và viết thành văn tự lưu lại đời sau. Khổng Tử nói rất rõ ràng, một đời của Ngài là “*Thuật nhi bất tác, tín nhi háo cổ*” (Thuật lại mà không sáng tác, tin tưởng mà yêu chuộng cổ). Khổng Tử không lừa gạt người khác, không lừa gạt hậu nhân. Đây chính là nói, tự ông ta không có thứ gì.

Trong đời những điều ông học, ông tu, ông dạy, đều là giáo huấn của cổ thánh tiên hiền. Chỉ là trước đây bị phân tán trong nhân gian. Trung Quốc rất nhiều tộc quần, nhưng

đã bị phân tán. Khổng Tử có thể đem nó sưu tập lại, dùng văn tự viết ra và lưu truyền đến bây giờ. Đây là tập đại thành.

Chí Thánh, cũng như chúng ta xưng Phật vậy. Thánh nhân cũng có đẳng cấp, họ đạt đến cảnh giới cao nhất, như trong Phật pháp nói Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác, đối với họ dùng tôn xưng này. Đại thánh chí thánh tôn sư, ông ta là thầy giáo. Phật là thầy giáo, người Ấn Độ xưng là Bản Sư, một vị thầy căn bản. Người Trung Quốc gọi Tiên Sư là cùng với ý nghĩa này. Người hậu thế học Phật, y theo các kinh điển mà đức Phật giảng ngày xưa. Kinh điển là tài liệu. Tài liệu lúc đó, tài liệu này cũng không phải đức Thế Tôn viết. Thật ra, Khổng lão phu tử vẫn có một bản trước tác, *Hệ Từ Truyện* trong kinh *Dịch* là ông ta viết.

Chúng ta nhìn thấy trước tác của Khổng Tử, đây là trước tác tượng trưng. Lịch sử của “*Xuân thu*”, Lỗ quốc là ông ta viết, ngoài ra thì rất ít. Quý vị xem truyện *Xuân thu* có 3 truyện. Lưu truyền rộng nhất là *Tả Truyện Tả Khuru Minh*. Truyện là gì? Truyện là chú giải, nó có kinh có truyện. Kinh là Khổng Tử viết, truyện ghi chép tường tận chuyện Tả Khuru Minh, gọi “*Xuân Thu Tả Truyện*”. Có “*Công Dương truyện*”, “*Cốc Lương truyện*”. Đây là lịch sử của nước Lỗ đương thời, đều là trước tác của ông ta, nên cuộc đời của ông ta “*tín nhi háo cổ, thuật nhi bất tác*”. Đức Thế Tôn với Khổng Tử, thái độ cầu học hoàn toàn tương đồng.

Chúng ta thấy *Tứ Thập Hoa Nghiêm* của Đại sư Thanh Lương, trên đề kinh, Đại sư Thanh Lương nói, đức Thế Tôn lúc tại thế giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Từng câu từng chữ mà Ngài nói, đều là lời của cổ Phật nói. Trên kinh điển của cổ Phật, Ngài không có thêm một chữ nào, so với những gì Phu tử nói thì càng phải nghiêm cẩn hơn. Không thêm chữ nào trong kinh điển cổ Phật. Chúng ta có thể tin tưởng không? Có thể tin tưởng. Dựa vào đâu để tin tưởng? Dựa vào Như Lai, kim Phật như cổ Phật tái sinh. Như vậy, không phải đã nói rõ ràng rồi ư?

Chúng ta chứng được cảnh giới này, cảnh giới tương đẳng! Tôi nói với họ nói giống nhau, có chỗ nào nói sai? Hoàn toàn tương đẳng. Những gì Bồ tát nói đều không như nhau. Vì sao? Bồ tát chứng được cứu cánh viên mãn. Nhưng chư Phật Như Lai nói hoàn toàn giống nhau, quyết định không thể là hai, nên quan hệ của chúng ta và Phật là quan hệ thầy trò. Nghiêm khắc mà nói thì Phật là thầy chúng ta, Bồ tát là sư huynh chúng ta, A La Hán cũng là sư huynh, đều là đệ tử Phật. Họ là tiền kỳ, chúng ta là hậu kỳ, bạn học khóa trước khóa sau. Nhưng họ đã có thành tựu, chúng ta bây giờ thành tựu không như họ, nên những vị sư huynh này có thể dạy chúng ta, cũng có năng lực giáo hóa chúng ta. Quan hệ phải hiểu cho rõ ràng minh bạch, sau đó mới hiểu Phật giáo không phải tôn giáo. Trong tôn giáo tuyệt đối không có cách nói này.

Danh hiệu Thích Ca Mâu Ni này, Trung Hoa dịch là Năng Nhân Tịch Mặc. Thích Ca Mâu Ni là tiếng Ấn Độ. Ý nghĩa gì? Ở đây phiên dịch, Thích Ca dịch là Năng Nhân, Mâu Ni dịch là Tịch Mặc. Bên dưới có giải thích, *“Năng Nhân là kỳ dụng, Tịch Mặc là kỳ thể. Cứu cánh cực giới, thừa đại nguyện thuyền, sinh ngũ trước thể, thị hiện thành Phật, vì độ ngã đẳng, diễn thuyết bản kinh”* (Năng Nhân là Dụng, Tịch Mặc là Thể. Quả thật cứu cánh, nương thuyền đại nguyện, sinh đời ngũ trước, thị hiện thành Phật, vì độ chúng ta diễn nói kinh này). Nhân là nhân từ, trong danh hiệu đều là biểu pháp, đều là dạy học.

Vậy Phật giáo là gì? Những gì của Phật giáo đều ở trong danh hiệu. Năng Nhân, dùng cách nói bây giờ tức là có thể lấy nhân từ để đối nhân và tiếp vật. Dạy chúng ta đối nhân, đối sự, đối vật, đều phải dùng nhân ái. Người có lòng nhân ái thương người. Mâu Ni là đối với chính mình, dùng tâm như thể nào để đối với người, dùng tâm như thể nào để đối với chính mình. Tịch Mặc là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Đối với chính mình phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Chỉ cần dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng, tự nhiên sẽ giác ngộ. Tâm thanh tịnh sinh trí tuệ. Bình đẳng so với thanh tịnh còn cao hơn một tầng, đã khai ngộ.

Như vậy, chúng ta sẽ hiểu, vì sao chúng ta không khai ngộ? Vì không bình đẳng. Tôi cảm thấy tôi giỏi hơn người khác, họ không được như tôi. Vậy thì làm sao khai ngộ, như

vậy thì hết cách. Chỉ thanh tịnh thôi cũng chưa được. Thanh tịnh chỉ có thể sinh trí tuệ, không phải đại triệť đại ngộ. Bình đẳng mới đại triệť đại ngộ. Những gì A La Hán đạt được là thanh tịnh, Bồ tát đạt được là bình đẳng. Bồ tát vừa khai ngộ là thành Phật. Đại triệť đại ngộ là viên mãn, là thành Phật.

Bây giờ, chúng ta đã biết buông bỏ hết thảy chấp trước, tâm mới được thanh tịnh. Buông bỏ hết thảy phân biệt, tâm sẽ bình đẳng. Không phân biệt là bình đẳng. Phân biệt là không bình đẳng. Đến khi nào giác ngộ? Không khởi tâm, không động niệm là đại triệť đại ngộ. Không khởi tâm không động niệm là phá Vô Minh phiền não, đã thành Phật, nên Tịch Mặc là thể, là tự thọ dụng. Nhân từ là Ngài tự thọ dụng. Phật thị hiện đến thế giới này là vì độ chúng sinh, nên đem nhân từ đặt trước tiên.

Chúng ta giả thiết, đức Thế Tôn nếu đến thế giới Cực Lạc làm Phật, Ngài còn dụng tên này chẳng? Không dùng nữa. Vì sao? Người ở thế giới Cực Lạc đều nhân từ, đều thanh tịnh, danh hiệu này không còn chỗ dùng. Vậy phải làm sao? Đổi một danh từ. Đổi danh từ gì? Đổi thành A Di Đà Phật. Làm Phật ở thế giới Cực Lạc nhất định là A Di Đà Phật. Còn làm Phật ở thế giới này, nhất định là Thích Ca Mâu Ni. Vì sao? Người của chúng ta, con người ở trên địa cầu này, con người ở thế giới Sa bà này, phạm vi càng lớn. Đối với người không có nhân từ, đều là tự tư tự lợi, nên dùng nhân từ để dạy họ. Người ở những chỗ này đối với chính mình tâm không

thanh tịnh, nên danh hiệu của Ngài chính là tông chỉ giáo dục dạy học của Ngài, đều ở trong danh hiệu.

Nếu chúng ta hiểu được danh hiệu, thì chúng ta sẽ hiểu được một đời của đức Thế Tôn giảng điều gì, dạy điều gì, sẽ hiểu được.

“Cứu cánh cực giới”. Câu này là nói Ngài chứng được cứu cánh viên mãn. Quả này là quả đức. Cũng như chúng ta học ở trường và tốt nghiệp, đã tốt nghiệp viên mãn. Những gì cần học đã học xong, bài tập đều làm xong, bảo vệ thành công luận án thì nhận được học vị tiến sĩ. Như vậy, Phật ở đây là quả vị cao nhất. *“Thừa đại nguyện thuyền”*, đây là trên nhân địa từng phát đại nguyện. Trước đây, các vị Bồ tát này đều phát qua, chúng ta hiện nay cũng đã phát. Đã phát thì phải phát thật sự, phải từ tâm phát mới hữu dụng, chỉ phát bằng miệng không hữu dụng, nhưng trên miệng đều đã phát. Đã phát nguyện gì? Nguyện như Phật vậy. *Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ. Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn. Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành*. Đây là Tứ hoằng thệ nguyện. Chư Phật, Bồ tát dù đại nguyện có nhiều, đều không ra ngoài 4 nguyện này.

Phật A Di Đà có 48 nguyện, đem nó quy nạp tường tận thì vẫn ở trong 4 nguyện này. 4 nguyện này là tổng nguyện, bao hàm hết cả các nguyện khác, nên đức Phật sau khi thành Phật, là phải thực hiện 4 nguyện này. Nếu không thực hiện

thành ra Ngài nói dối, trở thành gạt mình gạt người, như vậy làm sao thành Phật? Không những A La Hán không có gạt mình gạt người, mà còn nói cho chư vị biết, Tiểu thừa Sơ quả Tu Đà Hoàn, Đại thừa Sơ tín vị Bồ tát, đây là giới luật cơ bản họ đều làm được, làm một cách viên mãn. Tuyệt đối không có gạt mình gạt người, nói lời là giữ lời. Vì thế, trong pháp giới hư không giới, trong vô lượng vô biên quốc độ, có rất nhiều cõi Phật. Trong đó có lục đạo, có mười pháp giới.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, phẩm *Hoa Tạng Thế Giới* và phẩm *Thế Giới Thành Tựu*, nói đến chúng sinh trong những cõi chư Phật. Đặc biệt là chúng sinh trong lục đạo, mê mà không ngộ, họ mê quá sâu nặng. Vì mê, nên họ tạo tội nghiệp. Khi mê, thì trí tuệ Bát nhã trong tự tính biến thành phiền não. Vừa mê thì đã lập tức thay đổi, trí tuệ biến thành phiền não, đức năng biến thành tạo nghiệp, tướng hảo biến thành lục đạo tam đồ, biến thành những thứ này. Vừa giác ngộ, giác ngộ thì lập tức hồi đầu, phiền não biến thành trí tuệ, tạo nghiệp biến thành đức năng, lục đạo biến thành tướng hảo, biến thành cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Vì thế, nó đều không phải là thật, nó tùy theo ý niệm mà biến đổi.

Ý niệm tốt nhất, nói với chư vị, chính là “A Di Đà Phật”. Nếu ta học được điều này, ý niệm tốt nhất. Thế gian và xuất thế gian pháp không có ý niệm thứ hai có thể vượt qua ý niệm này. Hết thấy quốc độ của chư Phật trong mười phương đều không hơn thế giới Cực Lạc. Vì sao? Ý niệm không giống

nhau. Ý niệm A Di Đà Phật này, thật là cứu cánh cực quả, thuần tịnh thuần thiện. Vì sao không nắm bắt điều này?

Chúng ta thấy từ xưa đến nay, thật sự có người đại phúc đức, người đại trí tuệ. Đại phúc đức, đại trí tuệ này, có thể là bần cùng hạ tiện không biết chữ. Họ nắm bắt được câu A Di Đà Phật này. Quý vị xem lúc họ sắp lâm chung, đứng như vậy vắng sinh, ngồi như vậy vắng sinh, ra đi một cách tiêu sái, họ đã thành tựu. Một số người phú quý như chúng ta không thể so với họ. Chúng ta phải hiểu minh bạch đạo lý này.

Chúng ta phải siêng năng học tập họ, cần phải nắm bắt câu Phật hiệu này, niệm này ở đây. Bất luận làm gì, câu Phật hiệu này là chỗ nương tựa của chúng ta. Ngoài câu Phật hiệu này, nương tựa ai cũng không chắc chắn. Vì sao? Toàn là giả. Phật hiệu mới là thật, Phật hiệu là Tính đức, Phật hiệu là đáng tin nhất. Đức Phật đã thực hiện bản nguyện của Ngài, đã phát nguyện này, thì nhất định phải làm được. Chúng sinh trên thế giới này có duyên với Ngài. Có duyên tức có cảm, nên chúng ta biết, hết thấy hiện tượng vật chất trong thọ, tướng, hành, thức đều có. Thọ, tướng, hành, thức này, nó đang phóng quang trong từng sát na. Phóng quang này là hiện tượng dao động. Mỗi cái dao động đều châu biến pháp giới, nên chư Phật Như Lai họ đều nhận được. Nhưng sau khi nhận được phải xem có duyên hay không. Có duyên thì họ đến, không có duyên thì họ không đến. Có duyên sẽ đến, nên Phật không độ người không có duyên.

Chúng ta với Ngài không có duyên, nếu Ngài đến, ta không thể hội được, ta không tin tưởng Ngài, không chịu tiếp nhận giáo huấn của Ngài. Ngài đến như vậy, chúng ta thêm tạo tội nghiệp. Chư Phật, Bồ tát ứng hóa ở thế gian, tuyệt đối không để người thế gian tạo mặt trái của tội nghiệp. Vì thế, ta có thể tiếp nhận thì Ngài sẽ đến dạy, còn ta không thể tiếp nhận, Ngài sẽ tránh. Điều này là điều nên làm, đến đời ngũ trược, chính là thế giới của chúng ta. Bây giờ, có thể nói là ác trược đến cực điểm. Thiên tai quá nhiều!

“Thị hiện thành Phật”. Thị hiện này chính là biểu diễn. Ngài đã thành Phật từ lâu. Đây là Ngài chỉ làm gương cho chúng ta thấy. Ngài đã làm như Tứ tịnh đức trong *Hoàn Nguyên Quán*, *“tùy duyên diệu dụng, oai nghi hữu tắc”*. Làm tấm gương này cho chúng ta, nhu hòa chất trực, không có ngạo mạn, thái độ nhu hoà, nội tâm chân thành.

“Vi độ ngã đẳng, diễn thuyết bản kinh”. Diễn ở đây là làm ra, là biểu diễn, thân giáo! Thánh nhân trong thế gian và xuất thế gian dạy người, đều dùng thân giáo để biểu diễn. Làm cho mọi người thấy, để ta từ từ cảm nhận, từ từ giác ngộ và ta từ từ hồi đầu. Không phải nói suông như vậy, vì nói suông họ không nghe. Đến lúc họ thật sự có cảm nhận, họ đã hồi đầu, thì họ sẽ đến thỉnh giáo, lúc đó mới nói với họ. Vì thế, thuyết pháp cần phải thỉnh mời, chính là đạo lý này. Chúng ta không thỉnh giáo, Ngài sẽ không nói với chúng ta. Nhưng sao? Ngài sẽ làm cho chúng ta thấy. Làm được, sau đó mới

nói được, đây là thánh nhân. Nói được có thể làm được là hiền nhân. Nói được làm không được, biến thành gạ người. Đối gạ người khác làm sao có thể thành tựu?

“Thị tức nhất thiết chúng sinh đại ân đại đức chi từ phụ” (Đó tức là đức Từ phụ với đại ân đại đức đối với hết thảy chúng sinh). Đây là cảm ân đối với Phật. Vị thầy này giống như phụ thân của mình vậy, đối với con cái yêu thương vô bờ, toàn tâm toàn lực đến dạy dỗ chúng. *“Vô pháp bất tri, vô pháp bất kiến chi đạo sư”* (Bậc đạo sư không pháp nào không biết, không pháp nào không thấy). Khắp nơi khắp chốn, trong kinh điển chúng ta thấy. Quý vị cần phải biết, đạo sư chính là tôn xưng đối với Phật. Đại sư cũng là xưng Phật, tôn xưng đối với Phật.

Trong kinh điển, chúng ta thấy những pháp sư phiên dịch kinh điển, lầu thông Tam Tạng, nên gọi Tam Tạng pháp sư. Họ không xưng là đại sư. Đây thuộc về lễ nghĩa, không thể không hiểu. Chúng ta xưng đại sư, như vậy là hơi quá đáng. Hiện nay, trên xã hội có người đối với quý vị rất tôn kính, gặp mặt gọi quý vị là đại sư, thì ta phải nói với họ, danh xưng này không thể dùng. Chỉ đối với Phật mới có thể dụng, nếu không chúng tôi không gánh vác nổi, vì không phù hợp với thực danh.

Ví dụ, ta không phải Tổng thống, khi người khác gặp mặt mình họ gọi *“Tổng thống tiên sinh”*, chúng ta nghe cảm thấy

thế nào? Chúng ta không phải Phật, mà bây giờ gọi là Phật, thì tình hình cũng giống như vậy. Không thể xưng đạo sư, không thể xưng đại sư. Nhất định phải hiểu điều này, không hiểu sẽ khiến người khác cười mình. Vì thế, người thường xuyên đọc kinh hay học kinh giáo cần phải hiểu. Chúng ta xưng hô đối với một số người xưng là trưởng lão, như vậy là rất tôn kính, không thể xưng đại sư.

“Đại giác viên mãn chi thích tôn dã” (Đức Thích Tôn đại giác viên mãn). Đây chính là Phật trong bản kinh này, tức là xưng đức Thế Tôn của chúng ta. Trong đề mục này có nói một từ, bây giờ nói từ thứ hai “thuyết”. *“Thuyết giả, duyệt dã”*. Ngày xưa, “thuyết” và “duyet” đồng một chữ, nhưng nghĩa bất đồng, đọc đều đọc “duyet”.

Quý vị xem, câu đầu tiên trong *Luận Ngữ*, chúng ta nhìn thấy, *“Học nhi thời tập chi, bất diệc thuyết hồ”*. Chữ đó là thuyết, 說 là chữ thuyết có bộ ngôn một bên. Về sau có thêm bộ tâm 悅 đứng một bên, nhưng ý nghĩa tương đồng. *“Bất diệc duyệt hồ”*, đây là cổ âm. *“Duyệt sở hoài dã”* (Duyệt nghĩa là nhớ), chính là trong tâm của họ nhớ mãi không quên. Nhớ mãi không quên là gì? Là dạy học, là giáo hóa chúng sinh. Duyên của chúng sinh bây giờ đã thành thực, có thể tiếp nhận, Ngài hoan hỷ biết bao! Đây chính là *“Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”*. Nguyện này có thể thành hiện thực. Duyên đã chín muồi, có thể hiện thực, nên *“duyet sở hoài”*. Tâm nguyện này, duyên phận đã đến.

“Phật thuyết nhị tự hiển thử kinh thị Thế Tôn kim hữu sở tuyên, phi dư nhân chi thuyết dã” (2 từ *“Phật thuyết”* hiển bày rõ ràng kinh này chính là đức Thế Tôn nay tuyên thuyết không phải người khác). Kinh Phật rất nhiều, nhưng có rất nhiều kinh trên đề kinh không có *“Phật thuyết”*. Kinh điển có 2 từ Phật thuyết đứng đầu số lượng không nhiều. Vì sao có kinh có 2 từ Phật thuyết đứng đầu, có kinh không có? Điều này là lúc phiên dịch, có thể lẹ, có ví dụ. Phạm là phần chính tông, câu nói thứ nhất là Phật nói, thì kinh điển này 2 từ Phật thuyết đứng đầu. Nếu câu đầu tiên là Bồ tát, hoặc là người khác thỉnh giáo, như vậy thì không thêm 2 từ Phật thuyết.

Bộ kinh này câu đầu tiên trong phần chính tông xác thực là Phật thuyết, *“Phật cáo A Nan”*. Câu đầu tiên là Phật dạy A Nan, không phải là A Nan hỏi Phật, là Phật nói với A Nan. Hình như là câu đầu tiên phẩm thứ tư. Không sai, phẩm thứ tư *“Pháp Tạng Nhân Địa Phẩm”*. Phẩm thứ tư mới là phần chính tông. Trang 179, quyển thứ hai, phần chính tông. Phần chính tông quý vị xem kinh văn. *Pháp Tạng Nhân Địa Phẩm* thứ tư, câu thứ nhất *“Phật cáo A Nan, quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh thế gian Tự Tại Vương Như Lai”* (Phật bảo A Nan, quá khứ vô lượng vô số kiếp không thể nghĩ bàn, có Phật ra đời hiệu là Tự Tại Vương Như Lai). Quý vị xem, câu đầu tiên là Phật thuyết. Trong phần chính tông câu đầu tiên là Phật thuyết.

Vì thế, sau này khi quý vị nhìn thấy trong đề kinh có từ Phật thuyết là sẽ hiểu.

“Phật dĩ độ chúng sinh vi nguyện. Kim chúng sinh cơ thực, kham thọ Tịnh độ đại pháp, cứu cánh giải thoát, cố kim lạc thuyết, dĩ sớng bản hoài” (Phật lấy việc độ chúng sinh làm nguyện. Nay, căn cơ chúng sinh đã chín mùi, có thể kham nhận đại pháp Tịnh độ, cứu cánh giải thoát, nên nay vui thích nói, để phù hợp hoài bão trước đây). Duyên phận này là vô cùng hy hữu khó gặp. Vì sao? Chúng sinh rất nhiều, căn tính không tương đồng, sở thích không giống nhau. Những điều này với những gì học tập trong quá khứ đều có liên quan. Trong quá khứ học Tiểu thừa, thì bây giờ gặp Tiểu thừa họ liền hoan hỷ. Đại thừa họ không thể tiếp nhận. Học thiền, gặp được thì vui vẻ thích thiền. Học giáo lý, giáo lý có rất nhiều. Có người thích Thiên Thai, có người thích Hiền Thủ, có người thích Pháp Tướng. Đây không phải chỉ một đời này mà do tập khí trong quá khứ. Đời đời kiếp kiếp học rất lung tung, học rất nhiều.

Trong quá trình học tập nhiều thứ như vậy, chúng ta đối với loại nào thật tâm thích, sau đó nếu gặp lại, chủng tử này sẽ được A Lại Da dẫn phát ra, chính là nguyên nhân này. Chúng ta hôm nay tiếp thu pháp môn Tịnh Độ thật không dễ. Tôi tiếp thu Tịnh độ rất khó, khoảng 20 năm sau khi học Phật, mới thật sự tiếp thu. Khi đã thật sự tiếp nhận, thì vô cùng hoan hỷ. Cũng chính là nói, trước đây có tu, căn cơ đó

được chôn vùi rất sâu, và đào từ từ, đào suốt 20 năm mới đào nó được. Không phải như có một số người, vừa tiếp xúc họ đã thích. Chúng ta nhìn thấy cũng rất vui, tự thân là không được như họ. Tôi cũng phải học 20 năm mới tin, sao họ vừa tiếp xúc liền tin tưởng, liền thích?

Trong đó cũng có người hoan hỷ khi tiếp xúc, nhưng khi học không lâu họ lại thoái tâm, họ lại đi học cái khác. Trường hợp này rất nhiều, cũng rất bình thường, chúng ta cũng chẳng thấy có gì lạ. Bất luận họ tu học pháp môn nào, chúng ta đều tán thán, đều hoan hỷ, không nên có tâm phân biệt. Chúng ta cần phải học Phật. Phật đối với chúng sinh đều bình đẳng như nhau. Phật đối với hết thảy chúng sinh, chúng sinh khởi tâm động niệm, Phật không có khởi tâm động niệm. Chúng ta cần phải học không khởi tâm, không động niệm, không bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng. Như vậy mới được coi là có công phu, có định lực. Trong Phật pháp thường nói là Tam Muội. Không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng.

Chúng ta phải biết tại sao họ lại như vậy, phải biết trong quá khứ họ học rất nhiều, học rất khó, vừa thấy đã hoan hỷ, chắc chắn trong quá khứ đã học qua. Còn học đến nửa đường họ thay đổi, như vậy là vì trong quá khứ đối với pháp môn này họ học cũng có trình độ tương đương. Đời này gặp duyên, họ sẽ bỏ pháp môn này để học pháp môn khác. Như vậy, có thể thành tựu chăng? Sự việc như vậy họ đều không biết gì. Nếu họ biết, chắc chắn sẽ trở lại học Tịnh độ. Vì sao?

Học Tịnh độ có thể thành tựu trong một đời, ngoài ra thì chưa biết được.

Tuy trong quá khứ có căn rất sâu, muốn đời này phải thành tựu. Thành tựu cũng đâu có gì khác, chỉ là phiền não của chúng ta có thể đoạn hay không? Điều này rất hiện thực. Tôi có thể buông bỏ chẳng? Trong mấy mươi năm này, chí ít tôi cũng có ba bốn mươi năm. Tôi nói có 16 từ: *“Buông bỏ tự tư, tự lợi. Buông bỏ danh văn, lợi dưỡng. Buông bỏ ngũ dục, lục trần. Buông bỏ tham, sân, si, mạn”*. 16 từ này buông bỏ, chúng ta có thể thành tựu chẳng? Không thể. Tôi nói là thật không phải giả. Nó chỉ dẫn chúng ta đến cửa, mà chưa vào cửa. 16 từ này buông bỏ, chúng ta mới tới đến cửa, nơi cửa của Tu Đà Hoàn, trước cửa của Sơ tín vị Bồ tát. Muốn bước vào, như vậy phải dùng tiêu chuẩn của Phật. Ở đó cao hơn chúng ta ở đây. Chính là nói, phải buông bỏ *thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến*. Buông bỏ hết thấy 5 loại kiến hoặc này, ta mới có thể vào cửa. 5 loại kiến hoặc này chưa buông bỏ, thì chưa vào cửa, chỉ ở ngoài cửa. Điều này, không thể không biết.

Tuy chưa vào cửa, nhưng nếu gặp được Tịnh độ, quyết định vãng sinh. 16 từ này có thể làm được, nhất định được sinh Tịnh độ. Sinh đến Tịnh độ, cho dù là cõi Phàm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sinh, tức là một đời thành tựu viên mãn. Đến thế giới Cực Lạc làm gì? Đến thế giới Cực Lạc đi cầu học. Phật A Di Đà là thầy giáo. Văn Thù, Phổ Hiền là đồng học,

là sư huynh. Ngày ngày gặp mặt, chư vị thượng thiện như đều hội tại một chỗ. Nếu chúng ta có thể tham dự môi trường học tập này, thì có thể không thành công sao? Sự thù thắng của Tịnh độ, mười phương chư Phật Như Lai đều tán thán, không phải là giả. Thật như Thiện Đạo Đại sư nói: “*Vạn tu vạn nhân khứ*” (Vạn người tu vạn người đi).

Vì sao bây giờ người học Tịnh độ nhiều, nhưng người thực sự vãng sinh thì ít? Như vậy là vì sao? Đó là vì họ tu học không đúng pháp. Người xưa tu học, họ thấu triệt kinh điển trước. Kinh điển là gì? Là dùng để giới thiệu. Tác dụng của kinh điển là giới thiệu. Đem thế giới Tây Phương Cực Lạc giới thiệu cho chúng ta. Có lý luận, có phương pháp, có cảnh giới. Trên mọi phương diện, chúng ta đều cần phải hiểu cho rõ ràng minh bạch, sau đó y theo đạo lý phương pháp để tu học. Như vậy, thì không có gì là không thành tựu.

Phàm niệm Phật không thể vãng sinh, không phải trên lý luận có vấn đề, mà chính là trong phương pháp có vấn đề. Nhưng không học vẫn là không được. Trong Phật pháp nói: “Tín, Giải, Hành, Chứng”, 4 giai đoạn này. Vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc chính là chứng quả. Chứng quả gì? Quả Vô thượng Bồ đề. Đây là thật không phải giả. Điều này là chính Phật A Di Đà nói trong 48 nguyện. Chỉ cần sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì chúng ta chính là A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí là người ra sao? Các vị cổ đức nói, họ là người đã viên chứng Tam bất thoái.

Chúng ta đều biết, chứng Tam bất thoái, trong kinh *Hoa Nghiêm* nói là bậc Sơ Trụ Bồ tát. Xuất ly mười pháp giới, sinh đến cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Như Lai, như vậy mà không tuyệt sao! Sơ Trụ của Viên giáo, Sơ Địa của Biệt giáo, đây là chứng Tam bất thoái. Vì sao? Viên chứng. Viên là viên mãn. Viên mãn chứng được Tam bất thoái. Đó không phải là Sơ Địa. Cổ nhân nói là Thất Địa trở lên, phẩm vị này quá cao. Làm sao cõi Phàm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sinh cũng được như vậy? Đó là do bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Cũng chính là nói, trên thực tế chúng ta là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhất phẩm phiền não còn chưa đoạn, nhưng ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đảnh ngộ, Phật A Di Đà đảnh ngộ. Là quyền lợi của Bồ tát Thất Địa. Trí tuệ, thần thông, đạo lực của chúng ta, hình như gần với Bồ tát Thất Địa. Như vậy đến đâu để tìm? Ngoài thế giới Cực Lạc ra, thì đi xem *“Đại Tạng Kinh”*.

Đức Thế Tôn xưa nay chưa từng nói có thế giới Phật nào giống như thế giới Cực Lạc. Chưa nói qua. Chỉ có thế giới Cực Lạc có. Thật phải đem sự việc này nhận thức rõ ràng, khẳng định vậy. Ta vẫn còn động tâm chăng? Bất cứ pháp môn nào đều sẽ không động tâm.

Đặc biệt ngày nay, xã hội động loạn, thế giới quá nhiều thiên tai, nên cần phải nắm bắt thời gian. Để làm gì? Niệm Phật. Chúng ta cũng vì quan hệ hoàn cảnh mà để kinh *Hoa Nghiêm* dừng lại. Chúng ta nên tái đề khởi bộ kinh này để

cúng dường đại chúng. Tiến độ giảng bộ kinh này hình như 2 tiếng đồng hồ, bình quân chỉ có thể giảng một trang. Như vậy, xem ra bộ kinh này đại khái cũng cần đến hơn 1.000 tiếng đồng hồ. Hơn 1.000 tiếng đồng hồ giảng xong, đại khái mất khoảng 2 năm.

Sau khi giảng xong bộ này, lại tiếp tục giảng kinh *Hoa Nghiêm*. Chư vị nên biết, nắm bắt được pháp môn này, là chúng ta nắm bắt được cơ hội viên mãn làm Phật trong cõi đời này, khó được hơn bất cứ điều gì. Trước là đem thế giới Tây Phương Cực Lạc, như bây giờ gọi là làm visa, thủ tục đều làm xong, chúng ta mới học tiếp những kinh luận khác. Không sao, chúng ta tùy thời có thể đi. Chúng ta thật sự có thể đi. Học hay không học đều không sao, visa này chưa làm xong là không được! Chúng ta có nắm chắc được vãng sinh thế giới Cực Lạc chăng? Lắc đầu, không nắm chắc. Như vậy, làm sao được? Ngay lúc này, ngay ở đây làm visa để đến thế giới Tây Phương Cực Lạc. Hy vọng mỗi người đều có thể làm được, như vậy là yên tâm.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 75



Giảng ngày 10 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Mời quý vị xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 81, dòng thứ 2, vẫn là đề kinh.

“*Đại thừa giả, dụ dã. Thừa dĩ vận tải vi nghĩa*” (Đại thừa là thí dụ. Thừa lấy nghĩa là vận tải). Chữ này âm cổ đọc là “thăng”, bây giờ mọi người đều đọc “thừa”. Bây giờ, đọc “thăng” không ai hiểu. Chúng ta tùy tục mà dùng là Đại thừa. Ví dụ như ngày xưa, khi chúng ta đi đâu thường ngồi thuyền, ngồi xe, cưỡi ngựa. Cưỡi ngựa là “thừa mã”. “Thừa” tức là vận tải, chuyên chở.

“*Đại giả sở thừa*”, hoặc là nói “*Sở thừa giả đại*” (Sự vận tải của đại nhân, hay nói sự vận tải lớn). Đó gọi là Đại thừa. Đây là giải thích ý nghĩa của 2 từ này. “*Đại giả sở thừa*” không phải người phổ thông, mà người có đạo đức, có đức hạnh. Chư Phật, Bồ tát là đại nhân, các Ngài thường chuyên chở, hoặc là “*Sở thừa giả đại*”, như hiện nay một số người học Phật. Chúng ta cũng học kinh giáo Đại thừa, nên chúng ta càng phải chuyên chở rất lớn. Đây gọi là Đại thừa.

“*Biệt ư Thanh văn Duyên giác cần cầu tự giác chi Tiểu thừa*” (Khác với Thanh Văn, Duyên Giác là Tiểu thừa chỉ chuyên cầu tự mình giác ngộ). Sai biệt là ở chỗ này. Đối lập với Đại thừa là Tiểu thừa. Người Tiểu thừa chỉ cầu tự giác, Đại thừa không như vậy, không những cầu tự giác mà còn phải giác tha. Giúp đỡ hết thảy chúng sinh đi đến giác ngộ.

Tâm lượng họ rộng lớn, những gì họ làm cũng lớn, nên được xưng là Đại thừa.

Chúng ta theo học kinh điển Phật giáo nhiều năm, nên đã thâm nhập thấu triệt. Năm 26 tuổi, tôi theo thầy Phương Đông Mỹ học triết học, và nhận thức về Phật giáo. Những gì tôi nhận biết về Phật giáo không giống với một số người trong xã hội hiện nay. Tôi làm quen với Phật giáo là thầy Phương giới thiệu cho tôi về triết học trong Phật giáo. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là một nhà đại triết học. Học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Học triết học, vì sao? Vì hưởng thụ cao nhất. Nếu không vì việc này, thì học nó làm gì! Có phải thật vậy chăng? Thật vậy. Tôi học đến nay là 59 năm, sang năm là một giáp. Tôi chứng minh cho mọi người thấy thật sự là hưởng thụ cao nhất của đời người.

Tôi không bao giờ quên ân đức của thầy Phương. Nếu không có thầy chỉ điểm, tôi trước sau vẫn bị mê mờ trong bóng tối, không biết thế gian những điều tốt như vậy, một số người muốn giới thiệu mà không có, nên rất hy hữu khó gặp. Thầy Phương nói với tôi nó là triết học tối cao.

Sau nhiều năm nghiên cứu, tôi đã phát hiện, đây không chỉ là triết học tối cao mà còn là khoa học tối cao nữa. Vì sao? Có những vấn đề mà khoa học và triết học không giải quyết được, nhưng kinh điển Đại thừa đã giải quyết toàn bộ. Quá tuyệt!

Trong kinh, chúng ta thường đọc “*Thập phương sát độ, vi trần pháp giới*”. Thập phương sát độ, khoa học hiện nay nghiên cứu là Hoàng quan thế giới (vĩ mô). Vi trần pháp giới là Vi quan thế giới (vi mô). Vi quan là lượng tử lực học trong kinh Phật đều có. Đến bây giờ, lượng tử lực học vẫn chưa giải thích rõ ràng, nhưng trong kinh Phật nói rất rõ, rất minh bạch. Lời của thầy Phương không sai. Kinh điển Phật giáo đúng là đỉnh cao của triết học trên toàn thế giới, cũng là đỉnh cao của khoa học.

Muốn học khoa học hay triết học, ta không thâm nhập vào Phật pháp, thì ta đến đâu để học? Nó ở trong pháp Đại thừa. Giới khoa học hiện đại phát hiện, giữa vũ trụ có 3 thứ, chứng thực A Lại Da trong kinh Phật nói. Giới khoa học cận đại cũng nói giữa vũ trụ chỉ có 3 thứ, trừ 3 thứ này ra cái gì cũng không có. Trong 3 thứ này, một là vật chất, hai là năng lượng và ba là tin tức.

3.000 năm trước, đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng Pháp tướng Duy thức, và đã nói ra điều này. 3 thứ này là Tam thể tướng của A Lại Da. Nghiệp tướng của A Lại Da là năng lượng, Cảnh giới tướng là vật chất và Chuyển tướng là tin tức. Trong Duy thức nói 3 thứ này là A Lại Da thức, Mạt Na thức và Ý thức. Mỗi thức đều có 4 phần: Tự chứng phần, Chứng tự chứng phần, Kiến phần, Tướng phần. Kiến phần là tin tức, Tướng phần là vật chất.

Phật pháp không phải mê tín, đã được giới khoa học cận đại chứng minh, họ nói rất hay. 8 thức, 51 tâm sở, mỗi thức đều có 4 phần. Đây có nghĩa là gì? Ý nói rằng tinh thần và vật chất là một không phải hai, vĩnh viễn không phân chia. Bất cứ tâm tâm sở nào nó đều có Tướng phần. Tướng phần là hiện tượng vật chất. Đều có Kiến phần. Kiến phần là hiện tượng tinh thần. Tinh thần trong A Lại Da chính là thọ, tưởng, hành, thức. Đây là tinh thần. Ở nơi chân tâm hoặc ở trong tự tính, nó không gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Thọ, tưởng, hành, thức là đeo mang phiền não, trong tự tính không có. Trong tự tính gọi là kiến, văn, giác, tri, nên sau khi đại triệt đại ngộ thì chuyển thức thành trí. Chuyển A Lại Da thành Đại viên cảnh trí, chính là kiến, văn, giác, tri. Không gọi là thọ, tưởng, hành, thức, mà gọi là kiến, văn, giác, tri.

Trong thọ, tưởng, hành, thức, có phiền não, có tập khí. Trong kiến, văn, giác, tri, không có. Trong kinh giáo thường nói: không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm. Lúc này là kiến, văn, giác, tri. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước thì kiến, văn, giác, tri, sẽ biến thành thọ, tưởng, hành, thức. Các nhà khoa học còn chưa phát hiện ra vật chất, năng lượng, tin tức từ đâu mà có, chưa nói ra. Trong Phật pháp có. Nó từ đâu đến? Nó đến từ trong tự tính.

Tự tính không phải tinh thần cũng không phải vật chất. Nó ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào. Nó là bản thể của hết thảy

vạn pháp. Hết thấy vạn sự vạn pháp nương nó sinh ra mà hiện tiền. Nó cái gì cũng không phải, nhưng nó cái gì cũng có thể hiện.

Huệ Năng Đại sư minh tâm kiến tính, Ngài lộ ra cho chúng ta một chút tin tức. Ngài nói ra 5 câu nói, nói rõ bản chất của tự tính. Bản chất tự tính là gì? Ngài nói: *“Hà kỳ tự tính. Bản tự thanh tịnh”*. *“Hà kỳ tự tính”*, câu này dùng cách nói hiện nay mà nói là *đâu ngờ tự tính vốn thanh tịnh*. Bây giờ vẫn thanh tịnh, từ trước đến nay chưa hề có một chút ô nhiễm. Đây là gì? Là chân tâm. Vì thế, chân tâm là thanh tịnh tâm. Thanh tịnh tâm này quyết định không thọ nhiễm ô. Ở chỗ thánh cũng không tăng, nơi phàm cũng không giảm. Nơi chư Phật, Bồ tát cũng không thêm chút nào. Chúng ta ở nơi phàm phu cho đến làm súc sinh, muỗi, trùng, kiến, hay đọa trong tam đồ lục đạo, có chút nhiễm ô nào không? Không có, một chút nhiễm ô cũng không.

Nhưng nhiễm ô là gì? Nhiễm ô là A Lại Da. A Lại Da có nhiễm có tịnh, có thiện có ác, chân tâm không có. Mục đích học Phật cuối cùng là gì? Là phản vọng quy chân - xa rời vọng tưởng trở về chân như. Trở về tự tính, đây là mục đích của việc học Phật. Học Phật là phải thật sự buông bỏ thế gian. Đức Thế Tôn đã làm gương cho chúng ta. Ngài xuất thân là vương tử, có thể kế thừa vương vị, vậy mà Ngài không cần vương vị. Ngài đã giác ngộ, nên không cần nữa, chỉ cần trở về với tự tính. Ngài là Đại thừa. Ngài không phải là Tiểu

thừa. Nếu Ngài là Tiểu thừa, thì chính mình trở về với tự tính là được rồi, không cần phải dạy người khác - Ngài là Đại thừa. Ngài ngoài tự giác ra còn phải giác tha, giúp đỡ người khác giác ngộ.

Vì thế, sau khi khai ngộ, Ngài bắt đầu đi giáo hóa. 30 tuổi khai ngộ bắt đầu giáo hóa, giáo hóa cho đến già chết. 79 tuổi, Ngài Niết bàn. Trong kinh ghi: Giảng kinh hơn 300 hội, thuyết pháp 49 năm. Ngày ngày đều dạy học, lấy việc này làm vui không hề mệt mỏi, không có ngày nào nghỉ. Một người cũng giảng, hai người cũng giảng. Bất luận khi nào, bất luận ở trường hợp nào. Đức Phật từ bi, không có người nào là không dạy. Vĩnh viễn chưa từng nghe nói Ngài đã mệt mỏi. Vì sao? Vì năng lượng trong tự tính sung túc, chắc chắn không có mệt mỏi, không giống như chúng ta. Vì sao chúng ta làm một chút việc thì đã thấy quá khổ cực, quá mệt mỏi? Là do nguyên nhân gì? Vì chúng ta có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Những thứ đó sẽ sản sinh mệt mỏi. Trong tự tính không có, tìm không thấy.

Chúng ta học Phật là phải quan sát tỉ mỉ đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một đời của Ngài là biểu diễn cho chúng ta thấy, đó là trong từ Tính đức “tùy duyên diệu dụng”, “oai nghi hữu tắc”. Ngài làm để cho chúng ta xem. Điều này là thật không phải giả. Vì thế, giáo dục Phật giáo, ở trước chúng ta đọc đến Đức Phật Bản Sư Thích Ca Mâu Ni. Quan hệ giữa chúng ta và Phật là quan hệ thầy trò. Chúng ta cần phải biết điều này.

Đức Thích Ca Mâu Ni là một vị thầy căn bản, giáo dục Phật giáo do Ngài hưng khởi lên. Phật có nghĩa là gì? Là giác ngộ. Nếu dịch tiếng Trung Quốc chính là giáo dục giác ngộ, chứ không phải là mê tín. Giáo dục giác ngộ do đức Phật kiến lập nên. Chúng ta gọi Ngài là bậc thầy căn bản - Bản Sư. Chúng ta tự xưng là đệ tử. Đệ tử là học sinh, nên quan hệ giữa chúng ta với đức Phật là quan hệ thầy trò. Đây làm gì có mê tín, với tôn giáo có liên quan gì đâu? Nhưng người bây giờ coi Phật giáo như một tôn giáo. Cũng có đạo lý, Vì sao? Đến cả Khổng lão phu tử cũng đã biến thành tôn giáo. Khổng lão phu tử biến thành tôn giáo, thì Phật đương nhiên cũng có thể biến thành tôn giáo. Chẳng qua nếu chiếu theo văn tự xưa, thì ý nghĩa của tôn giáo là tốt. Đó là tôn giáo thật không phải tôn giáo giả. Ý nghĩa của tôn giáo ngày xưa, Tôn có nghĩa là gì? Tôn là chủ yếu, là trọng yếu, là tôn sùng. Quý vị tra từ điển sẽ có 3 nghĩa. Giáo là giáo dục, là dạy học, khi hợp lại Tôn giáo là gì? Là giáo dục chủ yếu, dạy học trọng yếu, giáo hóa tôn sùng. Ý nghĩa này thật quá tuyệt vời! Đây chính là nói hết thấy mọi người không thể không học. Không chỉ hết thấy mọi người, mà trong Phật pháp nói là hết thấy chúng sinh. Mười pháp giới hữu tình chúng sinh không thể không học. 2 từ Tôn giáo này bao hàm ý nghĩa quá hay, ở đây không có chút mê tín nào cả.

2 từ Tôn giáo này từ nước ngoài dịch ra, ngày xưa vốn không có danh từ này. Trong nhà Phật, xưng Tôn giáo nhưng

không phải là ý nghĩa này. Trong nhà Phật, xưng Tôn giáo là nói Tông môn, tông giáo. Tôn là chuyên chỉ cho Thiền tông. Ngoài Thiền tông ra, thì 9 tông phái khác đều gọi là giáo môn, nên hợp lại gọi là Tôn giáo, là ý này, là ngôn ngữ từ bên ngoài đến. Ngôn ngữ từ bên ngoài đến, nhưng người xưa đã dùng 2 từ này để phiên dịch ra. Đây là đại trí tuệ và thật sự có học vấn. Vì sao họ không dịch thành cái gì khác mà dịch thành Tôn giáo? Dịch quá hay. Đó chính là nói hết thấy những người khai sáng ra các tôn giáo trên thế giới. Kinh điển của họ đều đáng được tôn sùng, đều là những thứ quý. Từ trên danh từ phiên dịch ngày xưa, các bậc cổ thánh tiên hiền, đã khẳng định đối với các tôn giáo. Nếu để chúng ta dịch, thì sẽ dịch không ra.

Chúng ta học Phật là có sứ mệnh, có trách nhiệm, phải danh chính. Danh không chính thì ngôn không thuận, phải đem hết thấy ý nghĩa của danh xưng này, nói rõ ràng, nói minh bạch. Tôi học Phật học hết 60 năm, tôi không có một chút mê tín nào, mà còn sung mãn trí tuệ, phiền não nhẹ, trí tuệ tăng trưởng. Trí tuệ có thể giải quyết hết thấy mọi vấn đề, tri thức làm không được. Dùng tri thức giải quyết vấn đề, về sau thường có di chứng, nhưng trí tuệ thì không.

Học thuật Đông phương từ xưa đến nay là cầu trí tuệ, với Tây phương không giống nhau. Tây phương cầu, đặc biệt là Tây phương cận đại, sau khi cách mạng khoa học, thì học thuật Tây phương tìm tòi toàn là tri thức, nên đã tạo thành

sự động loạn cho toàn xã hội như hôm nay, tạo thành nguy cơ cho địa cầu. Điều này, đáng để cho ta suy nghĩ. Vậy có cơ hội để cứu vãn không? Có. Đáp án là khẳng định. Lời dự báo của cổ kim trong ngoài. Có người hỏi tôi: Tôi nhận định như thế nào? Nhận định của tôi cũng là khẳng định, nhưng kết quả của lời dự ngôn là không xác định. Điều này, quý vị học Phật cần phải biết, đặc biệt là học Đại thừa. Một lời dự ngôn, đằng sau có rất nhiều kết quả bất đồng chứ không phải một, không phải như họ nói. Như họ nói cũng có khả năng, nhưng cũng có kết quả khác.

Vì sao? Trong kinh điển, đức Phật dạy: *“Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sinh”*. Trong tâm ta ý niệm đang chuyển biến từng sát na. Một niệm trước là ác niệm, thì đó là tai nạn. Niệm ở sau biến thành thiện niệm, tai nạn tự nhiên không còn. Nếu ta tiếp tục vẫn là ác niệm đó, thì tai nạn sẽ lại hiện tiền. Đức Phật dạy, tai nạn của mỗi người chính là nỗi đau của ta. Hoàn cảnh bị thiên tai chính là động đất, sóng thần, gió bão. Nóng lạnh vô thường là khí hậu biến hóa, dẫn đến thiên hà đại địa đều phát sinh tai biến. Vì nguyên nhân gì? Toàn là do ý niệm. Nghe ta nói như vậy, mọi người cho rằng chúng ta mê tín. Cũng may, các nhà khoa học đỉnh cao của cận đại đã chứng minh. Hiện nay, Tây phương vừa mới hưng khởi, đây là một khoa học mới, vừa mới hưng khởi.

Liệu pháp của ý niệm, đây là nói trị bệnh. Rất nhiều nghi nan tạp chứng, không cần uống thuốc, không cần

chích, chỉ cần ý niệm. Ta có thể đem nhiễm ô của mình và những ý niệm bất thiện buông bỏ tất cả, khiến cho tâm địa hồi phục đến chỗ thuần chân thuần thiện, thì bệnh tự nhiên lành. Hiện nay, ở nhiều nước rất nhiều người đang làm thực nghiệm. Thực nghiệm này có hiệu quả tương đối, cho nên các nhà khoa học hiện nay đều đang nghiên cứu. Đây là một hình thức mới của khoa học. Đặc biệt là ý niệm của tập thể, có thể hóa giải thiên tai.

Tôi nhìn thấy trong báo cáo, còn dẫn dụng câu chuyện “*Giang Bản Thắng Tỳ Bà hồ*”. Thực nghiệm này của họ tại Liên Hiệp Quốc đã làm mấy lần báo cáo. Giới khoa học trên toàn thế giới đều biết. Hồ Tỳ Bà là một eo biển, nước chết. Hơn 20 năm mà mùi vị rất khó ngửi và rất dơ bẩn. Họ nghiên cứu và thử nghiệm nước ở đây, biết được nước có năng lực nhìn thấy, có năng lực nghe, hiểu được ý của người. Thực nghiệm này, bị họ phát hiện nước là khoáng vật. Nó là sống, nó không phải chết, nó có kiến, văn, giác, tri, nên họ tìm hơn 100 người, rồi mời một vị pháp sư, hơn 90 tuổi. Họ nói với tôi, ở nơi đó cầu nguyện hơn một giờ, và hơn 100 người này đều đem ý niệm, tạp niệm đều buông bỏ hết, chỉ khởi một ý niệm là chuyên chú. Điều này rất quan trọng, phải chuyên chú, một chút tạp niệm cũng không có, chỉ một niệm này. Nước sạch rồi, chỉ khởi một ý niệm này thôi. Ở nơi đó, đọc liên tục lặp đi lặp lại, đọc một giờ đồng hồ. Sau 3 ngày, nước nơi eo biển này

thật sự trong sạch, mùi uế tạp không còn và bảo trì được 6 tháng.

Lần trước, tôi ở Đài Loan. Họ biết tôi ở Đài Loan, nên đến thăm tôi. Tôi nói với họ, cầu nguyện nơi hồ Tỳ Bà đó, nên 2 tháng cầu nguyện một lần, như vậy nước sẽ vĩnh viễn trong sạch. Quý vị xem, một lần mà quý vị có thể duy trì 6 tháng, thật không dễ. Vậy cầu nguyện có linh không? Linh! Nhưng trị ngọn mà không trị gốc. Xem, mới nửa năm không cầu nguyện lại hồi phục như cũ, nên nó trị ngọn mà không trị gốc.

Trị gốc là gì? Trị gốc là dạy học, là giáo hóa. Nếu dân cư lân cận eo biển đó, mọi người đều biết, phải bồi dưỡng tâm cho thanh tịnh, nuôi dưỡng thiện niệm, thì hoàn cảnh cư trú của họ vĩnh viễn trong sạch. Vì thế, cầu nguyện có thể cứu cấp, nhưng cứu nhất thời, không thể cứu lâu dài.

Mấy ngàn năm trước, xã hội trị an lâu dài là nhờ vào đâu? Nhờ vào giáo dục. Nhờ giáo dục của Thánh hiền. Nho giáo là giáo dục của Thánh hiền. Phật giáo và Đạo giáo cũng là giáo dục của Thánh hiền.

Tôi nhớ năm 2006 đang ở Paris, hoạt động này do Liên Hiệp Quốc tổ chức. Ông Trương là đại biểu của Liên Hiệp Quốc, có mời tôi ăn cơm 2 lần, và hỏi tôi một vấn đề. Ông ta nói Phật và Đạo là tôn giáo, vậy Nho giáo có phải là tôn giáo không? Lúc đó, tôi trả lời Nho, Thích, Đạo đều không

phải là tôn giáo. Thời xưa gọi là “Tam gia”, Nho gia, Phật gia, Đạo gia, nên tôn giáo là rất muộn, đến thời nhà Thanh mới truyền ra. Những điều này, từ ngoại quốc đến Trung Quốc mới dịch thành tôn giáo, còn trước kia không có, chỉ gọi là Nho, Thích, Đạo tam gia, cũng xưng là tam giáo. Tam giáo này là dạy học là giáo hóa. Giáo hóa của 3 nhà, dạy học của 3 nhà, không có danh từ tôn giáo như hiện nay, mà nó là học phái.

Truyền thống là lấy Khổng Mạnh làm tượng trưng - Khổng Mạnh tập đại thành. Đạo là Lão - Trang, sau trở thành Đạo giáo. Trở thành Đạo giáo là Trương Đạo Lăng. Ông ta triển khai ra. Nhưng cách mạng của ông ta thất bại, vì lệnh đã truyền xuống. “*Ngũ đầu mễ đạo*” đã truyền ra.

Phật giáo là từ bên ngoài truyền vào, các bậc đế vương phái đặc sứ nghênh đón về. Đón về và tiếp xúc mới thấy căn bản của Phật giáo đồng nhất với truyền thống văn hóa xưa. Văn hóa ngày xưa được kiến lập trên cơ sở “hiếu đễ”. Phật pháp Đại thừa cũng như vậy. Chúng ta xem câu đầu tiên của *Tịnh Nghiệp Tam Phức*: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng*”, căn bản so với nền văn hóa xưa hoàn toàn tương đồng, cho nên toàn thể mọi người đều tiếp thu.

Thang Ân Tử nói, người xưa tâm lượng rất lớn, ông ta rất bội phục. Có thể bao dung văn hóa khác nhau của các dân tộc. Đây là chỉ Phật giáo, có thể bao dung tất cả, kết

quả Phật giáo đã làm phong phú thêm văn hóa bản địa. Điều này, trong lịch sử các thời đại quý vị có thể nhìn thấy. Học thuyết của Nhị Trình, Châu Hy, Minh triều Lục vương đều dùng Đại thừa để giải thích kinh điển Nho gia. Dem *Tứ thư*, *Ngũ kinh* nâng lên và coi ngang nhau với *Hoa Nghiêm*, *Pháp Hoa*.

Các vị thánh hiền ngày xưa rất đơn giản, họ chỉ nêu rõ những nét chính của vấn đề, dùng Phật pháp giải thích là đã biến thành Phật pháp. Trong “*Đại học*” nói tam cương là *minh đức, thân dân, chí u chí thiện*, nhưng khi dùng Đại thừa giải thích thì đó chính là cảnh giới Hoa Nghiêm. Đây chính là Phật pháp làm phong phú thêm văn hóa truyền thống xưa. Dem *minh đức* giảng thành *tự tính*. Quý vị xem, ở trước còn để thêm chữ “minh”. Tự tính bị mê mờ, phải đem tự tính hồi phục trở lại “*minh minh đức*”. Quý vị xem, đây là dùng Phật pháp Đại thừa giải thích.

“*Thân dân*” là phổ độ chúng sinh, phải độ chúng sinh đến đâu? Đến chỗ *chí thiện* là thành Phật. Hết thấy chúng sinh đều viên thành Phật đạo. Dùng cách này để giải thích, *Tứ thư* trở thành “*Hoa Nghiêm Kinh*”. Đây là những gì Thang Ân Tử nói, Phật pháp làm phong phú thêm văn hóa bản địa. Phật pháp đối với văn hóa xưa đã cống hiến quá lớn, đã nâng văn hóa bản địa lên đến mức độ cao. Và thực hiện ở nơi 8 mục, đây chính là 8 cương lĩnh để tu hành.

Thứ nhất là *cách vật*, dùng Phật pháp để giải thích *cách vật*. Cách vật là sao? Là đoạn phiền não. Vật là dục vọng là vật dục. Cách là cách đấu. Chúng ta phải cùng vật dục đánh một trận, phải chiến thắng nó, khai trừ vật dục. Điều này trong Phật pháp gọi là đoạn phiền não, dẫn đến phá Sở tri chướng. Cách vật là phá Phiền não chướng. Nếu buông bỏ 2 chướng ngại này, thì chân tâm hiện tiền, phải thành ý thì chân tâm hiện tiền. Ý thành thì tâm chính. Tâm chính chính là tác dụng của tâm. Khởi dụng của tâm chính mà không tà chính là chính kiến.

Thành ý là thể của tâm, còn chính tâm là dụng của tâm. Quý vị xem toàn là dùng Phật pháp để giải thích, nên với pháp Đại thừa có gì phân biệt đâu? Nếu ta không hiểu được Phật pháp, thì không có cách nào đem *Tứ thư, Ngũ kinh* của Nho gia giảng đến đỉnh cao, ta làm không được. Nhị Trình, Lục vương ở trong những gì họ nói có Phật pháp Đại thừa, nên vượt qua những bậc cổ đức thời Hán, Đường.

Nếu hôm nay, chúng ta dùng Phật pháp Đại thừa để giải thích triết học và khoa học Tây phương, thì cũng vậy có thể đem nó dung hòa cùng một cảnh giới với kinh Đại thừa. Đây là những gì Phật pháp nói "*Viên nhân thuyết pháp, vô pháp bất viên*" (Người viên mãn nói pháp, không pháp nào không viên mãn). Cái tốt như vậy ở ngay trước mắt mà không biết, thật đáng tiếc. Thực tế mà nói, chúng ta nói đến chỗ này, cảm thấy may mắn vô cùng. Vì sao? Lúc trẻ, tôi cũng bị mê hoặc,

cũng không biết gì, không ngờ gặp được thầy Phương, thầy có thể nói ra. Đương thời, tôi có thỉnh giáo thầy Phương, tôi hỏi thầy những thứ này thầy học từ đâu? Thầy nói, hai mươi mấy tuổi dạy học ở Mỹ, một giáo thọ giỏi, được người đời cho rằng ông là một nhà đại triết học. Thời gian kháng chiến, ông về nước và dạy ở Đại học Trung ương. Có một năm, thầy bị bệnh. Lúc đó, Đại học Trung ương, hình như ở Trùng Khánh hay ở Thành Đô, nên thầy đến núi Nga Mi dưỡng bệnh. Đây là nguyên nhân thầy kết duyên với Phật. Thầy nói núi Nga Mi là một nơi rất tốt, non xanh nước biếc.

Tôi đi đến đó 2 lần, thấy trong chùa không có báo, tạp chí, chỉ có kinh Phật. Người đọc sách thì thích sách, nhưng không có sách xem thì xem kinh Phật, càng xem càng thú vị. Nhờ vậy, Phật pháp của thầy là tự tu, đương nhiên là cũng nhờ trước đây học có cơ sở tốt, căn kế thâm hậu. Thầy là đời thứ 16 của Phương Bao. Phương Bao là người khai sáng ra phái Đồng Thành, trong văn học rất có địa vị, là người sáng lập phái Đồng Thành, nên đây là một thế gia.

Và sau lần dưỡng bệnh đó, thầy không rời xa kinh Phật, thâm nhập nghiên cứu. Sau đó, dạy học ở Trường Đại học Đài Loan. Tôi tiếp xúc với thầy là lúc thầy đã lớn tuổi. Ở Đài Loan hơn 20 năm, thầy giảng toàn kinh Phật, chính thức mở khóa. Ở Đại học Đài Loan, thầy dạy mấy mục lớn: *Đại thừa Phật học, Ngụy Tấn Phật học, Tùy Đường Phật học*. Khi lớn tuổi, từ Đại học Đài Loan, thầy nghỉ hưu, nhưng Đại học

Phụ Nhân lại mời đi. Ở khóa nghiên cứu sinh của Đại học Phụ Nhân, thầy mở dạy triết học Hoa Nghiêm. Thầy lên lớp giống như đức Phật Thích Ca vậy, không có bản thảo cũng không có tư liệu, lên bục giảng là ứng khẩu mà nói, nên học sinh nghe thầy giảng không dễ dàng gì. Vì thầy không có tư liệu cho quý vị. Nhưng lúc đó đã có thu âm, nên cũng không tệ. Các bạn học đem theo máy ghi âm thu lại, sau đó chỉnh lý và viết thành sách *“Phương Đông Mỹ Tiên Sinh Toàn Tập”*.

Thầy viết rất ít, đại khái chỉ có vài ba loại. Bộ phận Anh văn thầy tự viết, những thứ khác chỉnh lý lại cũng rất nhiều. Toàn bộ là do học sinh ghi lại từ trong máy ghi âm. Tôi không biết thầy có xem qua không. Thầy không xem qua cũng có thể vợ Thầy - bà Phương xem. Bà Phương đối với những sách xuất bản này rất cẩn thận. Khi tôi học với thầy Phương, mỗi tuần hai giờ đồng hồ cũng không có giáo án, không có giảng nghĩa, đề cương đều không có. Mỗi tuần hai tiếng dạy cho tôi một bộ triết học đại cương rất có hệ thống.

Từ triết học Khang Đức (Kant) Tây phương bắt đầu giảng, giảng đến triết học Đông phương của Trung Quốc, rồi giảng triết học Ấn Độ, cuối cùng giảng đến triết học trong kinh Phật. Ký ức tốt, đối với thầy Phương, tôi không thể không khâm phục. Như vậy, mới biết những thứ này là đại học vấn. Và thầy Phương đã đem những thứ này giới thiệu cho tôi. Tôi đã minh bạch, đã giác ngộ biết rằng quan niệm trước

đây là sai. Dem Phật giáo xem thành tôn giáo, xem thành mê tín, sai rồi. Bây giờ thật sự đã quay đầu.

Thầy Phương nói với tôi, câu nói này vô cùng quan trọng, khiến tôi không bị mất phương hướng. Thầy nói: *“Triết học Phật giáo không ở trong tự viện”*, lời dặn dò này rất quan trọng, *“Nó ở trong kinh điển”*. Thầy nói trước đây, người xuất gia trong tự viện, đó mới thật là nhà đại triết học. Vì sao? Vì họ nghiên cứu, họ học tập, đích thực cao nhân. Người xuất gia trong tự viện họ làm gì? Mỗi ngày, họ đều nghiên cứu kinh điển, ngày ngày đều truy cứu học vấn.

Vì thế, ngày xưa, thời đại đế vương, người trẻ tuổi muốn đọc sách phải đi đâu? Đến chùa. Lầu kinh tạng của chùa không phải hoàn toàn cất giữ kinh tạng, chư tử bách gia mỗi thứ đều có, là một nhà thư viện. Người xuất gia đều học, đều thông! Vì thế, người trẻ tuổi ở trong chùa đọc sách. Có vài gia đình giàu có, thì cúng dường cho chùa một ít. Còn nếu gia đình quá thanh bần chỉ cần quý vị đọc sách cho tốt, nhà chùa sẽ chăm lo đời sống sinh hoạt cho quý vị. Vì quốc gia bồi dưỡng nhân tài.

Quý vị đến đó đọc sách, khi gặp vấn đề gì, vị xuất gia nào cũng có thể giúp ta giải quyết, đều có thể giúp ta giảng giải, và đều là những thầy giáo tốt. Nhưng người xuất gia thời hiện đại, không nghiên cứu kinh giáo, không học tập, cho nên ta tìm ra người xuất gia để học thật khó khăn. Đây là

lời cảnh tỉnh vô cùng quan trọng. Nếu không nói câu này, tôi đến chùa vừa nhìn thấy không đúng, tôi sẽ hoài nghi đối với thầy.

Vì sao? Vì những người chuyên môn nghiên cứu Phật giáo trong tự viện nói với chúng ta không giống nhau. Tôi có một vài vấn đề, hỏi họ đều không biết làm sao được? Vì thế, lời dạy bảo này rất quan trọng. Chúng ta đi đến chùa chỉ là xem sách chép kinh. Vì lúc đó kinh sách một số tiệm sách mua không được, không có lưu hành. Đến chùa chép kinh, có vấn đề hỏi họ, nên mọi người rất vui vẻ. Tôi có vấn đề liền hỏi 2 người, một là thầy Phương, hai là Chương Gia Đại sư. Lúc đó chỉ dạy và hướng dẫn cho tôi là 2 vị này. Tôi gặp vấn đề gì đều thỉnh giáo họ, càng học càng hứng thú.

Tôi học 7 năm và xuất gia. Xuất gia là Chương Gia Đại sư khuyên dạy. Đại sư khuyên tôi xuất gia, đặc biệt dặn dò tôi, không được đi làm quan. Tôi lúc đó còn trẻ, tôi hỏi Ngài vì sao? Ông ta nói tôi làm quan, là một quan thanh liêm, thật sự vì nhân dân làm việc. Nếu những thuộc hạ của tôi đều là tham quan ô lại, thì tôi phải làm sao? Tôi nghe hỏi như vậy sững người ra, tôi có thể quản chính mình rất tốt, nhưng không có cách nào quản tốt người khác. Hiện tượng quan trường với tưởng tượng của chúng ta không giống nhau. Lời của đại sư là thật. Đại sư dạy tôi, sao không học như đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài đến cả vương quốc còn không cần. Tôi nghĩ đúng, có đạo lý. Đặc biệt là khi nghe thầy Phương nói: “Học

Phật là hướng thụ cao nhất của đời người”. Do đó, Ngài kêu tôi xuất gia, dạy tôi học đức Thích Ca.

Mới bắt đầu, đọc cuốn sách đầu tiên là sách chứ không phải kinh. *“Thích Ca phổ”* và *“Thích Ca Phương Chí”*. Đây là Chương Gia Đại sư dạy tôi đọc. Tôi học với thầy Phương là không có sách, không có bất cứ tài liệu nào, đến đại cương cũng không có. Giống như nghe kể chuyện vậy, thầy kể tôi nghe. Đến Chương Gia Đại sư, thì Ngài chỉ định một vài cuốn sách cho tôi học tập.

Tôi học cuốn thứ nhất là học *“Thích Ca Phổ”* và *“Thích Ca Phương Chí”*, là truyện ký của đức Phật Thích Ca. Trong *Đại Tạng Kinh* có, do người nhà Đường viết. Đọc xong, mới biết đức Phật Thích Ca Mâu Ni là người, Ngài không phải thần, cũng không phải tiên nhân. Chính là những vị mà chúng ta thường nói là thánh nhân, như Trung Quốc xưng Khổng Tử, Mạnh Tử, là thánh nhân. Phật, người xưa cũng gọi là thánh nhân. Người Ấn Độ gọi là Phật Đà, là Bồ tát. Còn người xưa gọi là thánh nhân, hiền nhân, sự tình là như vậy.

Trước tiên, chúng ta phải làm cho rõ ràng, không thể mê tín. Mê tín là sai. Mục tiêu học Phật ở đâu? Là giác ngộ. Có thể giác ngộ không? Có! Vì sao? Vì ta vốn là giác ngộ. Ta vì sao mà mê? Vì lục căn của ta ở trong lục trần, mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh và khởi phân biệt, chấp trước thì sẽ mê. Điều này, khi chúng ta xem trong kinh Đại thừa sẽ thấy rất nhiều.

Buông bỏ chấp trước, đối với hết thấy pháp trong thế gian, xuất thế gian không còn chấp trước, đến ý niệm chấp trước cũng không có, thế là quý vị đã giác ngộ. Dem chướng ngại buông bỏ, thì ta đã giác ngộ. Giác ngộ là tự mình có, như Mã Minh Bồ tát nói trong *Khởi Tín Luận*: “*Bản giác bản hữu, bất giác bản vô*” (Bản giác vốn có, bản giác vốn không). Ta đem bắt giác buông xả, thì bản giác sẽ hiện tiền. Khi đó, cái gì hiện tiền? Chính giác hiện tiền. Đối với hết thấy đều không chấp trước nữa. Chấp trước làm chướng ngại chính giác. Chỉ cần đem chấp trước buông bỏ, không còn chấp trước thì chính giác hiện tiền, mọi người sẽ gọi là A La Hán.

A La Hán là một học vị, ở trong nhà Phật là địa vị thấp nhất - Tiểu thừa. Học vị này ta đã nắm được. Và nâng cao lên nữa, không những không chấp trước, đến cả phân biệt cũng không còn, với ý niệm phân biệt trong thế gian, xuất thế gian đều không còn, đây gọi là Bồ tát. Ta đã giác ngộ. Giác ngộ này cao hơn cả A La Hán là Chính Đẳng Chính Giác. Và càng lên cao nữa, là không khởi tâm, không động niệm. Đến khởi tâm động niệm đều không có, là đại định, là tự tính bản định, thật sự đã hoàn nguyên. Trong Đại thừa giáo nói: *Minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật*, bây giờ gọi danh hiệu là Phật Đà. Giác ngộ của ta gọi là Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác trong tự tính ta vốn có, không phải bên ngoài vào. Chướng ngại dọn sạch thì hồi phục, gọi là minh tâm kiến tính. Sau

khi kiến tính, không có gì là không biết, không có gì là không thể. Vì sao? Vì mười pháp giới Y, Chính trang nghiêm là tự tính hiện, là tự tính sinh, là A Lại Da biến. Tính thức đều là chính mình, lúc này ta thấu triệt tất cả, còn có gì mà ta không biết chứ. Vì thế, ta ở trong sở hiện, sở sinh, sở biến mà học tập, đó là tri thức.

Nhưng nếu quay đầu nhìn lại, ta ở trong năng hiện, năng sinh, năng biến hạ công phu, thì ta đã tìm thấy nó, tìm thấy nguồn gốc, đó là trí tuệ. Trí tuệ có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Không riêng gì vấn đề trong cuộc sống hằng ngày, thế nên tiểu địa cầu này có đáng là bao? Biến pháp giới hư không giới, đại trí tuệ! Đức Phật nói người người đều có, không phải chỉ mình Ngài có. Hết thảy chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc. Quý vị xem, ở đây nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Cái này có thể không trừ diệt sao? Học Phật không có gì khác, chính là buông bỏ.

Tôi cảm ân Chương Gia Đại sư. Chúng tôi ngày đầu tiên gặp mặt, tôi liền hỏi đại sư một vấn đề. Tôi nói, tôi từ thầy Phương mà biết Phật pháp vô cùng thù thắng, thật là đại học vấn, là triết học cao nhất, vậy có phương pháp nào có thể thâm nhập thật nhanh không? Tôi đưa ra vấn đề này. Vấn đề này đề ra thật là đại học vấn. Chương Gia Đại sư nhìn tôi, mới ngày đầu tiên gặp mặt, tôi cũng nhìn đại sư. Tôi nhìn đại sư đợi Ngài trả lời. Nhìn bao lâu? Nhìn nửa giờ

đồng hồ, không nói một câu nào. Đến mười mấy năm sau, tôi mới hiểu được, đó là một phương pháp dạy học cao minh đặc thù.

Vì sao? Chúng ta còn trẻ, tâm động khí loạn. Khi ta đang tâm động khí loạn mà nói, thì cũng như gió thổi bên tai, nghe tai này lọt qua tai khác, không có lợi ích. Thời gian nửa tiếng, Ngài nhìn tôi, tôi nhìn lại Ngài. Tâm định rồi, nửa tiếng đồng hồ đã trấn tĩnh rồi. Đại sư muốn để tôi thật sự định lại mới nói chuyện với tôi. Có một chút hiện tượng nông nổi, Ngài sẽ không nói chuyện. Sau đó, tôi theo Chương Gia Đại sư 3 năm, mỗi tuần hai tiếng đều ở trong thiền định. Nói chuyện không nhiều, nhưng đã cho tôi ấn tượng rất sâu, cả đời cũng không quên được.

Sau khi đợi khoảng nửa tiếng, đại sư chỉ nói một tiếng “Có”. Tiếng “Có” này làm cho tôi biến động, trong tâm lập tức chấn động. Rồi Ngài lại tiếp tục không nói nữa. Thời gian lần này ngắn một chút, khoảng 7-8 phút, trầm mặc 7-8 phút, rồi sau đó rất chậm, nói từng tiếng từng tiếng một: *“Nhìn phải thấu, buông phải được”*. Chỉ nói với tôi 6 từ. Tuy là 2 tiếng đồng hồ, nhưng trên thực tế nói chuyện không nhiều, không vượt qua 20 câu. Đại sư nói chuyện rất chậm. Khi thấy ta không còn trạng thái xao động, lúc đó Ngài mới nói. Còn một chút xao động, thì Ngài sẽ nhìn chúng ta mà không nói gì.

Hôm đó, tôi ra đi. Đây là lần đầu tiên, đại sư đưa tôi đến cổng, vỗ vai tôi và nói: *“Tôi hôm nay nói với bạn 6 từ, bạn phải đi làm cho tốt trong 6 năm”*. Tôi thật sự đã nghe lời, thật đã hạ công phu ở chỗ nhìn thấu và buông bỏ. Ý nghĩa buông bỏ thật quá sâu, quá rộng.

Lúc đó, tôi lĩnh hội được rất nông cạn, nhưng phải làm, từ nơi chỗ buông bỏ bắt đầu làm. Buông bỏ, giúp ta nhìn thấu triệt. Nhìn thấu triệt, giúp ta buông xả. Nhìn thấu triệt là trí tuệ. Buông xả là định công, trở lại cái thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác là nhìn thấu; thanh tịnh, bình đẳng là buông bỏ. Đây là công phu thật, mà trong kinh điển ta học được. Nếu có thể ứng dụng trong cuộc sống, thì rất lợi ích, thật là pháp hỷ sung mãn.

60 năm lại đây, đối với tôi cũng không phải là con đường rất bình thản, mà gặp nghèngh trắc trở, chướng ngại trùng trùng, nhưng đều thông qua. Làm sao để thông qua? Buông xả thì sẽ thông qua. Đừng chấp trước. Thuận cảnh không nên tham luyến, phải buông xả tham luyến. Còn nghịch cảnh, thì phải buông bỏ sân nhuế. Vĩnh viễn duy trì tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Đây gọi là đạo. Không nên bị cảnh giới bên ngoài làm lay chuyển, gọi đó là công phu. Nói theo cách nói hiện nay là không bị hoàn cảnh bên ngoài làm ảnh hưởng. Hoàn cảnh thì không có cách nào để ly khai, chỉ yêu cầu ta không bị nó ảnh hưởng. Không bị hoàn cảnh lay chuyển, thì trí tuệ đã khai rồi.

Điều kiện đầu tiên là phải nhẫn nhục, phải chịu thiệt thòi. Không thể nhẫn là không được, nếu sợ thiệt thòi cũng làm không được, tâm của ta cũng sẽ không bao giờ định được. Vì thế, cổ nhân nói rất hay, thiệt thòi là phúc, một chút cũng không sai. Đâu đâu đều phải nhường người khác. Nhất định không nên bỏ trong tâm, tâm của ta mới phóng quang, mới chiếu kiến. Cái gì cũng so đo tính toán là không xong, là sai, tâm của ta sẽ loạn, trí tuệ của ta cũng không còn.

Vì thế, người xưa rất biết giáo dục. Ngàn vạn năm đều xem việc giáo dục quan trọng nhất, đến trị quốc cũng đều là giáo dục *“kiến quốc quân dân, giáo học vi tiên”*. Kiến quốc là kiến lập một chính quyền, quân dân là lãnh đạo nhân dân. Cái gì quan trọng nhất? Là dạy học. Chỉ cần làm tốt giáo dục, thì thiên hạ sẽ thái bình, không có việc gì xảy ra.

Xã hội ngày xưa, con người có 360 ngành nghề. 360 không phải là chữ số. Một năm 360 ngày là tượng trưng sự viên mãn, chính là các ngành các nghề. Ngành nghề nào được người hâm mộ nhất? Làm quan là người hâm mộ nhất, nên phải cố gắng đọc sách. *“Học nhi ưu tắc sĩ”* (Học mà giỏi nhất định làm Sĩ). Sĩ chính là làm quan.

Làm quan trên xã hội rất có địa vị, cũng có thu nhập tốt, mọi người đều rất tôn trọng, lại không có làm việc. Điều này mới vui, không làm việc, không có án để xử. Vì sao? Trong xã hội người người đều là người tốt, mọi việc đều việc tốt, không

có người làm ác. Một tháng có một vài vụ án là nhiều rồi, nên không có ai không muốn làm quan. Vì sao xã hội lúc đó lại tốt như vậy? Con người lại tốt như vậy? Phải giáo dục từ nhỏ.

Các đế vương thời cổ đại, họ giao trách nhiệm dạy học cho gia trưởng, động viên gia trưởng, khen thưởng gia trưởng khi dạy tốt, gọi là giáo dục gia đình! Nhà của ngày xưa, người bây giờ không cách nào thể hội được. Vì sao? Vì ta chưa thấy qua và cũng chưa nghe qua. Nhà của thời xưa là đại gia đình, bây giờ không có nhà rồi. Tôi hỏi quý vị nói quý vị có nhà, nhưng quý vị chỉ biết có ba mẹ mình, còn tổ phụ tổ mẫu quý vị có biết không? Vì họ không cùng ở một chỗ. Còn tăng tổ phụ và tăng tổ mẫu, cao tổ phụ, cao tổ mẫu thì sao? Không biết. Thời xưa, ngũ đại đồng đường cùng sống chung một mái nhà, cho nên nói cửu tộc.

Ở trên có tổ phụ tổ mẫu, tăng tổ phụ mẫu, cao tổ phụ mẫu; ở dưới có con, cháu, chắt. Trên dưới 9 đời, gọi là cửu tộc. Đây là một gia đình. Một gia đình nhân khẩu ít cũng khoảng hơn 200 người, nên nhà là một tổ chức của xã hội. Thông thường, một số gia đình bình thường có khoảng trên dưới 300 người, số người hưng vượng thì 600 đến 700, đây là một đại gia tộc.

Quý vị xem tiểu thuyết “*Hồng Lâu Mộng*”, đó chính là một gia tộc. Một nhà người đó khoảng gần 300 người, trong sách viết như vậy, nên nhà nhất định phải có gia đạo, có gia quy.

“Đệ Tử Quy” chính là gia quy, phải tuyệt đối tuân thủ, từ già đến bé không có ai chẳng tuân thủ. Không tuân thủ, nhà sẽ loạn. Có gia học, tư thực là gia học. Nói như bây giờ chính là trường học của các con em trong gia đình mình, nên khi còn tuổi nhi đồng nhất định phải tự mình dạy nó thật tốt. Dạy tốt rồi, học cũng rất ưu tú có thể tham gia các cuộc thi của quốc gia. Cuộc thi của quốc gia là quốc gia tuyển chọn nhân tài. Sau khi tuyển chọn, quốc gia sẽ phát bổng lộc, tức là có đãi ngộ. Cuộc sống của quý vị có quốc gia chiếu cố, như bây giờ là phát tiền công cho công nhân vậy. Ta phải học cho tốt, không ngừng tham gia thi cử, tương lai phò chính. Vì thế, nên bồi dưỡng nhân tài là trách nhiệm của mỗi gia đình, còn quốc gia tuyển khảo. Tuyển chọn để làm nhân viên công vụ của quốc gia, chế độ này quá tốt.

Từ Hán Võ Đế đời nhà Hán kiến lập nên chế độ này, cho đến thời Mãn Thanh, đã thay đổi biết bao nhiêu triều đại, nhưng chế độ này vẫn không cải biến. Chế độ tốt nên không thay đổi. Xã hội này, quốc gia lớn như vậy, nhân khẩu nhiều như vậy, mà nền trị an lâu dài làm sao có được? Là do có đạo lý, tức là giáo dục, giáo dục tốt.

Trường học của con em trong gia đình tốt hơn so với trường học hiện nay. Vì sao? Vì được gia trưởng và lão tổ tông quan tâm, Vì đây là cốt nhục của họ, nên họ phải dạy cho tốt. Trẻ con lớn lên phải có triển vọng, vinh tông diệu tổ, nở mặt nở mày. Ngày xưa, trẻ em sinh ra trên thế gian này,

quý vị đến thế gian này làm gì? Vì gia đình. Họ là vì gia đình của họ. Cả đời này bất luận ta làm ngành nghề gì, người ủng hộ ta là ai? Là gia đình ta, ủng hộ khuyến khích ta. Lúc nhỏ cầu học là ở nhà dạy ta, gia đình mang trách nhiệm. Tương lai lớn tuổi, gia đình lại nuôi dưỡng khi già, nên người già tuổi về chiều, mới thật sự gọi là hưởng phúc.

Một đời của mình vì gia đình mà cống hiến, đến khi già thì gia đình nuôi. Bên dưới quý vị, những vị văn bối hiểu tử hiền tôn rất nhiều, như vậy làm sao không vui vẻ! Người già ngày xưa là hạnh phúc nhất. Trong đời của một người, hưởng phúc là lúc tuổi về già.

Tuổi nhi đồng chăm chỉ học tập. Khi thiếu niên mạnh khỏe thì vì gia đình, vì xã hội cống hiến, còn khi già là hưởng phúc. Đây là xã hội của ngày xưa, xã hội này quá tốt, quá mỹ mãn. Truyền thống này sao bây giờ không còn nữa? Sao lại không có? Nói cho quý vị biết, Trung Quốc cùng Nhật Bản chiến tranh, phải đánh 8 năm mới tan. Trước khi kháng chiến, một thôn trang chính là người một nhà. Trang họ Vương này là một nhà của họ. Trang bên kia là trang họ Lý, đó là một nhà, còn có cả từ đường. Cúng tế từ đường đây là xuân thu, một năm vài ba lần cúng tế. Ngoài cúng tế ra, từ đường còn làm nhà trường, cũng tức là gia học. Tư thực thì lên lớp ở đâu? Ở từ đường. Vì thế, đường kiêm luôn việc gia học. Sau khi kháng chiến thắng lợi, không nhìn thấy tình trạng này nữa.

Tôi đi tham quan vài nơi ở Giang Nam. Các vùng miền Nam An Huy, tôi cũng đi xem rồi. Thôn trang vẫn còn, nhưng người không có, chỉ còn vài người già sống ở đó, còn lớp trẻ đều đi các nơi để mưu sinh. Muốn khôi phục cái này không phải dễ. Chế độ này quá tốt, chúng ta cần phải giảng giải nhiều, tuyên truyền nhiều.

Những năm gần đây, tôi nghĩ đến các xí nghiệp, hy vọng xí nghiệp có thể đem tinh thần truyền thống gia đình ngày xưa tiếp tục kế thừa. Ông chủ của xí nghiệp phải là Bồ tát, không phải Bồ tát không làm nổi. Phải thật sự học Phật mới được. Ông chủ xem nhân viên của mình đều như anh chị em ruột của mình. Nhân viên còn nhỏ là con cái của mình. Nhân viên trưởng bối là chú bác của mình. Phải thật sự phát tâm nuôi già dạy trẻ. Vì vậy, các xí nghiệp nên xây dựng một ngôi trường cho con em, nên xây dựng viện an dưỡng. Viện an dưỡng không thu nhận người già khác, mà chỉ có những nhân công lớn tuổi. Nhân công này với chủ xí nghiệp trở thành người một nhà. Cả đời toàn tâm toàn lực vì công ty phục vụ. Một công ty chính là một mái nhà.

Trước đây, nhà là quan hệ huyết thống, nhưng nhà bây giờ là đạo nghĩa. Đây là thuộc về Đại thừa. Nhà của ngày xưa, xác thực nó là quan hệ huyết mạch, truyền thống luân lý, đạo đức xưa là đủ rồi. Nếu ngày nay, xí nghiệp đều trở thành nhà, thì ông chủ xí nghiệp không thể không học Đại thừa. Không học Đại thừa sẽ không trị tốt, tâm lượng của

họ không cách nào rộng mở. Vì thế, phải thực sự phát tâm bồ đề, hành đạo Bồ tát. Kinh doanh xí nghiệp là hành đạo Bồ tát, thì sẽ làm một cách tốt đẹp. Tuyệt đối không thua truyền thống của gia đình.

Chúng ta tin tưởng, chỉ ít phải còn một ngàn năm hưng thịnh, trị an dài lâu, nếu siêng năng học tập Nho, Thích, Đạo. Ngày nay, học tập 3 nhà Nho, Thích, Đạo vẫn chưa đủ, còn phải học tập văn hóa tôn giáo của các dân tộc trên thế giới. Vì sao? Để bổ sung thêm cho mình, lấy sở trường của người và bỏ đi sở đoản của mình, không ngừng bổ khuyết thêm chính mình, như vậy là chính xác.

Thời nhà Hán, họ lấy Phật pháp để bổ khuyết cho mình. Hôm nay, chúng ta xem xem Cơ Đốc giáo có gì tốt không? Có. Thiên Chúa giáo cũng có, Ấn Độ giáo cũng có, Hồi giáo cũng có, không thể không học. Không học thì chúng ta kiến thức hẹp hòi, của mình học xong rồi, nhất định phải học thêm của người khác. Chúng ta có thể áp dụng, có thể hấp thụ, có thể bổ khuyết cho mình, đây là đại học vấn. Giữa tôn giáo và tôn giáo cần phải đoàn kết, phải học tập qua lại.

Tôi ở Âu Châu, chúng tôi có một quy mô không lớn, một học viện Tịnh độ nho nhỏ. Chúng tôi mới bắt đầu từ năm nay. Tháng bảy, tức tháng sau là bắt đầu, chúng tôi chính thức mời hai vị giáo thọ. Một vị dạy tinh thần sinh hoạt của Hồi giáo, còn một vị dạy Cơ Đốc giáo. Chúng tôi đã khởi đầu

xung phong, trong học viện Phật giáo chính thức mở khóa trình của các tôn giáo khác, và khẳng định hết thảy tôn giáo đều là giáo dục xã hội. Tôi cũng động viên các tôn giáo khác, nhất định phải trở về với việc dạy học. Không thể chỉ dựa vào nghi thức quy tắc và cầu đảo, như vậy không được. Điều này, chúng ta đã nói qua, đây là chỉ trị ngọn, còn tu học theo kinh điển là trị gốc.

Ở trong thời đại nhiều thiên tai này, thì việc hồi phục ổn định của xã hội, hồi phục êm ấm cho thế giới, nhất định phải nhờ vào giáo dục tôn giáo. Giáo dục tôn giáo dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Hiện nay, trong hết thảy giáo dục trên thế giới đều thiếu ba thứ này. Giáo dục tôn giáo cần phải đem ba thứ này bổ sung vào, như vậy tôn giáo đối với xã hội có cống hiến rồi. Không còn mê tín, không còn tiêu cực nữa. Điều này, mọi người cần phải siêng năng nỗ lực đi làm.

Tôi lớn tuổi như vậy, nhưng có một vài hoạt động quốc tế vẫn đến tìm tôi. Tôi phải suy nghĩ, nếu có thể không đi, tôi sẽ không muốn động, ở nhà giảng kinh. Còn nhất định phải đi, thì đi vì cái gì? Đi để nói mọi người trở về với giáo dục tôn giáo. Tôn giáo phải đoàn kết, tôn giáo phải hỗ tương học tập, không nên có bài xích. Tôi làm việc này, chỉ có tôn giáo đoàn kết, mới có thể hóa giải xung đột, mới có thể an định xã hội, mới có thể hài hòa thế giới. Đây là ý nghĩa trong kinh Phật giáo Đại thừa.

Chúng ta xem tiếp bên dưới, Hoàng lão cư sĩ dẫn dụng 12 môn luận thuyết *“Ma ha diển giả”*. *Ma ha diển* là tiếng Phạn, dịch thành tiếng Trung Quốc là Đại thừa. *“U nhị thừa vi thượng, cố danh Đại thừa”* (Vì ở trên nhị thừa, nên gọi là Đại thừa). Nhị thừa này chính là Thanh Văn, Duyên Giác. So với Thanh Văn, thì Duyên Giác cao. Thanh Văn là A La Hán, Duyên Giác là Bích Chi Phật, cả hai đều thuộc Tiểu thừa.

“Phật đại nhân thừa thị thừa cố danh vi đại” (Chư Phật đại nhân cưỡi cỗ xe ấy nên gọi là Đại). Đại nhân này là xưng Phật. Phật, Bồ tát, sở hành, sở học, sở tu, sở giáo, sở truyền của các Ngài. Trong chữ "thừa" này có rất nhiều ý nghĩa, đây có nghĩa là lớn. *“Hựu năng diệt trừ chúng sinh đại khổ dữ”* (Dữ là cho họ), *“Đại lợi ích sự, cố danh vi đại”* (Lại có khả năng diệt trừ các nỗi khổ lớn của chúng sinh cho họ, được sự lợi ích lớn, nên gọi là Đại). Ý nghĩa chữ "đại", giải thích sơ lược một chút. Nó có thể diệt khổ. Thật sao? Thật. Thật có thể diệt khổ. Thật có thể được lợi ích lớn.

Khổ từ đâu đến? Khổ từ mê đến. Khi mê, ta sẽ suy nghĩ lung tung, tư tưởng của ta sẽ sai lầm, ngôn ngữ của ta cũng sai lầm. Vì ngôn hành là tư tưởng chỉ đạo. Tư tưởng sai, thì ngôn hành cũng sai. Ta làm việc sai, thì phải chịu báo khổ. Đại thừa là trí tuệ. Khi ta có trí tuệ, thì tư duy của mình là thuần chính, và ngôn hành là hợp tình, hợp lý, hợp pháp sẽ không làm sai sự việc. Như vậy, ta đã hưởng phúc rồi.

Người xưa, thật có trí tuệ. Quý vị xem, người xưa họa với phúc rất giống. 2 chữ này rất gần nhau, chỉ kém có một chút. Đây chính là nói họa và phúc chỉ trong một niệm. Một niệm vì mình tự tư, tự lợi, họa lập tức đến. Một niệm vì người, phúc sẽ đến ngay. Vì người, mới thật sự vì mình. Vì mình là thật sự đang hại mình. Phải hiểu đạo lý này.

Xã hội bây giờ, chúng ta lặng yên để quan sát, nó đang mê. Mê ở đâu? Mê vì tiền ở trong mắt. Ngày xưa, dùng tiền đồng, đầu năm Dân quốc nhà Thanh dùng tiền đồng. Nó tròn, ở giữa có một lỗ, có một lỗ vuông. Trong đó có hàm nghĩa, trong tròn cần có vuông. Tròn nếu không vuông là có vấn đề, gọi là ngoài tròn trong vuông. Làm người như vậy là đúng. Nó có ý nghĩa biểu pháp trong đó.

Tiền có phải là thứ gì tốt chẳng? Không phải thứ gì tốt. Quý vị xem chữ “tiền” 錢, bên này là “kim”, bên kia 2 người cầm dao. Đang làm gì? Cướp! Đây không phải việc tốt, nên đây là thứ rất nguy hiểm. Nhìn thấy chữ này, ta liền nghĩ đến ý nghĩa của nó. Tiền đủ dùng là được, không thể tham nhiều. Tham nhiều họa hại sẽ đến, tai nạn sẽ đến.

Lúc này, con người cần phải hiểu nhân quả. Tài sản của mình, nhưng số mệnh mình có không? Số mệnh không có. Nếu muốn dùng phương pháp không chính đáng để đạt được, tôi nói với quý vị, quý vị đạt được hay số mệnh quý vị có. Quý vị nói như vậy không oan uổng sao. Số mệnh không

có, thì dù có dùng thủ đoạn gì đều không đạt được. Cầm súng đi cướp cũng cướp không được. Đi cướp chưa được, thì ở sau cảnh sát đã bắt đi ngồi tù rồi.

Ta là ăn trộm, thì đi trộm, nhưng còn chưa trộm được, thì cảnh sát đã đem ta đi. Đây chính là số mệnh không có, dù ăn trộm, ăn cướp đều không đạt được. Còn số mệnh có, thì trộm về hay cướp về cũng đều là số mệnh có. Quý vị nói quý vị có oan không! Con người thật sự hiểu được đạo lý này, thì tâm của họ là định,

Khi tôi không có, tôi sẽ không đi trộm cắp, sẽ không cướp giết. Vì sao? Vì tâm thanh tịnh, vì số mệnh không có. Số mệnh có, thì đến thời tự nhiên sẽ có. Không cần nóng vội. Có thể cầu được tiền tài chăng? Khi tôi mới học Phật, cuộc sống vô cùng gian khổ, đó là số mệnh không có giữ tiền tài. Người khác số mệnh có tài vật cất giữ, còn tôi thì trống rỗng, cái gì cũng không có. Nói cách khác, người ta làm sự nghiệp gì cũng có thể kiếm tiền, còn tôi làm gì đều kiếm không ra. Số mệnh không có.

Siêng năng làm việc kiếm được chút tiền, nhưng chỉ có thể duy trì sinh hoạt. Thầy giáo của tôi là đại thiện tri thức. Tôi với Chương Gia Đại sư, tôi 26 tuổi, Đại sư 65 tuổi, ngang hàng với tổ phụ. Đại sư nhìn rất rõ ràng, Ngài dạy tôi, nói với tôi là tiền tài từ đâu đến? Tiền tài từ bố thí đến, Ngài dạy: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Phật trong cửa nhà,

có cầu ắt ứng). Ngài dạy tôi đạo lý này. Thật có cảm ứng! Còn không có cảm ứng, chắc là trên lý luận quý vị không như pháp, phương pháp có vấn đề. Như lý như pháp, cảm ứng đạo giao rất nhanh, nên dạy chúng ta phương pháp cầu tài, bố thí tài.

Người khác sao lại có nhiều của cải như vậy? Nhờ trong quá khứ tu bố thí tài nhiều, nên trong mệnh họ có. Phải hiểu đạo lý này. Trong mệnh chúng ta không có, không có cũng không gặp. Còn trẻ, bây giờ tu vẫn kịp. Tôi nói với thầy, tôi không có tiền. Tiền lương một tháng rất ít, chỉ miễn cưỡng đủ sinh hoạt. Thầy hỏi tôi “một hào có không”, một hào thì có. Một đồng có không? Một đồng còn có thể, còn miễn cưỡng. Thầy dạy từ một đồng một hào đó bắt đầu bố thí. Trong tâm phải thật có ý niệm bố thí, phải có tâm này.

Tôi học. Vì lúc đó, tôi đã đi thăm chùa, đến chùa để chép kinh, nhìn thấy trong chùa có in kinh. Mọi người cầm cuốn sổ đến góp tiền để in kinh, ra bao nhiêu cũng không đủ, nên chúng tôi nhìn thấy in kinh cũng viết một đồng hai đồng, họ đều thu. Còn có phóng sinh, quyên vài hào để phóng sinh họ cũng nhận. Điều này rất tốt, vì từ từ sẽ dưỡng thành thói quen. Đây là bố thí tài sẽ được của cải, có hiệu quả.

Tôi đã bố thí 60 năm, càng thí càng nhiều! Năm trước, tôi ở nhà in sách thương vụ Đài Loan, đặt một trăm bộ “*Tứ Khố Toàn Thư*”. Tôi mua nhiều, là khách hàng lớn của họ,

nên đặc biệt giảm giá cho tôi. Một trăm bộ bao nhiêu tiền? 5 triệu Mỹ kim. Tôi lấy về làm gì? Sổ sách này đem tặng các trường đại học, tặng vào thư viện. Khoảng tháng sau, sách in xong. Càng thí càng nhiều! Tiền không nên lưu giữ. Tiền cất giữ sẽ biến thành giấy bỏ, không dùng được, nên cái này gọi là giấy bạc. Ở đây có đi, thì bên kia có về, không nên sợ. Đi nhiều thì về nhiều, đi ít thì về ít, không đi thì không về, mọi việc là như vậy.

Bây giờ, tôi sau 70 tuổi, thật giống như Khổng lão phu tử nói “*Tùy tâm sở dục bất du cử*”, tâm tưởng sự thành sau 70 tuổi. Đây đều là thầy dạy tôi. Tôi tin tưởng và thật làm. Bồ thí pháp được thông minh trí tuệ, tôi xem cái này còn nặng hơn cả tài bảo, nên có tiền tôi đều in kinh làm pháp bố thí.

Quý vị nghe tôi giảng kinh thời gian cũng nhiều cũng lâu rồi, và nghe tôi giảng pháp hằng năm không giống nhau, quý vị sẽ nhìn ra trí tuệ tăng trưởng, năm này với năm khác không giống nhau. Tôi học với thầy Lý 10 năm, nghe thầy Lý giảng kinh. Thầy Lý kêu tôi ngồi hàng đầu, đối diện ông ta và không cho ghi bài. Lúc đầu, tôi viết một ít, thầy xuống hỏi tôi, bạn vừa mới viết mà viết cái gì vậy? Tôi nói tôi viết bài. Bạn viết cái này làm gì? Tôi nói sợ quên. Thầy nói với tôi không cần viết, cảnh giới mỗi năm không giống nhau. Năm nay, viết những thứ này đến sang năm không dùng được nữa. Tôi nghĩ hoàn toàn đúng. Chuyên tâm lắng nghe, không nên ở chỗ này mà lơ đãng. Nghe lời, tôi theo thầy Lý 10 năm

mà không có vỡ, nhưng trí tuệ ngày ngày thêm tăng trưởng, ngày ngày càng tiến bộ. Các bạn học khác viết bài, thầy cũng không nói gì, còn tôi viết bài, thầy dạy tôi không nên viết, chỉ tập trung lắng nghe. Đây là bồi dưỡng trí tuệ, là bố thí pháp.

Bố thí vô úy được mạnh khỏe trường thọ. Điều này đối với tôi mà nói rất quan trọng. Thầy tôi nói với tôi rất rõ ràng: Thời trẻ đoản mạng. Người thanh niên này không có phúc báo lại đoản mạng, cũng may còn có chút trí tuệ, còn chịu nghe lời, có thể cứu được, nên dạy tôi học pháp bố thí vô úy. Bố thí vô úy học từ đâu? Bắt đầu làm từ việc ăn chay. Tôi vừa học Phật, năm 20 tuổi, học Phật khoảng 6 tháng là tôi ăn chay trường, không kết oán thù với chúng sinh. Thật vậy, mình ăn thịt nó nửa cân, nhưng tương lai trả nó gấp bội. Oan thân trái chủ của ta rất nhiều.

Tôi học Phật 6 tháng sau là không ăn thịt, không ăn các thứ cay nồng, và còn phóng sinh, tích cực phóng sinh. Về sau, hoàn cảnh kinh tế tốt hơn, tôi bố thí thuốc men. Trong bệnh viện, bố thí tiền thuốc. Người nghèo đi khám bệnh, khi không có tiền thì lấy số tiền này. Mới đầu chữ số còn ít, nhưng từ từ cúng dường nhiều hơn, thì bố thí này của tôi cũng tăng lên rất nhiều.

Mấy năm gần đây ở Âu Châu, tôi đã ở Âu Châu 10 năm, sang năm là tròn 10 năm. Tôi ở trong thành phố nhỏ đó, có một bệnh viện công lập do chính phủ xây dựng. Thành phố

nhỏ, người không nhiều, chỉ có khoảng 80.000 người dân. Ở bệnh viện này, một năm tôi tặng 120 ngàn (12 vạn) tiền phí thuốc men, chỉ định chỉ dùng cho người nghèo.

Có một trung tâm chăm sóc người sắp chết do Cơ Đốc giáo tổ chức, họ làm rất tốt, tâm lượng của họ cũng rất lớn. Con người khi sắp lâm chung, bất luận là tôn giáo nào, họ đều không phản đối, mà còn hiệp trợ. Điều này rất tốt, nhưng không dễ. Họ thiếu kinh phí, tôi cũng giúp đỡ họ 10 năm, một năm 12 vạn. Đây là thuộc về bố thí vô úy. Mỗi năm 12 vạn, mà đã làm 10 năm. Thầy dạy tôi nhất định là bố thí tài, bố thí pháp và bố thí vô úy, thì quả báo đạt được là tiền của dùng không thiếu. Ta cần dùng tiền tự nhiên sẽ có. Như vậy quá tốt, quá tự tại. Khi không dùng thì không có; khi dùng, nó sẽ đến.

Bố thí pháp tăng trưởng trí tuệ. Bố thí vô úy mạnh khỏe trường thọ. Phật pháp hay quá, ta muốn cái gì là có thể đạt được cái đó. Chỉ cần ta hiểu được đạo lý, hiểu được phương pháp. Như lý như pháp đi cầu, không có gì không đạt được.

Quý vị xem, cầu thành Phật, cầu đến thế giới Tây Phương Cực Lạc đều có thể đạt được, thì việc nhỏ nhặt bình thường của thế gian mà kể gì! Ta cầu không được là do nghiệp chướng của mình, ta có thể sám trừ nghiệp chướng. Những gì ta cầu lập tức cảm ứng. Phật pháp có thể giải quyết mọi vấn đề cho chúng ta. Đây là nói vấn đề rất hiện thực vẫn có thể giải quyết.

Chúng ta học Phật, nghe giáo huấn của thầy, tôi đối với thầy không một chút nghi ngờ, khi hiểu rõ, tâm tự nhiên sẽ định, không còn sợ hãi gì nữa. Vọng niệm gì đều không cần nghĩ, nghĩ nó cũng vô dụng, nghĩ là sai lầm, đừng nghĩ. Đến thời phải đến thì tự nhiên đến, còn không đến, cầu cũng vô dụng. Thầy giáo yêu thương học sinh, Phật, Bồ tát còn yêu thương hơn, nên Chương Gia Đại sư an tâm cho tôi, lúc tôi mới sơ học. Thầy nói phát nguyện suốt đời phụng hiến cho Phật pháp, thì một đời của ta có Phật, Bồ tát lo cho, mình không cần lo lắng gì. Tôi tiếp nhận, tôi tin tưởng, một chút cũng không hoài nghi. Thuận cảnh là Phật, Bồ tát sắp đặt, nghịch cảnh cũng là sắp đặt.

Sau đó, học *Hoa Nghiêm*, đối với đạo lý này hoàn toàn minh bạch. Thuận cảnh quyết định không có chút gì tham luyện, quý vị đã được đề cao. Nghịch cảnh không có chút nào sân nhuế, cũng đã được đề cao, đều là giúp quý vị đề cao. Thiện Tài 53 lần tham vấn học đạo trải qua việc luyện tâm, phải ở trong hoàn cảnh để tôi luyện. Không vượt qua rèn luyện sẽ bị đào thải, quý vị có thể chịu được tôi luyện. Tôi luyện gì? Tôi luyện tham, sân, si, mạn. Đặc biệt là tâm tham. Cái này là quan trọng nhất, là vấn đề căn bản. Trong thuận cảnh, cần phải học không có tham luyện, ở chỗ này tu thanh tịnh tâm. Trong nghịch cảnh không có sân nhuế, tu thanh tịnh tâm, những gì tu ở đây là chính xác.

Tu điều gì? Tu thanh tịnh, tu bình đẳng, tu giác ngộ. 5 từ đẳng sau trên đề kinh này chính là thành tựu: Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Quả báo ở trước ta đạt được. Quả báo là gì? Đại thừa. Đại thừa là trí tuệ. Vô lượng thọ là đức hạnh. Trang nghiêm là tướng hảo, ta đều đạt được. Trang nghiêm rất quan trọng, trước mắt chúng ta, thân thể của mình là năm này mạnh khỏe hơn so với năm trước, năm này vui hơn năm trước, năm này so với năm trước tự tại. Đây là gì? Là môn học quan trọng để độ hóa chúng sinh.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, trong kinh nói có 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Từ đâu mà có? Do tu mà có. Trong quá khứ, thời đức Phật Phất Sa, Ngài đã thành tựu. Sau khi thành tựu, phải dùng thời gian 100 kiếp để tu tướng hảo. Vì sao? Phương tiện để tiếp dẫn đại chúng, không phải chính mình cần. Mọi người trong xã hội, nhìn thấy người có tướng hảo, họ đặc biệt thân thiết. Vì thế, nói tướng hảo là một công cụ để mê hoặc chúng sinh. Nếu ta tướng mạo không tốt, rất xấu xí, mọi người nhìn đã thấy ghét muốn đi cho xa, thì còn có thể độ chúng sinh chăng?

Nhất định phải tướng hảo. Tướng hảo có thể nhiếp thọ hết thảy chúng sinh. Không phải vì mình mà vì chúng sinh. Những điều này, chúng ta không thể không biết. Đây đều thuộc về giúp chúng sinh diệt khổ, giúp chúng sinh được lợi ích. Người bây giờ, họ thật sự không hiểu được. Họ sống trong xã hội này và họ đang muốn những gì, “*Phật thị môn*

trung, hữu cầu tất ứng”. Trong đây có đạo lý, có phương pháp, chứ không phải mù mờ đi tìm cầu, như một số người thắp hương cầu khẩn. Làm như vậy không đạt, nó có nhân quả. Phải biết tu nhân gì thì gặt quả đó.

Tôi đời này là hiện thân thuyết pháp cho mọi người. Tôi vừa mới nói, tôi không có tiền tài, túi tiền trống không. Nhưng bây giờ muốn làm việc gì đều không có vấn đề. Quý vị hỏi tôi có muốn làm việc không? Việc gì cũng không muốn làm. Tôi học đức Phật Thích Ca Mâu Ni chỉ muốn dạy học, lên lớp giống như bây giờ. Tôi lên lớp dạy học như vậy, tôi bây giờ mỗi ngày dạy 4 tiếng không vấn đề gì. Nhưng có vài người nói tuổi quá lớn, 4 tiếng không được, phải giảm bớt 2 tiếng, bởi họ cảm thấy tôi không kham nổi.

Nhưng 4 tiếng đồng hồ đối với tôi mà nói là vừa đẹp. Buổi sáng 2 tiếng, buổi chiều 2 tiếng quá tốt, không mệt. Không lên lớp mà nói chuyện với người khác, chẳng phải là lãng phí thời gian như nhau sao. Trong mệnh không có tiền tài, thì đừng có tưởng nữa. Không có thọ mệnh, thì thọ mệnh kéo dài. Thọ mệnh của tôi là 45 tuổi, nhưng hôm nay đã 84 tuổi. Tuổi thọ của tôi kéo dài hơn so với người khác. Ông Viên Liễu Phàm kéo dài tuổi thọ 21 năm, tôi vượt qua quá nhiều so với ông ta.

Sau khi học Phật đã minh bạch, chân tướng sự thật cũng đã rõ ràng, không có ý tham sinh, cũng không có ý sợ chết.

Hiểu rõ sinh tử, đây gọi là liễu sinh tử. Liễu là thấu đáo, thấu triệt. Thấu triệt sinh tử là sự việc ra sao, thấu triệt rồi. Thấu triệt thì phải làm việc thấu triệt, không thể làm việc hồ đồ. Thấu triệt đời này của chúng ta, thân thể tuy đã chết nhưng tinh thần không chết. Chúng ta đi về đâu? Quyết định cầu sinh Tịnh độ, như vậy mới đúng, còn đâu tôi cũng không muốn đi, tôi chỉ muốn đến thế giới Cực Lạc. Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Đi du học. Phật A Di Đà là thầy giáo, ở đó có thầy giỏi. Văn Thù, Quan Âm, Phổ Hiền, Thế Chí là bạn đồng học.

Ở trong hoàn cảnh đó tu học, trong một đời quyết định thành Phật viên mãn, viên mãn trở về tự tính. Đây là những hy vọng tìm cầu trong từng mỗi niệm của chúng ta. Sau khi thành Phật lại rộng độ chúng sinh, giống như chư Phật Như Lai vậy. Lúc đó, có năng lực có thần thông, biến pháp giới hư không giới, ở đâu chúng sinh có nạn là đến đó để giúp đỡ họ, thật sự được đại tự tại! Đây là sự thật, tuyệt đối không phải giả. Phật pháp đối với những đạo lý này, nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Đây là diệt khổ và hoàn toàn được lợi.

Người hiện nay nếu nói không cần Phật giáo, phản đối Phật giáo, đó là cực tuyệt. Tôi khổ, quý vị bạn không cần lo, tôi chấp nhận tôi khổ. Quý vị có nhiều lợi ích, tôi cũng không cần. Không phải như vậy sao? Đã cực tuyệt. Đây là người ngu không phải người thông minh. Thật như vậy, thì anh ta cần phải chịu khổ, anh ta cần phải gặp khó khăn. Đức Phật ở bên cạnh đợi, ngày nào giác ngộ rồi thì đến tìm Ngài. Ngài

lúc nào cũng đợi. Chúng ta không tìm Ngài, Ngài không tìm chúng ta. Khi chúng ta tìm Ngài, có cầu tất sẽ ứng. Phật đối với hết thấy chúng sinh là bình đẳng, không có hậu người này bậc người kia. Thật là *“Thiên xứ kỳ cầu thiên xứ ứng”* (Nơi nào có cầu, nơi đó có ứng).

“Hựu Quan Thế Âm, Đắc Đại Thế. Văn Thủ Sư Lợi, Di Lặc Bồ tát đẳng chư đại sĩ chi sở thừa, cố danh vi đại” (Lại do các đại sĩ như Bồ tát Quan Thế Âm, Đắc Đại Thế, Di Lặc, Văn Thủ Sư Lợi, v.v... chuyên chở nên gọi là Đại). Đây là cử ra các bậc đại nhân. Bồ tát Quan Thế Âm, Bồ tát Đắc Đại Thế chính là Bồ tát Đại Thế Chí. Hết thấy tên gọi ở đây đều giống như một môn học trong trường học hiện nay, họ mời một thầy giáo để làm tượng trưng, tượng trưng một khoa. Họ không phải là ai mà là Bồ tát Quan Thế Âm. Người học pháp môn của Quan Thế Âm rất nhiều, hết thấy là Bồ tát Quan Thế Âm. Học pháp môn Đại Thế Chí, thì toàn bộ gọi là Bồ tát Đại Thế Chí, nên Đại Thế Chí không phải một người, Quan Âm cũng không phải một người. Vậy chúng ta tìm người nào, nhất định đem danh tính viết ở bên dưới, như Quan Thế Âm Bồ tát. Như vậy, mới được. Không như vậy, ta tìm không thấy.

Bồ tát Quan Âm tượng trưng từ bi, đại từ đại bi, *“Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”*. Đây là tượng trưng cho Quan Thế Âm. Đại Thế Chí và Văn Thủ đều là tượng trưng cho trí tuệ. Trí tuệ của Văn Thủ Bồ tát có thể có dụng. Đại Thế Chí là đặc biệt ở trên tác dụng. Chỉ có trí tuệ mới là thế lực lớn nhất.

Vì sao? Nó có thể giải quyết vấn đề. Trí tuệ giải quyết vấn đề không có hậu di chứng, nên có trăm lợi mà không có một hại. Di Lặc cũng tượng trưng từ bi, miệng lúc nào cũng tươi cười. Người ta làm tượng Bồ tát Di Lặc, tượng Bồ Đại Hòa thượng. Bồ Đại Hòa thượng khi lâm chung tuyên bố với mọi người, Ngài là Bồ tát Di Lặc tái sinh, nói rồi là đi. Đây là thật không phải giả, cho nên người xưa tạc tượng Bồ tát Di Lặc đều tạc giống Bồ Đại Hòa thượng. Quý vị ngay lúc này, ngàn vạn lần cần phải ghi nhớ rằng, xã hội bây giờ rất nhiều bịa đặt sinh sự. Nói người này là Phật gì đó tái sinh. Người đó là Bồ tát gì đó tái sinh. Năm đó ở bên Mỹ, tôi nghe được rất nhiều. Nhưng thân phận bộc lộ, họ lại không đi, vì đó là giả. Thân phận vừa bộc lộ, không kể mình nói hay người khác nói, đã nói ra họ lập tức đi ngay. Thật, không có một chút giả dối. Nói rồi không đi là giả, không phải thật. Đây là một quy củ trong Phật pháp. Quý vị phải hiểu để không bị dối gạt, không bị mắc lừa.

Nếu người khác đến nói quý vị, quý vị là Bồ tát gì đó tái sinh, nhưng quý vị cũng đâu có đi. Nếu nói mà quý vị lập tức chết, thì đó là sự thật. Nói rồi sao quý vị còn sống ở đó là không phải thật, là giả, gạt người. Phải hiểu điều này. Cuối cùng, Phật pháp là thật hay giả, nên từ chỗ này phân biệt. Vì thế, nó đại biểu một pháp môn.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 76



Giảng ngày 11 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong

Chuyển ngữ: Hạnh Chơn

Biên tập: Bình Minh



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 81. dòng thứ 5, bắt đầu xem câu cuối cùng:

“*Hựu dĩ thử thừa năng tận nhất thiết chư pháp biên để cố danh vi đại*” (Lại vì thừa này có thể chuyên chở hết thảy các pháp căn bản bên dưới nên gọi là Đại). Chúng ta tiếp tục học Đại thừa là gì? Lúc còn tại thế, đức Thế Tôn giảng kinh giáo hóa suốt 49 năm. 12 năm đầu giảng *A Hàm* là Tiểu thừa, sau thời Phương đẳng là thuộc về Đại thừa, nên quý vị có thể lĩnh hội được. Trong 49 năm, 12 năm giảng Tiểu thừa. Tiểu thừa là cơ sở của Đại thừa. Tiểu thừa thiên về giáo dục căn bản vững chắc, luân lý, đạo đức, nhân quả. Những thời giảng về Tiểu thừa này vô cùng đầy đủ, là nền giáo dục rất hay dùng để phổ tế nhân gian.

Bây giờ, chúng ta giảng về giáo dục quốc dân - giáo dục phổ cập, có thể làm nền móng cho một người, là điều kiện cơ bản để làm người. Nội dung lấy *Ngũ giới* và *Thập Thiện Nghiệp* làm căn bản. Ngũ giới, Thập thiện tuy thấy rất đơn giản, chỉ có vài điều, nhưng nếu triển khai thì nó dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Quý vị xem Tiểu thừa Tứ quả, Tứ hướng, họ ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày, biến thành 3.000 oai nghi. Ta có thể có xem thường nó chăng?

Bây giờ, chúng ta xem lại *Đệ Tử Quy* của Nho giáo. Những năm gần đây, đã có một số người giác ngộ, siêng năng học tập

và đạt được lợi ích chân thật. Hết thấy nội dung văn tự chỉ nói 113 việc. Hình như nói nhiều hơn Ngũ giới, Thập thiện trong Phật pháp. Ngũ giới, Thập thiện triển khai có 3.000 ngàn điều. 113 điều này triển khai ra có thể ít hơn 3.000 oai nghi sao? Làm sao để triển khai là do trí tuệ của chúng ta. Người ta nói *“Cử nhất phản tam, văn nhất tri thập”* (Nêu một thành ba, nghe một hiểu mười), là đạo lý này.

Đại thừa Phật pháp nói, *một lần nghe, ngàn lần ngộ*, tức là nói chúng ta học rồi, thì làm sao để triển khai chúng? Ngạn ngữ nói: *“Hoạt học hoạt dụng”* (Học, dụng linh hoạt). Nếu biết ứng dụng, thì mỗi ngày sẽ nghĩ đến nó. Hàng ngày suy nghĩ, hôm nay tôi từ sáng đến tối, sinh hoạt, làm việc, đối nhân xử thế, tiếp vật, đối chiếu từng cái từng cái. Chỗ nào tôi làm được, chỗ nào chưa làm được, như vậy từ từ sẽ phát hiện, một điều biến thành mười điều, mười điều biến thành một trăm. Có giới hạn không? Không có, thật sự không có.

Bồ tát có thể đem *Thập Thiện Nghiệp* biến thành 84.000 điều, 80.000 tế hạnh. Là gì? Là *Thập Thiện Nghiệp Đạo*. Điều này nói rõ trí tuệ Bồ tát, tâm của Bồ tát, lớn hơn trí tuệ A La Hán, cần mật hơn tâm của A La Hán, nên đó mới gọi là viên mãn! Thập thiện viên mãn là thành Phật. Vì sao? Biểu lộ Tính đức viên mãn. Tóm lại là phải biết dụng tâm, phải làm thật sự. Thật sự làm trong Phật pháp còn có oai thần bất khả tư nghị của Phật, Bồ tát gia trì. Tự nhiên đạt được cảm ứng, mới thật sự đạt được pháp hỷ sung mãn.

Hiện nay, rất nhiều người học Phật thoái chuyển, đây cũng bình thường. Một nghìn người học Phật, trong đó có một vài người không thoái chuyển là quá tốt, nên thoái chuyển là hiện tượng bình thường. Vì sao họ thoái chuyển? Người đó vì sao không thoái chuyển? Điều này trong nhà Phật nói họ có nếm được pháp vị hay không. Nếu không nếm được pháp vị, lúc học sẽ rất cực khổ, lúc học có rất nhiều dấu hỏi trong đó. Gặp trắc trở, thoái tâm là hiện tượng rất bình thường. Còn học rồi mà họ không thoái tâm, luôn kiên trì là vì họ đã nếm được pháp vị.

Làm sao mới có thể nếm được pháp vị? Người xưa nói rất nhiều, nói rất đơn giản và cũng nói rất rõ ràng. Cái gì càng quan trọng, thì càng đơn giản. Quý vị xem, *Tam Tự Kinh* chỉ có 3 từ “*quý dĩ chuyên*”. Thế gian và xuất thế gian pháp đều coi trọng nguyên tắc này. “Chuyên” trong Phật pháp nói là Tam Muội. Chúng ta học “*Vô Lượng Thọ Kinh*”, nhất tâm định trên đó, thì những gì ta đạt được là niệm Phật Tam Muội. Học “*Hoa Nghiêm Kinh*”, nhất tâm định trong Hoa Nghiêm, đạt được Hoa Nghiêm Tam Muội, nên nhất định phải ghi nhớ. Trong kinh *Bát Nhã* cũng chính là trong kinh *Kim Cương*, đức Phật nói: *Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp*. Pháp môn này không chỉ định là pháp môn nào.

Nói cách khác, pháp môn này bao quát tất cả, bao quát hết thảy Phật pháp. Trong 49 năm thuyết pháp, đức Thế Tôn thuyết bao hàm hết thảy các pháp khác. Hết thảy pháp của

thể gian và xuất thể gian đều ở trong đó. Ngài không có nói pháp môn bình đẳng không có cao thấp. Đây là ngoài pháp thể gian, Ngài không có nói như vậy. Không có cách nói này cũng bao hàm trong đó.

Chúng ta thử nghĩ xem, nếu ta để tâm ở chỗ *Luận Ngữ*, nhất tâm chuyên chú nơi đó, thì có thể khai ngộ không? Có thể! Cũng là đạo lý này.

Thời xưa, thầy giáo dạy học, lúc đó quan hệ thầy trò không như bây giờ. Thời đó, thật sự có quan hệ thầy trò, bây giờ không còn, đạo nghĩa thầy trò không còn. Thầy đối với học sinh là trách nhiệm. Trách nhiệm phải dạy học sinh đến lúc khai ngộ, thầy như vậy mới coi là hết trách nhiệm. Nhưng nếu học sinh không phối hợp, thì không còn biện pháp nào, nên tư chất của thầy là đạo. Xã hội bây giờ không còn nữa.

“Luận Ngữ” có thể khai ngộ, có thể đắc Tam Muội, có thể khai ngộ. *Tân, Cựu ước* của Cơ Đốc giáo có thể khai ngộ chăng? Có thể! Kinh Hời giáo có thể. Bất cứ kinh nào cũng đều có thể. Bất cứ bộ điển tịch nào đều giống nhau, chỉ cần chúng ta thật sự hiểu được “chuyên”, chuyên về một môn. Huệ Năng Đại sư biểu diễn cho chúng ta thấy, Ngài không biết chữ, chưa đọc qua sách, nhưng Ngài cũng đại triệt đại ngộ. Không biết chữ, không đọc sách, cũng không thể nói Ngài không có học. Ngài học gì? Nói cho quý vị biết, Ngài học

kinh *Kim Cương*. Kinh *Kim Cương* không học trọn hết, Ngài chỉ học ở giữa có mấy câu, quý vị thấy có lợi hại không? Ngài chỉ chuyên chú nơi mấy câu đó mà đã khai ngộ.

Trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* ghi, mọi người đều xem qua. Ngài bán củi, sau khi bán hết củi, cầm tiền chuẩn bị đi. Đó là một nhà trọ nhỏ, Ngài vừa bước ra nghe trong đó có người đọc kinh. Ngài có thể nghe hiểu, nghe rồi cảm thấy rất có ý nghĩa. Sau đó bước vào gõ cửa, hỏi người ở trong. Bạn vừa mới đọc là gì thế? Người đó nói tôi đọc kinh *Kim Cương*. Ngài nghe rồi cảm nhận được, rồi Ngài đem những câu nghe được giảng giải cho Trương cư sĩ nghe. Nghe xong, ông ta cảm thấy người này quá tuyệt. Không biết chữ, cái gì cũng chưa học qua, chỉ tình cờ nghe mấy câu mà có thể thâm nhập nghĩa vị. Nghĩa là nghĩa lý, vị là pháp vị, Ngài đã nắm được. Đương nhiên, trong *Pháp Bảo Đàn Kinh* không có ghi rõ ràng như vậy. Chắc chắn rồi, ở đó nói rất hợp ý, nói đến nỗi Trương cư sĩ bội phục lay sát đất, và khuyên Ngài đi đến Hoàng Mai để tham học.

Ngài rất đáng thương, ở nhà còn có mẹ già, mẹ con nương tựa nhau để sống. Ngày ngày, nhờ vào việc bán củi để sống. Nếu Ngài muốn đi đến Hoàng Mai học tập, vậy mẹ già ai nuôi? Những người bạn học Phật này tập trung một số người, mọi người góp tiền. Góp được 12 lạng bạc đưa Ngài. Sắp đặt việc gia đình xong, mới có thể yên tâm đi.

Vì sao Ngài có năng lực này, mà một số người như chúng ta không có? Điều này phải nói sao đây? Phải nói là do tâm thanh tịnh. Tâm của Ngài thanh tịnh, không có tạp niệm, là người con hiếu. Trong mắt chỉ có mẹ. Mỗi ngày lao động vất vả kiếm ít tiền để nuôi mẹ, ngoài điều này ra không có tạp niệm nào. Đây là điều kiện thứ nhất.

Điều kiện thứ hai là trung hậu thật thà, chúng ta gọi là tư tưởng đơn giản.

Điều kiện thứ ba theo trong kinh Phật nói, thì Ngài có thiện căn thâm hậu.

Chỉ cần gặp được duyên, thiện căn này từ A Lại Da thức khởi dậy, nên ở Hoàng Mai 8 tháng. Kỳ thật, Ngài đâu cần đến 8 tháng. 8 tháng đó là Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn rèn luyện Ngài, tu 8 tháng khổ hạnh, trồng cội phúc. Trong Phật pháp, phúc tuệ song tu, có tuệ không có phúc cũng không được.

Phúc là gì? Là làm phục lao, ngày nay chúng ta gọi là làm việc nghĩa. Ở trong đạo tràng Tam bảo làm việc nghĩa là tu phúc, do sư phụ thiết kế cho Ngài mà người khác không biết, nhưng Ngài biết rõ, Ngài minh bạch. 8 tháng không được phép vào thiền đường, cũng không được đến giảng đường. Ngày ngày giã gạo, bửa củi, chia cho Ngài công việc này, làm suốt 8 tháng. Người hiếu được, thì biết đây toàn là thiện cơ. Người không biết, thì cho rằng Ngài ở đó làm việc nghĩa, bây giờ gọi là làm công quả. Nhưng đến cuối cùng truyền pháp,

Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đã truyền pháp cho Ngài, mà không truyền cho ai khác. Không có gì khác, mà quý ở chỗ chuyên chú, chuyên nhất. Chỗ này là nói Đại thừa.

Đại thừa có thể cùng tận hết thấy các pháp. Chư pháp có biên giới không? Không có biên cũng không có giới. Điều này ở trong kinh *Hoa Nghiêm* chúng ta đọc được. Nó rất lớn, đó không phải nhỏ. Câu này trong Đại thừa gọi là minh tâm kiến tính. Đại thừa là từ trong tự tính lộ ra ngoài. Tự tính làm sao có thể chứng được. Trong Đại thừa kinh giáo, đức Phật giảng rất rõ ràng, buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, sẽ nhìn thấy tự tính. Mỗi người đều có thể, không phải chỉ người nào đó có lợi, nên Phật nói rất hay *“Hết thấy chúng sinh vốn là Phật”*, lại nói *“Hết thấy chúng sinh đều có thể thành Phật”*. Vốn là như vậy rồi, chỉ cần ta chịu buông bỏ. Buông bỏ triệt để, không có một chút do dự nào. Hết thấy chúng sinh buông bỏ chính là trở về. Do mấy loại chướng ngại này, chướng ngại trí tuệ, chướng ngại đức năng.

Đức năng một số người gọi là thần thông, là diệu dụng của lục căn. Mắt, mở mắt nhìn thấy gì? Nhìn thấy biến pháp giới hư không giới. Chúng ta bây giờ cách một trang giấy, nhìn không thấy được là chướng ngại. Đây là gì? Là bản năng tự tính, khi chưa khởi vô minh. Huệ Năng Đại sư giảng rất hay, vốn tự đầy đủ. Trí tuệ, đức năng, tướng hảo đều đầy đủ, không có thứ nào không đầy đủ. Vô minh khởi rồi, có thể

sinh vạn pháp, nên vạn pháp đã sinh khởi rồi. Quý vị nhất định phải nhớ kỹ, không thể nói nó có, phàm sở hữu tướng đều là hư vọng, là thật chứ không phải giả.

Tôi xem qua kinh *Bát Nhã* mấy lần, viết ra 12 từ, là tổng kết của tôi. Trong 600 quyển “*Đại Bát Nhã*”, đức Phật giảng những gì? Đức Phật giảng 22 năm, trong đó tôi tổng kết lại 12 từ: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Thực tế mà nói thì đây chính là trong kinh *Kim Cương* nói “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”. Hết thấy pháp đều có thể dùng, không thể có ý niệm khống chế, không thể có ý niệm chiếm lấy, đó gọi là diệu dụng. Khởi tâm động niệm tôi muốn chiếm lấy, muốn khống chế, vậy là tạo nghiệp là sai lầm. Vì sao? Vì nó không phải thật. Không chiếm lấy được, vì nó sinh diệt trong từng sát na.

Chúng ta thấy Bồ tát Di Lặc báo cáo với đức Phật Thích Ca Mâu Ni rằng, một khảy móng tay có ba mươi hai ức trăm ngàn niệm, cũng chính là nói hiện tượng dao động nó, dao động rất vi tế. Trong một khảy móng tay, tần số dao động bao nhiêu? Ba mươi hai ức trăm ngàn cái. Trăm ngàn là đơn vị. Chúng ta dùng cách tính bình thường là ba trăm hai mươi triệu. Tần số của một cái khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu. Đây gọi là vô minh.

Mỗi cái hiện tượng dao động, đều đầy đủ 3 loại châu biến. Châu biến pháp giới, xuất sinh vô tận, đây là thật, không chỉ

là xuất sinh ở trước mắt chúng ta. Khi lục căn chúng ta tiếp xúc hoàn cảnh này, không chỉ như thế. Kinh *Hoa Nghiêm* giảng về *Hoa Tạng Thế Giới*. Trong “*Phẩm Thế giới thành tựu*” nói, trong một dao động cực kỳ vi tế, thì toàn bộ xuất hiện, không có trước sau, gọi là nhất thời đều hiện, hiện mười pháp giới Y, Chính trang nghiêm, hiện cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Nói cách khác là hiện thế giới Cực Lạc, hiện thế giới Hoa Tạng, toàn bộ ở trong một niệm đó. Khi không có niệm này, thì trong tự tính không có hiện tượng này, hiện tượng gì cũng đều không có cả. Đây chính là vốn tự đầy đủ mà Ngài Huệ Năng nói.

Tịnh Độ tông nói “Thường Tịch Quang”, trong đó không có hiện tượng gì cả, nhưng ta không thể nói là nó không có. Vì sao? Vì nó có thể hiện. Chỉ cần một động nhẹ, nó lập tức hiện. Lúc hiện, ta không thể nói nó có. Vì sao? Vì sát na sinh diệt, nó rất nhanh, căn bản là không thể được.

Trong Pháp Tướng Duy thức, nói giữa vũ trụ có gì? Chỉ có thức. Gọi là Duy thức, duy độc nhất chỉ có thức. Thức chính là A Lại Da, mà ngày nay giới khoa học gọi là 3 tướng vi tế. Họ nói vật chất, năng lượng, tin tức, chính là 3 tướng vi tế của A Lại Da. Vì vậy, không thể nói có, cũng không thể nói không, nên dùng thái độ nào để đối đãi? Dùng Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Như vậy, cuộc sống chúng ta trải qua là cuộc sống pháp thân đại sĩ của chư Phật Như Lai, không còn giống nhau nữa. Đời này, chúng ta có thể đạt được chăng? Đáp án

là khẳng định. Chỉ cần chúng ta có thể y giáo tu hành, thì có thể đạt được. Vô lượng vô biên phương pháp, không chỉ có một. Nhưng bất cứ một phương pháp nào đều phải chuyên chú, đây là mấu chốt. Phải kiên nhẫn miệt mài, chúng ta có thể đạt được. Còn thường xuyên thay đổi, thì rất khó khăn. Thường xuyên thay đổi, thường chọn lựa đường đi, như vậy sẽ vô cùng khó khăn.

Ta chỉ có một con đường, giống như một vòng tròn vậy. Chúng ta ở bất cứ điểm nào nơi vòng tròn, chỉ cần là cong xuống, cong xuống 90° , nhất định đạt đến tâm vòng tròn. Đến tâm vòng tròn là minh tâm kiến tính, là hết thấy đều thông đạt. Góc độ không đúng là sai, không đến được tâm của vòng tròn, thường đổi vị trí rất khó đến được tâm vòng tròn, chính là đạo lý này.

Chúng ta học tập nhiều năm như vậy, những nguyên lý nguyên tắc này chúng ta đều hiểu rõ. Bây giờ, chỉ kém một chút là gì? Công phu chưa đủ. Thực tế nói là chưa đủ chuyên chú. Nếu đủ chuyên chú, làm gì có lý không thành tựu! Chính là do chúng ta buông bỏ chưa đủ. Càng học là càng phải có tiến bộ. Từ đâu nhìn ra được? Càng học, buông bỏ càng nhiều. Như vậy, chúng ta thật sự đã tiến bộ. Không còn có vọng tưởng, không còn có phân biệt, chấp trước. Đây là công phu bước đầu. Lục căn ở trong cảnh giới của lục trần không còn khởi tâm động niệm. Công phu này thâm hậu rồi, không còn là công phu bình thường, nên có

thể cùng tận các pháp khắp cùng biên giới. Lời này cũng không phải giả, thật sự kiến tính, đã nhìn thấy tự tính. Tự tính là cùng tận biên giới hết thấy pháp. Hết thấy pháp không có tận cùng biên giới.

Đại thừa trong câu này nói, minh tâm kiến tính là Đại thừa. Trong pháp Đại thừa, trong hết thấy pháp, mục tiêu cuối cùng chỉ có một, đó là minh tâm kiến tính.

Chúng ta niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Vì sao cầu sinh Tịnh độ? Vẫn là vì minh tâm kiến tính. Chúng ta nghiệp chướng sâu nặng, ở trên thế gian này tu hành, không thấy được tính, cũng không minh được tâm. Phải làm sao? Đối đạo tràng khác, đổi hoàn cảnh tu hành để đến thế giới Cực Lạc. Đến đó thân cận Phật A Di Đà. Ở trong hội Phật A Di Đà minh tâm kiến tính. Chúng ta không thể không biết điều này!

Đến thế giới Cực Lạc không phải vì cái gì khác, chính là vì để minh tâm kiến tính. Nếu ta có năng lực, ở đây minh tâm kiến tính, thì đến hay không đến thế giới Cực Lạc đều không quan hệ gì. Đây đều là sự thật! Còn ở thế gian này nhìn không thấy, chư Phật, Bồ tát dạy chúng ta, đến bên đó sẽ dễ hơn. Cái đầu tiên có thể bảo chứng là thọ mạng vô lượng. Ở thế giới này, thọ mạng quá ngắn. Tu học trong thời gian ngắn như vậy thành tựu không dễ. Nếu ta có thọ mạng vô lượng, thì đời này chắc chắn thành tựu. Vì thế, vô lượng thọ là đức thứ nhất của Tịnh độ. Không có thọ mạng cái gì

cũng không thể thành tựu. Điều đầu tiên là cần phải có thọ mạng, mới có thời gian học tập.

Chúng ta lại xem tiếp bên dưới. Lão cư sĩ tiếp tục nói với chúng ta: *“Hựu Bát Nhã Kinh trung, Phật tự thuyết Ma Ha diễn nghĩa vô lượng vô biên, dĩ thị nhân duyên cố danh vi đại”* (Lại, trong kinh *Bát Nhã*, Phật tự nói vô lượng vô biên nghĩa Ma Ha Diễn. Vì nhân duyên ấy, nên gọi là Đại). Ma Ha Diễn là tiếng Phạn, phiên dịch thành chữ Hán ý nghĩa là Đại thừa. Đích thực vô lượng vô biên này là sự thật.

Trong kinh *Bảo Tích* nói: *“Chư Phật Như Lai chính chân chính giác sở hành chi đạo, bỉ thừa danh vi Đại thừa”* (Đạo Chính chân, Chính giác của chư Phật Như Lai thực hành; thừa ấy gọi là Đại thừa). Chính là không tà. Không lệch lạc, không tà gọi là chính. Chính chân, chân tức là không giả, giác là không mê. Phá nhất phẩm vô minh kiến nhất phần pháp thân. Bên trên là những pháp thân đại sĩ, trong *Hoa Nghiêm Kinh* nói, Hoa Nghiêm là Viên giáo, là Sơ Trụ Bồ tát trở lên, chính Thiên Thai Đại sư nói “phần chứng tức Phật”.

Tri kiến của họ, ngôn hành của họ, chính là chỗ này nói chính chân, chính giác, lộ rõ Tính đức viên mãn. Trong kinh có thuật ngữ gọi là *pháp nhĩ như thị*. Pháp nhĩ như thị, tức là hoàn toàn tự nhiên, không có một chút nào miễn cưỡng. Tự nhiên, nó là như vậy. Đây chính là Đại thừa. Trong kinh điển đã nói cho chúng ta biết những ý nghĩa của Đại thừa.

“Dĩ thượng kinh luận minh Đại thừa giả, duy Như Lai dữ đại Bồ tát năng thừa, đại giả sở thừa cố, hựu sở thừa chi đạo, thị Chư Phật Như Lai chi sở hành, sở thừa giả đại, cố danh Đại thừa” (Kinh Luận trên đây nói về nghĩa Đại thừa, duy chỉ Như Lai và đại Bồ tát là Năng thừa; đại là Sở thừa. Lại, cái đạo Sở thừa, chính là sở hành của chư Phật Như Lai. Vì Sở thừa đại (lớn) nên gọi là Đại thừa). Đây là dẫn kinh điển làm căn cứ, đức Phật trong 49 năm, ở các địa phương khác nhau, các hội thuyết pháp khác nhau nói ra.

“Hựu thử đại giả, đương thể đắc danh, thường biến vi nghĩa, thể vô biên nhai, tuyệt chư đối đãi, hoành cai thập phương, thụ cùng tam thế, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung. Vô hữu nhất pháp tiên chi, duy thử tiên ư chư pháp” (Lại, Đại này, ngay nơi Thể được đặt tên, lấy Thường Biến làm nghĩa. Thể của nó không giới hạn, dứt mọi đối đãi, rộng khắp mười phương, dọc suốt ba đời, quá khứ không có bắt đầu, vị lai không có kết thúc. Không có một pháp trước nó, chỉ nó trước các pháp). Đây là giảng về Thể của Đại thừa.

“Đại thừa pháp đương thể đắc danh”. Thể ở đây là ý gì? Là 2 từ Thường Biến. Thường là vĩnh hằng, chúng ta thường nói bất sinh bất diệt. Biến là châu biến pháp giới, nó không lúc nào không có, không chỗ nào không có. Nó là bản thể của hết thủy pháp. Hết thủy pháp từ nó biến hiện ra. Nó là tự tính. Thực tế mà nói, nó không phải vật chất, cũng không

phải tinh thần, không phải cái gì cả. Nhưng hết thấy các pháp đều từ nó mà sinh, từ nó mà hiện.

Chúng ta muốn dùng một ví dụ để so sánh, nhưng tìm không thấy. Ví dụ cũng có thể ví dụ phảng phất thôi, không có cách nào ví dụ đến chân thật. Trong quá trình học tập, chúng ta thường lấy màn hình TV để làm ví dụ. Màn hình hoàn toàn sạch sẽ, không có gì cả. Nó là cái gì cũng không phải. Nhưng khi chúng ta nhấn kênh, nó liền hiện hình tướng. Âm thanh, sắc tướng toàn bộ đều hiện ra. Trên màn hình TV này, có thể có vài trăm kênh, nội dung vô cùng đa dạng phong phú.

Chúng ta không nhấn vào kênh, thì cái gì cũng không có. Đây là tự tính, ta không thể nói nó không có. Là *Vốn tự đầy đủ* mà Ngài Huệ Năng nói. Sau khi bấm vào kênh, thì “*Năng sinh vạn pháp*”. Hết thấy những hình ảnh này không có một chút nào, dù nhỏ như vi trần rời xa màn hình đều không có. Rời xa màn hình thì nó không thể hiện, nó hiện không ra, nhất định phải nhờ màn hình này, kể cả không gian.

Chúng ta nói thời gian, không gian đều từ trong màn hình này thị hiện ra. Không có màn hình này, thời gian, không gian đều không có. Trong kinh thường nói hết thấy pháp. Trong Phật pháp dùng trăm pháp làm tượng trưng. “*Bách Pháp Minh Môn Luận*” của Pháp Tướng tông. Đem hết thấy pháp quy nạp thành một trăm loại này. Mỗi loại đều là vô

lượng vô biên, đều là vô số vô tận. Để phương tiện giáo nên dùng phương pháp quy nạp này.

Phàm phu chúng ta bị cảnh giới này mê hoặc, nên cứ cho là thật. Ở trong đó khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Như vậy là phiền phức, đã mê muội trong đó, càng mê càng sâu, không dễ gì giác ngộ. Có nhiều căn rất nhạy bén, vừa tiếp xúc là giác ngộ, nó lập tức hồi đầu.

Đây không phải là công phu tu hành trong một đời một kiếp. Phải tu hành trong nhiều kiếp, mới có thể khởi một chút tác dụng. Trên lý luận nói rất đơn giản. Lý luận làm tăng trưởng tín tâm của chúng ta. Mê hay ngộ chỉ trong một niệm. Một niệm buông bỏ là giác ngộ, chính là niệm này buông không được.

Tôi ý niệm gì đều cũng không có, ý niệm gì đều không có là đang lạc vào trong vô minh vẫn là không được. Vì vậy, thế gian này không ít người tu hành, công phu không tệ, có thể tu đến cõi Trời Phi tưởng phi phi tưởng Vô sắc giới, cho rằng mình đã nhập một nửa Niết bàn, cho rằng mình đã kiến tính. Vì sao? Vì họ không có bất cứ ý niệm nào. Thật là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hoàn toàn không có. Đây không phải kiến tính sao? Thật ra họ đã ngộ nhận, họ chưa thật sự buông bỏ, nhưng cho thấy đạt được như vậy cũng không đơn giản.

Đi trên con đường rẽ, bước vào con đường mê, mà cho rằng chính đạo. Đến khi mất định công, phiền não khởi hiện

hành. Lúc này, như thế nào? Lúc này, họ phỉ báng Phật, báng Pháp, báng Tăng. Phật lừa tôi, nói tôi tu hành buông bỏ hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sẽ kiến tính. Tôi kiến tính rồi sao còn khởi phiền não? Đây là ngộ nhận, đi sai đường. Vô minh mà cho rằng tự tính. Làm sao phân biệt những cảnh giới đó?

Cảnh giới trong cõi Trời Vô sắc, cho đến Vô tưởng thiên trong Tứ thiền thiên, đều là cảnh giới tương đồng. Niệm là không còn nữa, giống như phân biệt, chấp trước, khởi tâm động niệm đều không còn. Nhưng là sao? Tâm là định rồi, không biết đến sự việc bên ngoài, mê mà không giác, đây không phải là thật. Thiền định thật sự không phải như vậy. Thật sự thiền định, tâm phải định, nhưng cảnh giới bên ngoài vẫn rõ ràng minh bạch, giác mà không mê, đó là chính đạo, chính chân, chính giác.

Những gì ta giác ngộ được, làm sao mới biết nó là chính chân? Đức Phật Thích Ca giảng kinh điển này là một tiêu chuẩn. Cảnh giới mà chúng ta giác đó, chúng ta xem lại lời dạy của đức Phật Thích Ca, nếu hoàn toàn tương đồng, thì giác của chúng ta là chính chân, chính giác. Còn nếu giác của ta không giống đức Phật Thích Ca Mâu Ni là sai. Đó là tà giác không phải chính giác, chúng ta đã sai. Sau khi khai ngộ, kinh điển là chứng minh, làm chứng cứ, Phật Phật đạo đồng. Khai ngộ mới thật sự thành Phật. Kim Phật và cổ Phật đều không có chút sai biệt nào, nên kim Phật giống như cổ Phật

tái sinh, đây là ý nghĩa của Như Lai. Chúng ta khi chưa khai ngộ, đọc kinh là tu định. Còn khi chưa khai ngộ, đọc kinh là để đối chiếu. Cảnh giới tôi vào có gì sai lầm không? Tác dụng không như nhau. Vậy chúng ta phải nghĩ, mục đích đọc kinh là được định, nên phải đọc như thế nào?

Trong 84.000 pháp môn, đọc kinh để tu định cũng là một pháp môn. Đọc một cách cung kính, đọc bộ kinh này từ đầu đến cuối, nếu phân lượng của kinh ít, ta đọc thêm vài lần, đọc hết bắt đầu đọc lại. Như vậy, thời gian tu định sẽ dài ra. Còn nếu phân lượng lớn như *Pháp Hoa* hay *Lăng Nghiêm*, thì một ngày một biến. Biến này đọc cho kỹ cho thuần thục cũng cần 6 tiếng, phân lượng lớn.

Hoa Nghiêm là bộ kinh lớn, bình thường đọc kinh *Hoa Nghiêm* một ngày đọc 8 tiếng. Nếu đọc chậm, thì vừa gõ mõ vừa đọc từng chữ, từng chữ. Một bộ kinh *Hoa Nghiêm*, khoảng hơn một tuần mới tụng xong. Lúc tụng phải cung kính đọc từng chữ, từng chữ, nhất định không thể nghĩ ý nghĩa trong kinh. Nếu xen vọng tưởng vào sẽ mất định, nhưng đọc kinh là để tu định. Cũng là giới, định, tuệ, hoàn thành một lúc, đây gọi là niệm tụng. Không thể nghĩ đến ý nghĩa, không có ý nghĩa. Dùng phương pháp này để diệt trừ vọng niệm. Một ngày có thể định vài giờ, không có vọng niệm, tu học như vậy vài năm, vọng niệm tự nhiên không còn. Đến lúc vọng niệm không còn, thì kinh cũng không cần phải đọc nữa. Đây là phương pháp cần chú ý!

Vọng niệm có thể không khởi tác dụng một thời gian dài, sẽ giác ngộ. Không kể là duyên gì, vừa tiếp xúc là hoát nhiên đại ngộ. Có loại công hiệu này, nên thể tính là không sinh không diệt, châu biến pháp giới. Pháp giới ở trong đó, nó lớn hơn so với pháp giới. Trong kinh *Lăng Nghiêm* có một ví dụ, lấy tự tính ví dụ với hư không, đem hư không ví dụ với một đám mây. Đám mây đó ở trong hư không, thì hư không lớn hay đám mây lớn? Qua ví dụ này, đức Phật dạy, hư không ở trong tự tính, như mây ở giữa hư không. Tự tính là thật sự của chính mình, phải biết rằng học Phật là trở về với tự tính. Thể không có bến bờ, thể là tự tính, tuyệt chư đối đãi. Câu này quan trọng. Đối đãi là gì? Là đối lập.

Hôm nay, chúng ta nói tương đối không có tương đối. Hôm nay, nhìn không thấy tính, đây cũng là chương ngại nghiêm trọng. Vì sao? Chúng ta khởi tâm động niệm đều là đối lập. Đối lập với người, đối lập với sự việc, đối lập với thiên địa vạn vật.

Chư Phật, Bồ tát không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, nên không có ý niệm đối lập. Chúng ta muốn thành tựu, từ chỗ này hạ thủ cũng là một cánh cửa rất tốt. Trong kiến hoặc, đây là 5 loại lớn. Thân kiến rất khó đoạn. Biên kiến hạ thủ từ nơi biên kiến. Biên kiến là đối đãi, chúng ta cần phải học. Nhưng ở đây cần có căn cứ lý luận. Vì sao chúng ta có thể không đối lập với hết thảy pháp? Trước tiên, chúng ta phải khẳng định, hết

thầy pháp với ta là nhất thể, nên không thể đối lập. Cách nói của nhất thể này, khi Phật giáo chưa truyền vào Trung Quốc, các vị tiên hiền đã nói. Trong “*Lão Tử*” nói qua, thời của Lão Tử, Phật pháp còn chưa truyền vào Trung Quốc. Lão Tử nói thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta nhất thể. Trong *Hoàn Nguyên Quán* không phải nói như vậy sao?

Quý vị có thể nói Lão Tử không phải Phật? Vậy ông ta làm sao có thể nói ra được lời này? Có thể nói ra lời này, vậy ông ta còn đối đãi sao? Không còn. Xác thực trong mắt ông ta, biến pháp giới hư không giới ở trong nhất thể, Tính đức mới hiện ra. Hết thấy chúng sinh với ta là một thể. Chúng sinh này tạo tội nghiệp. Ai đang tạo? Ta đang tạo. Chúng sinh đó đang tu thiện. Ai đang tu thiện? Ta đang tu thiện. Tâm chúng ta đối đãi với hết thấy chúng sinh khẳng định là Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác. Tuyệt đối sẽ không khởi tâm động niệm, rõ ràng minh bạch.

Tu thiện giúp họ tăng trưởng. Tạo ác phải dùng phương tiện thiện xảo giúp họ hồi đầu, ta sẽ không trách cứ họ. Chúng ta có trí tuệ, có phương tiện thiện xảo giúp họ hồi đầu. Cũng như trên thân thể chúng ta, chúng ta đều biết thân thể chúng ta là do tế bào tích tụ mà thành. Tế bào là những nguyên tử, phân tử, điện tử, càng nói càng nhiều. Nếu tế bào của chúng ta có một bộ phận, có vấn đề thì biến thành độc bệnh. Nếu vậy thì sao? Chúng ta làm sai việc, chúng sinh làm sai việc, tự tính mê muội, nó biến thành độc bệnh. Biết rằng chúng ta

là nhất thể, nên giúp đỡ họ hồi phục bình thường, thì không có chuyện gì nữa, không nên trách cứ họ.

Dùng phương pháp nào giúp họ trở về bình thường? Là giáo hóa. Chư Phật Như Lai ngày ngày đang giáo hóa. Thế giới Cực Lạc chưa từng gián đoạn giáo hóa. Thế giới Hoa Tạng cũng đều như vậy. Từ từ dạy, siêng năng dạy, đều sẽ hồi đầu. Nếu không dạy, họ sẽ tùy nghiệp lưu chuyển, họ sẽ trở thành hư. Người xưa nói “*Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng*”. Một người có thể không bị hoàn cảnh làm phiền, đó là thánh nhân, chứ không phải là phàm phu. Phàm phu nhất định bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Đây cũng là nguyên nhân vì sao chúng ta chọn đến thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc hoàn cảnh tốt, thuần thiện không có ác. Vì thế, chúng ta tập khí ác có sẵn, đem đến thế giới Cực Lạc là đới nghiệp vãng sinh. Ở đó không có ác duyên, nên tuy có ác tập khí nhưng không phát tác, không có ác duyên. Sống ở đó thời gian dài lâu, tự nhiên tập khí ác này không còn nữa. Tập khí ác, tập khí ác nguyên thủy của nó là 4 đại phiền não của A Lại Da. Có thể nói là nguyên thủy tập khí, nên nó sinh ra đầy đủ. Nó xuất hiện từ khi nào?

Hoàn Nguyên Quán nói, từ nhất thể khởi nhị dụng. Khi khởi nhị dụng là đã có, đã sinh khởi. Mạt Na là tứ đại phiền não thường tương tùy. Ngã kiến chính là ngã chấp, chấp trước thân này là tôi. Ngã ái tham, ngã mạn là sân nhuế, ngã si là tham, sân, si. Tham, sân, si, với ta đồng thời khởi dậy, thế là

mê rồi. Đây là độc bệnh sớm nhất của tự tính, nên đức Phật gọi đây là tam độc phiền não. Minh tâm kiến tính sẽ không còn nữa. Minh tâm kiến tính là gì? Là chuyển phiền não thành Bồ đề, chuyển thức thành trí. Mấy câu bên dưới dễ hiểu:

“Hoàn cai thập phương. Thụ thông tam thế. Quá khứ vô thủy. Vị lai vô chung. Vô hữu nhất pháp tiên chi”. Nó ở trước, không có pháp nào ở trước nó cả. Nó là tự tính. *“Duy thử tiên ư chư pháp”*. Ý này rất lớn. Trong *Hoàn Nguyên Quán* nói, tự tính là thể thanh tịnh viên minh, nó rất lớn.

“Như Phó đại sĩ kệ, hữu vật tiên thiên địa, vô hình bản tịch liêu, cố cương danh vi đại” (Như bài kệ của Phó Đại sĩ nói: Có vật trước trời đất, vô hình vốn tịch liêu, cố gượng gọi là Đại). Phó đại sĩ cũng là người tái sinh. Truyền thuyết rằng, ông ta là hóa thân của Bồ tát Di Lặc ở nhà cư sĩ, thị hiện và tu hành chứng quả. Ý vị của câu này gần giống với Lão Tử. Vật có trước thiên địa. Vật ở đây là gì? Là tự tính. Nó vô hình. Vật này không có hình, cũng như hiện nay chúng ta nói, nó không phải vật chất, cũng không phải là tinh thần. Nó không phải cái gì cả. Lục căn không tiếp xúc được, đến nghĩ cũng không đến. Lục căn tiếp xúc không được gọi là tịch liêu, thanh tịnh tịch diệt. Cương danh, miễn cưỡng đặt cho nó cái tên gọi là Đại. Những cái này hết thấy là nói tự tính.

Hay nói cách khác, từ trong tự tính mà lộ ra, đây gọi là Đại thừa. Pháp Đại thừa ra từ tự tính, và trở về với tự tính.

Đây là chính mình, không phải ai khác, như kinh *Niết Bàn* nói: “*Sở ngôn đại giả, danh chi vi thường. Hựu vân sở ngôn đại giả, kỳ tính quảng bác, do như hư không. Kim thử kinh trung Đại thừa nhị tự, chính dụ thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật chi tịnh tông đệ nhất nghĩa đế*” (Nói Đại tức gọi đó là Thường. Lại nói Đại đó, tính của nó rộng lớn, cũng như hư không. Nay 2 từ Đại thừa trong kinh này, chính là thí dụ cho tức Tâm tức Phật, tức Tâm làm Phật, là Đệ nhất nghĩa của Tịnh tông). Trong hết thảy kinh điển đều nói về tự tính, nên bộ kinh này cũng không rời tự tính.

Hoàng lão cư sĩ lấy Đại thừa trong kinh làm ví dụ, đó là *Nhân, Pháp, Dụ* trong kinh. Chư kinh lập đề không ngoài 3 nguyên tắc này. Trong bộ kinh này cũng có đầy đủ Nhân, bên dưới sẽ nói đến. Đại thừa là ví dụ, *Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*. Tâm này là chân tâm. Chúng ta dùng chân tâm tức làm Phật, chân tâm là Phật, vốn là Phật. Dùng chân tâm đó là quý vị đã làm Phật. Dùng vọng tâm đó là phàm phu.

Vọng tâm có khởi tâm động niệm. Vọng tưởng, phân biệt có chấp trước. Chân tâm không có. Tâm của chúng ta bây giờ là chân vọng hòa hợp. Vọng tâm không rời xa chân tâm, nó từ chân tâm biến hiện ra. Vì sao gọi là vọng? Vì nó mang theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong chân tâm không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nó từ khởi tâm động niệm biến hiện ra. Ngày nay gọi là độc bệnh, tế bào này mang theo độc tố.

Nếu chúng ta có thể buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta không dùng thứ này, chỉ dùng chân tâm, như vậy chúng ta sẽ trở lại trạng thái bình thường. Tâm chân chính, hiện nay gọi là tâm Bồ đề.

Trong sinh hoạt hằng ngày, chúng ta xử sự đối nhân, tiếp vật, dùng tâm chân thành là đúng. Tâm chân thành là chân tâm, là Phật, là Phật tâm. Thật không phải giả. Dùng chân tâm đối với chính mình, dùng chân tâm đối đãi người khác. Dùng chân tâm đối với người khác là sao? Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là đối với chính mình. Đối với người khác thì từ bi, từ bi không điều kiện. Vô duyên đại từ, đồng thể đại bi. Vì sao không có điều kiện? Vì tự nó là nhất thể, nhất thể thì không có điều kiện, nên từ bi này, trong từ bi là chỉ chân thành. Chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi, bình đẳng từ bi, chính giác từ bi. Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ tát, đối với hết thảy chúng sinh là dùng tâm từ bi này.

Chúng ta cần phải nhớ, chúng ta cần phải học tập, chân thành từ bi, thanh tịnh từ bi. Thanh tịnh không có ô nhiễm, chân thành không phải hư giả. Trong bình đẳng không có cao thấp. Trong chính giác không có mê hoặc. Từ bi tức là tình thương. Tình thương như vậy mới gọi là thuần chân thuần thiện, không có một ly một tí tác dụng phụ nào. Có thể dùng tâm này tức là Phật, Bồ tát. Bồ đề tâm không phát là phạm phu, không ra khỏi lục đạo, không ra khỏi mười pháp giới. Bồ đề tâm vừa phát, không những vượt ra ngoài

lục đạo, vượt ra ngoài mười pháp giới, nên điều kiện cơ bản đầu tiên của Đại thừa là phát Bồ đề tâm. Tâm Bồ đề không phát, không phải Đại thừa.

Nhưng pháp môn Tịnh Độ của chúng ta là Đại thừa giáo, không phát Bồ đề tâm, niệm Phật cả đời cũng không thể vãng sinh. Điều này quan hệ trọng yếu! Làm sao biết được. Quý vị xem, trong kinh này ba đời vãng sinh. Nguyên nhân chính của vãng sinh trong hai phẩm có nói, bất luận là thượng bối, trung bối, hạ bối, cho đến tu tập các pháp môn khác, Từ Châu Pháp sư phán định chắc chắn vì nhất tâm tam bối. Tức là bất cứ pháp môn nào, ta chỉ dùng Bồ đề tâm mà tu, đem công đức hồi hướng cầu sinh về Tịnh độ, như vậy là hết thấy được sinh.

Pháp môn thế giới Cực Lạc rộng lớn không có cái nhìn lệch lạc. Bất luận tu pháp môn nào, cho đến tu học các tông giáo khác, chỉ cần lúc lâm chung đem công đức tu học hồi hướng cầu sinh Tịnh độ, toàn bộ đều có thể đi. Thật quá tuyệt!

Trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, chúng ta phải học. Học dùng đại từ đại bi xử sự đối nhân, tiếp vật. Tâm địa này phải thường phản tỉnh, xem thanh tịnh hay không thanh tịnh? Sao gọi là không thanh tịnh? Trong đó có thất tình lục dục là không thanh tịnh. Nó bình đẳng không? Trong đó còn có cao thấp là không bình đẳng. Không thanh tịnh, không bình đẳng, là mang theo mê hoặc, là không giác.

Từ đây mà biết, sách của các bậc cổ đức dạy không thể không học. Đặc biệt là kinh sách Phật. Vì sao? Chỉ có thường thường đọc kinh, thường thường nghe giảng, mọi người cùng nhau chia sẻ, hỗ trợ động viên. Hãy tìm tâm Bồ đề của chúng ta ra, bởi vì tâm Bồ đề rất quan trọng. *“Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm”*, đây là điều kiện tất yếu của tam bối vãng sinh. Hạ bối, trung bối, thượng bối, hết thảy đều là Nhất hướng chuyên niệm phát Bồ đề tâm. Vì thế, không phát Bồ đề tâm là không được. Chúng ta có lúc nhìn thấy, rất nhiều ông bà già niệm Phật và thật đã vãng sinh. Lúc chết đoan tướng hy hữu, biết trước giờ đi. Đứng như vậy chết, ngồi như vậy chết. Họ không biết cái gì gọi là tâm Bồ đề, có hỏi họ cũng không biết. Họ chỉ biết niệm A Di Đà Phật, còn không biết gì là tâm Bồ đề. Tỉ mỉ quan sát khởi tâm động niệm, đối nhân, tiếp vật của họ, họ thật sự có Bồ đề tâm. Họ đối nhân rất bình đẳng, rất từ bi. Chúng ta quan sát kỹ càng sẽ phát hiện được. Chúng ta hỏi họ Bồ đề tâm là gì, họ không hiểu. Họ không biết cái gì là Bồ đề tâm. Họ dùng chân tâm, tâm thành khẩn để đối nhân, cho nên họ có thể vãng sinh.

Chúng ta cần thận quan sát người vãng sinh, họ có ngạo mạn không? Họ có tự cho mình hơn người không? Người có tâm này không thể vãng sinh. Niệm Phật có tốt hơn nữa cũng không vãng sinh được. Điều này, chúng ta không thể không hiểu. Chúng ta phải đem những tập khí này buông

bỏ tất cả, đây là nghiệp chướng. Phải thường phản tỉnh, cẩn thận quan sát. Tôi tiếp vật, đối nhân có gì sai sót chăng? Có sai sót, nhưng tự mình phát hiện sẽ không còn nữa. Mọi người cũng không nói cho ta biết. Vì sao? Vì nói ra mà chúng ta không tiếp nhận, sẽ kết oán thù với chúng ta. Như vậy, thì hà tất nói với chúng ta. Thầy giáo đối với học sinh cũng không nói.

Tôi ở Đài Trung, theo thầy Lý 10 năm, tôi nhìn thấy thầy đối với học trò. Có học sinh thầy đối với họ rất dữ, có đánh có mắng. Có một vài học sinh, thầy đối với họ rất khách khí, phạm sai lầm gì, thầy nhắc cũng không nhắc nữa, chúng tôi cảm thấy rất lạ. Thời gian lâu, thì thấy hoài nghi! Hoài nghi này bị thầy biết được. Khi không có ai, thầy tìm tôi và nói với tôi. Bạn nhìn thấy có phải là rất hoài nghi không? Dạ có. Thầy nói với tôi, người như thế nào nên nói, người như thế nào không nên nói. Có thể tiếp thu mới nên nói, nói đến mức độ nào. Phải biết họ có thể tiếp thu đến mức độ nào. Đây gọi là quán căn cơ, đây là học vấn, đây là công phu. Họ phải chịu học, phải nghe lời, đối với thầy phải thật cung kính, như vậy mới thật dạy.

Tâm cầu học chưa đến mức độ này, nếu nói với họ thì trước mặt phục tùng, sau lưng chống đối. Thầy cảnh giác được, nên đối với họ phải có chừng mực. Phạm một vài sai lầm, thầy sẽ không nói. Vì sao? Vì không kết oán thù với người khác. Nếu họ sinh oán hận, thì oán hận đó tương lai

họ oan oan tương báo mấy cũng không xong, hà tất phải kết oán với họ? Cứ để họ sinh tâm hoan hỷ, từ từ sẽ học tập theo. Lâu ngày, có thể họ sẽ giác ngộ. Vì thế, hóa độ chúng sinh phải khế lý khế cơ. Cơ là căn cơ, nhất định phải biết. Phật độ người hữu duyên. Nếu đó là học sinh tốt, đối với thầy cung kính thì có đánh cũng không đi. Sao lại đi? Vị thầy đó phải hết sức dạy họ. Nói vài câu đã không vui, thầy sẽ không để ý đến họ, cũng không nói gì thêm với họ, nên chúng ta nhìn thấy thầy giáo đối với những học sinh này ứng xử không giống nhau. Như vậy mới hiểu cần phải học tập.

Hiện nay, trong thời đại này, đi đâu để tìm một học sinh, ngày ngày gây phiền phức mà vẫn vui vẻ theo mình? Tìm không thấy! Đi đến đâu để tìm?

Tôi còn nhớ một công án trong *Thiền Lâm Bảo Huấn*, tôi quên tên rồi. Khoảng 30-40 năm trước đọc qua, tôi cũng đã từng giảng qua, chỉ giảng qua một lần. Có một người xuất gia, thân cận một vị hòa thượng. Lão hòa thượng nhìn thấy người bạn trẻ này, thì không vui. Nhưng người này ngày nào cũng đến nghe giảng kinh, nghe rất chăm chỉ. Lão hòa thượng vô duyên vô cớ, anh ta không phạm gì sai, nhưng cứ trách mắng quát tháo anh ta. Anh ta vẫn cung kính, vẫn không đi. Lão hòa thượng kêu người đuổi anh ta đi, kêu anh ta sau này đừng đến. Bị đuổi rồi, đuổi đi, nhưng trên thực tế không đi. Mỗi lần anh ta đều đứng ngoài cửa sổ để nghe kinh, không để Lão hòa thượng nhìn thấy, nhưng vẫn nghe.

Vài năm sau, Lão hòa thượng lớn tuổi, phải truyền pháp. Anh ta vẫn trốn ở ngoài cửa. Lão hòa thượng kêu truyền pháp, truyền cho ai? Đi ra ngoài cửa, đem anh ta vào và truyền cho anh ta, lúc này mọi người mới vỡ lẽ.

Đây là vì sao? Vì anh ta có những phiền não tập khí, cần phải dùng phương pháp hành hạ, để anh ta tiêu nghiệp chướng. Vì thế, cổ nhân đặc biệt tuyển chọn người truyền pháp vô cùng cẩn thận, vô cùng nghiêm khắc. Vì pháp này truyền qua nhiều thế hệ, từ đời này sang đời khác. Bây giờ, không còn nữa.

Bây giờ, dùng phương pháp này của cổ nhân, người trẻ tuổi chịu không nổi, không thể tiếp nhận. Do đó, pháp đã bị đoạn, pháp đã bị diệt. Hiện nay, yêu cầu điều gì? Là tự động tự phát. Bây giờ, người thật sự phát đại tâm rất ít, quả là hiếm thấy. Đây là sao? Đối với nhận thức về pháp này, họ không quen, không biết pháp này là tốt. Chúng ta ở trong xã hội này, tâm mình có thể không thay đổi sao? Xem nặng danh lợi, thì nhân tâm lập tức thay đổi.

Chúng ta học Phật, học đến cuối cùng rồi sao? Khó khăn thất vọng, học đến không ai để ý đến chúng ta. Cuộc sống của chính mình đều không thể bảo chứng. Lúc này phải làm sao? Ta còn học không? Cần phải kiên trì. Người này khẳng định vãng sinh thế giới Cực Lạc để làm Phật. Nếu trong hoàn cảnh này, ta thối chuyển, thì sẽ lưu chuyển trong lục đạo

luân hồi. Lúc này có thể kiên trì, đây không phải là chuyện đơn giản. Chúng ta nếu không ở trong pháp này, thường thức pháp vị chân thật này. Thực sự lý giải, thật có tâm từ bi. Sau khi học xong, giúp đỡ hết thảy chúng sinh đau khổ, nỗi Phật tuệ mạng. Họ sẽ duy trì không được, tâm họ sẽ thay đổi, nhưng không phải là việc dễ dàng.

Không thể chịu tận cùng khổ nạn, chịu hết hành hạ, và chịu tận cùng sỉ nhục, giống như nhẫn nhục tiên nhân, gặp Ca Lợi Vương cắt thân thể, tín tâm bất thoái, ông ta đã thành Phật. Ca Lợi Vương giết ông ta, và ông ta thành Phật. Câu chuyện này ở trong kinh *Đại Bát Niết Bàn* nói rất tường tận. Thật sự biết được điều này là tốt. Trên thế giới này, có tìm cũng tìm không thấy nữa. Nó thật sự giúp chúng ta thoát ly luân hồi lục đạo. Thật sự có thể giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng vô thủy kiếp, nên kinh điển được gọi là Pháp bảo. Chúng tôi có thể nói, chỉ có bảo này mới là thật, còn những bảo của thế gian đều là giả, không phải thật. Chúng ta phải có nhận thức này. Tôi không có sai lầm chút nào, như vậy là thật sự giải quyết vấn đề. Hình như là tháng trước, có bạn đồng tu, tôi không nhớ là ai, tặng tôi một cuốn sách. Chính là cuốn sách này, cuốn sách *Khải Tán Quân Đoàn*.

Hồn quý trong quân đoàn này, bây giờ là cô hồn dã quỷ, rất sôi nổi. Điều này nói cho chúng ta biết một sự thật như thế nào? Thân có sinh diệt, nhưng linh hồn không diệt. Vậy chúng ta biết linh hồn không chết. Thân có sinh tử, linh hồn

bất tử. Chúng ta phải làm sao mới có thể tính toán thay cho cái bất tử đó. Thân sinh tử chưa quan trọng. Còn sau khi chúng ta chết đi về đâu? Đây mới là vấn đề lớn. Sau khi chết, đương nhiên thù thắng nhất là đến thế giới Cực Lạc thân cận Phật A Di Đà. Hôm nay, chúng ta đi con đường này, đây là con đường vô cùng quang minh.

Đến thế giới Cực Lạc để làm gì? Giống như Huệ Năng Đại sư gặp Ngũ Tổ vậy. Tôi đến làm Phật. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc là để nhìn thấy Phật A Di Đà. Còn quý vị đến làm gì? Tôi đến làm Phật. Phật A Di Đà nhất định rất hoan hỷ. Chúng ta phải nhớ, niệm Phật vãng sinh thế giới Cực Lạc để làm gì? Đi làm Phật. Không phải làm Phật, người ta không nhận quý vị. Khăng định tôi đến để làm Phật, đây gọi là Bồ đề tâm đã phát đầy đủ rồi, thật đã phát Bồ đề tâm. Chúng ta đến thế giới Cực Lạc đi làm Phật.

Trước đây, thầy Lý dạy chúng tôi, nói với chúng tôi những người trẻ tuổi thông minh này cần phải có mắt trước sau. Nhìn thấy quá khứ, nhìn thấy vị lai. Quá khứ ở trong lục đạo luân hồi tạo vô số tội nghiệp. Bây giờ, chúng ta nhìn thấy thế giới Cực Lạc, vậy tương lai chúng ta phải chọn con đường này. Trong cuộc đời này, cái gì cũng đều có thể buông bỏ. Tôi nhất định đi trên con đường này đến cùng, đi đến thành công, như vậy là chúng ta hoàn toàn đúng. Cần phải học vô lượng pháp môn, đến thế giới Cực Lạc tiếp tục học.

Hôm nay, hết thấy tinh lực thời gian, hết thấy đều đặt ở nơi việc cầu sinh Tịnh độ, nhất định thành công. Đại kinh đại luận đều muốn học, pháp môn vô lượng thế nguyện học. Vì thế, trước đây tôi thường giảng về Tứ hoằng thế nguyện. Chúng ta bây giờ đang tu 2 điều trước. *Chúng sinh vô biên thế nguyện độ*, cái này cần phát. *Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*, chúng ta cần phải làm điều này. *Pháp môn vô lượng thế nguyện học. Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*. 2 nguyện này lưu đến thế giới Cực Lạc. Vãng sinh thế giới Tây Phương Cực Lạc, và hoàn thành 2 nguyện này, chắc chắn!

Bây giờ, chúng ta lợi dụng khoa học kỹ thuật cao, dùng mạng internet, dùng truyền hình vệ tinh. Tôi thấy tương lai cách nhìn của tôi không vượt qua được 5 năm. Mạng lưới của mạng tiến bộ quá nhanh, so với vệ tinh thì càng đắt dụng hơn. Giá thành vệ tinh cao, mạng internet rẻ hơn, giá thành ngày càng thấp. Bất luận ở chỗ nào trên thế giới, chúng ta dùng công cụ này, đều giống như cùng nhau học tập vậy. Đây là một chuyện tốt. Người giảng kinh ngày càng ít, nhưng công cụ này bù đắp. Nhưng vẫn hy vọng người thật sự phát tâm, siêng năng giảng dạy, để kế tục Phật tuệ mạng, chính pháp trụ lâu. Điều này nhờ vào ai? Ta kỳ vọng dựa vào bất cứ ai cũng dựa không được. Dựa vào chính mình. Chúng ta được không? Chỉ cần chúng ta phát tâm là được. Vì sao? Chư Phật Như Lai gia trì chúng ta. Ta không phát tâm, các Ngài muốn gia trì cũng không gia trì được. Thật phát tâm mới thật gia trì.

Thực tế nói, chúng ta có năng lực gì? Bất luận là ở đức hạnh hay học thuật, so với người xưa thì kém quá xa! Đây là thật không phải giả. Nhiều năm như vậy ở trên bục giảng, cùng học tập với mọi người, hoàn toàn đều là Tam bảo gia trì. Tôi nói thật với mọi người, tam bảo vì sao gia trì tôi? Vì không ai làm, tôi phát tâm làm. Nếu chúng ta phát tâm làm, quý Ngài sẽ gia trì chúng ta. Họ phát tâm làm, Phật sẽ gia trì họ. Phật rất công bằng, ai thật sự phát tâm, thì được các Ngài thật sự gia trì. Trong đây, có một điều là Phật, Bồ tát gia trì chúng ta, nhưng chướng ngại lớn nhất của ta là danh văn, lợi dưỡng.

Có danh văn, lợi dưỡng lẫn lộn vào trong đó, thì sức mạnh Phật gia trì không còn nữa. Chỉ cần chúng ta xa lìa danh văn, lợi dưỡng, thì sức mạnh gia trì vô cùng rõ ràng, vô cùng mạnh mẽ. Vì thế, phát tâm là được.

Bây giờ, trong kinh 2 từ Đại thừa là ví dụ “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*”. Đây là đệ nhất nghĩa của Tịnh độ tông. “*Năng niệm chi tâm, bản lai thị Phật, thị năng thừa giả đại. Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm tác Phật, cố sở thừa giả đại*” (Tâm năng niệm, vốn xưa là Phật, Năng thừa ấy là Đại. Khởi tâm niệm Phật, niệm niệm làm Phật, nên Sở thừa đại). 2 câu này là tinh túy của Tịnh Độ tông, chúng ta phải đặc biệt lưu ý. Tín tâm của Tịnh Độ tông là từ chỗ này kiến lập.

Trung Phong Thiền sư, trong khai thị nơi Tam thời hệ niệm, có 2 câu nói rất hay: *“Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tức thị ngã tâm”* (Tâm tôi tức là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tức là tâm tôi). Với lời này ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, khi nghe càng thân thiết hơn. Ở đây tức là Tịnh độ, Tịnh độ tức là ở đây. Vì sao? Tâm tịnh tức cội Tịnh độ của Phật. Tâm mình tôi thanh tịnh, tâm người khác không thanh tịnh. Đây vẫn là Tịnh độ chăng? Là Tịnh độ!

Tâm ta thanh tịnh, thì ở nơi đây cũng cảm thấy là Tịnh độ. Vì sao? Cảnh tùy tâm hiện. Tâm ta thanh tịnh, không thể chuyển cảnh giới, như vậy nói rõ tâm của ta chưa thật sự thanh tịnh. Thật thanh tịnh, thì thật chuyển được cảnh giới. Phật Thích Ca lúc còn tại thế, chúng ta thấy Ngài ở cũng như chúng ta, hoàn cảnh giống nhau. Nhưng trên thực tế thì sao? Trên thực tế, Ngài ở Tịnh độ, mà chúng ta nhìn không thấy. Phạm phu chúng ta nhìn thấy đức Phật Thích Ca, buổi tối ở dưới gốc cây nghỉ ngơi thiền tọa. Dưới gốc cây trái một ít cỏ. Dùng cỏ làm thành chỗ ngồi, Ngài ở nơi đó ngồi thiền. Bồ tát nhìn thấy không phải vậy. Bồ tát nhìn thấy đức Thế Tôn nhìn trên bảo tọa Kim cương, chứ không phải ngồi ở dưới đất.

Cuối cùng, ai nhìn thấy mới là thật? Đều là thật, đều không phải là giả. Bảo tọa đó của đức Thế Tôn, là trong tâm của ta hiện ra. Tâm ta thanh tịnh, thì nhìn thấy bảo tọa. Còn tâm không thanh tịnh, thì nhìn thấy tòa bằng cỏ. Nói rõ thật

là cảnh từ tâm hiện, một chút cũng không giả, nên chúng ta tin tưởng. Thân thể không tốt, không sao. Bây giờ, giới khoa học nói với chúng ta so với Phật pháp hoàn toàn thống nhất, chỉ cần điều chỉnh tâm, bệnh của quý vị sẽ lành.

Trung Quốc có một vài thầy Trung y nổi tiếng, trong lúc họ chẩn đoán trị liệu, nói với chúng ta, bệnh trị lành, nhưng 70% là bệnh tâm. Y dược khởi tác dụng chỉ có thể chiếm 30%. Vì thế, tâm thái lành mạnh, thì bệnh rất dễ trị. Tâm thái nếu không tốt, thì dù thần tiên cũng trị không lành. Không phải tâm thái người khác có thể chuyển được quý vị, mà là chính mình chuyển mình. Điều này rất quan trọng, cho nên chúng ta tin tưởng, ta tâm thái tốt, trên thân không có bệnh gì. Tâm thái chúng ta tốt, thì ngay ở chỗ này, sơn hà đại địa ở đây sẽ không xảy ra thiên tai. Vì sao? Hoàn cảnh cũng tùy tâm chúng ta mà chuyển.

Hiệp hội của chúng ta, mấy ngày nay mời tập hợp một số bạn đồng đạo chí hợp tâm đồng, mọi người cùng nhau siêng năng tu Lục Hòa Kính. Mục đích là gì? Mục đích đối với chính mình mà nói là thân tâm mạnh khỏe, gia đình hòa hợp, sự nghiệp thuận lợi, vạn sự như ý. Còn có một tác dụng lớn hơn, là Hong Kong, Quảng Đông, dải đất của khu vực này không có thiên tai. Tâm thái này của chúng ta vừa chuyển, sẽ sản sinh sức mạnh lớn như vậy. Quý vị xem, tự độ và cũng đã độ người. Tự cứu cũng chính là cứu cả khu vực này. Đây là mê tín chăng?

Trước đây, một số người nghe rồi cho là mê tín. Bây giờ, có khoa học chứng minh đều có thể. Hôm qua, có một bạn đồng học tải trên mạng một bài nói về sự việc này. Quá hay! Là do các nhà lượng tử học nói. Chúng ta có thể tin tưởng, chúng ta có thể tiếp nhận, nên ở dưới nói: *“Hựu năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi tâm. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi tâm. Năng tu sở tu, chỉ thị nhất tâm, tức tâm tức Phật, tâm Phật bất nhị”* (Lại, Năng tu tức tâm ấy là tâm là Phật. Sở tu tức tâm ấy là tâm làm Phật. Năng tu, sở tu chỉ là nhất tâm, tức Phật tức tâm; Tâm, Phật không hai). Đây đều là trong kinh giáo, đức Phật dạy chúng ta.

Chúng ta học nhiều năm như vậy, đối với kinh giáo có tín tâm. Vì sao? Phật pháp thù thắng công đức lợi ích, chúng ta đã đạt được, một chút cũng không thật. Thầy không gạt tôi, nói với tôi, học Phật là hưởng thọ cao nhất của đời người, và tôi đã đạt được. Càng lớn tuổi càng tự tại.

Sang năm, tôi học Phật đã 60 năm. Sang năm là tròn 60 năm. Giảng kinh 53 năm. Tôi học Phật 7 năm là ra giảng kinh, giảng kinh dạy học. Cả đời chưa từng thay đổi phương hướng, chính là học đức Thế Tôn. Đức Phật Thích Ca thị hiện cho chúng ta là thầy giáo tư thực. Vì Ngài không có chính thức tổ chức trường lớp. Học sinh của Ngài rất đông. Trong kinh điển, chúng ta thường nhìn thấy 1.255 người đệ tử tùy tùng. Không phải tùy tùng, thì cũng lâm thời đến, tôi nghĩ không dưới số người này. Ngài rất vui vẻ, vì có nhiều người

như vậy theo Ngài học tập. Pháp duyên thù thắng, pháp hỷ sung mãn, nên Ngài càng dạy càng cao hứng. 49 năm chưa có một ngày nghỉ ngơi. Sau khi Phật diệt độ, cho đến bây giờ ảnh hưởng rất lớn, ảnh hưởng đến toàn thế giới. Chính pháp cứu trụ, nổi Phật huệ mạng dựa vào thời đại của chúng ta. Thật sự phát tâm và phải thật sự làm.

Ngày nay, Phật giáo trên thế giới có 6 loại hình thái. Chúng ta phải nhận thức rõ ràng, con đường chúng ta đi là giáo dục của đức Thế Tôn. Chúng ta học Phật, là tiếp thu giáo dục của Ngài. Chúng ta học được cái tốt của giáo dục, và phát tâm đem giáo dục xưng tính của đức Thế Tôn, cần phải phát dương quang đại, phổ độ chúng sinh. Như vậy, chúng ta nhất định phải học đức Thích Ca Thế Tôn. Tôi thành tựu rồi, phải giảng kinh, cần phải giáo hóa. Đi đến đâu để giảng? Đến gia đình mọi người giảng. Gia đình của họ có một vài người, thì một vài người đó là thính chúng của tôi.

Mỗi tuần không cần quá nhiều, quá nhiều người ta sẽ phiền chúng ta, không thích, rồi đuổi ta đi. Một ngày, cố định một tuần một ngày, chúng ta đến vài nhà. Thứ hai đến nhà ông Trương, thứ ba đến nhà ông Lý. Chúng ta mỗi ngày đều luyện giảng, từ từ sẽ giảng thành công. Những thính chúng này giúp đỡ chúng ta. Có thể giảng một bộ kinh giống nhau. Quý vị xem, một tuần đến 7 nhà. Một tuần có thể giảng 7 lần giống nhau, rất tốt! Có thể duy trì 3 năm, căn cơ của chúng ta vững vàng. Sau khi giảng xong, mời thính chúng

góp ý. Phải khiêm tốn tiếp nhận. Sau khi giảng xong, tiếp tục nghiên cứu thảo luận, chia sẻ. Hiệu quả rất thù thắng.

Ngày trước, chúng tôi ở Đài Trung học kinh giáo, là dùng phương pháp này. Cần phải kết thiện duyên với các Phật tử, vì sao? Để họ cho tôi đến nhà giảng pháp, kết pháp duyên. Thầy giáo cũng không còn cách nào khác. Liên xã thư viện, giảng đường đều là một. Quý vị cùng học giảng kinh khoảng hơn 20 người, như vậy làm sao phân phối? Giảng đường thì phân phối giảng kinh. Một năm khó khăn lắm mới phân đến một lần, cho nên thời gian rất ít. Quá ít, bữa đực bữa cái, học cũng không được gì. Công việc này cần phải ngày ngày làm. Ngày ngày làm mới kết được nhiều thiện duyên. Thật vậy, kiên nhẫn sẽ thành công.

Mấy câu này vô cùng quan trọng: *“Năng tu sở tu, chỉ thị nhất tâm, tức tâm tức Phật, tâm Phật bất nhị. Hựu khả vân, năng tu giả, tức thị tâm thị Phật chi Phật. Sở tu giả, tức thị tâm tác Phật chi Phật. Tự Phật tha Phật, chỉ thị nhất Phật, tự tha bất nhị. Tự tha uyển nhiên, năng sở bất nhị, tu chứng bất vô, siêu tình ly kiến, cường danh vi đại”* (Năng tu, sở tu chỉ là nhất tâm, tức tâm tức Phật; tâm, Phật không hai. Lại, có thể nói, Năng tu tức là Phật của tâm ấy là Phật. Sở tu tức là Phật của tâm ấy làm Phật. Phật mình, Phật người chỉ là một Phật, mình người không hai. Tự tha rõ ràng, Năng, Sở không hai. Tu chứng chẳng không, siêu tình ly kiến, gượng gọi là Đại).
Mấy câu này ý nghĩa rất sâu. Nhưng mỗi câu đều là lời chân

thật. *“Năng tu tức là Phật của tâm ấy là Phật”*. Phật ở đây là ai? Là chính mình. *“Sở tu tức là Phật của tâm ấy làm Phật”*. *“Phật của tâm ấy là Phật”* là tự tính Phật của chúng ta. Tự tính của ta vốn là Phật, như bây giờ đang mê, mê muội tự tính, cho nên phải *“Sở tu”*. *“Sở tu tức là Phật của tâm ấy làm Phật”*. Hôm nay, điều quan trọng nhất đối với chúng ta là làm Phật. Ta vốn là Phật, hiện tại lại muốn làm Phật.

Quý vị nghĩ xem, chúng ta có thể làm Phật chăng? Có thể. Vì sao? Chúng ta vốn là Phật. Tại sao chúng ta không thể làm Phật? Thánh, phàm đều ở trong một niệm. Một niệm giác tức là Phật. Tôi hôm nay dựa vào cái gì để giác? Nhờ vào kinh *Đại thừa Vô Lượng Thọ*. Chỉ cần chúng ta không bỏ rơi kinh *Đại thừa Vô Lượng Thọ*, thì kinh này sẽ giúp ta giác. Chúng ta hằng ngày đều học tập, chính là giúp chúng ta giác ngộ. Không cần phiền phức tìm khác; bộ kinh này là được. Nhưng thật sự muốn thành tựu, thì nền tảng phải vững vàng, như cổ nhân vậy. Khó được! Từ nhỏ đã phải nắm vững căn cơ này. Đời này của chúng ta, và ở trên mấy đời đều sơ suất việc này.

Chúng ta nhất định phải đem *Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên, Thập Thiện Nghiệp*. *Thập Thiện Nghiệp* có thể dùng trích bản in giản lược của tôi, vô cùng đơn giản. Trích của tôi chỉ có khoảng hơn 600 từ. Khi in ra, tôi thấy chỉ vừa một trang giấy, là *“Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh Tiết Bản”*.

Trước đây, Ngẫu Ích Đại sư cũng có một bản in giản lược, thích hợp dùng trong thời đại đó. Còn bản in giản lược của tôi, thích hợp dùng trong xã hội bây giờ, nên chúng ta chỉ cần có nền tảng của *Đệ Tử Quy* và *Cảm Ứng Thiên*. Trong *Cảm Ứng* nói về quả báo thiện ác, hết thấy nói 195 sự việc. Trong *Đệ Tử Quy* có 113 sự việc. Trước tiên là học thuộc nó, sau đó thường thường kiểm điểm khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta. Đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện. Rồi tiếp tục học *Thập Thiện Nghiệp Đạo*, như vậy thì không khó chút nào.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 77



Giảng ngày 12 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *“Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 82, dòng thứ 1. Ta bắt đầu xem từ câu cuối cùng ở bên dưới.

“Lại, có thể nói, Năng tu tức là Phật của tâm ấy là Phật. Sở tu tức là Phật của tâm ấy làm Phật”. 2 từ Phật này có gì sai biệt chẳng? Chúng ta đem 2 từ Phật này giải thích rõ ràng trước. *“Tâm ấy là Phật”* là tự tính. Tự tính chính là Phật. Phật chính là tự tính, nên từ trên tự tính mà nói, thì trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Thế Tôn giảng nhiều nhất. *“Nhất thiết chúng sinh bản lai thị Phật”*. Hết thấy chúng sinh vốn là Phật. Hết thấy chúng sinh ở đây không phải chỉ riêng chúng ta. Mỗi người đều là Phật, không phân nam nữ già trẻ, giàu nghèo sang hèn đều như nhau.

Phật nói chúng sinh, nghĩa gốc của 2 từ "chúng sinh" này: Hiện tượng chúng duyên hòa hợp mà sinh khởi, gọi là chúng sinh. Động vật là chúng duyên hòa hợp. Khoáng vật cũng là chúng duyên hòa hợp, bao gồm cả sơn hà đại địa, cây cỏ hoa lá. Không có thứ gì không phải là Phật. Đây gọi là *“Tâm ấy là Phật”*. Vì sao? Hết thấy vạn pháp trong toàn thể vũ trụ là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Tâm đã là Phật rồi, thì còn có cái gì không phải Phật! Đây tức là vốn là Phật. *“Tâm ấy là Phật”*, chính là Phật bản lai là Phật. Tuy vốn là Phật, nhưng

vì hiện tại chúng ta đang mê, làm mất tự tính. Lạc mất tự tính nên gọi là chúng sinh, gọi là phàm phu. Phàm phu và Phật không có gì sai biệt, chỉ là mê ngộ bất đồng. Phàm phu giác ngộ là Phật, chính là đạo lý này.

“*Tâm ấy làm Phật*”, là phàm phu hồi đầu. Tôi bây giờ muốn làm Phật, nên đây là “*Phật của Tâm ấy làm Phật*”, đó là chúng ta bây giờ. Ta bây giờ muốn làm Phật, có thật được thành Phật không? Thật! Vấn đề là tâm niệm này nó không thể lâu dài. Bây giờ, đang nghe kinh nghe pháp, thì tâm này không tệ, tôi phát tâm làm Phật. Nhưng ý niệm sau nó lại đọa lạc vào trong phàm phu. Vấn đề là ở đây. Nếu hiện tại tâm làm Phật này vĩnh viễn bảo trì, thì Phật bây giờ và “*Tâm ấy làm Phật*” ở trước là tương ưng, hợp thành một. Như vậy, chúng ta thật đã thành Phật. Lời này không phải lời nói chơi, sự thật này hoàn toàn chính xác. Nếu quý vị hỏi tôi có thể thành Phật chăng? Quý vị không cần hỏi người khác, hãy hỏi chính mình, có phải thật sự muốn thành Phật chăng? Thật sự muốn thành Phật, thì làm gì có chuyện không thể thành Phật?

Trong Đại thừa giáo, đức Phật thường nói hết thủy pháp từ tâm tướng sinh. Thật vậy, tâm tướng cái gì là hiện ra cái đó. Nếu chúng ta nghe hiểu lời này, thì mọi chuyện thật sự rõ ràng, thật sự minh bạch. Chúng ta sẽ nghĩ như vậy, ta sẽ từng niệm nhớ Phật A Di Đà, mỗi niệm nhớ thế giới Cực Lạc. Tưởng thế giới Cực Lạc, thì thế giới Cực Lạc sẽ hiện

tiền. Tưởng A Di Đà Phật, thì Phật A Di Đà với chính mình sẽ tương ưng. Thật giống như Trung Phong Thiền sư nói: *“Tâm tôi tức A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tức là tâm tôi”*. Tôi và Phật A Di Đà là một không phải hai. Trong hết thấy chính niệm, đây là chính niệm thứ nhất. Quý vị muốn hỏi, phải nghĩ bao lâu tôi mới có thể biến thành A Di Đà Phật?

Điều này, trong kinh *Di Đà* nói vô cùng cụ thể: *“Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, cho đến bảy ngày”*. Xưa nay, các vị tổ sư đại đức dạy, bậc thượng căn lợi trí 1 ngày là thành tựu. Người căn cơ kém độn 7 ngày cũng có thể thành tựu. Còn nghĩ 7 ngày vẫn chưa thành tựu, thì lời trong kinh nói có tin chăng? Trong kinh nói là thật. Nhưng “thất” (bảy) có 2 loại giải thích. Một là chữ số - 7 ngày. Cái thứ hai là biểu pháp. Biểu pháp gì? “Thất” đại biểu cho viên mãn. Thất có nghĩa là gì? Đông - Tây - Nam - Bắc - Thượng - Hạ - ở giữa, gọi là thất, cho nên viên mãn. Số liệu viên mãn này không nhất định, nhưng đây là nói theo cách thông thường.

Chúng ta nhìn trên sự tương qua *“Vãng Sinh Truyện”*, *“Tịnh Độ Thánh Hiền Lục”* đã ghi. Từ cổ chí kim, chuyên niệm A Di Đà Phật, họ niệm bao lâu là có thể biết trước giờ chết tự tại vãng sinh? Tuyệt đại đa số là 3 năm. 3 năm này tức là 7 ngày. Thất tượng trưng cho viên mãn, nó viên mãn. Nếu 3 năm chưa đủ, thì 5 năm khẳng định thành tựu. Thật vậy, không phí quá nhiều thời gian.

Vấn đề chính là chuyên nhất, phải chuyên tâm, phải nhất tâm thì thành Phật không khó. Buông bỏ vạn duyên, nhất tâm chuyên chú. Chúng tôi tin rằng, mỗi người tuyệt đối không quá 3 năm sẽ thành tựu được thế giới Cực Lạc.

Khi thật sự thành tựu được, nhưng thế gian này còn cần chúng ta. Cần ta làm gì? Cần ta mang theo vài chúng sinh đến thế giới Cực Lạc, giúp Phật A Di Đà tiếp dẫn chúng sinh. Chúng ta với chúng sinh có duyên. Chúng sinh tin tưởng và chúng sinh đồng ý nghe chúng ta, như vậy là có duyên.

Nếu chúng ta đã thành tựu, duyên niệm Phật vãng sinh thành tựu. Còn không có duyên, người học Phật rất đông, mọi người không tin tưởng, không nghe ta khuyến cáo, thì lúc này ta có thể đi, công đức hóa độ chúng sinh được coi là viên mãn, là đạo lý này vậy. Vì thế, “thất” là một chữ rất linh hoạt, chứ không phải là cứng nhắc. *“Phật của Tâm ấy làm Phật”*, là thân hiện tại này của chúng ta, tâm vọng tưởng bây giờ, còn *“Tâm ấy là Phật”* ở trước là chân tâm.

“Tự Phật tha Phật, chỉ thị nhất Phật”. Ở đây nói “Tha Phật” là tự tính. “Tự Phật” là nói tự thân hiện tại của chúng ta. Tự, tha bất nhị. Tuy đang mê, mê rồi thì thân tướng này từ đâu đến? Vẫn là do tự tính hiện. Ly khai tự tính, không có pháp nào có thể đắc. Chúng ta thường nghe trong Đại thừa giáo nói “Sinh, Phật bất nhị”. Sinh là chúng sinh, hết thấy chúng sinh. Phật là tự tính, cũng chính là nói Tính, Tướng bất nhị. Tự tính

là Phật của *“Tâm ấy là Phật”*. Bây giờ, chúng ta hiện tượng này, tướng này là Phật của *“Tâm ấy làm Phật”*. Nói như vậy mọi người sẽ dễ hiểu. Tự tính là năng hiện, năng sinh; hiện tượng là sở hiện, sở sinh. Năng, sở bất nhị, như vậy sẽ dễ hiểu.

“Tự tha bất nhị, tự tha uyển nhiên. Năng sở bất nhị, tu chứng bất vô” (Tự tha chẳng hai, tự tha rõ ràng. Năng sở chẳng hai, tu chứng chẳng không). Tu là gì? Là hành thật, tu thật. Thật sự buông bỏ vạn duyên, thật sự thành tâm niệm Phật. Đây gọi là tu. Công phu tu phải đến nơi, công phu thành tựu là đã chứng đắc, nên có tu có chứng. Tu chứng này là nói về cái gì? Nói đầy đủ trong 4 từ: Tín - Giải - Hành - Chứng. Trong chữ tu đã bao quát 3 điều: có thể tin, có thể hiểu, có thể hành. Trong chữ tu bao quát 3 việc này, và đằng sau là có thể chứng. Chứng là chứng quả. Chúng ta đối với pháp môn Tịnh Độ, có thể tin, có thể nguyện. Thật sự phát nguyện cầu sinh Tịnh độ.

Hành thật, là Nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Như vậy, mới là hành thật. Đức Phật đến tiếp dẫn vãng sinh thế giới Cực Lạc tức là chứng quả. Tịnh Độ tông chứng quả là vãng sinh. Tín - Giải - Hành - Chứng, nên chúng ta phải siêng năng thực hành nó. Trong *“Hoàn Nguyên Quán”* nói: *“Oai nghi hữu tặc”*. Vì sao? Thực hiện nó chính là độ chúng sinh.

Chúng ta không chiếu theo quy củ mà làm, có thể tự độ, không vấn đề gì. Nhưng không thể lợi tha. Tịnh Độ tông là

Đại thừa, mà Đại thừa không bỏ chúng sinh, niệm niệm đều muốn giúp đỡ chúng sinh. Niệm niệm đều có tâm thành tựu cho chúng sinh, chính là ý niệm này. Hết thấy là vì giúp chúng sinh.

Giúp đỡ họ, nhưng có duyên hay không là vấn đề của chính họ. Chúng ta ngày nay không có thần thông, nên không biết chúng sinh với Phật có duyên hay không. Nhưng chúng ta có thể thành thật quy củ, đem Tín - Giải - Hành - Chứng mà mình tu chứng thể hiện cho họ thấy. Nếu có duyên, họ sẽ tin tưởng, có thể được độ ngay đời này. Còn nếu không có duyên cũng là cơ hội để họ trồng chút ít thiện căn, vì họ nhìn thấy hình tượng này của chúng ta. Có câu *“Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng”* (Một khi nghe lọt qua tai, mãi mãi là hạt giống đạo). Nhìn là thuộc nhãn căn; nghe thuộc nhĩ căn.

Trong A Lại Da đều đã trồng chủng tử của Phật, đều là trồng thiện căn. Tuy đời này họ đang mê hoặc, vẫn không tin tưởng, nhưng công đức thiện căn này không thể nghĩ bàn. Vì sao? Trong kinh nói, thiện căn này gọi là chủng tử kim cương, vĩnh viễn không hư hoại. Họ tạo nghiệp, thì thọ báo. Họ tạo thiện nghiệp, thì thọ báo trong 3 cõi lành; tạo ác nghiệp, thì thọ báo trong 3 cõi ác.

Lúc nào họ đối với quả báo trong lục đạo, cảm thấy chán ngấy ghét bỏ, thì chủng tử Phật pháp trong A Lại Da của họ sẽ hiện hành, sẽ khởi tác dụng. Chỉ cần chủng tử này khởi tác

dụng, chỉ cần họ nghĩ đến Phật, niệm đến Phật, Phật sẽ hiện tiền. Đức Phật từ bi đến cực điểm, nên đời sau, nhất định nhờ trong A Lại Da rụng xuống chủng tử này, họ sẽ được độ. Quý vị nói công đức này có nhiều không? Pháp thế gian là nói lục đạo. Hết thấy công đức trong lục đạo đều không so sánh được công đức thù thắng này. Vì thế, chúng ta hãy thể hiện một con người học Phật cho mọi người xem, sẽ tích công đức rất lớn.

Người xuất gia không tốt, phá giới, tạo tác đủ loại ác nghiệp. Họ mặc lên bộ pháp phục này, cạo tóc đầu, ra bên ngoài đi một vòng. Quý vị biết, họ có thể để bao nhiêu người trồng chủng tử Phật vào trong A Lại Da thức? Điều này người khác làm không được, nhưng người này đã thật sự tích đức. Nhưng nếu anh ta tạo ác thì sao? Tạo ác đương nhiên có ác báo, điều này khẳng định rồi. Nhân quả của chính mình, thì nhất định phải tự mình gánh vác. Mặc dù họ có đọa trong ác đạo, nhưng khi gặp thiện tri thức họ sẽ hồi đầu rất nhanh.

Hình như trong “*Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*” có một công án, nói về một người xuất gia không giữ thanh quy, tạo sát đạo dâm vọng. Nhưng sư huynh của ông ta tu hành rất nghiêm chỉnh, đương nhiên anh ta không thể hòa hợp với sư huynh, và nghĩ cách hại sư huynh. Có người đem tin này nói với sư huynh anh ta. Sư huynh anh ta liền bỏ trốn trong đêm. Trốn vào trong thâm sơn để tu hành. Ở trong núi không ra và tu hành rất tốt. Người xuất gia tạo ác nghiệp

này, qua vài năm thì chết. Sau khi chết đọa vào đường súc sinh, đầu thai thành một con hổ. Trước đây, một cô gái phát sinh quan hệ với anh ta, và một người đứng giữa giúp họ liên lạc cũng là một cô gái. Hai người này cũng đều đọa lạc. Một người đầu thai làm heo, một người đầu thai làm chó. Và gặp được vị sư huynh trước đây của người đọa làm hổ. Sư huynh này tu rất tốt, và rất có đạo hạnh. Có một hôm nhìn thấy lão hổ muốn ăn con heo và con chó này. Sư huynh biết, vừa nhìn đã rõ ràng, lập tức ngăn ngừa, gọi tên của nó. Anh vẫn còn tạo ác sao, đời trước anh hại người, đời này sao lại còn muốn giết họ? Khi con hổ này vừa nghe, nó thật sự đã giật mình tỉnh lại, ngoan ngoãn không nhúc nhích. Sư huynh của nó nói với nó, anh tự tạo nghiệp phải thọ quả báo. Anh phải lo tu hành, niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Lão hổ nghe lời và từ ngày đó không ăn thịt mà ăn chay. Sau khi ăn chay, hầu như đói gần chết, và nó thật đã vãng sinh. Còn con heo và con chó này cũng có linh tính, cũng biết hối hận ăn năn, nên ở trong chùa theo đại chúng tu hành.

Chúng ta biết thiện căn này không phải chỉ trong một đời, mà phải nhiều kiếp trong quá khứ tu hành mới có được thiện căn thâm hậu như thế. Đọa vào thai súc sinh, được người chỉ điểm nó liền giác ngộ, lập tức hồi đầu, nên nói thiện ác nhân quả có báo ứng. Thiện căn thật sự thâm hậu sẽ gặp được thiện tri thức. Chư Phật, Bồ tát thị hiện thường đến chỉ điểm ta.

Chúng ta từ một vài cảm ứng qua sự tích này, cảm ứng này là thật không phải do người bịa đặt, cũng không phải tùy tiện viết ra, thật có việc này. Mới biết rằng trong đạo Phật, tích tụ công đức tu tập là chân thật không hư. Nếu ta có tiền hậu nhãn, có thể nhìn thấy 3 đời: quá khứ - hiện tại - vị lai, thì tâm ta sẽ bình yên. Và chúng ta cũng biết phải dụng công như thế nào. Thật giác ngộ, thật sự hồi đầu, nên nhất định quyết tâm. Trong đời này, tôi nhất định thành tựu. Thật sự có tín nguyện kiên định, thì Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Chư Phật Như Lai cũng gia trì chúng ta. Nguyện này nhất định có thể viên mãn, nhất định không phải là nguyện không. Vì thế, tu chứng rất quan trọng, cần phải có sự tu chứng rõ ràng, để mọi người thấy, để người khác thấy. Trái lại, nếu tu tập không tốt, thì tạo tội nghiệp rất nặng, vô cùng nặng. Còn nếu tốt, thì công đức vô lượng.

“Siêu tình ly kiến”. Câu này trong *“Hoàn Nguyên Quán”* nói. *“Tùy duyên diệu dụng”*. Tình là gì? Tình là tình chấp. Kiến là sao? Kiến là tà kiến. Chúng ta nói cụ thể hơn một chút, kiến là thành kiến, là kiến giải sai lầm, cũng chính là cách nhìn sai lầm. Phải rời xa điều này, và vượt khỏi tình chấp. Kiến này trong Phật pháp nói có 5 loại kiến hoặc.

Còn tình thì sao? Tình là 5 loại tư hoặc. Tham - sân - si - mạn - nghi. Đây là tình. Đây thuộc về tình chấp. Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Đây là 5 loại kiến. *Siêu tình ly kiến*, tức là đoạn Kiến Tư phiền não. Đoạn

Kiến Tư phiền não là Tiểu thừa A La Hán. Vượt qua A La Hán gọi là Đại thừa. Trong *Hoa Nghiêm* giảng về chữ tình này, chính là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Đây đều thuộc về tình. Kiến là thành kiến của chính mình, cách nhìn của mình hoàn toàn sai. Tại sao? Trong tâm thanh tịnh không có tình kiến. Có tình kiến, thì tâm thanh tịnh không còn. Có tình kiến, thì tâm bình đẳng không còn. Có tình kiến, chính là mê không phải ngộ. *Siêu tình ly kiến* là giác mà không mê. Cách nói này của tôi, khiến quý vị đối với ý nghĩa của *Siêu tình ly kiến* càng rõ ràng hơn.

“*Cưỡng danh vi đại*”. Cưỡng là bắt buộc dĩ, nó không có tên, giống như Lão Tử nói: “*Danh khả danh, phi thường danh*”. Danh là giả thiết, chứ không phải thật, gọi là Đại thừa. “*Dĩ thử vi năng thừa sở thừa, cưỡng danh vi đại*”. Câu này là tổng kết, giải thích Đại thừa. mấy câu cuối cùng là tổng kết: “*Năng thừa giả đại. Sở thừa giả dã đại*”. Năng thừa là giáo huấn của Phật, là kinh Đại thừa. Đây xưng là Đại thừa. Sở thừa là những gì chúng ta tu học, chúng ta y theo kinh điển Đại thừa tu học, nên chúng ta cũng là học Đại thừa.

“*Cố kinh đề trung, dĩ Đại thừa vi dụ, dĩ minh toàn kinh yếu chỉ*” (Cho nên trong đề kinh, lấy Đại thừa làm thí dụ, để làm rõ yếu chỉ của toàn kinh). Nhưng trên thực tế, tự tính vốn đầy đủ tính Bát nhã, chính là ý nghĩa của đề kinh “Đại thừa”. Đại thừa nói đến đây thôi. Bên dưới nói tiếp *Vô Lương Thọ*.

“Vô Lượng Thọ, Phạn ngữ vi A Di Đà. Tức bản kinh sở thuyết, Cực Lạc thế giới giáo chủ chí thánh hiệu” (Vô Lượng Thọ, tiếng Phạn là A Di Đà, tức Thánh hiệu của giáo chủ thế giới Cực Lạc đã thuyết kinh này), nên Phật A Di Đà cũng được xưng là Vô Lượng Thọ Phật, thánh hiệu của giáo chủ. *“A Di Đà tam tự thị mật ngữ”* (3 từ A Di Đà là mật ngữ). Âm này là Phạn âm, Phạn ngữ. Ngữ văn cổ Ấn Độ, *“hàm vô biên mật nghĩa”* (hàm chứa rất nhiều mật nghĩa). Nó hoàn toàn là Tính đức.

Chúng ta học qua *Hoàn Nguyên Quán*. Mở đầu *Hoàn Nguyên Quán* là giảng về nhất thể. *“Hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”*. Đây là Tính đức viên mãn Thể, Tướng, Dụng. Dùng danh tự như thế nào để có thể bao hàm ý nghĩa này? Chính là A Di Đà. A Di Đà bao hàm tất cả, danh hiệu này có thể dịch. A dịch sang chữ Hán là Vô. Vô trong hữu, vô. Di Đà dịch sang chữ Hán ý nghĩa là Lượng, nên A Di Đà là Vô Lượng.

Chúng ta nói 3 điều trước của *Hoàn Nguyên Quán*. *“Tự tính thanh tịnh viên minh thể vô lượng”*. Từ nhất thể khởi nhị dụng. Nhị dụng là Y báo và Chính báo, cũng là Vô Lượng. Y báo vô lượng, mọi người không có điều gì để nói. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới là Y báo của chúng ta, vô lượng vô biên. Còn Chính báo thì sao? Chính báo là tôi. Tôi cũng là Vô Lượng? Đúng vậy. Chúng ta bây giờ là đời trước của người này? Đời trước tái sinh? Có khi đầu thai ở trên trời,

có khi đầu thai ở nhân gian, có khi đầu thai ở địa ngục. Kỳ thật, trong lục đạo, thì đạo nào mà chưa đi qua? Không chỉ một lần, mà vô lượng! Chính là linh hồn này của chúng ta đi đầu thai. Không những đầu thai ở trên địa cầu này, thế giới Sa bà, mà còn thế giới của tha phương chư Phật, ở đâu mà ta chưa đầu thai qua. Vì thế, Y báo, Chính báo vô lượng.

Trong 3 loại châu biến nói, tinh thần là thọ, tướng, hành, thức, vật chất là nhục thể của chúng ta. Tinh thần hoạt động là ba động (sóng động), vật chất hoạt động cũng là ba động. Sóng này mới là một động.

3 loại châu biến, cái thứ nhất gọi là châu biến pháp giới. Có phải là vô lượng chẳng? Vừa mới động tức là châu biến pháp giới, sinh ra vô tận. Sinh ra cái gì? Mười pháp giới Y chính trang nghiêm, đều là từ ba động này sinh ra. Hàm chứa không - hữu. Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới, pháp nhĩ như thị. Pháp ở đây chính là Thể, Tướng, Dụng. Nó vốn là như vậy, dùng 3 từ A Di Đà để gọi nó, không quá đáng chút nào. Vừa tốt tức là A Di Đà, là Vô Lượng. Thể, Tướng, Dụng toàn là Vô Lượng.

“Kim nhược dịch phạn văn chi hoa ngữ” (Nay nếu dịch Phạn văn thành Hán văn), A Di Đà là Phạn văn đem nó phiên dịch thành chữ Hán. *“Hiển mật chỉ ư hiển thuyết tắc khả dịch thành vô biên đức hiệu”* (Hiển mật chỉ ở hiển thuyết, thì có thể dịch thành Vô lượng vô biên đức hiệu). Tự tính vô lượng

vô biên. Tự tính khởi tác dụng vô lượng vô biên. Trong tác dụng bất luận là Y báo hay Chính báo, thì 3 loại châu biến của nó, chính là 3 loại hiện tượng vô lượng vô biên. Dùng danh hiệu này vô cùng thích hợp. “*Kim kinh phiên vi Vô Lượng Thọ*”. Thọ mạng chỉ là một loại, một loại trong vô lượng. Nhưng một loại này là quan trọng nhất.

Quý vị thử nghĩ xem, nếu không có thọ mạng, vô lượng vô biên này ai hưởng thụ? Vì thế, trong hết thấy đức hạnh, thọ mạng là đệ nhất đức. Chúng ta có mạng phú quý, có trí tuệ, đức năng. Nhưng nếu ta không có thọ mạng, thì không phải toàn bộ đã hết rồi sao, nên thọ mạng là đệ nhất. Vì thế, trong kinh *Di Đà*, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta ý nghĩa của Vô Lượng, ý nghĩa của A Di Đà. Ngài nói cho chúng ta biết vô lượng thọ, vô lượng quang. Giới thiệu 2 loại này. Ý nghĩa 2 loại này, Thọ là thời gian, Quang là không gian. Dùng cách nói của chúng ta hiện nay là thời gian và không gian vô lượng vô biên.

Trong thời gian và không gian nó bao hàm hết thấy đều ở trong đó. Dùng ý nghĩa này để giải thích ý nghĩa A Di Đà. “*Thị thủ kỳ trung thủ yếu chi nghĩa. Kinh trung vô lượng quang, vô biên quang đẳng thập nhị thánh hiệu, đồng vi A Di Đà chi đức hiệu*” (Lấy nghĩa đứng đầu chủ yếu. Trong kinh nêu đến 12 Thánh hiệu như Vô Lượng Quang, Vô Biên Quang, đồng là đức hiệu của Phật A Di Đà). Trong kinh văn, đức Phật giảng 12 loại quang, toàn là hình dung A Di Đà, tán thán A Di Đà.

Hán dịch là tập hợp 5 loại sách. *“Hán dịch bản tắc phiên vi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Vô lượng giác, vô lượng thanh tịnh bình đẳng, giác”* (Bản Hán dịch thì dịch là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Vô lượng giác, vô lượng thanh tịnh, bình đẳng, giác). Giác và Phật cùng một ý nghĩa, nên dịch thành Vô Lượng Giác, ý nghĩa cũng là Vô Lượng Phật.

“Dĩ thượng đa chủng thánh hiệu, hàm viết vô lượng” (Nhiều Thánh hiệu nêu trên đều nói là Vô Lượng).

“Thật tắc Phật chi công đức, trí tuệ, thần thông, đạo lực, y chính trang nghiêm thuyết pháp hóa độ nhất nhất vô lượng” (Thật sự, công đức trí tuệ, thần thông, đạo lực, Y chính trang nghiêm thuyết pháp hóa độ của Phật mỗi mỗi đều vô lượng). Có thể nói Phật A Di Đà là tổng danh hiệu của hết thầy chư Phật. Quý vị nói vị Phật nào không gọi là A Di Đà Phật! Chỉ cần thành Phật tức là A Di Đà. Trung Phong Thiền Sư nói rất hay: *“Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tức thị ngã tâm”* (Tâm ta tức là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật tức là tâm ta). Câu này quá tuyệt!

Vô lượng vô biên pháp giới. Trong pháp giới vô lượng vô biên chư Phật, cho đến chư Phật quốc độ, từ đâu đến? Đều từ tự tính biến hiện ra. Hay nói cách khác là tướng phần của tự tính, hiện tướng tự tính. Khi khai ngộ, Ngài Huệ Năng nói với chúng ta, khi không hiện tướng đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ. Đầy đủ trí tuệ, đức tướng.

Trong kinh *Hoa Nghiêm*, đức Phật dạy hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, trong tự tính chúng ta vốn có. Khi không hiện là Thường Tịch Quang. Trong Thường Tịch Quang không có bất cứ hiện tượng nào. Hiện tượng vật chất, hiện tượng tinh thần, hiện tượng tự nhiên hết thấy đều không có. Nhưng ta không thể nói nó là không.

Trong đó, nó có trí tuệ, đức tướng viên mãn. Lúc nó có duyên, duyên này chính là Nhất niệm bất giác. Từ tự tính biến hiện thành A Lại Da. A Lại Da xuất hiện tam tế tướng. Tam tế tướng này, ngày nay giới khoa học nói là năng lượng, tin tức, vật chất. Tam tế tướng này triển khai là hoành quan vũ trụ (vĩ mô). Hiện nay, giới khoa học nói là lượng tử lực học. Trong 2 loại này, hết thấy vạn sự vạn vật đều bao hàm trong đó. Chúng ta không có cách nào vượt qua 2 phạm vi này. Hoành quan là đại vũ trụ, vi quan (vi mô) là tiểu vũ trụ, đại tiểu bất nhị.

Dưới đây nói: *“Cái dĩ Thế Tôn diệu đức vô lượng, cố đức hiệu diệc vô lượng. Nhất nhất danh trung sở hàm chi đức diệc vô lượng, thị dĩ trì danh sở chiêu chi đức vô hữu lượng”* (Bởi vì, Thế Tôn diệu đức vô lượng, nên đức hiệu cũng vô lượng. Trong mỗi một tên, bao hàm đức cũng vô lượng. Vì thế, trì danh là gọi lên cái đức không có lường được).

Đây là tiếp nhận được niệm Phật, tiếp rất hay! Chư vị Tổ sư đại đức xưa nay khuyên dạy chúng ta, niệm kinh không

bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật. Điều này đã nói ra rồi. Vì sao? Niệm câu A Di Đà Phật này “gọi lên cái đức không có lường được”. Niệm câu A Di Đà Phật này, chúng ta nên dùng tâm thanh tịnh để niệm, dùng tâm bình đẳng mà niệm, dùng tâm chân thành mà niệm, thì câu A Di Đà Phật này, công đức vô lượng vô biên. Vấn đề gì đều được giải quyết.

Chúng ta ngày nay niệm Phật, nhưng tại sao không giải quyết được vấn đề? Tâm của chúng ta niệm chưa chân thành, trong đó có hoài nghi có tạp niệm, khiến công phu niệm Phật đó bị phá hoại. Người ta niệm Phật có 100% công đức, còn ta niệm Phật chỉ có vài ba phần công đức. Càng chân thành, càng thanh tịnh, càng bình đẳng, thì công đức đó càng lớn, đồng một câu niệm Phật. Vì sao? Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, và chân tâm tương ưng. Một câu danh hiệu này là chân tâm. Chúng ta vọng tâm, trong đó có hoài nghi, có tạp niệm là vọng tâm. Vọng tâm khi niệm câu này, chân tâm cũng biến thành vọng tâm. Quá trình là như vậy. Cảnh tùy tâm chuyển, danh hiệu cũng là cảnh, cũng tùy tâm chuyển. Vì thế, xem chính chúng ta đã dùng tâm như thế nào, hiệu quả thù thắng, không thể nghĩ bàn.

Quý vị đã thật sự hiểu rõ, hôm nay chúng ta gặp được khó khăn như thế nào, gặp ma nạn ra sao? Một câu A Di Đà Phật là giải quyết được. Không chỉ tiêu tai miễn nạn, mà chân tâm niệm Phật cũng cảm động tà ma. Sau khi nghe được, họ

cũng được độ. Tà ma cũng là người, trong quá khứ họ cũng đã từng tu hành, cũng đã từng niệm Phật. Do phiền não tập khí nặng mà biến thành tà ma. Chỉ cần có người chỉ điểm họ, nhất niệm hồi đầu, họ chính là thiện tri thức. Chuyển tà thành chính, chuyển mê thành ngộ.

Người niệm Phật phải thường xuyên giữ tâm này. Không nên có hy vọng, mà phải có tâm này. Nếu có hy vọng, thì sẽ có thất vọng, và dễ phát sinh phiền não. Không có hy vọng, vĩnh viễn không sinh phiền não. Chỉ xem họ lúc nào chuyển qua lại, chúng ta sẽ rất may mắn, rất hoan hỷ. Nếu chưa chuyển qua lại, quý vị cũng biết là do tập khí nghiệp chướng quá nặng. Lực hóa độ của chúng ta đối với họ còn chưa đủ, nên chưa thể giúp họ chuyển đổi. Từ từ không nên vội. Không nên khởi tâm động niệm, hết thấy thuận theo tự nhiên. Đây gọi là diệu dụng.

Chúng ta xem đoạn tiếp: *“Kim kinh đề trung thủ tiêu vô lượng thọ giả, dĩ thử tam tự thống nhiếp nhất kinh sở thuyết. Cái vô lượng thọ thị pháp thân thường trú chi thể. Thọ thị như như trí chi thể, quang thị như như trí chi tướng. Cổ kinh đề tiêu thọ giả, quang đức tức nhiếp ư trung”* (Nay trong đề kinh nêu đầu là *Vô Lượng Thọ*. Dùng 3 từ này đã thống nhiếp nội dung kinh thuyết. Bởi *Vô Lượng Thọ* là Thể của pháp thân thường trú. Thọ là Thể của Như như trí, Quang là Tướng của Như như trí, cho nên đề kinh nêu chữ Thọ, là nhiếp đức Quang vào trong). *“Thọ là thể của Như như trí”* là

Căn bản trí. “*Quang là Tướng của Như như trí*” là Căn bản trí khởi tác dụng. Khởi tác dụng gọi là Hậu đắc trí.

Trong kinh *Bát Nhã*, đức Phật nói *Bát nhã vô tri*. Vô tri là nói Căn bản trí. Vô tri là gì? Là thanh tịnh, bình đẳng, giác, là tự tính. Khi không khởi tác dụng, nó là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Giác này là sống, nó không phải không có cảm giác, nó không phải chết. Khi nó khởi tác dụng, thì không gì không biết, không gì không thể. Không gì không biết là trí khởi tác dụng. Không gì không thể là đức khởi tác dụng. Bên dưới còn có một cái là tướng khởi tác dụng. Tướng khởi tác dụng là gì?

Trong đề kinh nói “*Trang nghiêm*”. Trang nghiêm là tướng hảo. Tướng hảo, người thế gian như chúng ta hiện nay gọi là gì? Là hạnh phúc, mỹ mãn, viên mãn. Đây là tướng vô lượng thọ. Tướng trang nghiêm thanh tịnh viên mãn này, với danh văn lợi dưỡng mà thế gian thường nói, địa vị cao, của cải lớn với điều này không liên quan. Vậy từ chỗ nào hiện ra hạnh phúc viên mãn? Họ vui vẻ vô cùng. Cũng chính là nói, trong sinh hoạt họ không có đau khổ, ly khổ đắc lạc.

Quý vị xem, ngày nay làm quan lớn, làm tổng thống, làm quốc vương, họ có vui vẻ không? Phát tài lớn, họ có vui không? Không vui, vì họ vẫn còn phiền não, vẫn còn không như ý. Chúng ta đã thấy rõ ràng, minh bạch, mới biết rằng cái gì là hạnh phúc chân thật mỹ mãn. *Luận Ngữ* có một câu

nói hạnh phúc mỹ mãn: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*”. Duyệt ở đây là gì? Là vui sướng từ trong nội tâm phát xuất ra, chứ không phải bên ngoài tác động vào. Đây là thật. Bên ngoài tác động vào, trong Phật pháp gọi là lạc, nhưng lạc của khoái lạc, không gọi là hỷ.

Trong Phật pháp hỷ và lạc là có phân biệt. Hỷ là gì? Là của nội tâm. Trong nội tâm phát sinh ra ngoài, đây là hỷ, gọi là hỷ duyệt, là thật sự vui vẻ. Ngũ dục, lục trần bên ngoài là tác động. Chữ Lạc này trước đây tôi giảng kinh thường áp dụng cho những người nghiện ngập, hút chích để hình dung. Lạc ở đây, hình như chỉ lạc một lúc nào đó, còn sau đó hậu di chứng rất phiền phức. Nó không phải là thật, chỉ là tác động. Hỷ lạc thật sự phải từ nội tâm phát ra. Nhà Phật nói pháp hỷ sung mãn, thường sinh tâm hoan hỷ. Đây là hạnh phúc chân thật, vui vẻ thật sự. Không bị hoàn cảnh bên ngoài ảnh hưởng.

Lúc đức Phật còn tại thế đã biểu diễn cho chúng ta thấy. Ngài thị hiện làm một khổ hạnh tăng. Ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới gốc cây. Hết thấy tài sản là 3 y, 1 bình bát. 3 tấm y và 1 bình bát là tài sản của Ngài, toàn bộ chỉ bao nhiêu đó. Trong cách nhìn chúng ta, thì khổ không nói hết. Ngày tháng như vậy làm sao mà sống? Nhưng Ngài lại vô cùng hạnh phúc vui vẻ.

Điều này từ chỗ nào hiển thị ra? Từ việc giáo hóa của Ngài. Giảng kinh giáo hóa, quý vị thấy Ngài vui vẻ biết bao, tinh

thần tốt biết bao. Học không chán, dạy không mệt. Trong kinh điển, chúng ta chưa từng nghe nói đức Thế Tôn uể oải mệt nhọc, chưa từng thấy qua. Giảng kinh giáo hóa, còn làm tấm gương cho người khác, minh họa cho người khác xem, không bao giờ mệt nhọc ghét bỏ, vô cùng vui vẻ. Như vậy, mới thật sự gọi là hạnh phúc mỹ mãn của nhân sinh.

Trước đây, thầy Phương Đông Mỹ nói với tôi, học Phật là hưởng thụ cao nhất của đời người. Nhìn từ đâu? Nhìn từ đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng ta nhìn thấy hưởng thụ cao nhất. Mọi người nói đây là hưởng thụ trên mặt tinh thần, nhưng trên mặt vật chất thì rất nghèo nàn. Nói như vậy là sai, là hoàn toàn không hiểu rõ vật chất là gì? Cảnh tùy tâm chuyển, đó là đại tự tại. Chúng ta không được là do ta mê. Mê muội tự tính là sao? Là tâm tùy cảnh chuyển, khổ không nói hết. Vì ta bị hoàn cảnh bên ngoài quản lý, thao túng. Còn lạc thọ được chăng?

Con người thật sự có thể chuyển cảnh giới, thì lạc sẽ hiện tiền. Thật chuyển cảnh giới, thì bên ngoài là cảnh giới gì? Bên ngoài là thế giới Cực Lạc. Vì thế, lời của Trung Phong Thiền sư là thật không phải giả: “*Thử phương tức Tịnh độ. Tịnh độ tức thử phương*” (Cõi này là Tịnh độ. Tịnh độ là cõi này). Tại sao? Vì cảnh giới của họ đã theo tâm chuyển. Học Phật không phải là học gì khác, mà chính là học tài năng này. Người mê muội tự tính là đang tạo ác nghiệp. Cuộc sống của họ là thế giới Ta bà cực khổ hiện tại này. Người thật sự học

Phật, người thật sự niệm Phật, cảnh giới vừa chuyển, thì địa cầu hiện nay sẽ ra sao? Là thế giới Cực Lạc. Chúng ta nhìn thấy đông đảo chúng sinh, mỗi người đều là Phật.

Thiện Tài đồng tử 53 lần bái phỏng tham học đều thấy như vậy. Nhìn thấy xã hội này, nam nữ già trẻ các ngành, các nghề, toàn là thiện tri thức thị hiện, giống như đang trên vũ đài biểu diễn vậy, còn mình ở dưới xem kịch. Biểu diễn có chính diện, cũng có phản diện, đều diễn rất tốt. Đem Tính, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả trong vũ trụ, từ sáng đến tối, đầu năm đến cuối năm, không có kết thúc biểu diễn.

Chúng ta sống trên địa cầu này như ở trong nhà hát để xem kịch vậy. Quý vị xem tự tại biết bao nhiêu. Những điều tôi nói đều là thật không phải giả, cho nên phải học, học chư Phật, Bồ tát chuyển cảnh giới. Nhưng không vì cảnh giới chuyển.

“Hựu “Chân Giải” vân, Cực Lạc Tịnh độ tam chủng trang nghiêm” (Lại, Bộ Chân Giải nói: Có 3 loại trang nghiêm Cực lạc Tịnh độ). 3 loại nào? Trong đó có chú giải: “Phật trang nghiêm, Bồ tát trang nghiêm, quốc độ trang nghiêm, hết thảy đều quy về thọ mạng”. Nếu không có thọ mạng, thì 3 loại trang nghiêm này toàn là uổng phí. 3 loại trang nghiêm này, tôi giải thích giản lược, quý vị sẽ hiểu rõ.

Phật là thầy giáo. Phật trang nghiêm, thầy giáo tốt. Tốt đến mức độ nào? Không thể hình dung. Tuyệt đối không

phải ngôn từ có thể nói được, có thể hình dung. Trang nghiêm là thầy giáo tốt. Thứ hai là bạn học tốt. Bồ tát là bạn học. Chúng ta sinh đến thế giới Cực Lạc, mặc dù là cõi Phàm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sinh, chúng ta cũng là Bồ tát, mà không phải là phổ thông Bồ tát. Ta là Bồ tát như thế nào? Trong kinh nói rất rõ ràng, chính Phật A Di Đà tự nói, chúng ta là A Duy Việt Trí Bồ tát.

Ta mang nghiệp đi vãng sinh, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, thậm chí rất nhiều người, chính chúng ta tự thân nhìn thấy, cả đời không học Phật, không biết có Phật pháp, đến khi sắp chết bị bệnh ung thư vô cùng thống khổ. Lúc này, gặp được người có duyên, người niệm Phật, khuyên họ bỏ trị liệu, không cần trị liệu nữa, trị liệu rất cực khổ, giống như sống để chịu khổ vậy, mà nhất tâm niệm Phật cầu sinh thế giới Cực Lạc. Đem chỗ tốt của thế giới Cực Lạc, đơn giản nói cho họ biết. Họ lập tức tin tưởng, và khuyên người nhà của họ buông bỏ tất cả, giúp họ niệm Phật cầu sinh Tịnh độ. Người nhà cũng rất nghe lời, rất phối hợp, cùng nhau giúp anh ta trợ niệm. Niệm vài ba ngày, anh ta vãng sinh, thật sự đã đi.

Người như vậy, khi sinh đến thế giới Cực Lạc ở địa vị nào? Tôi nói với quý vị, anh ta ở cõi Phàm Thánh Đồng Cư hạ phẩm hạ sinh. Khi đến đó vẫn là A Duy Việt Trí Bồ tát. Bản nguyện oai thần của Phật A Di Đà gia trì anh ta. A Duy Việt Trí là viên chứng tam bất thoái. Một số người

như chúng ta mà nói, quả vị bất thoái là A La Hán. Đến A La Hán mới chứng được quả vị bất thoái. Hành bất thoái là Bồ tát. Niệm bất thoái là Pháp thân đại sĩ, chúng ta thường gọi là Phật. Đó chính là Phật. Vì sao? Họ đã chứng được Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. A Duy Việt Trí mới chứng được, trong kinh *Hoa Nghiêm* là Sơ Trụ trở lên, vượt qua thập pháp giới.

Quý vị xem, thế giới Tây Phương Cực Lạc là nhờ oai thần bản nguyện của Phật A Di Đà gia trì. Sinh đến đó, mỗi người đều là A Duy Việt Trí Bồ tát, không có ngoại lệ. Lợi ích tốt như vậy, trong mười phương quốc độ của chư Phật không có. Biến pháp giới hư không giới, chỉ có thế giới Cực Lạc này có, ngoài ra đều không có. Đời này, chúng ta có thể gặp được, ta chịu dễ dàng bỏ qua chăng? Như vậy là sai. Cơ hội này nhất định phải nắm bắt nó, ngàn năm khó gặp. Trong bài kệ khai kinh nói: *“Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”*. Lời này là chân thật không hề hư dối.

Bành Tế Thanh cư sĩ nói với chúng ta, pháp môn Tịnh Độ này, vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp được ngày này. Ta làm sao gặp được? Ta gặp được nhưng lỡ bỏ qua cơ hội, như vậy mới thật là đáng tiếc. Vì sao? Nếu gặp được, đời này ta sẽ có cơ hội thành Phật. A Duy Việt Trí Bồ tát tức là thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chính Đẳng Chính Giác. Nhất định không nên bỏ lỡ qua một lần nữa.

Câu thứ ba, quốc độ trang nghiêm là hoàn cảnh quá tốt. Quý vị xem, thầy giáo giỏi, bạn học tốt, hoàn cảnh tu học tốt, đi đến đâu để tìm? Hong Kong được coi là chỗ có phúc báo, nếu không có phúc báo, chúng ta làm sao có thể ở đây giảng bộ kinh *Vô Lượng Thọ* này? Có thể ở đây giảng *Hoa Nghiêm*, giảng kinh *Vô Lượng Thọ*, là chỗ này phúc báo lớn, rất lớn. Xung quanh chỗ này có thiên tai, nhưng chỗ này không có thiên tai. Chúng ta phải trân quý, phải siêng năng tu học, nhất định không để nó qua vô ích. Đây mới gọi là thật sự minh bạch, thật sự không có lỗi với chính mình, không có lỗi với tổ tông, không có lỗi với Tam bảo.

Bên dưới vẫn là lời trong *Chân Giải*: “*Hựu an lạc quốc độ y chính tam chủng trang nghiêm*” (Lại quốc độ An Lạc 3 loại trang nghiêm Y, Chính). 3 loại trang nghiêm ở trước đã nói Phật, Bồ tát, Quốc độ. “*Nhập nhất pháp cú, vô lượng thọ cố*”. Nhất pháp cú ở đây là gì? Nhất pháp cú chính là *Vô Lượng Thọ*, tức là câu Phật hiệu này.

“*Cố kinh đề trung, tiêu vô lượng thọ đức hiệu, tắc pháp tạng nhân địa nguyện hành dữ quả địa Phật đức*” (Cho nên, trong đề kinh nêu đức hiệu Vô Lượng Thọ, tức Hành, Nguyện thuộc nhân địa của Pháp Tạng và đức hiệu quả địa Phật). Pháp Tạng là Phật A Di Đà, pháp danh trước khi xuất gia thành Phật, gọi là Pháp Tạng Tỳ kheo. Ngài khi chưa thành Phật tu hành phát nguyện, quả thành tựu là thế giới Cực Lạc, quả địa là Phật đức.

“Cực Lạc chi y chính chủ bạn” (Y, Chính, Chủ, Bạn của cõi Cực Lạc). Y là hoàn cảnh, hoàn cảnh quá tốt. Chính báo là bản thân của mỗi người. Chủ là thầy giáo. Bạn là đồng học. Vì vậy, thế giới Cực Lạc không có tổ chức chính trị, không có quốc vương, không có đại thần, không có tổng thống, cũng không có quan viên. Người ở thế giới Cực Lạc rất đơn thuần, chỉ có thầy giáo và học sinh, nên quý vị phải biết, đây là một trường học. Phật A Di Đà chọn chỗ này dạy học. Ngoài việc tu học ra không làm gì khác. Như vậy, thế giới Cực Lạc có tịch mịch quá chăng? Không hề. Rất náo nhiệt.

Phật A Di Đà mỗi ngày vì chúng sinh tuyên thuyết diệu pháp, ta nghe rồi hoan hỷ vô lượng. Hoan hỷ đến đâu? Vui đến quên ăn quên ngủ. Thật vậy, không phải giả. Nơi thế giới Cực Lạc đó không có ăn cơm, cũng không có ngủ, quên thật sự. Quý vị nói vui vẻ biết bao nhiêu. Huống chi, trong kinh nói với chúng ta về sinh hoạt của người ở thế giới Cực Lạc. Mỗi người đều thần thông quảng đại, tùy thời đến thập phương thế giới đi lay Phật, đi nghe pháp. Lay Phật đương nhiên cúng dường. Dùng cái gì để cúng dường? Dùng một ít hương hoa, trân bảo. Từ đâu đến? Từ trên tay biến hiện ra. Trên tay có thể sinh ra vô lượng trân bảo cúng dường. Cúng Phật là tu phúc. Ở bên chỗ Phật đó nghe pháp là tu huệ. Phúc huệ song tu, nên ở thế giới Cực Lạc tu hành thành Phật dễ, rất dễ dàng và rất nhanh. Vì ta ở đó có năng lực tiếp xúc chư Phật Như Lai. Chúng ta có năng lực này, bởi đều là tùy theo ý

niệm của ta. Ta muốn gặp mười phương Phật, lập tức có thể gặp được. Vì sao? Vì ta có thể hóa thân để đi. Thân của mình ở trước Phật A Di Đà như như bất động, đã phân thân đến mười phương thế giới. Trước mặt bất cứ vị Phật nào đều có ta. Chúng ta ở đó tu cúng dường, ở đó nghe pháp, pháp môn gì cũng đều nghe được, không chỉ 84.000 pháp môn.

Chúng ta thật sự muốn học Phật để được đến thế giới Cực Lạc. Nếu ta không đến thế giới Cực Lạc, thì học Phật nghe pháp rất cực khổ, phải dùng thời gian khá lâu! Chúng ta ở trên thế gian này, đời này qua đời khác đầu thai chuyển kiếp. Một lần đầu thai ít nhất phải mất mười mấy hai mươi năm, nhưng còn phải xem nhân duyên. Có khi trong một đời gặp được Phật pháp, nhưng có khi một đời đã bỏ lỡ. Không nghe được Phật pháp nhất định tạo nghiệp. Tạo nghiệp phải thọ quả báo. Quý vị nói có phiền phức không? Hôm nay, gặp được duyên này, mới biết được duyên này thù thắng biết bao.

2 câu ở sau rất quan trọng: *“Toàn bộ kinh chỉ. Nhiếp vô bất tận”* (Ý chỉ toàn bộ kinh. Không gì không thu nhiếp hết). Bộ kinh Đại thừa *Vô Lượng Thọ* này, trong đó những lý luận, những phương pháp, trong mỗi câu danh hiệu đều đầy đủ tất cả. Lại nói với quý vị, không những một câu danh hiệu này đầy đủ toàn bộ Tịnh Độ tông, nó đồng thời đầy đủ toàn bộ hết thầy pháp mà đức Thế Tôn giảng trong suốt 49 năm. Hết thầy không ngoài câu này. Nó còn đầy đủ biến pháp giới hư không giới, và hết thầy pháp chư Phật nói trong quá khứ,

hiện tại, vị lai, viên mãn cụ túc. Người niệm câu A Di Đà Phật này rất đông, nhưng người thật sự hiểu được công đức của câu A Di Đà Phật thì không nhiều.

Chúng tôi ở trên bục giảng, đặc biệt là giảng bộ kinh *Vô Lượng Thọ*. Trong lời tựa của lão cư sĩ Mai Quang Hy, giới thiệu rất rõ ràng. Trong đó có một đoạn nói rằng, chư vị tổ sư đại đức của thời đại Tùy Đường - trong lịch sử gọi là thời đại hoàng kim của Phật giáo. Thời kỳ đó, chư vị Tổ sư, Cao tăng thạc đức rất nhiều. Đại thừa, Tiểu thừa có 10 tông phái, đều kiến lập dưới triều đại Tùy Đường. Hàn Quốc, Nhật Bản, Việt Nam, các vùng lân cận đến Trung Quốc du học. Sau khi trở về, trở thành tổ sư của quốc gia họ. Đó không phải là người bình thường, đã từng nghiên cứu, cũng hiểu kỳ như chúng ta.

Chúng ta tìm hiểu kỹ càng, thì kinh điển mà đức Thế Tôn thuyết trong 49 năm, đã nói rất nhiều, bộ kinh nào quan trọng nhất, có thể tượng trưng cho một đời thuyết pháp của Thế Tôn? Mọi người hầu như đều nhất trí tôn sùng “*Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*”. Vì thế, địa vị kinh *Hoa Nghiêm* trong Phật giáo rất cao, được xưng là vua trong các kinh, là căn bản pháp luận. Hết thấy kinh đều là quyến thuộc của *Hoa Nghiêm*, giống như một cây đại thọ vậy. *Hoa Nghiêm* là thân cây, còn hết thấy các kinh khác là cành lá hoa quả trên cây này. *Hoa Nghiêm* là căn bản. Cuối cùng của *Hoa Nghiêm*, một đời viên mãn thành tựu điều gì? Là Phổ Hiền Bồ tát thập đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Vốn dĩ *Hoa Nghiêm* cứu cánh viên mãn là tại thế giới Tây Phương Cực Lạc. Do đó, mọi người sẽ ý thức được, *Vô Lượng Thọ Kinh* là phiên dịch sớm nhất, bản dịch rất nhiều. Người thời đó đều đã từng thấy qua, đều đọc qua. Vì thế, các vị tổ sư đại đức đều khẳng định, “*Hoa Nghiêm*” cuối cùng quy “*Vô Lượng Thọ*”. “*Vô Lượng Thọ*” biến thành đệ nhất.

Chúng ta nghĩ lại, ngày nay kinh *Vô Lượng Thọ* có 9 bản. Bản của Hạ Liên Cư là tốt nhất, hoàn bị nhất. Tập hợp 5 cuốn và dịch thành, đính chính bản sưu tập của Vương Long Thư, và nhầm lẫn trong bản sưu tập của Ngụy Mặc Thâm, đều sửa lại. Đây là một cuốn sách tốt nhất.

Trong cuốn sách này phân thành 48 phẩm. Trong 48 phẩm này, phẩm nào quan trọng nhất? Đương nhiên là phẩm thứ 6. Phẩm thứ 6 là chính đức Phật A Di Đà giảng. 48 nguyện là chính Ngài tự thuyết. Đức Thế Tôn kể lại cho chúng ta, chứ không phải đức Thế Tôn thuyết. Điều này đương nhiên rất quan trọng. Trong 48 nguyện, nguyện nào quan trọng nhất? Chư vị cổ đức nói là nguyện thứ 18, nên Nhật Bản có phái Bản Nguyện Niệm Phật. Họ chuyên học tập nguyện thứ 18 này. 47 nguyện còn lại họ không học. Họ chỉ cần nguyện thứ 18. Như vậy, có thể thành tựu chăng? Có vấn đề. Tại sao? Mỗi nguyện trong 48 nguyện đều viên mãn bao hàm 47 nguyện khác. 48 nguyện là một nguyện, chúng ta không thể có thiếu sót. Phái này của Nhật Bản lợi dụng điểm tốt, nên không viên mãn.

Nguyện thứ 19 “*Phát Bồ đề tâm*”. Nguyện thứ 18 “*Lâm mạng chung thời thập niệm tất sinh*”. 2 nguyện này rất quan trọng, nguyện 19 và 18 không thể phân, vì kinh văn trong kinh *Vô Lượng Thọ*, rõ ràng mình bạch nói với chúng ta. Quý vị xem, trong kinh này “*Tam bối vãng sinh*”, “*Vãng sinh chính nhân*”. Quý vị xem, đã rõ ràng rồi, bất luận là thượng bối, trung bối, hạ bối, hoặc là tu học các pháp môn khác, khi sắp mạng chung, đem công đức mà mình tu học, hồi hướng cầu sinh Tịnh độ hết thảy đều được.

Pháp môn này không nói là quý vị nhất định phải tu Tịnh Độ, quý vị tu các pháp môn khác không thể vãng sinh. Chỉ cần “*phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*”. “*Nhất hướng chuyên niệm*” này, “*lâm chung thập cú*” cũng là “*Nhất hướng chuyên niệm*”. Đây là các tổ sư đại đức ngày xưa vì chúng ta mà nói, như vậy chúng ta đã hiểu rõ. Biến pháp giới hư không giới, mười phương ba đời hết thảy chư Phật, Bồ tát tu hành, chỉ một câu A Di Đà Phật này. Triển khai câu A Di Đà Phật này, chính là 48 nguyện. Triển khai 48 nguyện chính là toàn bộ kinh *Vô Lượng Thọ*. Và triển khai rộng toàn bộ kinh *Vô Lượng Thọ*, chính là kinh *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm*.

Kinh *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm* là trình bày cặn kẽ tỉ mỉ của kinh *Vô Lượng Thọ*, nên Bành Tế Thanh cư sĩ nói kinh *Vô Lượng Thọ* chính là trung bản *Hoa Nghiêm*; kinh *A Di Đà* chính là tiểu bản *Hoa Nghiêm*. Nói như vậy rất có

lý. Triển khai rộng kinh *Hoa Nghiêm* chính là *Đại Tạng Kinh* mà hiện nay nói. Và tiếp tục triển khai 49 năm thuyết pháp của Thế Tôn, chính là hết thấy kinh điển mà mười phương ba đời hết thấy chư Phật nói. Một câu A Di Đà Phật là tổng cương lĩnh. Khi chư vị tổ sư chưa phân tích như vậy, chúng ta không biết. Phân tích như vậy mới phát hiện được, A Di Đà Phật là bảo trong các thứ bảo, là vô thượng pháp bảo. Là sao? Là tự tính A Di Đà Phật của chính mình.

Học Phật không có gì khác, mà là trở về với tự tính. Chúng ta thật sự đã học hiểu, Đại thừa giáo thường nói “sẽ như thế nào?”. Ý của lời này sâu sắc vô cùng. Biết rồi, nếu thật sự đã biết, thì hiện tại ta đang sống trong A Di Đà. Nói cách khác, hiện tại ta đang sống trong thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc ở đâu? Ở ngay tại đây. Chúng ta đã chuyển cảnh trước mắt thành cảnh Cực Lạc. Tuy ta ở trên địa cầu chưa đi đến thế giới Cực Lạc, nhưng tâm tình giống như đang ở thế giới Cực Lạc vậy. Thật giống nhau sao? Thật giống nhau. Vì sao? Vì ta đã không còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Nói cách khác, lục căn của ta đã ở trong cảnh giới lục trần, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, như vậy ta với thế giới Cực Lạc có gì phân biệt! Tất cả đều giống nhau. Nhưng vừa khởi tâm động niệm là không giống nhau nữa. Vừa phân biệt, chấp trước, thì sai biệt càng lớn.

Chư Phật Như Lai, pháp thân Bồ tát, bất luận ứng hóa ở đâu, họ tuyệt đối không khởi tâm động niệm. Khởi tâm động niệm còn không có, làm gì có phân biệt, chấp trước! Họ ở thế giới nào? Nhất chân pháp giới. Cảnh giới của họ là gì? Cảnh giới của họ là Thường Tịch Quang. Thật sự thâm nhập pháp môn bất nhị. Đây hoàn toàn là sự thật, cũng là những gì Đại thừa nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính. Tổ Huệ Năng của Thiền tông, sau khi khai ngộ, Ngài trú trong cảnh giới này, mà phàm phu chúng ta không biết. Chúng ta có nhìn cũng không nhận ra. Nhưng nếu nhìn tỉ mỉ, cũng có thể nhìn ra một việc là nhìn họ rất tự tại. Ta có thể nhìn thấy họ thanh tịnh, bình đẳng, từ bi.

Chúng ta tỉ mỉ quan sát, hết thấy pháp trong thế gian và xuất thế gian, họ đều không để trong tâm. Tâm họ hoàn toàn thanh tịnh không nhiễm chút trần. Tâm và Thường Tịch Quang tương ưng. Sinh hoạt hành vi với hết thấy chúng sinh hòa quang đồng trần. Chúng ta nhìn không thấy, dấu tích đều không nhìn thấy. Mỉm cười với hết thấy mọi người. Thật sự làm được nhu hòa chất trực. Như vậy là đã nhập vào cảnh giới.

Không nhập vào cảnh giới vì họ có chấp trước, có phân biệt, họ có phiền não tập khí, cũng chính là có tham - sân - si - mạn. *Vô Lượng Thọ*, chúng ta chỉ học đến đây. Ở dưới trang nghiêm có một điều:

“Trang nghiêm giả “Tham Huyền Ký” viết, trang nghiêm hữu nhị nghĩa, nhất thị cụ đức nghĩa, nhị giao sức nghĩa” (Trang nghiêm, theo *Tham Huyền Ký* nói có 2 nghĩa: 1- Cụ đức, 2. Giao sức). Trang nghiêm là mỹ hảo. Mỹ hảo có 2 nghĩa:

Thứ nhất là đức, cụ đức. Trong tự tính vốn đủ đức tướng. Nghĩa thứ hai là giao sức. Giao là giao hổ, sức là trang sức. Đây là dùng ý nghĩa của thế gian để giải thích. Chúng ta có tự hội tốt lành, như người thế gian làm hỷ sự, làm chúc thọ, nhất định có nơi chốn trang nghiêm, bây giờ gọi là lễ đường. Lễ đường cần phải trang hoàng bố trí. Đây là ý nghĩa của “giao sức”. Vì thế, trong kinh *Di Đà* nói: *“Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm”* (Quốc độ của Phật đó thành tựu công đức trang nghiêm như thế). Câu này trong kinh *Di Đà*, hầu như trong mỗi đoạn đều có. Nhìn thấy chỗ dạy học của thế giới Cực Lạc vô cùng trang nghiêm. Trang nghiêm này không phải do con người thiết kế. Người thiết kế không có tốt đẹp như vậy, mà là tự nhiên. Vì sao như vậy? Nó là tự tính biến hiện. Tự tính chính là tốt đẹp như vậy, bất luận biến ra sao, biến có nhiều hơn nữa thì vẫn đẹp đẽ như nhau. Nếu quý vị không tin, giống như ống vạn hoa này, trong này chỉ vài miếng nhỏ màu sắc không giống nhau bỏ vào trong đó. 3 mảnh lưu ly, nếu quý vị xoay chuyển, bất luận chuyển ra sao thì đồ án ở trong đó đều có quy củ, tuyệt đối không lộn lạo.

Ống vạn hoa này cũng có Tính đức, chẳng lẽ tự tính của chúng ta không bằng ống vạn hoa? Tôi nói với quý vị, con

người chúng ta, con người là ai tạo? Tại sao trong đó khí quản lại nhiều như vậy, nó hoàn toàn không sai lạc, mỗi cái đều có công năng của nó. Nó là một bộ cơ khí, không phải nhân tạo, đây là tự tính.

Thân người của chúng ta tự nhiên, khi tạo nó hoàn bị như vậy, mỹ mãn như vậy, một chút khuyết điểm cũng không có. Thế giới Tây Phương Cực Lạc, Y, Chính trang nghiêm, toàn là do tự tính biến ra. Chúng ta không nên hoài nghi, không nên suy nghĩ lung tung, vì chúng ta không thể nghĩ ra. Chúng ta nghĩ là gì? Toàn là vọng niệm. Vọng niệm làm sao có thể nghĩ ra được chân thật? Làm sao biết được chân thật? Buông bỏ vọng niệm, chân thật sẽ hiện tiền. Chân thật không phải không thể biết, có thể biết. Chúng ta tuy biết nhưng cũng nói không được. Việc này chỉ có người chứng mới biết được.

Người xưa có một ví dụ, như người uống nước, nóng lạnh tự biết. Nước này là nóng hay lạnh, nói với quý vị như thế nào đều không rõ, nói không ra. Nhưng uống một hớp thì sẽ rõ. Ta uống một hớp cũng nói không ra. Bây giờ, chúng ta nói nhiệt độ là bao nhiêu, có thể tin tưởng chẳng? Không tin tưởng được. Vì sao? Mỗi người cảm nhận không giống nhau. Có người ăn rất nóng, nhưng anh ta cảm thấy ngon, rất thích hợp với anh ta. Có người cho rằng quá nóng, có người cho là vừa tốt. Mỗi người không giống nhau, không có tiêu chuẩn, nên các vị tông môn đại đức nói câu này rất hay: *Lạnh nóng tự biết, chính ta tự hiểu.*

“Vãng sinh luận xưng Cực Lạc tam chủng trang nghiêm” (*Vãng Sinh Luận* nói Cực Lạc có 3 loại trang nghiêm). Ở trước đã nói qua là Phật, Bồ tát, Quốc độ.

“Tế luận tắc hữu nhị thập cửu chủng trang nghiêm” (*Luận* chi tiết thì có 29 loại trang nghiêm). Có 29 loại này trong nguyên văn *Vãng Sinh Luận*. 29 loại đó chính là 3 loại này triển khai ra, quy nạp lại là 3 loại này, “văn nhiều không dẫn ra”. Xem *Vãng Sinh Luận* sẽ biết. *“Kim bản kinh viết nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”* (Nay bản kinh này nói: Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ). Câu này nói, Phật A Di Đà tại đây tu hành. Ngài xác thực nhất tâm nhất ý. “Nhất hướng” là một phương hướng, một mục tiêu kiến tạo thế giới Cực Lạc, cũng chính là kiến tạo chỗ tu học này. Vì sao kiến tạo? Giúp chúng sinh có duyên sớm ngày thành Phật, sớm ngày thành tựu. Đây là phát vô thượng Bồ đề tâm. Giúp người có duyên trong biến pháp giới hư không giới.

Như thế nào là người có duyên? Có thể tin, có thể hiểu, có thể phát nguyện, có thể hành. Như vậy là có duyên với Phật A Di Đà. Ở trong một đời, thời gian dài ngắn là do mỗi người; Phật A Di Đà nhất định tiếp dẫn họ, nhất định hoan nghinh họ, một người cũng không sót.

Có người sơ học hoài nghi. Trước đây, khi tôi ở Đài Trung học với thầy Lý, có người bạn học hoài nghi. Người trong

mười phương thế giới rất nhiều, Phật A Di Đà có thể nắm bắt hết sao? Lỡ Ngài quên tôi, thì biết làm sao? Quý vị nói Phật A Di Đà có quên không? Bây giờ, chúng ta biết sẽ không quên. Vì sao? Ý niệm chúng ta vừa nhất động, ở đây giống như điện đài vậy, luồng điện phát xạ qua là chúng ta nhận được liền, thì làm sao mà nhầm lẫn được!

Trong *Hoàn Nguyên Quán*, chúng ta nhìn thấy, đó là thật không phải giả. Ý niệm của tâm chúng ta, còn vật chất của chúng ta. Vật chất là cơ thể này của chúng ta. Cơ thể này của ta cũng có dao động. Tế bào của cơ thể này, mỗi tế bào nó đều đang động. Dao động này với ý niệm của chúng ta là nhất trí. Ý niệm của chúng ta nhất tâm chuyên chú thế giới Cực Lạc. Tế bào toàn thân đều chuyên chú, mỗi tế bào, tế bào còn nói rất lớn. Bây giờ, giới khoa học nói gì? Tiểu quang tử chính là lượng tử.

Trong Phật pháp gọi là vi trần. Mỗi hạt vi trần, Bồ tát Di Lặc nói rất rõ ràng: “*Niệm niệm thành hình*”. Hình ở đây là vi trần. “*Hình giai hữu thức*”. Trong mỗi hạt vi trần đều có thọ, tưởng, hành, thức, nên khi những thứ này dao động, thì con người chúng ta cơ khí rất lớn. Một ý niệm của chúng ta dao động, thì khiến hết thấy cùng dao động, đều tập trung hướng đến một mục tiêu, một phương hướng. Sức mạnh này rất lớn, Phật A Di Đà có thể nhận được. Năng lượng của Ngài không thể nghĩ bàn. Năng lượng của Ngài là tự tính viên mãn phát huy. Năng lượng chúng ta có thể nói 99,9%

bị tập khí phiền não làm chướng ngại, nên nó không phát ra được.

Khi chúng ta thật sự có thể khởi tác dụng với chư Phật, Bồ tát, năng lượng này rất ít. Nhưng năng lượng chư Phật rất lớn, nên năng lượng chúng ta lập tức châu biến pháp giới, các Ngài sẽ nhận được. Đây chính là cảm ứng. Chúng sinh có cảm, các Ngài lập tức có ứng. Chúng ta mỗi tiếng nói đều niệm A Di Đà Phật, thì mỗi tiếng nói đều có cảm ứng. Vì thế, *“Nhất niệm tương ưng, nhất niệm Phật. Niệm niệm tương ưng, niệm niệm Phật”*. Vì sao chúng ta không nhận được sự cảm ứng của Phật A Di Đà? Có hồi ứng!

Thân thể của chúng ta là cơ quan phát xạ, cũng là cơ quan tiếp nhận. Chúng ta có tiếp nhận được chăng? Có! Nhưng vì sao không có cảm giác? Vì phiền não tập khí quá nặng. Nếu tâm chúng ta chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Phật A Di Đà cảm ứng, chúng ta sẽ nhận được. Cảm ứng đạo giao không thể nghĩ bàn. Khi nào ta mạng chung, Ngài đều biết, và đến lúc đó Ngài sẽ xuất hiện. Chúng ta sẽ nhìn thấy Ngài đến tiếp dẫn chúng ta. Chứng minh trong kinh nói về Ngài là thật không phải giả. Ngài không gạt chúng ta.

Ngài nói, người niệm Phật trong mười phương, khi sắp mạng chung thật sự nhớ Ngài, cầu nguyện vãng sinh thế giới Cực Lạc, Ngài đều tiếp dẫn. Tiếp dẫn của Ngài là hóa thân. Hóa thân đó vô lượng vô biên, vô tận vô số, nên trong mười

phương thế giới một người cũng không sót. Vi tính, máy tính, nếu so với Phật A Di Đà thì kém xa, không cách nào để so sánh. Bây giờ, mọi người đối với vi tính đều thừa nhận, đều tin tưởng, vậy tại sao không thừa nhận Tính đức của tự tính? Vì thế, không thể hoài nghi. Thật sự hoài nghi, hoài nghi tài năng của Ngài, như đánh cược vậy. Tôi làm như vậy xem có được không? Nếu vãng sinh, tôi có lợi, còn không thể vãng sinh, thì thôi vậy. Thái độ đó, Phật cũng sẽ đến tiếp dẫn, họ cũng được vãng sinh nhưng sinh về biên địa.

Thế giới Cực Lạc cũng có biên địa. Biên địa là gì? Chính là thái độ này đi vãng sinh, họ vẫn được vãng sinh, nhưng họ phải ở biên địa 500 năm. 500 năm là 500 năm của cõi Nhân gian chúng ta. Nhân gian 500 năm, ở thế giới Cực Lạc chỉ mấy ngày. Đây là nói chúng ta và họ có khác biệt về thời gian, nên họ đã bỏ lỡ thời gian như vậy. 500 năm họ không thể thấy Phật, nhưng họ ở trong biên địa có thể nghe được Phật pháp. Cũng rất hạnh phúc, như Dạ Ma Thiên vậy, giống niềm vui của chư thiên, chỉ là không thể đi đến gặp Phật.

Do đây mà biết, hạ hạ phẩm vãng sinh đến thế giới Cực Lạc đều thấy Phật. Nếu chúng ta hiểu đạo lý này, thì cần phải học Phật A Di Đà. Làm sao học Ngài? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Ngay lúc này đây, phải chuyên chú, phải nhất tâm, không nên nghĩ gì khác. Tưởng A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật. Đây chính là thế giới Tây Phương Trang Nghiêm Cực Lạc. Chúng ta dùng danh hiệu Phật A Di Đà,

trong danh hiệu bao hàm trí tuệ công đức vô lượng. Trí tuệ công đức này là thế giới Trang Nghiêm Cực Lạc. Cũng chính là nói thế giới Cực Lạc chủng chủng trang nghiêm, có chúng ta một phần ở trong đó. Điều này rất quan trọng.

Trang nghiêm đạo tràng này, tương lai chính chúng ta đi đến đó. Ở thế gian này, chúng ta phải buông bỏ tất cả, và kết duyên với thế giới đó. Ở thế gian này và trang nghiêm thế gian này, chúng ta chỉ trang nghiêm để người thế gian này thọ dụng, chúng ta không thọ dụng, giống như đức Thế Tôn vậy. Cúng dường đại chúng, chúng ta trang nghiêm thế giới Tây Phương Cực Lạc, thì ở đó chúng ta có thọ dụng.

Chúng ta niệm một tiếng Phật hiệu, giống như dán lên một miếng vàng thiếp ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Còn niệm 2 tiếng, thì dán lên 2 miếng vàng thiếp, giống như dán vàng vậy. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch, quý vị sẽ làm thật sự! *“Trang nghiêm chúng hành”*. Hành là hành vi trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta. Hành vi trong sinh hoạt hằng ngày đều xứng tính. Như thế nào mới không xứng tính? Ta dùng tâm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là không xứng tính. Chúng ta làm việc, đối nhân xử thế, tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày, chỉ cần thật sự có thể làm được không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, là xứng tính!

Có thể làm được không phân biệt, không chấp trước sẽ xứng tính. Không khởi tâm, không động niệm là hoàn toàn

xứng tính, gọi là tính viên mãn. Điều này, chúng ta không dễ dàng làm được, chúng ta có thể làm một nửa. Một nửa này chính là không phân biệt, không chấp trước, khi ở cùng mọi người một nơi, không nên thường nghĩ đến cá nhân. Vì có bản ngã, thì có phân biệt, chấp trước, chúng ta sẽ bị phiền não xoay chuyển. Sống chung với mọi người phải học điều gì? Vô ngã. Tôi với họ là nhất thể. Tôi với chúng sinh là nhất thể. Tôi với cây cỏ hoa lá, sơn hà đại địa là nhất thể. Không có phân biệt, như vậy rất tốt, và lâu ngày sẽ quên bản ngã, đả phá ngã chấp. Ngã chấp phá liền sinh thể giới Tây Phương Cực Lạc, không phải ở cõi Đồng Cư, mà sinh lên cõi Phương Tiện Hữu Dư, đã nâng lên rất cao.

Không khởi tâm, không động niệm, thì sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đến thế giới Cực Lạc là thành Phật, hoàn toàn tương ưng với Phật A Di Đà, nên những việc này nó hiện tiền trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Đối nhân xử thế, tiếp vật đều có thể học tập. Vấn đề là ta phải biết trang nghiêm chúng hành.

“Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành” (Ta đã thành tựu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật). Đây là Phật nói ở trong kinh. Trang nghiêm, có thể trang nghiêm là Bồ đề tâm, thật phát tâm. Chính là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chính giác, tâm từ bi. Khi nào khởi tác dụng? Khởi tác dụng trong sinh hoạt hằng ngày. Mặc áo, ăn cơm khởi tác dụng. Ở nhà làm việc nhà

khởi tác dụng. Quét nhà, lau bàn khởi tác dụng. Trên công việc cũng khởi tác dụng. Đối nhân xử thế, tiếp vật không có cái nào là không khởi tác dụng.

Tâm chân thành không phải hư ngụy. Tâm thanh tịnh không nhiễm ô. Tâm bình đẳng không cống cao ngã mạn. Tâm chính giác không mê hoặc. Tâm từ bi chính là lòng yêu thương, không có tự tư tự lợi. Hết thấy đều dùng hết. Đây là có thể trang nghiêm. Chúng ta dùng tâm niệm này, câu Phật hiệu này, niệm ở đây. Chúng ta thật sự đã trang nghiêm hoàn cảnh trước mắt, cũng trang nghiêm thế giới Tây Phương Cực Lạc. *“Cực Lạc quốc độ như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị”*.

Trong thập phương thế giới, mỗi ngày có bao nhiêu chúng sinh, vãng sinh vào thế giới Cực Lạc? Nhiều lắm. Chúng ta phải buông bỏ hết thấy tham, sân, si, mạn, nghi, nhất tâm chuyên chú mới có hy vọng. Đối với thế giới Tây Phương Cực Lạc, nhất định không hoài nghi, không nên vọng tưởng. Mỗi ngày có bao nhiêu người đi đến thập phương thế giới, Cực Lạc thế giới? Quá nhiều, đếm không hết. Như vậy, thế giới Cực Lạc có phải là quá tải rồi chẳng? Ta cứ tưởng giống như địa cầu của chúng ta vậy. Hiện tại là sáu trăm bảy mươi ngàn ức người, quá nhiều không thể tưởng được. Tương lai, bảy trăm ngàn ức quá ghê gớm phải không? Nếu ta cứ dùng thái độ này để hoài nghi, thì ta không thể đến đó được. Tại sao? Chúng ta nhất định phải hiểu mới có thể đoạn nghi sinh tín.

Thế giới Cực Lạc là cõi Pháp tính, còn thế giới của chúng ta là cõi Pháp tướng. Thế chất không giống nhau. Pháp tướng có hạn, nhưng pháp tính vô hạn. Pháp tướng có lớn nhỏ, pháp tính không có lớn nhỏ. Trong kinh *Hoa Nghiêm* nói rất rõ ràng. Trong kinh này cũng giảng rất rõ ràng. Phải hiểu rõ đạo lý này, mới có thể đoạn trừ được nghi vấn. Nếu không cứ suy nghĩ lung tung, nghĩ rằng thế giới Cực Lạc cũng như chúng ta ở đây, thì khuyết điểm lại đến. Hoàn toàn không giống nhau. Tính đức không thể nghĩ bàn.

“Hựu bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, như thượng sở dẫn, chính hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa. Cái pháp tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ” (Lại cõi Cực Lạc kia, có vô lượng công đức đầy đủ trang nghiêm, như trên đã dẫn chứng, chính là hiển bày cái nghĩa Trang nghiêm trong đề kinh. Bởi vì, Pháp Tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ).



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 78



Giảng ngày 13 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Hạnh Chơn
Biên tập: Bình Minh



Chur vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *“Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”*, trang 83, dòng thứ 6. Chúng ta bắt đầu xem từ đoạn giữa.

“Cực Lạc quốc độ như thị công đức trang nghiêm bất khả tư nghị. Hựu, bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Như thượng sở dẫn, chính hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa” (Cõi Cực Lạc có công đức trang nghiêm không thể nghĩ bàn như thế. Lại cõi Cực Lạc kia, có vô lượng công đức đầy đủ trang nghiêm, như trên đã dẫn chứng, chính là hiển bày cái nghĩa Trang nghiêm trong đề kinh). Chúng ta xem đến chỗ này. Đây là chúng ta tiếp tục học 2 từ "trang nghiêm" trong đề kinh.

Trong kinh *Di Đà*, đức Phật thường nói đến *“Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm”* (Cõi nước Phật kia thành tựu công đức trang nghiêm như thế). Cực lực tán thán thế giới Cực Lạc, công đức tu hành của chư Phật, chư Bồ tát, đây là “năng trang nghiêm”. Còn quả báo Y, Chính của thế giới Cực Lạc là “sở trang nghiêm”. Trong kinh *Đại thừa*, đức Phật thường nói: *“Tướng do tâm sinh, cảnh tùy tâm chuyển, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, thân hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo”*.

Như vậy, thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, Phật thọ vô lượng. Người sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, bất luận là phẩm vị nào, cho dù là cõi Phàm Thánh Đồng Cư hạ

hạ phẩm vãng sinh, thì thọ lượng, tướng hảo, trang nghiêm của họ với Phật A Di Đà không có gì sai biệt.

Từ chỗ này hiển thị công đức giáo hóa của Phật và công đức tu học của chư Bồ tát, thù thắng biết bao nhiêu! Vì thế, trong quả báo chúng ta nhìn thấy công đức tu hành, nhân quả bất nhị. Từ nhân thấy quả, từ quả thấy nhân, chúng ta sẽ hiểu rõ, “năng trang nghiêm” là tu công đức, công đức tu hành. Chúng ta quy nạp lại nói, vô lượng công đức đều không ngoài Bồ đề tâm. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, đều đạt đến cứu cánh viên mãn.

Người vãng sinh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư, chúng ta biết phiền não của họ chưa đoạn. Cõi Phương Tiện đã đoạn Kiến Tư phiền não, nên công phu của họ, chí ít cũng tu đến Tiểu thừa Tu Đà Hoàn, Bồ tát Sơ tín vị của Đại thừa. Họ vãng sinh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cõi Phương Tiện Hữu Dư cũng có tam bối cửu phẩm. Như vậy, chúng ta có thể thấu triệt, Tiểu thừa tứ quả tứ hướng. Tứ hướng thì Sơ quả hướng chẳng bàn đến, quả này vẫn ở trong cõi Đồng Cư. Sơ quả trở lên đến A La Hán là 7 giai cấp, phân phối trong 9 phẩm. Chúng ta đại khái cũng biết giai cấp vãng sinh này. Lên cao hơn nữa thì phân biệt cũng đoạn, phân biệt là Trần Sa vô minh. Chấp trước là Kiến Tư vô minh. Vô minh chính là phiền não, còn phải phá nhất phẩm vô thủy vô minh. Không khởi tâm, không động niệm, mới có thể sinh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Nhưng thế giới Cực Lạc vô cùng thù thắng. Oai thần đại nguyện của Phật A Di Đà, gia trì cho những người đời nghiệp vãng sinh. Tuy phẩm vị không cao, nhưng có trí tuệ - đạo lực - đức năng - phúc báo. Đức Phật thường giảng “trí tuệ, đức tướng” đều đồng với A Duy Việt Trí Bồ tát. Điểm này, thật không thể nghĩ bàn! Vì sao? Vì ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà có thể gia trì. Chư Phật Như Lai của thế giới tha phương tại sao không thể gia trì những chúng sinh đời nghiệp này? Người học Phật chúng ta đều hiểu, Phật Phật đạo đồng. Vì sao Phật A Di Đà thù thắng?

Phật Phật đạo đồng là không sai, trí tuệ cũng đồng, đức tướng cũng đồng, tướng hảo cũng đồng. Họ có bất đồng, nhưng bất đồng điều gì? Ở chỗ phát nguyện bất đồng. Phật A Di Đà phát ra hoằng nguyện xác thực là rất thù thắng. Khi Ngài chứng đắc quả vị cứu cánh, những nguyện mà Ngài phát hết thấy đều hiện thực, không có nguyện nào là hư nguyện, nên thành tựu vô cùng thù thắng trang nghiêm. Ở thế giới Cực Lạc, Phật A Di Đà chưa từng gián đoạn việc giáo hóa. Bồ tát vãng sinh đến thế giới Cực Lạc, không có gián đoạn học tập, mỗi ngày đều học. Ngạn ngữ có câu: “*Sống đến già, học đến già học không hết*”. Chư Phật, Bồ tát ở thế giới Cực lạc.

Đây là 3 loại trang nghiêm mà *Vãng Sinh Luận* nói: Phật trang nghiêm, Bồ tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm. Giáo hóa của Phật không có trung đoạn, không có kết thúc. Học tập của Bồ tát không có gián đoạn cũng không có kết

thức. Quốc độ thù thắng trang nghiêm, quả báo bất khả tư nghị! Những thứ cần học, có thể học hết được chẳng. Xưng tính, Tính đức là viên mãn. Khi chứng đắc là viên mãn. A Duy Việt Trí Bồ tát, thông thường mà nói thì đã chứng đắc viên mãn. Họ đã buông bỏ khởi tâm động niệm, thật sự đã nhập vào cảnh giới bình đẳng tính. Bình đẳng chính là Phật.

Khởi tâm động niệm không còn, đương nhiên cũng không có phân biệt, chấp trước. Ở trong cảnh giới này, lên lớp mỗi ngày không gián đoạn. Đạo lý này, chúng ta có thể lãnh hội chẳng? Chư vị trong Tông môn nói “biết không”. Nếu thể hội được, chúng ta thử nghĩ xem, đem nhân sự của ta, thì người nói đồng với tâm này, tâm đồng với lý này. Ở thế giới này của chúng ta, lớn tuổi rồi.

Lúc còn trẻ, học rộng hiểu nhiều, tuổi đã lớn, ta còn thể lực rất tốt, còn hoàn cảnh rất tốt, thì ta làm sao để tiêu khiển thời quang? Dùng phương thức nào? Người xưa nói “*đời người sống đến tuổi bảy mươi là xưa nay hiếm*”. Thời cổ đại, 70 là tuổi nghỉ hưu. Sau khi nghỉ hưu thì làm gì? Dạy học. Thời xưa có gia học, đa số là lợi dụng từ đường để mở lớp dạy học, chính là trường tư thục. Người già đến học đường để dạy học, là việc mà họ vui nhất.

Điều này khiến chúng ta có thể từ từ lý giải được, Phật A Di Đà giáo hóa chưa từng gián đoạn. Vì học sinh mới, mỗi ngày không biết bao nhiêu, có bao nhiêu người đến. Học

sinh mới này, tuy là A Duy Việt Trí Bồ tát, nhưng được oai thần của Di Đà gia trì, nên họ vẫn còn học tập.

Vì sao? Vì phiền não tập khí của họ chưa đoạn hết, chỉ là trí tuệ thần thông đạo lực của họ, hình như gần giống với Phật, nên Phật gia trì. Khi nào tự mình thật sự đạt được công phu này, mới không cần Phật gia trì. Lúc này, ta thật sự chứng được pháp thân. Cũng chính là nói ta thật sự đoạn tận vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Không còn nương vào sự gia trì của Phật, tự mình đã thật sự đoạn tận. Điều này, phải cần một thời gian mới đoạn tận, như các vị đại Bồ tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quan Âm, Thế Chí ở thế giới Cực Lạc khẳng định là giúp Phật A Di Đà. Giúp đỡ cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư. Vì Bồ tát của 2 cõi này chưa kiến tính.

Có thầy giáo tốt, Phật là thầy giáo, các vị Pháp thân Bồ tát, Đẳng giác Bồ tát đảm nhiệm việc trợ giảng, giúp Phật A Di Đà, giúp các vị Bồ tát mới vãng sinh. Quý vị xem, công đức này thù thắng biết bao, hình ảnh này thù thắng biết bao! Trong thập phương thế giới tìm không thấy.

Chúng ta muốn học Phật, muốn ở trong Phật pháp thành tựu viên mãn, thì cơ hội này không thể bỏ qua. Bỏ qua cơ hội này quả là đáng tiếc. Đức Phật A Di Đà đã làm tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Người xưa thường nói, học không chán, dạy không mệt. Ở đây, chúng ta thử nghĩ học tập của chúng

ta, một vấn đề học vài lần là đã không muốn học nữa. Cho rằng học như vậy là không tậ, kỳ thật còn kém quá xa. Vì sao? Bởi chúng ta đã hiểu đạo lý này, bất cứ một sự việc nào, bất cứ cuốn sách nào, không nhất định là kinh Phật, một số người chỉ học vài lần là đã hiểu. Ở trong pháp Đại thừa nói, không có. Vì sao? Học đã hiểu là minh tâm kiến tính. Minh tâm kiến tính mới được coi là học hiểu. *“Nhất kinh thông, nhất thiết kinh thông”* (Thông một kinh, thông hết thủy kinh). Bất luận sách giáo khoa nào đều có thể kiến tính, nếu không làm sao có thể nói, các pháp bình đẳng không có cao thấp?

Các pháp này chưa hề giải thích đây là Phật pháp. Chưa giải thích là Phật pháp, thì các pháp này chính là hết thủy pháp. Vì sao có thể kiến tính? Nó từ tự tính hiện ra. Tại sao không thể trở về tự tính? Trở về tự tính là kiến tính, cho nên pháp không thể nghĩ bàn. Phật không thể nghĩ bàn, pháp không thể nghĩ bàn. Học tập Phật pháp được xưng là Tăng. Tăng là người xuất gia, học tập Lục Hòa Kính, được xưng là Tăng. 4 người trở lên ở một chỗ, gọi là tăng đoàn. Tăng đoàn của Lục Hòa Kính cũng không thể nghĩ bàn. Chuyển phàm thành thánh, như vậy thật quá tuyệt! Hiểu rõ đạo lý này, thì có gì mà không thông?

Các cửa đều thông đạo vô thượng. Đạo vô thượng chính là minh tâm kiến tính. Cửa cửa đều thông, không có thể pháp, xuất thế pháp. Thế pháp và xuất thế pháp là đối với ai mà

nói? Đối với lục đạo phàm phu mà nói. Vì sao họ có thể pháp, xuất thế pháp? Là do vọng niệm của họ tạo thành. Nếu họ giác ngộ, thì thế pháp, xuất thế pháp sẽ không còn. Về không gian, thập phương không còn. Về thời gian, tam thế không còn. Đây mới thật sự gọi là Nhất chân pháp giới. Quý vị nói pháp nào không bình đẳng? Pháp pháp đều bình đẳng, nên chúng ta nói thanh tịnh, bình đẳng, giác. Bình đẳng là Pháp bảo, thanh tịnh là Tăng bảo, giác là Phật bảo.

Trong danh đề này có tam bảo, có tam học. Tam học là giới, định, tuệ. Thanh tịnh là giới học, bình đẳng là định học, giác là tuệ học. Giới, định, tuệ tam học, danh đề này đã bao hàm hết thấy Phật pháp. Vì thế, bất luận học gì, học đến khi đạt được Tam Muội, đại triệt đại ngộ, thì môn này mới gọi là thông, mới như trong kinh *Bát Nhã* nói “*Bát nhã vô tri. Vô sở bất tri*”. Vô tri là gì? Vô tri là Tam Muội. Trong Tam Muội nó vốn đầy đủ, gọi là Căn bản trí. Từ Tam Muội khởi dụng khởi là Hậu đắc trí. Hậu đắc trí là “vô sở bất tri”, nên pháp là bình đẳng, dù bất cứ pháp nào.

Có thể xem thường “*Đệ Tử Quy*” chăng? “*Đệ tử Quy*” có thể minh tâm kiến tính. Khi kiến tính thì bình đẳng với *Hoa Nghiêm*, không có gì khác, trước sau bất nhị. “*Đệ Tử Quy*” là bài học mở đầu. “*Hoa Nghiêm Kinh*” là bài học cuối cùng. kinh *Đại Phương Quảng Học Hoa Nghiêm* là thực hiện Tính đức viên mãn cuối cùng, trước sau là một, không phải hai.

Nói cách khác, đơn giản như *Đệ Tử Quy* cũng có thể minh tâm kiến tính. Quý vị có thể tin tưởng không? Là thật không phải giả, nên chúng ta phải dùng tâm bình đẳng, thanh tịnh, bình đẳng, giác, để nhìn hết thấy pháp trong thế gian và xuất thế gian. Ta không nên có so sánh, so sánh thì biết khi nào ta mới thâm nhập cảnh giới? Biết đến ngày nào ta mới khai ngộ? Dùng thanh tịnh, bình đẳng, giác, thì pháp nào cũng có thể thành tựu, đều có thể chứng được cứu cánh viên mãn. Ta không thể không biết điều này.

Vì thế, bên dưới Ngài dạy: *“Hựu bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm, như thượng sở dẫn, chính hiển kinh đề trung trang nghiêm chi nghĩa. Cái pháp tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”* (Lại cỡi Cực Lạc kia, có vô lượng công đức đầy đủ trang nghiêm, như trên đã dẫn chứng, chính là hiển bày cái nghĩa Trang nghiêm trong đề kinh. Bởi vì Pháp Tạng nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ). *Trang nghiêm chúng hành, thị kỳ thù thắng nguyện hạnh dã* (Các hạnh trang nghiêm là nguyện hành thù thắng của Ngài).

Điều này, chúng ta cần phải học. Học như thế nào? Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ. Học bằng phương pháp nào? Về lý, trong *Hoàn Nguyên Quán*, Hiền Thủ Quốc sư nói: *“Hiển nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến”*, đây là lý. Rõ về lý rồi, nên phải đem lý này, ứng dụng trong sinh hoạt hằng ngày, thì sinh hoạt đó chính là sinh hoạt của

chư Phật, Bồ tát, không phải Bồ tát thường, mà là Pháp thân Bồ tát.

Khi Pháp thân Bồ tát khởi dụng, đại sư căn cứ kinh *Hoa Nghiêm*, quy nạp có tứ đức. Thực hành tứ đức phải tùy duyên diệu dụng mỗi điều trong tứ đức này. Trong đó, cảnh giới không có biên tế, vô lượng vô biên. Nhưng cái đầu tiên phải biết là tùy duyên diệu dụng. Tùy duyên nói cho dễ hiểu là tùy thuận chúng sinh, là tùy hỷ công đức. Đây là tùy duyên.

Còn diệu dụng là gì? Nó ở trong tùy duyên, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là người như thế nào? Là chư Phật Như Lai, là pháp thân đại sĩ, chứ không phải là người thường, có thể hòa quang đồng trần với hết thảy chúng sinh, lại không bị nhiễm ô. Vĩnh viễn thường trú trong thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Chúng ta dùng câu đơn giản hơn để nói đó là hằng thuận chúng sinh. Nhất định không bị chúng sinh làm ảnh hưởng. Năng lực này quá tuyệt. Chúng ta thử nghĩ xem, chúng ta rất nhiều phiền não, rất nhiều ưu tư. Tại sao? Vì chúng ta bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Đặc biệt là hoàn cảnh nhân sự. Trong cảnh duyên, chỉ một dao động vi tế, tâm chúng ta đã bất an. Đây là phàm phu, tâm tùy cảnh mà chuyển. Chúng ta bị hoàn cảnh xoay chuyển, chúng ta bị hoàn cảnh khống chế. Hoàn cảnh nhân sự khống chế chúng ta, hoàn cảnh vật chất cũng khống chế chúng ta, hoàn cảnh tự nhiên cũng khống chế

chúng ta. Không phải chính là như vậy sao? Khổ không nói hết. Điều này là thật sao? Không, là giả.

Vì sao? Trong kinh điển, đức Phật dạy: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh”*. Nó làm sao ảnh hưởng ta được? Không phải cảnh bên ngoài ảnh hưởng chúng ta, mà do vọng niệm của chúng ta. Vọng niệm phân biệt, chấp trước, ảnh hưởng thanh tịnh, bình đẳng, giác, của chúng ta, chính là đạo lý này. Thực tế nói, thì bên ngoài không ảnh hưởng. Bên ngoài thật sự có thể ảnh hưởng, thì chư Phật, chư Bồ tát đều bị ảnh hưởng mới đúng. Vì sao các Ngài có thể không bị ảnh hưởng.

Chúng ta bị ảnh hưởng không? Sở dĩ, các Ngài không bị ảnh hưởng, vì họ đã hoàn toàn thấu triệt thật tướng các pháp, từ nhất thể, khởi nhị dụng, thị tam biến. Đây chính là thấu đáo triệt để thật tướng các pháp. Thấu triệt rồi thì sao? Thấu triệt thì sẽ buông bỏ. Chúng ta ngày nay đã học Đại thừa giáo, cũng có thể nói ra được. Ở chỗ chúng ta cũng nói qua nhiều lần. Chúng ta đây không phải là chân trí tuệ, chúng ta là nghe nói, nghe chư Phật, Bồ tát nói, chứ không phải cảnh giới của chính mình.

Vì thế, ngộ ở đây là giải ngộ, không phải là chứng ngộ. Chứng ngộ mới có kết quả, sẽ không bị ảnh hưởng. Bây giờ, chúng ta đã biết là giải ngộ, không phải thân chứng, mà sự chứng đắc của chư Phật, Bồ tát. Nói ra để chúng ta nghe và

hình như tôi cũng đã hiểu. Tôi cũng có thể nói ra, nói cũng gần như chư Phật, chư Bồ tát, không nói sai. Nhưng chúng ta vẫn như vậy, vẫn bị ảnh hưởng. Như vậy là sao?

Nếu là trước đây, thì Chương Gia Đại sư sẽ nói, chúng ta chưa buông bỏ. Nếu thực sự đã buông bỏ, thì chúng ta sẽ không bị ảnh hưởng, mà được đại tự tại. Đó mới gọi là chân ngộ. Nếu buông bỏ được gọi là chứng ngộ. Đã biết chưa buông bỏ là giải ngộ; tín, giải, hành, chứng, ta đang giải. Chúng ta phải thông qua hành. Hành là gì? Là trải qua việc luyện tâm. Người nào cũng đều phải tiếp xúc. Nếu ta không tiếp xúc, lỡ có người ở hoàn cảnh đó làm chướng ngại ta, thì ta sẽ không thể khai ngộ. Tiếp xúc để làm gì? Rèn luyện! Trải qua việc luyện tâm. Không có trải qua rèn luyện, chúng ta làm sao có thể chứng quả?

Vì thế, phải hành. Hành là thật sự làm. Thật sự làm chính là thật sự tiếp nhận rèn luyện. Tiếp nhận rèn luyện của người, tiếp nhận rèn luyện của sự việc, tiếp nhận rèn luyện của vạn vật. Giống như Thiện Tài đồng tử 53 lần tham học ở trong kinh *Hoa Nghiêm*, tiếp nhận rèn luyện của 53 vị thiện tri thức.

Chịu không được khảo nghiệm, chịu không được rèn luyện, thì vẫn phải lăn lộn trong luân hồi lục đạo, không biết bao giờ mới ra khỏi được. Dù Phật pháp có thông đạt đến đâu, giảng có lưu loát đến đâu cũng vô dụng.

Trước đây, thầy Lý thường nói với chúng tôi, chúng ta sinh tử như thế nào, vẫn là sinh tử như thế đó. Chính là nói chúng ta cũng phải lăn lộn trong lục đạo luân hồi. Trong lục đạo không có gì khác, báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ, vẫn là làm những chuyện này. Chúng ta chưa buông bỏ. Điều này nói rõ, buông bỏ được mới là công phu chân chính, không còn tính toán. Đối nhân, đối sự, đối vật quyết định sẽ không khởi ý niệm khống chế chiếm hữu. Điều này rất quan trọng. Chúng ta nhất quyết sẽ không đối lập với hết thủy nhân, sự, vật. Vì sao? Biến pháp giới hư không giới với chính mình là nhất thể. Nhất thể thì làm sao đối lập?

Người xưa dùng răng và lưỡi làm ví dụ. Răng và lưỡi có thể đối lập chăng? Răng cắn trúng lưỡi làm lưỡi chảy máu. Lưỡi có cần báo thù không? Nó sẽ không báo thù. Vì sao? Vì nó không đối lập, nó là nhất thể. Hiện nhất thể, khởi nhị dụng. Nhị dụng là Y chính trang nghiêm và duyên khởi của sinh mạng vũ trụ. Nó sinh ra từ đây, và trở về với nhất thể.

Học Phật không có gì khác là để biết trở về với nhất thể. Thực sự đã trở về nhất thể, thì gọi là thành Phật.

Hôm nay, chúng ta tu học Đại thừa, chính là đi trên con đường này. Ta cũng biết, đích thực là chúng ta không có năng lực đoạn trừ phiền não, cũng chính là chúng ta chịu không được khảo nghiệm. Vậy phải làm sao? Tìm Phật A Di Đà. Đây là bất đắc dĩ mới cầu Phật A Di Đà, đến thế giới Cực Lạc tiếp

nhận giáo huấn của Phật A Di Đà. Kỳ thật giáo huấn của A Di Đà Phật, cũng không ra ngoài phạm vi của đức Thế Tôn. Phật Phật đạo đồng, cũng không ra ngoài những phương pháp của Phật Thích Ca. Chẳng qua ưu điểm lớn nhất của thế giới Cực Lạc là mỗi trường tu học. Ở đó, không có người ác.

Không có người ác, nhưng phải làm sao đoạn trừ phiền não tập khí? Ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, mỗi ngày chúng ta có thể tùy thời đến mười phương quốc độ học tập. Quốc độ của chư Phật trong mười phương, có thập pháp giới, có lục đạo. Chúng ta đi đâu để tham học, và đến đâu để tiếp nhận khảo nghiệm? Sẽ có Phật lực của Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Ta mê, thì Phật sẽ khiến chúng ta hồi đầu. Đây là tình hình tu học ở thế giới Tây Phương Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc tu học rất đặc thù. Bản thân ta ở trước Phật A Di Đà, nhưng phân thân ta thì đến tha phương thế giới tham học, đồng thời có thể phân thân vô lượng vô biên. Đương nhiên, năng lực này là Phật A Di Đà gia trì chúng ta. Kỳ thật, đây là bản năng tự tính, có thể đồng thời phân rất nhiều thân. Ở một nơi, ở một thế giới, cũng có thể đồng thời phân vô lượng thân, đồng thời ở vô lượng cõi của chư Phật, không có một chút chướng ngại nào gọi là sự sự vô ngại. Một mặt là học tập, một mặt là giáo hóa chúng sinh.

Giáo hóa chúng sinh bằng cách nào? Chúng ta đang học tập chính là thị hiện cho người khác thấy. Người căn tính lợi, vừa thấy liền hiểu rõ, liền giác ngộ, chính là đạo lý này.

Đây là những gì chúng ta phải học. Học như thế nào nhưng phải nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, chúng ta phải thường ghi nhớ. Tứ đức nhập thể của chư Phật, Bồ tát. “Tùy duyên” cần phải học “diệu dụng”. Diệu dụng là không bị cảnh duyên làm phiền. Phải học “oai nghi hữu tắc”. Oai nghi hữu tắc là giữ quy củ. Như vậy là sao? Đây là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, làm cho chúng sinh thấy.

Trong oai nghi hữu tắc, quan trọng nhất là trì giới, phải làm cho được. Phải thực hành theo “*Đệ Tử Quy*”, thực hành theo “*Cảm Ứng Thiên*”, và phải thực hành theo “*Thập Thiện Nghiệp*”. Đó là oai nghi hữu tắc. Làm như vậy để mọi người xem. Người đã học Phật, nhìn thấy quý vị như vậy, họ sẽ tinh tấn không giải đãi.

Còn người không học Phật, nhìn thấy như vậy, họ sẽ bị cảm động mà phát tâm học Phật. Tự hành trì và hóa độ người khác. Dùng ngôn giáo độ tha được xếp thứ hai, còn thân giáo đứng đầu. Chư Phật Như Lai đều trước dùng thân giáo sau dùng ngôn giáo. Khởi tâm động niệm, ngôn đàm cử chỉ của ta làm họ cảm động. Họ sẽ đến thỉnh giáo chúng ta, và chúng ta giải thích cho họ. Họ phục.

Chúng ta chỉ dùng ngôn giáo mà tự mình không làm được, họ không phục. Điều này, ta không thể không biết. Đối nhân, tiếp vật “nhu hòa chất trực”, điều này phải học. Nhu hòa thì phải học Bồ tát Di Lặc, đối đãi với hết thảy chúng sinh luôn

luôn hoan hỷ vui vẻ, luôn luôn thân thiết như vậy. Vì sao? Bồ tát biết được là một thể. Trong nhu hòa này có oai nghiêm chẳng? Có. Không phải nhu hòa một cách mê muội. Nhu hòa mê muội ta cũng không thể dạy chúng sinh. Dạy chúng sinh như cha mẹ dạy con cái, và trẻ em. Ân cần và oai nghiêm đều quan trọng. Điều này có đạo lý, như vậy mới thật sự nhu hòa chất trực. Nhưng cũng phải tùy thời, tùy người, tùy chỗ và tùy sự việc. Sự việc gì phải dùng phương pháp nào, để giúp đỡ hết thảy chúng sinh, đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ. Khi nào nên dùng phương pháp gì, đó là trí tuệ. Trí tuệ để ở trước mắt, “thay chúng sinh khổ”.

Chúng ta ở trên thế gian này, đã sống đến 100 tuổi, cho dù là một sát na. Một sát na này không thể sống uổng phí trôi qua, mà phải thành tựu trí tuệ, đức tướng cho chính mình. Giúp hết thảy chúng sinh phá mê khai ngộ, tự lợi lợi tha. Chuyển đi này không uổng phí. Xác thực là đề cao chính mình và giúp đỡ người khác, đây chính là công đức. Đối mình, đối người công đức vô lượng, cụ túc trang nghiêm. Đây cũng là Pháp Tạng Tỷ khiêu nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ, trang nghiêm chúng hành. Trong tất cả, chúng ta nói khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, đây gọi là chúng hành. Bất cứ hành vi nào, khởi tâm động niệm đều tương ưng với pháp tính, đều tương ưng với tứ đức.

Tứ đức này chính là *Tùy duyên diệu dụng, Oai nghi hữu tắc, Nhu hòa chất trực, Thay chúng sinh khổ*, đều tương ưng

với những điều này. Nếu nói tỉ mỉ hơn nữa, thì ngôn ngữ tạo tác, khởi tâm động niệm tương ưng với “*Đệ tử quy*”, tương ưng với “*Cảm Ứng Thiên*”, tương ưng với “*Thập Thiện Nghiệp*”. Đây là điều mục. Tứ đức này là tổng cương, tổng cương lĩnh. Tổng cương lĩnh biết, nhưng ta không biết phải làm sao? Phải tỉ mỉ liệt ra từng điều từng điều cho chúng ta. Đây là hạnh nguyện thù thắng. Chư Phật, Bồ tát ứng hóa tại thế gian, và biểu hiện ra tất cả, “*Nhân thực hành, thu hoạch quả*”. Quả chính là chứng.

“*Cố viết, ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ thanh tịnh chi hành, quả cảm lạc sát*” (Cho nên nói, ta đã thành tựu nhân hành thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật, nên được cảm quả cõi An Lạc). Chúng ta thấy câu này của Ngài. Ngã ở đây chính là Phật A Di Đà tự xưng. Ở cõi Cực Lạc, Ngài đã thành tựu hạnh trang nghiêm cõi Phật. Hành trang nghiêm là Năng. Thành tựu trang nghiêm là Sở. Tóm lại mà nói, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, phải tương ưng với thanh tịnh, bình đẳng, giác, thì sẽ xuất hiện thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc là đệ nhất phúc địa. Người xưa nói: Người có phúc ở đất phúc, đất phúc người có phúc ở. Biến pháp giới hư không giới là phúc địa đệ nhất. Đệ nhất phúc cư, địa phương cư trú, nên mười phương chư Phật tán thán.

Bên dưới nói: “*Cố viết, bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm*” (Cho nên nói, cõi Cực Lạc kia, có vô lượng công đức đầy đủ trang nghiêm). Vô lượng công đức là

tập kết đại phúc tuệ hạnh; đầy đủ trang nghiêm là viên mãn quả đức hiện tiền. Ở đây, chúng ta cần phải yên tĩnh tư duy và quan sát kỹ càng. Phúc của chúng sinh từ đâu mà có? Chỗ có Phật là có phúc. Chỗ không có Phật thì không có phúc.

Trong kinh, Phật nói về 4 châu. Trong kinh, Phật giảng Đông, Tây, Nam, Bắc, 4 châu. Địa cầu của chúng ta thuộc Nam Thiệm Bộ Châu. Đông, Tây, Nam Châu có Phật pháp. Bắc Câu Lô Châu không có Phật pháp. Một số kinh nói người ở đó phúc báo lớn, thọ mạng dài, đều sống trên 1.000 tuổi, rất ít đoản mạng, cũng rất ít chết yếu. Tài nguyên vô cùng phong phú, cuộc sống không phải lao碌. Vì thế, cuộc sống của họ rất thoải mái, không muốn tu đạo, nên đây chính là điều đạo Phật nói: *“Phú quý học đạo nan”*. Cuộc sống của họ quá nhàn nhã, không muốn học điều này. Vậy phúc họ hưởng hết rồi thì sao? Phúc hưởng hết thì không còn nữa. Dù phúc có lớn đến đâu, thì cũng đến lúc hưởng hết. Sau khi hưởng hết, phúc đã hưởng hết, thì những nghiệp đã tạo trong quá khứ lại hiện tiền. Họ vẫn luân hồi trong碌 đạo, vẫn tùy nghiệp thọ báo.

Người có phúc báo sinh đến cõi Trời hưởng phúc trời. Trên trời tuy không tạo nghiệp, nhưng phúc trời hưởng hết thì phải làm sao? Trong quá khứ ở nhân gian, trong la sát, trong súc sinh, trong ngạ quỷ tạo không ít ác nghiệp, như vậy thì phải thọ báo. Trong địa ngục chỉ thọ báo không có tạo nghiệp, giống như ở thiên đường. Thiên đường cũng

chỉ có thọ báo, không có tạo nghiệp. Nhưng cõi Trời là phúc báo, thiện báo. Còn địa ngục là ác báo, khổ báo. Phúc hưởng hết, tội cũng thọ hết. Sau khi tội báo trả xong, thì từ địa ngục ra.

Khi giảng pháp, chúng tôi thường cảnh tỉnh mọi người. Lục đạo không phải một người nào đó kiến lập, mà từ ý niệm của chính mình biến hiện ra. Đúng là nhất thiết pháp từ tâm tưởng sinh. Thiện niệm của ta sẽ biến thành thiên đường, còn ác niệm thì biến thành địa ngục. Thiên đường làm tiêu hao phúc báo của ta. Chúng ta có phúc phải mất đi. Địa ngục tiêu tội nghiệp của ta, gọi là tiêu thọ. Tội tiêu hết, thoát địa ngục. Phúc hưởng tận, rời thiên đường. Trong A Lại Da thức vẫn còn tội nghiệp. Tội tiêu hết, trong quá khứ tạo được thiện nghiệp trong A Lại Da, do vì thiện nghiệp không lớn, đến không được thiên đường, nhưng sẽ ở lại nhân gian hưởng thụ.

Nhân gian thiện ác hỗn tạp, thiện ít ác nhiều. Ngày tháng như vậy làm sao mà sống? Nếu gặp được Phật pháp, phúc báo lớn nhất, họ được giải thoát. Trong đời này, họ đã biết nhất định phải duy trì thiện niệm không có ác niệm. Chỉ có thiện niệm, chỉ có thiện hành, không còn tạo ác nghiệp, tâm địa từ từ thanh tịnh, bình đẳng. Xem hết thấy chúng sinh đều là Phật, Bồ tát. Vì sao? Lời Phật nói là thật không phải giả. Hết thấy chúng sinh vốn là Phật, vốn là Bồ tát.

Các bậc cổ thánh tiên hiền nói: *“Nhân tính bản thiện”*. Tự tính của hết thảy mọi người vốn là thiện. Phật nhìn hết thảy chúng sinh, không phải nhìn pháp tướng của họ, mà là nhìn pháp tính của họ. Từ tính mà nhìn thì toàn là Phật, không còn khởi phân biệt, chấp trước. Phàm phu không có năng lực này, mê và chấp tướng, không kiến tính! Kiến tính chính là bình đẳng, chỉ kém một chút. Một chút sai biệt này, nhưng ảnh hưởng quả báo thì rất lớn. Đúng là sai chỉ hào ly, lạc đến ngàn dặm.

Một niệm sai biệt này, đúng là thiên thượng nhân gian không giống nhau, nên chúng ta phải khẳng định, chỗ nào có Phật pháp là chỗ đó có phúc. Chỗ Phật pháp hưng thịnh nhất là thế giới Cực Lạc. Làm sao biết nó thịnh nhất? Thập phương chư Phật đều tán thán. Trong kinh *Di Đà*, chúng ta cũng thấy sáu phương Phật tán thán. Còn trong kinh *Vô Lượng Thọ* nhìn thấy mười phương Phật tán thán. Những lời Phật nói nhất định không phải là vọng ngữ, nhất quyết định không phải là ý ngữ.

Kinh *Kim Cương* nói: *“Chư Phật Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất vọng ngữ giả”* (Chư Phật Như Lai nói lời chân thật, lời không gạt, lời không giả dối). Quý vị tin chăng? Sở dĩ không tin Phật, nên nghiệp chướng rất nặng. Chúng ta tự mình phải hiểu rõ là chúng ta tin Phật. Tin ở đây, cổ nhân nói là *“Lộ thủy đạo tâm”* (Đạo tâm như nước lộ bày). Chịu không được khảo nghiệm, danh văn, lợi

dưỡng, ngũ dục, lục trần hiện tiền. Họ sẽ không tin và đã quên Phật. Đây không phải là thật sự tin.

Thật sự tin từ đâu đến? Chúng ta là người thường, không phải bậc thượng căn lợi trí, là người bình thường. Tín tâm chúng ta kiến lập phải dựa trên kinh giáo. Chỉ có thông qua học tập kinh giáo, từ từ chân tướng của vũ trụ nhân sinh, mà đạo Phật gọi là Tính, Tướng, Lý, Sự, Nhân, Quả, lý giải rõ ràng minh bạch, thì chúng ta sẽ thật tâm buông bỏ. Lúc này gọi là tín tâm chân thật. Vì sao? Chúng ta đã thật sự làm.

Chúng ta thấy *Đại Tạng Kinh* của Phật giáo rất nhiều. Đời này của ta có thể đọc hết chẳng? Tôi tiếp xúc qua rất nhiều người sơ học, bàn đến điều này họ đều lắc đầu, tôi làm không được. Chúng ta làm sao để giúp họ? Giúp họ cần phải có trí tuệ, và còn phải có kinh nghiệm. Chúng ta đã học nhiều năm như vậy, đã hơn nửa thế kỷ, và hiểu “*Một tức hết thấy, hết thấy tức một*”.

Phật giáo nhiều kinh điển như vậy, bất cứ bộ kinh nào cũng được. Tìm một bộ kinh văn tự ít, đơn giản là có thể giúp ta minh tâm kiến tính. Vậy giới thiệu bộ nào đây? Ta phải xem căn cơ, vì căn cơ chúng sinh bất đồng, như một số người bình thường, có thể phổ biến hợp với kế cơ của đại chúng.

Trước đây, tôi ở Đài Trung, học kinh giáo với thầy Lý. Tôi tham gia lớp của thầy. Lớp đó, thầy dạy đến tháng thứ hai rồi.

Thầy đã mở lớp một tháng, tôi đi học vào tháng thứ hai. Lớp này, một tuần thầy lên một tiết. Trên thực tế, tôi chỉ thiếu có 4 tiết học. Mới bắt đầu, thầy dạy kinh gì? Là *“A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh”* kinh điển Tiểu thừa, trong kinh *A Hàm*. Chúng ta nghe tên này, thì sẽ hiểu kinh này rất hợp căn cơ chúng sinh *“A Nan Vấn Sự Phật”*, cũng chính là hỏi chúng ta học Phật có gì tốt không? Là lành hay là dữ?

Cuối cùng, chúng ta học Phật là cát hay là hung? Trong kinh này, Phật dạy chúng ta học Phật như thế nào sẽ được cát lợi, còn học như thế nào, thì bị hung tai. Điều này, nói với người mới học Phật rất hay. Thực sự trong kinh này giảng về 4 sự việc.

Đoạn lớn thứ nhất giải đáp vấn đề này. Đoạn lớn thứ hai là dạy không sát sinh. Đoạn thứ ba là giảng về đạo của thầy trò. Sau cùng là tán tụng của Tôn giả A Nan, cũng chính là chia sẻ học tập tâm đắc của Ngài, dùng kệ tụng để nói ra. Đây là giới thiệu cho những người sơ học, rất tốt. Nhưng từ trước giờ chưa tiếp xúc qua Phật pháp, chúng ta cần giúp họ nhận thức Phật pháp. Điều này rất quan trọng. Sau khi làm quen với Phật giáo, họ sẽ muốn học. Chúng ta có thể giới thiệu họ bắt đầu từ *“A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung Kinh”*. Kiên định tín tâm của họ, giúp họ nhận thức sâu hơn nữa.

Nếu họ thật muốn học, thì giúp họ lựa chọn pháp môn. Ở đây có điều kiện chủ quan, và điều kiện khách quan, đều

cần phải suy nghĩ đến. Sau đó, phải quan sát căn cơ của họ. Nếu người này thật thà, nghe lời, chịu làm, thì người đó thiện căn lớn, nhất định họ sẽ thành công. Gặp được, phải giúp đỡ. Không giúp đỡ sẽ có lỗi với người này. Từ vô lượng kiếp đến nay, lần này đến nhân gian và gặp được rồi, đây gọi là hữu duyên. Có duyên không giúp đỡ là có lỗi, đó là không nên. Nhất định nên giúp đỡ họ. Giúp đỡ mà họ không tiếp nhận, không sao. Chúng ta phải biết chúng tử Phật đã trồng trong A Lại Da thức. Đời sau, chúng tử này khẳng định gặp duyên sẽ khởi tác dụng. Vì thế, Phật độ chúng sinh, tiếp dẫn chúng sinh, giáo hóa chúng sinh là một công việc lâu dài. Không phải nhất thời, mà đời đời kiếp kiếp. Hiện thị đại từ đại bi của chư Phật, Bồ tát. Phật pháp là ở chỗ này, giống như trong đã nói “*Nhật nguyệt thanh minh, tai lợi bất khởi*” (Trời, trăng trong sáng, tai họa không khởi), sẽ không có tai nạn.

Chúng ta hôm nay nói về hóa giải xung đột, từ từ xã hội an định, thế giới hòa bình. Phật pháp Đại thừa thật có hiệu quả! Hồi thập niên 70 của thế kỷ XX, Tiến sĩ Thang Ân Tử người nước Anh nói: “*Phải giải quyết vấn đề của xã hội thế kỷ XXI, chỉ có học thuyết Khổng Mạnh và Phật pháp Đại thừa là hiểu biết đúng đắn và thấu triệt*”. Điều này, không phải người thường có thể nói được.

Bây giờ là thế kỷ XXI, quả nhiên là một cục diện hỗn loạn. Hỗn loạn này và thiên tai của địa cầu, trong lịch sử mấy ngàn

năm trước không hề có, chưa từng có đại nạn. Điều gì có thể giải quyết? Văn hóa truyền thống xưa có thể giải quyết. Phật pháp Đại thừa có thể giải quyết. Cá nhân ta có thể tiếp nhận, có thể thâm tín không thay đổi, có thể thâm nhập kinh tạng y theo giáo pháp mà hành trì. Như vậy, thì vấn đề cá nhân sẽ được giải quyết, cá nhân được lợi. Được lợi gì?

Thứ nhất là thân tâm mạnh khỏe; thứ hai gia đình ấm êm; thứ ba sự nghiệp thuận lợi; thứ tư là chỗ ở thuận hoà. Vì sao? Vì ta có phúc. Chúng ta có phúc thì ở tại chỗ này, người ở chỗ này cũng có phúc. Người có phúc ở đất phúc. Nhờ đó mà xã hội êm ấm, chỗ này không có tai nạn. Chúng ta ảnh hưởng, cũng chính là thật sự có thể giúp thế giới được yên bình. Lợi ích rất nhiều, nói không thể hết!

Đây là nói một cách dễ hiểu, chúng ta lập tức có thể đạt được, như nhà Phật thường nói: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Phật ở trong cửa, có cầu tất ứng). Đây hoàn toàn là sự thật.

Lúc tôi mới học, Chương Gia Đại sư dạy tôi, nếu ta cầu mà không ứng, đó không phải không ứng, là tự mình có nghiệp chướng. Sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng sẽ hiện tiền, cho nên phải khẳng định thế giới Cực Lạc là phúc địa thứ nhất, là phúc cư đệ nhất. Người sinh đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, là người có phúc báo nhất trong biến pháp giới hư không giới. Chúng ta hy vọng chính mình cũng được tham

dự vào hàng ngũ này. Điều này, chúng ta có thể làm được chứ không phải làm không được.

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ hai bên dưới. Đoạn bên dưới này hoàn toàn là kinh văn, mà Hoàng Niệm Lão đã dẫn chứng ra. Hãy xem sự trang nghiêm thù thắng của thế giới Tây Phương Cực Lạc. Trang nghiêm những gì? Chúng ta đọc qua nó một chút, giảng giải để lại ở sau.

“Hựu kinh trung, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị” (Lại trong kinh nói, ánh sáng rực rỡ, nhìn không biết chán). Thị là xem. Phong cảnh ở đó rất đẹp, chúng ta xem không chán. *“Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực”* (Vô lượng chiếu sáng, chiếu đẹp vô cùng). Thế giới Cực Lạc không cần ánh sáng của đèn, mặt trời, mặt trăng.

Vì sao? Trên thân mỗi người đều có ánh sáng. Hết thấy hiện tượng vật chất đều phóng quang, quang minh thế giới. Ánh sáng này nhu hòa không chói mắt, thanh lương, giống như người trên thế gian này hình dung về ánh sáng của mặt trăng. Ánh sáng mặt trăng mọi người đều thích, nó không nóng. Còn ánh sáng của mặt trời quá nóng, nó là hoả cầu. Quang minh của thế giới Tây Phương Cực Lạc là nhiều màu sắc, là thanh lương.

“Bạch châu ma ni dĩ vi giao lạc minh diệu vô tỷ” (Ngọc trắng, ma ni lấy để đan lưới bao phủ sáng đẹp không gì sánh bằng). “Ma ni” là tổng xưng của bảo châu. Đây là nói màu

trắng trong bảo châu. “Giao lạc” là hệ thống, là trang sức, trang sức phổ biến. *“Hoa quả hằng phương, quang minh chiếu diệu”* (Hoa quả thường thơm, tươi sáng rực rỡ). Hoa không tàn, quả sẽ không thay đổi. Nó là thực vật, thực vật trong thế giới này của chúng ta có sinh, trụ, dị, diệt. Thế giới Cực Lạc không có. Tại sao? Sinh, trụ, dị, diệt là biến hóa. Tại sao thế giới này của chúng ta bị biến hoá? Người ở thế gian này có vọng niệm, có phân biệt, có chấp trước, nên động vật là sinh, lão, bệnh, tử; thực vật có sinh, trụ, dị, diệt; khoáng vật có thành, trụ, hoại, không. Điều này, nhà Phật gọi là tứ tướng, 4 loại hiện tướng. Thế giới Cực Lạc không có.

Phàm là người sinh đến thế giới Cực Lạc, mặc dù là đời nghiệp vãng sinh, nhưng do nguyện lực oai thần của Phật A Di Đà gia trì. Ở thế giới Cực Lạc tìm không thấy duyên của vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong A Lại Da tuy có nhân, chính là ta có tập khí này. Không có duyên, tập khí không phát ra được, không khởi tác dụng. Người thế giới Tây Phương Cực Lạc không có sinh, lão, bệnh, tử, nên cây cỏ hoa lá sẽ xanh mãi, trái cây chín hoài, ta có thể hái xuống ăn. Trái cây vĩnh viễn không bị biến hoại. Đây đều là trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

“Tùy phong tán phức, duyên thủy lưu phân” (Theo gió toả hương, men theo nước chảy mùi thơm). Đây là nói hoa giữa không trung. *“Vô lượng quang minh, bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc”* (Vô lượng ánh sáng, trăm ngàn diệu sắc thảy đều

đầy đủ). Thế giới này đẹp vô cùng. *“Kỳ diệu trần dị, châu biến hiệu sức, quang sức hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ”* (Đẹp quý độc lạ, biến khắp trang sức, chiếu sáng rực rỡ hết sức tráng lệ). “Kỳ diệu trần dị” là chúng ta không thể tưởng tượng, nhưng ở thế giới Cực Lạc đến đâu cũng có thể nhìn thấy. “Hiệu sức” là trang sức ngày nay chúng ta gọi là bố trí. *“Hàm hiển bỉ Phật thế giới cụ túc trang nghiêm châu biến kỳ quốc. Thị trang nghiêm nhất từ trung sở hàm giao sức chi nghĩa”* (Đều hiển thị thế giới của Phật kia đầy đủ trang nghiêm biến khắp nước đó. Tất cả trang sức ấy chỉ là một nghĩa trang nghiêm mà thôi). Những câu trên kinh này là trích tại đây, nói rõ ý nghĩa của 2 từ trang nghiêm. Một là giao sức, một là cụ đức. Điều này là hôm nay chúng ta giảng về trang sức, nói rõ ý nghĩa này.

“Chí ư cụ đức giả, tắc như kinh đệ cửu phẩm trung như thật an trú cụ túc trang nghiêm” (Đến như vấn đề đầy đủ đức, thì như trong phẩm thứ 9 nói như thật an trú đầy đủ trang nghiêm). Phẩm thứ 9 là *“Phẩm Viên mãn thành tựu”*. Trong kinh văn có như thật an trú cụ túc trang nghiêm. Những điều này ai bố trí? Ai thiết kế? Nói với quý vị, thế giới Cực Lạc không có người thiết kế, cũng không có ai đi làm những công việc này, hoàn toàn là tự nhiên. Cảnh giới này thật không thể nghĩ bàn. Trong kinh Phật có nói *“Tự tính pháp nhĩ như thị”*. Đây là hiển hiện Tính đức viên mãn, tuyệt đối không phải do người làm.

Thế giới Cực Lạc có. Thế giới của chúng ta có chăng? Chúng ta cũng có, có ở nơi bản thân của chính mình, là thân thể này của chúng ta. Thân thể rất kỳ diệu. Khi cha mẹ sinh ra, quý vị xem bên ngoài thì mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Còn bên trong thì lục phủ, ngũ tạng. Ai thiết kế? Ai chế tạo? Nó ở ngay trước mắt. Vấn đề trước mắt tại sao ta không hoài nghi, lại đi hoài nghi thế giới Cực Lạc? Việc trước mắt này, quý vị thấy đích thực là không thể nghĩ bàn. Chúng ta cũng có thể dùng câu nói của Phật: *“Tự tính pháp nhĩ như thị”*. Không có ai thiết kế cả. Tự nhiên như vậy, thế giới Cực Lạc như vậy, thế giới Cực Lạc không có ai thiết kế. Ở đó, không có nhà thiết kế công trình, cũng không có nhân viên kỹ thuật trang hoàng, không có! Đẹp không thể tưởng. Nhà thiết kế cao minh đến đâu cũng thiết kế không được như vậy.

Những điều kỳ diệu này đến bao giờ chúng ta mới hiểu được. Minh tâm kiến tính sẽ biết, lúc hoát nhiên đại ngộ sẽ biết. Như thế nào mới có thể minh tâm kiến tính? Trong kinh điển giảng rất nhiều, buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ta sẽ thấy chân tướng. Chân tướng của biến pháp giới hư không giới hoàn toàn sáng tỏ. Thấy được thật tướng các pháp là đại triệt đại ngộ, là minh tâm kiến tính.

Chúng ta ở thế gian này, nghiệp chướng sâu nặng. Trong tâm mỗi người đều tự hiểu, ở nơi thế giới này tu hành, muốn đạt đến cảnh giới này là điều không thể. Không có thọ mạng dài như vậy, nên Phật dạy chúng ta đổi địa điểm, nói

theo cách nói bây giờ gọi là di dân. Chúng ta di dân đến thế giới Cực Lạc. Điều kiện mà thế giới Cực Lạc cần là đức hạnh, không cần mang theo tài sản. Những vật cần dùng trong cuộc sống không cần đem theo bất cứ thứ gì. Vì ở đó đã quá viên mãn.

Điều kiện thiết yếu là tín, nguyện, hạnh. Đó là chúng ta tin tưởng, muốn đi và chịu niệm Phật. Chỉ cần một câu Phật hiệu này, chính là tín hiệu liên lạc của chúng ta với thế giới Tây Phương Cực Lạc. Chỉ cần chúng ta niệm không ngừng, thì tín hiệu này sẽ thông, sẽ nhận được. Khi đã nhận được, thì thật sự khi nào muốn đi thì lúc đó đi. Không có hạn chế thời gian, nhưng cần phải tin mới được.

“Cố tri Cực Lạc thế giới như thị trang nghiêm giả, cái do ư như thật nhi an trú (Cho nên biết thế giới Cực Lạc trang nghiêm như thế, là vì do ở như thật mà an trú). “Như thật an trú” này, làm cách nào an trú? Đem chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, an trú trong tam nghiệp thân, khẩu, ý của chúng ta. Đây chính là “Như thật an trú”. Tâm của chúng ta chân thành, ngôn ngữ chúng ta chân thành, hành vi chúng ta chân thành. Tâm chúng ta thanh tịnh, ngôn ngữ, ý niệm chúng ta thanh tịnh. Bình đẳng, chính giác, từ bi cũng như vậy, thì chúng ta đã thật sự an trú. Vì sao phải làm như vậy? Vì người người ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đều như vậy, đều như thật an trú, nên họ cụ túc trang nghiêm.

Như thật an trú là nhân, cụ túc trang nghiêm là quả báo. Vì thế, nguyện thứ 19 “*Phát Bồ đề tâm*” trong 48 nguyện: nguyện thứ 18 “*Nhất hướng chuyên niệm*”, như thật an trú. Chúng ta có thể Nhất hướng chuyên niệm, làm gì có lý không vãng sinh!

Hôm nay, chúng ta niệm Phật, nhưng tại sao không tương ưng? Chính là tâm chúng ta không chân thành. Mặt trái của chân thành là hư ngụy. Mặt trái của thanh tịnh là ô nhiễm. Mặt trái của bình đẳng là ngạo mạn. Mặt trái của từ bi là tự tư. Mặt trái của chính giác là mê hoặc, hồ đồ. Chúng ta dùng tâm như vậy nên nó không tương ưng, niệm Phật làm sao niệm tốt được? Vấn đề là ở đây, nên thế giới Cực Lạc như thật an trú, chúng ta bây giờ cần phải học. Đây chính là tam bối vãng sinh.

Bất luận là thượng, trung, hạ, 3 hạng, hay là nhất tâm tam hạng, đều dạy chúng ta phát Bồ đề tâm, Nhất hướng chuyên niệm. 8 từ này, chúng ta phải làm được. Phát Bồ đề tâm chính là như thật an trú. Đem chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, an trú trong tam nghiệp thân, khẩu, ý của chúng ta. Như vậy là sao? Chúng ta đã thật sự hạ quyết tâm muốn cầu sinh Tịnh độ. Chúng ta không muốn trôi lăn trong lục đạo luân hồi nữa. Lần sau đến thế giới này là vì nguyện lực mà đến, không phải thân nghiệp báo, giống như chư Phật, Bồ tát ứng hóa để đến thế gian này. Khẳng định sẽ đến.

Vì sao? Vì có duyên với người thế giới này. Chúng sinh có cảm nhất định có ứng, không phải tự mình muốn hay không muốn đến. Trong muốn hay không muốn đến đó còn có phân biệt, chấp trước. Khi phân biệt, chấp trước này không còn, chúng sinh ở đây có cảm tự nhiên có ứng.

“Thật giả, chân thật chi tế dã, thị vị cụ đức” (Thật là giới hạn của chân thật, đó là đầy đủ đức). Chúng ta đem điều này để vào trong Bồ đề tâm. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi, là đức. *“Hựu đệ thập ngũ phẩm trung”* (Lại trong phẩm 15). *Phẩm Bồ đề đạo tràng* có 2 câu như vậy: *“Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện. Thử chính hiển sự sự vô ngại pháp giới chi viên minh cụ đức dã”* (Hết thảy trang nghiêm tùy ứng mà hiện. Đây chính là thể hiện đức đầy đủ tròn sáng của pháp giới sự sự vô ngại). Ở trước, trong Thập Huyền, chúng ta đã học qua.

“Sự sự vô ngại”, đây là giảng đến cứu cánh viên mãn. Còn trong các kinh Đại thừa khác giảng đến Lý sự vô ngại. Chỉ có *Hoa Nghiêm* giảng đến Sự sự vô ngại. Ở trong kinh này, cũng có rất nhiều kinh văn, ví dụ Sự sự vô ngại. Trang nghiêm chúng ta học đến đây. Câu ở dưới là thanh tịnh, chính là thanh tịnh, bình đẳng, giác.

“Thanh tịnh giả, thân khẩu ý tam nghiệp, ly nhất thiết ác hành phiền não cấu nhiễm chi vị” (Thanh tịnh là 3 nghiệp thân, khẩu, ý, lìa hết thảy vị ác hành phiền não cấu nhiễm).

Đây là tổng thuyết cái gì gọi thanh tịnh. Thân, tạo tác của thân; ngôn ngữ của miệng; ý niệm của ý. Đây gọi là 3 nghiệp. Ly nhất thiết ác hành, không có hành vi ác. Tiêu chuẩn của ác này là mặt trái với thập thiện thập ác. Như vậy, chúng ta sẽ hiểu, thân là sát đạo dâm; khẩu là vọng nghiệp, ỷ ngữ, ác khẩu, ý niệm là tham, sân, si - không tham, không sân, không si. Như vậy gọi là tu thập thiện. Người tu thập thiện chân chính, chính là Bồ tát.

Còn ác hành là loại phiền não thứ hai. Phiền não thông thường chỉ Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não. Kiến Tư phiền não trong *Hoa Nghiêm*, gọi là chấp trước. Trần Sa phiền não là phân biệt. Do đó, hết thấy pháp trong thế gian, xuất thế gian không còn chấp trước. Không còn chấp trước, tâm chúng ta được thanh tịnh.

Tâm vì sao không thanh tịnh? Vì không là được chấp trước. Tâm vì sao không bình đẳng? Do không là được phân biệt. Chúng ta đều biết buông bỏ chấp trước, tâm thanh tịnh sẽ hiện tiền. Buông bỏ phân biệt, tâm bình đẳng hiện tiền. Chúng ta cần phải ở chỗ này nỗ lực, không nên chấp trước quá đáng. Bất cứ việc gì có thể bỏ qua được, thì rất tốt. Trong sinh hoạt hằng ngày, trong công việc và đối nhân xử thế, tiếp vật.

Đạt đến một tiêu chuẩn, nên người xưa nói lễ tiết. Cái gì là lễ? Có tiết độ, có tiêu chuẩn. Đạt đến tiêu chuẩn này là được,

không nên vượt qua, cũng không nên không đạt được. Như vậy là tốt. Ở chỗ này, công việc, tiếp vật, đối nhân xử thế trong sinh hoạt, phải học tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Cũng chính là nói chúng ta cố gắng buông bỏ phân biệt, chấp trước.

Cái sau cùng là giảng về cầu nhiễm. Cầu nhiễm ở đây gọi là nhiễm ô. Nhiễm ô chỉ điều gì? Phải làm nhọt thất tình lục dục. Thế giới này của chúng ta gọi là uế độ. Thế giới Tây Phương Cực Lạc gọi là Tịnh độ. Tịnh độ chính là không có nhiễm ô. Trong nhiễm ô, quan trọng nhất là tình chấp, rất nặng nề. Tham, sân, si, mạn là nhiễm ô. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần là nhiễm ô. Những thứ này nhiễm ô tự tính, nên nhất định phải lìa bỏ nó.

“Thám huyền Ký vân, tam nghiệp vô quá vân thanh tịnh” (Thám Huyền Ký nói: Tam nghiệp không lỗi gọi là thanh tịnh). Tam nghiệp là thân, khẩu, ý. Bên dưới nói: *“Cái vị thân khẩu ý tam nghiệp giai vô quá thất dã”* (Bởi vì tam nghiệp đều không lỗi lầm). thì đây là Bồ tát. Địa vị thấp nhất là A La Hán. A La Hán đã làm được. *“Hựu thanh Tịnh độ”*, chỉ Tịnh độ. Thân thanh tịnh, chỉ thân Phật. Người thanh tịnh, chỉ Như Lai. Đây là giảng về thanh tịnh. Tiêu chuẩn chính là tam nghiệp không sai lầm. Tam nghiệp không sai lầm là Phật. Thân thanh tịnh là thân Phật.

Phật ở đây, Thiên Thai Đại sư giảng có 6 loại Phật. Lý tức Phật, nghĩa là hết thảy chúng sinh đều có Phật tính. Hết thảy

chúng sinh bản lai là Phật, rất gần với cách nói của người xưa nói: *“Nhân chi sơ, tính bản thiện”*. Tính người vốn thiện, đây là tự tính. Biến thành bất thiện là tập tính, không phải bản tính của chúng ta. Vì thế, Phật, Bồ tát nhìn người, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh. Vì sao? Các Ngài nhìn bản tính của con người chứ không nhìn tập tính. Vì sao? Vì bản tính mới là thật, vĩnh hằng không thay đổi.

Chúng ta hiện tại tuy bất thiện, nhưng bất thiện tương lai sẽ trở thành thiện. Vì sao chúng ta bất thiện? Vì ta mê. Sẽ có ngày ta giác ngộ. Giác ngộ rồi, thì những bất thiện đều buông bỏ hết. Vì thế, thiện là thật, bất thiện là giả. Chúng ta thấy một người, người rất tốt, uống rượu say rồi quậy phá. Chúng ta biết người này rất tốt, nên khi tỉnh rượu là không còn việc gì nữa, hà tất phải tính toán?

Ngày nay, chúng ta thấy người tạo tội nghiệp sâu nặng, cũng không nên để trong tâm, giống như chúng ta thấy người rất tốt vậy. Phật, Bồ tát nhìn hết thấy chúng sinh làm ác này, đều dùng cách này. Vì thế, các Ngài luôn luôn từ bi, không đem những người ác, việc ác, hành vi ác này bỏ trong tâm, tuyệt đối không có. Nếu các Ngài để trong tâm, thì tâm họ sẽ bị nhiễm ô. Chỉ có người mê muội tự tính, mới đem sai lầm của người khác để trong tâm của mình, thật không đáng! Chính mình làm sao? Tâm chính mình là lương thiện, biến thành thùng rác của người khác. Quý vị nói như vậy thông minh chẳng? Lương tâm thiện tâm của

chính mình, lại đem bỏ rác của người khác vào, bỏ nhiễm ô của người khác vào, như vậy là sai.

Chúng ta học Phật, phải học đức Phật nhìn chúng sinh như thế nào. Phật nhãn nhìn hết thấy chúng sinh toàn là Phật, nhìn mọi việc đều việc tốt. Người người đều người tốt, việc việc đều việc lành. Làm ác cũng là việc tốt. Vì sao? Vì tốt xấu, hai nhị biên đều không thể được. Có Pháp thân Bồ tát nào không nhập bất nhị pháp môn? Nhập bất nhị pháp môn, nhị biên đều đã rời, trung đạo cũng không có, tâm thanh tịnh chơn chính hiện tiền. Vì vậy, trên A La Hán thì tam nghiệp đều đã thanh tịnh. Càng hướng lên trên, thì trình độ thanh tịnh càng sâu.

Dưới đây đưa ra “*Vãng Sinh Luận*”: “*Hựu Vãng Sinh Luận* vị, tam chủng trang nghiêm nhập nhất pháp cú, nhất pháp cú giả thanh tịnh cú” (Lại *Vãng Sinh Luận* nói: 3 loại trang nghiêm vào một câu pháp, một câu pháp là câu thanh tịnh). 3 loại trang nghiêm này, ở trước chúng ta đã học qua: Phật trang nghiêm, Bồ tát trang nghiêm, Quốc độ trang nghiêm. “*Thanh tịnh cú vị chân thật trí tuệ vô vi pháp thân*” (Câu thanh tịnh là nói trí tuệ, chân thật vô vi pháp thân). Đây là tự tính đầy đủ trí tuệ, đức tướng. Sau khi khai ngộ, Ngài Huệ Năng có nói: “*Đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ*”. Chính là ý này.

“*Thử dữ kinh đề trung, trang nghiêm thanh tịnh diệu hợp thiên nhiên. Tam chủng trang nghiêm giả, vô lượng trang*

nghiêm dã (Ý này tự nhiên hòa hợp kỳ diệu với nghĩa thanh tịnh trang nghiêm trong đề kinh. 3 loại trang nghiêm là vô lượng trang nghiêm vậy). Mỗi loại đều vô lượng trang nghiêm. “*Kim tề nhập nhất thanh tịnh cú trung*” (Nay đều hòa nhập vào trong một câu thanh tịnh). 3 loại trang nghiêm nhập vào một câu thanh tịnh. “*Thị nhất thiết tức nhất*” (Là hết thấy tức là một) đảo ngược lại: Một là hết thấy. Đây gọi là bất nhị pháp môn.

Thanh tịnh, từ trong ý này mà nói, chính là tự tính vốn đầy đủ trí tuệ, đức tướng. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, Thế Tôn thường nói, hết thấy chúng sinh đều có trí tuệ, đức tướng của Như Lai, không phải từ bên ngoài tu được. Trong tự tính vốn đầy đủ. Khi nào chúng ta buông bỏ hết chướng ngại, nó sẽ hiện tiền.

“*Hựu kinh vân, tâm tịnh tức Phật Tịnh độ, biểu nhất tức nhất thiết. Hoa Nghiêm huyền chỉ, hựu ư thử xứ kiến chi*” (Lại, Kinh nói: Tâm tịnh tức là Tịnh độ của Phật, tiêu biểu một tức hết thấy. Kinh *Hoa Nghiêm* đã ngầm chỉ trước, chỗ kinh này lại thấy nói). Câu này, xưa nay chư vị tổ sư trong khi giảng dạy chú giải dẫn chứng rất nhiều, nên chúng ta đối với câu này rất quen thuộc.

Chúng ta biết, nhưng không làm được. Vì tâm chúng ta không thanh tịnh, nên hoàn cảnh cư trú của chúng ta cũng không thanh tịnh. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh, thì hoàn

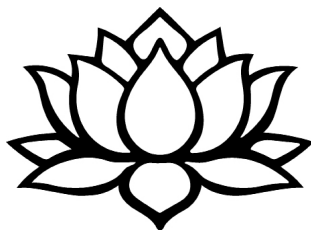
cảnh cư trú của chúng ta hiện nay sẽ thanh tịnh. Ta cần phải có tín tâm, phải khẳng định cảnh tùy tâm chuyển, tướng do tâm sinh. Cũng chính là nói tướng tùy ý niệm của chúng ta mà đang chuyển biến. Hết thấy pháp từ tâm tướng sinh. “Nhất” ở đây chính là tâm. “Nhất thiết” chính là hết thấy pháp. Hết thấy pháp từ đâu đến? Từ tâm tướng sinh. Hết thấy pháp không rời nhất tâm. Nhất tâm hiện hết thấy pháp. Đây là diệu chỉ của *Hoa Nghiêm*. Huyền là huyền diệu.

Chúng ta tu học bất luận tu pháp môn nào, thì đó là phương pháp, là con đường. Tu điều gì? Tu tâm thanh tịnh. Chúng ta sẽ thật sự hiểu chúng ta tu là gì. Tâm thanh tịnh hiện tiền là vô lượng công đức. Tâm người thanh tịnh, thân đương nhiên thanh tịnh. Thân tâm mạnh khỏe, không có bất cứ bệnh gì. Hiện nay, người phương Tây rất coi trọng chữa lành bệnh. Đau bệnh như vậy làm sao trị liệu? Làm sao trị lành nó? Tâm thanh tịnh, thì toàn bộ đều tốt. Bây giờ, họ đã hiểu đạo lý này. Đây là nền khoa học vừa mới hưng khởi. Điều chú ý đến và làm qua rất nhiều lần thực nghiệm, chứng minh ý niệm này có năng lượng rất lớn. Nếu không ngừng tiếp tục làm thực nghiệm, tôi tin tưởng vài ba năm, nhất định sẽ khẳng định, xác định thành lập khoa học mới hưng khởi này.

Ý niệm có thể trị lành tất cả, không những bệnh của thân thể, mà vấn đề trong gia đình, thậm chí nói đến những thiên tai của địa cầu ngày nay. Ý niệm có thể chuyển biến được nó.

Bây giờ, mọi người coi trọng việc cầu đảo, bởi địa cầu thiên tai quá nhiều. Phát động mọi người cùng nhau cầu nguyện, có hiệu quả không? Có hiệu quả. Tôi không hoài nghi chút nào, nhưng đây là trị ngọn, không phải trị gốc. Chỉ vài ngày không cầu nguyện, thì đâu lại vào đấy, nên đây không phải trị gốc.

Trị gốc phải giáo dục. Giáo dục của đức Phật, giáo dục Khổng Mạnh. Giáo dục Khổng Mạnh với giáo dục Phật học Đại thừa, mới có thể giải quyết hết thảy vấn đề. Điều này, ta không thể không biết, không thể không siêng năng học tập.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 79



Giảng ngày 14 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Nhật Chí
Biên tập: Bình Minh



Chu vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời tiếp tục xem “Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải”, trang 84, từ dòng thứ 6, đếm từ dưới lên.

“Hựu Hán dịch xưng A Di Đà Phật vi Vô Lượng Thanh Tịnh Phật” (Lại Hán dịch xưng A Di Đà Phật là Vô Lượng Thanh Tịnh Phật). Trong 5 bản dịch, bản dịch của triều Hán, đề kinh là *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*. Đề mục này khi Hạ Liên Cư hội tập đã áp dụng, nghĩa là nửa sau của đề kinh hiện nay.

Trong kinh, Phật xưng A Di Đà Phật, chính là “*Vô Lượng Thanh Tịnh Phật*”. 4 từ A Di Đà Phật này là tiếng Ấn Độ, tiếng Phạn của Ấn Độ xưa, có thể phiên dịch thành “*Vô Lượng Thanh Tịnh Phật*”. A dịch là VÔ, DI ĐÀ dịch là LƯỢNG, PHẬT dịch là GIÁC. Trong đề kinh chúng ta thấy Thanh tịnh – Bình đẳng – Giác. Dùng một chữ GIÁC này, tức Thanh tịnh, Bình đẳng ở trên, đều bao gồm cả trong đó rồi. Vì thế, chúng ta gọi Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác, cũng chính là hàm nghĩa Phật A Di Đà. Do đó, trong đề mục này, tên của Phật, tên của Bồ tát đều mang ý nghĩa rất thâm sâu. Nó là tượng trưng, tượng trưng cho pháp môn này. Pháp môn cũng giống như các khoa mục ở nhà trường bây giờ vậy. Quý vị nghiên cứu hạng mục nào, thì nó đại diện cho hạng mục đó.

Trong hạng mục này có 3 cấp bậc. Thứ nhất là Thanh tịnh, thứ hai là Bình đẳng, thứ ba là Giác mà không mê. Chỗ này

vẫn đang giảng đề kinh. Trong đề kinh bao hàm rất nhiều ý nghĩa. 3 ý nghĩa này là đại diện cho 3 sự thành tựu của việc tu học. 3 cái đều coi là thành tựu, giống như học vị ở nhà trường hiện nay vậy. Tức là nói đến Tiến sĩ, Thạc sĩ và Cử nhân. Trường học bây giờ đều chia thành như thế.

Trong đạo Phật cũng có học vị, học vị cao nhất là Phật, học vị thứ hai là Bồ tát và học vị thứ ba là A La Hán. Trong đề kinh này, vừa đúng đã hiển thị 3 học vị này. Nếu học Phật đạt được tâm thanh tịnh, vậy quý vị là A La Hán. Học vị thứ nhất quý vị đã đạt được.

Thế nào gọi là thanh tịnh tâm? Kiến Tư phiền não ở trong lòng quý vị buông xả hết, không còn nữa. Nếu lấy tiêu chuẩn trong kinh *Hoa Nghiêm* để nói, thì đối với mọi việc của thế gian không còn chấp trước nữa. Vì sao? Bởi ta đã hiểu rõ hết thủy pháp trong thế gian đều không thật.

Trong kinh *Kim Cương* nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*” (Hết thủy pháp hữu vi như chiêm bao, huyễn ảo, bọt nước, bóng hình). Nó không phải thật. Đến thân của chính mình cũng không phải thật, huống gì là vật ngoài thân.

Vậy tại sao ta không buông xả? Không buông xả là sai. Tâm ta đã bị nhiễm ô. Trong tâm có phiền não, chính là nhiễm ô. Vì thế, tâm thanh tịnh phải thành tựu công phu này, thì thật sự đạt được thanh tịnh. Đây là học vị thứ nhất.

Lên cao hơn nữa, chẳng những chúng ta không còn chấp trước đối với hết thảy pháp mà đến ý niệm phân biệt cũng đều không có. Điều này quả thật rất cao, đây là Bồ tát. Quý vị đã đạt được học vị thứ hai.

Cao lên hơn nữa. Chẳng những không còn phân biệt, mà khởi tâm động niệm cũng đều không có, như như bất động. Đây chính là GIÁC, giác mà không mê. Đây là học vị cao nhất, là Phật. Do đó, Thanh tịnh là A La Hán, Bình đẳng là Bồ tát và Giác là Phật.

Giáo dục của đức Phật dạy điều gì? Mục tiêu cuối cùng chính là khiến ta đạt được điều này. Đây là tự tính. Trong tâm thanh tịnh của tự tính vốn đầy đủ, mọi người đều có. Vì vậy, đức Phật nói hết thảy chúng sinh vốn là Phật. Bởi vì, tính Phật này quý vị đã có sẵn. Đã có, tại sao bây giờ lại không có? Vì mê. Mê trong cảnh giới của hư vọng. Ở trong đó, ta khởi lên tự tư tự lợi, khởi lên ý niệm này, khởi lên thị phi nhân ngã, khởi lên tham, sân, si, mạn. Quý vị đã bị ô nhiễm. Ô nhiễm, thì gọi là phàm phu. Ta vốn là Phật, bây giờ gọi là phàm phu. Phàm phu trong mắt đức Phật, vẫn là một vị Phật. Bởi vì Phật nhìn vào tự tính của quý vị, chứ không nhìn vào tập khí của quý vị.

Trong *Tam Tự Kinh* nói: “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”. Bản thiện là gì? Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là bản thiện. Đó không phải do ta giác ngộ được. Trong bản tính của ta vốn

có, bây giờ mê mất bản tính, nên bản tính không thể khởi tác dụng. Không phải không khởi tác dụng, cũng có khởi tác dụng, nhưng khởi tác dụng lệch lạc. Tác dụng đã lệch lạc, thanh tịnh biến thành phiền não. Trong giáo lý Đại thừa nói biến thành Kiến Tư phiền não, Bình đẳng biến thành Trần Sa phiền não, Giác biến thành Vô Minh phiền não. Hết thảy đều đã biến chất, cho nên giáo lý Đại thừa dạy chúng ta “*Phiền não tức Bồ đề*”. Khi đã giác ngộ, thì 3 loại phiền não sẽ trở về Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác vốn có.

Hiện tại, quý vị đang mê, nên đã biến chất. Biến thành 3 loại phiền não này, chính là ý nghĩa này. Phiền não là giả. Vì sao? Tính của nó có thể thay đổi. Nó sẽ biến đổi. Còn Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác là chân thật vĩnh hằng không thay đổi. Mặc dù, chúng ta bây giờ đang ở trong nhân đạo, trong phàm phu, kể cả trong tương lai, quý vị đọa vào cõi Súc sinh, Ngã quỷ hay đọa vào Địa ngục thì Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác này vẫn còn. Nó không bao giờ thay đổi, chỉ là ta càng mê càng sâu, nên phiền não đã gây ra biết bao khổ đau. Khổ đau như trong giấc mộng, không phải chân thật, thức tỉnh rồi thì không sao cả. Thức tỉnh chính là giác ngộ.

Ở trước, tôi có nói với quý vị, thanh tịnh tâm hiện tiền tức là quý vị đã thức tỉnh. Thức tỉnh, thì lục đạo không còn nữa. Vì lục đạo này vốn không thật, là giả, giống như một giấc mộng mà thôi. Tỉnh ngộ là thuộc thế giới nào? Tỉnh ngộ rồi là pháp giới của Tứ thánh, vượt ra ngoài lục đạo, không

còn lục đạo nữa. Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ tát và Phật, 4 pháp giới này sẽ hiện ra. Nhưng 4 pháp giới này vẫn còn ở trong mộng. Lục đạo là mộng trong các mộng. Điều này, chúng ta không thể không biết. Không còn khởi tâm, động niệm nữa thì mới là chân thật tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ, thì mười pháp giới không còn. Mười pháp giới là giả, không phải thật. Từ đâu có mười pháp giới? Từ vọng niệm sinh khởi vậy. Đạo lý này rất thâm sâu.

Kinh *Hoa Nghiêm* đã nói rõ ràng rồi. Điều này, cũng như những gì thầy Phương Đông Mỹ nói. Triết học tối cao, khoa học tối cao. Khoa học và Triết học đều muốn giải giải quyết vấn đề này. Bây giờ, khoa học đạt tới đỉnh cao, chúng ta rất bội phục. Khoa học và Phật pháp càng ngày càng xích lại gần nhau. Từ từ trong kinh Phật nói trong 3.000 năm trước, bây giờ khoa học đã chứng minh. Tuy đã chứng minh, nhưng với Phật pháp vẫn còn cách một bậc. Đạo lý này trong kinh Phật nói rất rõ ràng.

Giới khoa học và các nhà triết học trên thế gian, họ sử dụng tâm như thế nào? Họ dùng tâm phân biệt, tâm chấp trước để nghiên cứu. Chấp trước là Mạt Na thức. Phân biệt là Đệ lục Ý thức. Trong 8 thức, công năng của 2 thức này rất lớn, phạm vi hoạt động của nó vô cùng rộng. Trong kinh đã nói cho chúng ta biết, Ý thức đối với bên ngoài có thể duyên đến hư không pháp giới.

Ngày nay, chúng ta gọi là thế giới Vĩ mô, đối bên trong có thể duyên đến A Lại Da. Đó là Lượng tử lực học, thế giới Vi mô. Hiện giờ, khoa học đang đi trên 2 loại cực đoan này. 2 cực đoan này, trong kinh Phật đã nói rõ hơn so với các nhà khoa học. Giới khoa học đã duyên đến A Lại Da, rất lợi hại, chúng ta không thể không khâm phục.

Họ cho chúng ta biết, trong vũ trụ chỉ có 3 loại, ngoài 3 loại này ra, cái gì cũng không có. Ba loại đó là gì? Vật chất, Năng lượng và Thông tin. Ba loại này là 3 tướng nhỏ nhiệm của A Lại Da. Nghiệp tướng của A Lại Da chính là Năng lượng mà khoa học gia đề cập đến. Chuyển tướng của A Lại Da chính là Thông tin mà họ đã nói và Cảnh giới tướng của A Lại Da chính là Vật chất mà họ từng nói. Tên tuy bất đồng, nhưng sự việc lại giống nhau.

3.000 năm trước, thời của đức Phật Thích Ca Mâu Ni không có công nghệ gì cả, nhưng tại sao Ngài lại biết rõ ràng như vậy? Nhà khoa học phát hiện được 3 loại này, rất giỏi. Nhưng 3 loại này từ đâu mà có? Họ không nói được. Họ chỉ có thể nói 3 loại này đột nhiên phát sinh, nhưng tìm không ra nguyên nhân. Trong kinh Phật nói, nó có nguyên nhân. Điều này, khoa học và triết học không thể với tới. Tại sao vậy? Bởi vì, vấn đề này phải dùng đến tâm thanh tịnh mới có thể quan sát được. Do đâu đức Phật có thể biết? Nhà Phật tu thiền định. Trong thiền định, nếu đạt được trạng thái lắng đọng thâm sâu, thì có thể thấy được, bởi vì thiền định có thể

đột phá rào cản của không gian, cảnh giới hiện lượng, tự mắt họ nhìn thấy được. Một tí cũng không giả dối.

Quý vị tu thiền định đạt đến trình độ đó, thì cũng thấy được. Họ tu đạt đến trình độ như thế, họ cũng có thể thấy. Đạt trình độ nào? Trong kinh *Hoa Nghiêm*, hàng Viên giáo Sơ Trụ Bồ tát sẽ thấy được, còn trong Biệt giáo thì nói Sơ Địa Bồ tát. Có loại công phu này, cũng chính là điều chúng tôi thường giảng.

6 căn của chúng ta: Mắt nhìn sắc, tai nghe tiếng; 6 căn tiếp xúc với cảnh vật bên ngoài, nếu không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, thì quý vị sẽ thấy cảnh giới này hiện ngay trước mắt. Kinh *Hoa Nghiêm* nói, cấp bậc của Bồ tát trong thế giới Hoa Tạng, có hết thảy 41 cấp bậc. Chúng ta thử nhìn lại Tịnh độ xem, Cửu phẩm, Tam bối, Tứ độ trong thế giới Tây Phương Cực Lạc, cùng với ý nghĩa của Hoa Tạng là một không khác. Nhưng thế giới của Cực Lạc và Hoa Tạng, có nhiều điểm không tương đồng.

Ở thế giới Hoa Tạng, nhất định không được khởi tâm động niệm, thì mới có thể chứng được. Cấp bậc của Tây Phương Tịnh Độ, thì không cao như thế. Chỉ cần quý vị lắng đọng phiền não, không đoạn chỉ lắng đọng thôi, thì quý vị có thể sinh về thế giới Cực Lạc. Sự khác biệt này vô cùng lớn, cho nên được mười phương chư Phật khen ngợi. Hôm qua, tôi đã nói với các vị, học Phật tu Tịnh độ, một lòng cầu sinh

thế giới Cực Lạc. Còn hôm nay, chúng tôi nói vấn đề di dân, di dân sang thế giới Cực Lạc. Nơi đó, hoàn cảnh rất tốt, đó là không gian vũ trụ.

Mọi thứ trong quốc độ của chư Phật, phúc báo vô cùng lớn, không có phúc báo nào lớn hơn ở đây. Vậy thì quý vị hiểu được, chúng ta phải tu tập phúc báo rất lớn, phúc báo vô lượng vô biên. Tu pháp môn nào đây? Niệm Phật A Di Đà, chính là phương pháp này. Chúng ta, mỗi người đều niệm A Di Đà Phật, phúc báo của mỗi người vẫn có sự sai khác. Sự sai khác này, do đâu mà có? Do dụng tâm không giống nhau. Chúng ta dùng tâm tạp loạn để niệm Phật, còn họ thì dùng tâm thanh tịnh niệm Phật. Vậy chúng ta có phúc báo, nhưng phúc báo của ta không bằng họ. Tâm họ thanh tịnh. Người kia dùng tâm bình đẳng niệm Phật, phúc báo của họ lại lớn hơn. Còn có người dùng tâm Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác để niệm Phật, như vậy càng lớn hơn nữa. Không giống nhau. Phật hiệu thì giống, nhưng công đức của họ cảm được thì không giống.

Đây là do sự dụng tâm của chúng ta. Vì thế, trong kinh luôn khuyên bảo chúng ta: *“Phát Bồ đề tâm. Nhất hướng chuyên niệm”*. Điều này rất quan trọng, phải chú tâm, một lòng chuyên chú. Lúc niệm Phật, hãy buông bỏ tất cả, trong tâm đừng nhớ nghĩ điều gì khác, chỉ nhớ A Di Đà Phật. *“Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật. Niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”*, chỗ nào có Phật thì có phúc báo, chỗ nào không

có Phật thì không có phúc báo. Điều này nhất định phải biết. Những nơi không có phúc báo, chúng ta là người niệm Phật, hãy đem phúc báo niệm Phật của mình hồi hướng cho ở đó, phải giúp đỡ nơi đó. Có thể giúp được sao? Có thể.

Bây giờ, khoa học đã chứng minh, ý niệm của chúng ta, thường hay nghĩ đến một nơi nào đó, thì ý niệm này lập tức đi đến đó. Phúc báo của chúng ta, trí tuệ của chúng ta, công đức của chúng ta cũng vậy, sẽ bay đến nơi đó. Người ở bên đó có thể tiếp nhận không? Chúng ta không phải lo vấn đề này. Khẳng định họ sẽ nhận được tin tức của chúng ta. Nhưng có tác dụng hay không, thì phải xem mức độ phiền não của họ. Phiền não của họ dày quá, nghiệp chướng nặng quá, tuy nhận được nhưng họ cũng chẳng có cảm giác gì, như chúng ta bị tê liệt vậy. Nếu phiền não của họ nhẹ, họ có trí tuệ, thì họ sẽ cảm nhận được. Cái này, Phật, Bồ tát gọi là Phật lực gia trì. Phạm phu chúng ta đích thực cũng có loại năng lực này. Chỉ cần tâm chúng ta thanh tịnh, chỉ cần chúng ta thật sự có nguyện lực này, chúng ta hãy hồi hướng việc tu học của mình cho họ, thì họ có thể được lợi ích. Những sự việc này, trước đây rất khó nói, vì quá huyền nhiệm, ai có thể tin đây? Chỉ có người chân thật hiền lành mới có thể tin tưởng.

Khoa học bây giờ giải quyết được nhiều việc, đặc biệt là ngành Lượng tử lực học. Ngành khoa học này mới phát triển, vừa mới bắt đầu, rất tân tiến. Sở dĩ, chúng ta có thể

lãnh hội được, sau 3 đến 5 năm nữa, ngành khoa học này sẽ được tuyên truyền rộng rãi với công chúng. Nó khẳng định ý niệm chi phối tất cả. Đây chính là chỗ mà trong kinh Đại thừa, Phật thường nói: *“Nhất thiết pháp tông tâm tướng sinh”*. Môn khoa học này nếu như được phổ biến phát huy, thì xã hội của chúng ta sẽ được cứu, những thiên tai trên trái đất của chúng ta cũng được cứu.

Bây giờ, mọi người không có biện pháp nào, không biết phải làm sao. Các nhà lượng tử lực học chứng minh, sơn hà đại địa là có cơ thể, cùng với chỗ nói trong kinh Phật không khác. Bồ tát Di Lặc cũng cho chúng ta hay rằng: “Một khảy móng tay này có ba triệu hai trăm ngàn niệm”. Mỗi niệm được hình thành. Đây chính là vật chất. Vật chất từ đâu đến? Từ nơi ý niệm chứa nhóm mà biến hiện ra. *“Hình giai hữu thức”* (Có hình đều có thức). Thức là cái gì? Nó có tác dụng tinh thần. Vật chất và tinh thần không bao giờ tách rời nhau. Trong vật chất có tinh thần. Tinh thần có thể thu nạp thông tin từ bên ngoài. Nếu như thông tin ấy tốt lành, là thanh tịnh, là thiện, thì những thiên tai trong sơn hà đại địa này cũng không còn, có thể khôi phục lại bình thường. Nhiệt độ quả đất tăng cao, rắc rối to rồi. Sức mạnh nào có thể khiến nó khôi phục bình thường? Ý niệm.

Nếu trên thế gian của chúng ta, thế giới này, có một phần ngàn người, trong 1.000 người có một người, suy nghĩ lương thiện, suy nghĩ trong sạch, thì thiên tai có thể giảm bớt đi.

Còn nếu như nói thế gian của chúng ta đây, có thể làm được 1/100 thôi, trong 100 người, hết 99 người là tà tri tà kiến, còn một người có chính tri chính kiến, thì tai họa trên trái đất này có thể sẽ không còn. 99 người tạo nghiệp, họ hưởng phúc báo từ nơi một người có chính niệm. Tại sao? Chúng ta có thể tin tưởng. Ông bà thường nói, tà không thắng chính. Vậy 99 người kia đều tà, không thắng được một người chính, chuyện này rất có đạo lý, cho nên chúng ta hãy tin tưởng chớ nghi ngại.

Chúng ta muốn thay đổi mình, thì tu học Phật pháp là một thực nghiệm, làm thực nghiệm chính với bản thân mình. Suy nghĩ của mình thiện, hiện tại chúng ta nói tâm rất tốt, tâm thiện lương, không có ác niệm, không có phiền não, không có lo âu, không bị trói buộc, không bị áp lực, như vậy quý vị là người rất tự tại, sức khỏe trường thọ, không bị già yếu, không dùng bất cứ thứ gì để tắm bổ, chẳng cần thiết. Không cần dùng đến thuốc men. Có bệnh thì tự nó sẽ khỏi. Bệnh từ đâu có? Bệnh từ nơi ý niệm bất thiện sinh ra.

Phật nói cho chúng ta biết, tham, sân, si là Tam độc. Cái này rất tai hại. Trong quý vị có 3 phiền não độc hại này, bên ngoài rất dễ bị cảm đau nhức. Nếu như hiểu được đạo lý này, thì bệnh của ta từ đâu mà có? Là do trong tế bào của ta có siêu vi trùng. Ta hãy thay đổi cái suy nghĩ của mình, thì những tế bào siêu vi trùng của ta đang mang sẽ có thể biến mất và khôi phục lại bình thường. Chẳng phải không có đạo lý.

Các nhà khoa học bây giờ đã từ nơi thuyết Lực học lượng tử nói ra điều này. Đã có khoa học chứng minh rồi, không phải là mê tín.

Phật giáo chúng ta đã 3.000 năm, lịch sử Trung Quốc đã từng ghi lại. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni diệt độ đến nay là 3.037 năm. Người ngoại quốc nói thì mới hơn 2.500 năm thôi. Điều này, không cần phải tranh luận. Vấn đề này nếu tranh luận, thì không bao giờ có đáp án, trừ khi tìm được đức Phật Thích Ca, nếu không thì ai có thể biết! Vì thế, không cần phải tranh cãi.

Ngày trước, con người được lợi ích của Phật pháp. Vì nguyên nhân gì? Vì họ thật thà, họ chính tín, nên họ được thọ lợi ích. Ngày nay, con người đòi hỏi phải đem chứng cứ ra mới tin tưởng. Không có chứng cứ, thì không tin tưởng, còn nói ta là người mê tín.

Chúng ta là người học Phật, cần phải cảm kích những khoa học gia Lượng tử cận đại này. Họ đứng trên khía cạnh thế giới Vi mô, đem những điều đức Phật từng nói chứng minh hết thủy, đặc biệt, chứng minh ý niệm chi phối tất cả. Vấn đề này, khoa học vừa phát minh, vừa phát hiện. Chúng tôi hi vọng rằng, sau vài ba năm nữa nó sẽ được công bố rộng rãi. Ý nghĩ quyết định tất cả. Toàn bộ xã hội này cũng như thế. Mọi người trong xã hội cần phải tin tưởng thiện tâm.

Khi tôi ở quê nhà, trong thôn làng mọi thứ rất rõ ràng, thôn này gọi là Vương thôn, người trong thôn này được xem

như là người một nhà. Thôn bên kia là Lý thôn, ở đó cũng là người nhà. “Ngũ đại đồng đường bất phân gia” (Năm đời cùng nhà chẳng phân gia).

Vì thế, quý vị đã từng xem qua *Hồng Lôu Mộ*, thấy *Hồng Lôu Mộ* chính là miêu tả một gia đình, gia đình cộng đồng. Gia đình này, nhân khẩu đại khái khoảng 300 người. Lượng nhà mất dần, con người suy yếu, một vài trăm người, căn nhà này rất lạnh lẽo. Muốn dân tộc mạnh mẽ, mỗi gia đình có khoảng 700 người. 500 đến 700 người, thì mới vọng tộc được. Gia đình là một tổ chức của xã hội. Gia đình lớn như thế, nếu không có quy cũ có tồn tại được không? Nó có lộn xộn không? Vì thế, người xưa nói: *Tề gia, trị quốc, bình thiên hạ*.

Quý vị có khả năng trị gia, thì quý vị có sức mạnh trị nước. Gia, nói rộng ra cũng chính là nước. Nó có đạo lý. Gia có gia đạo, có gia quy, có gia học, có gia nghiệp. Nghiệp là sự nghiệp. Sự nghiệp kinh doanh của quý vị. Gia học, chính là trường tư thục. Tư thục, chính là trường học của con em một nhà chúng ta. Nó không cần phải chiêu sinh ở bên ngoài. Những em nhỏ trong gia tộc của ta cùng chung học một trường. Trường học, phần nhiều dùng Từ đường, bởi vì Từ đường ngoài việc dùng cúng quảy trong năm ra, thì ở đó không còn hoạt động gì nữa, cho nên Từ đường đều biến thành trường học. Lúc nhỏ, tôi cũng học ở Từ đường. Lúc đó, học trường tư thục, học ở nhà.

Gia quy, bây giờ còn gọi là *Đệ Tử Quy*, một bộ phận trong gia quy, tức là một bộ phận của cộng đồng học tập, mỗi nhà đều có gia quy đặc biệt riêng của nó. Tại sao? Sự nghiệp làm ăn của họ không giống nhau. Sự nghiệp bất đồng, cho nên nó có những quy định bất tương đồng mà buộc phải tuân thủ. Vì đây là cộng đồng, bất kể ai làm ngành nghề nào, nhất định phải tuân theo nó. Quy củ là nền tảng. Ngôi nhà không những lo nuôi dạy trẻ em, mà còn phải chăm lo cho người già nữa.

Người sống trên thế gian này, tại sao? Mọi người đều biết nhau, vì nhà. Làm cho tổ tông sáng ngời, cửa nhà rộng lớn. Làm nhà, làm ở khu đất này, nhà của tôi chính là khu vực này. Họ đã yêu nước, yêu nước từ nơi việc yêu nhà mà ra. Nếu con người không thích nhà, thì họ sao có thể yêu nước được? Không bao giờ có chuyện gì. Người Trung Quốc ở khắp nơi trên thế giới, quý vị xem những Hoa kiều, họ biết gắn bó với nhau. Từ đâu mà được vậy? Từ nhà. Người ngoại quốc rất ái mộ, nghiên cứu, họ đi tìm hiểu những nơi xa xôi, nhưng chưa thâm nhập, họ thâm nhập được có hiệu quả, nó sẽ có tác dụng.

Gia giáo của người xưa rất quan trọng. Bắt đầu dạy từ lúc nào vậy? Từ ngày người mẹ mới mang thai, gọi là thai giáo. Quý vị thử nghĩ xem, lợi hại biết là bao. Bây giờ, loại thai giáo này, được người Tây phương chứng minh. Họ dùng cái gì để chứng minh? Họ dùng thôi miên. Thôi miên kêu quý

vị quay lại, quay lại khi đang còn ở trong tử cung của người mẹ, quý vị có cảm giác như thế nào, sẽ nói ra. Người mẹ khởi tâm động niệm, nó cũng có cảm giác. Người mẹ ăn uống, nó cũng có cảm giác. Vì thế, thai giáo có ý nghĩa rất lớn.

Khi người mẹ mang thai, không nên có tà niệm. Tư tưởng, suy nghĩ phải trong sạch, chơn chính, không nên có phiền não, không nên u buồn. Nếu người mẹ có phiền não, có âu sầu, tức là đã gieo hạt giống bệnh hoạn cho thai nhi rồi. Người mẹ phải chú ý vấn đề này. Đứa nhỏ vừa ra đời, cha mẹ nhất định phải thực hành được *Đệ Tử Quy*, làm để cho đứa bé xem, trẻ con nhìn. Nó vừa sinh ra, con mắt mở to, nó có thể nhìn, tai nó có thể nghe, nó đã được học tập, bắt chước. Vì vậy, người xưa dạy trẻ con, lúc trẻ con bắt đầu học tập, cái gì không hay, thì không để cho nó nhìn thấy, không nên để nó nghe được, không nên cho nó tiếp xúc. Những gì nó thấy, đều là chơn chính, hoàn toàn tốt đẹp. Nếu để nó nhìn 1.000 ngày, thì từ khi sinh đến lúc 3 tuổi, giai đoạn này gọi là cội rễ giáo dục. Dạy người của người xưa là dạy như thế đó.

Sau giai đoạn giáo dục kiểu này xong, đứa trẻ bắt đầu có thói quen. Người xưa nói: *“Thiếu thành nhược thiên tính, tập quán thành tự nhiên”* (Còn nhỏ thành như thiên tính, thói quen thành tự nhiên), có nghĩa là, cự li giữa thói quen và bản tính rất gần nhau, không thể phân biệt. Bởi vậy, ngạn ngữ có câu: *“3 tuổi tượng 80”*. 3 tuổi nuôi dưỡng thành công, thì 80 tuổi cũng không thay đổi. Khả năng này quá lớn.

Bây giờ, nền giáo dục này không còn nữa, đã mất 4 đến 5 đời nay rồi. Chúng ta không thể trách ai cả. Tại sao ta không học được? Vì cha mẹ của quý vị không được học. Cha mẹ của quý vị không biết. Trước đó nữa, ông bà nội của quý vị cũng không biết, cho nên cha mẹ quý vị không học được. Ngược về trước nữa, ông bà cố của quý vị cũng lơ là vấn đề này, nên ông bà nội không được học. Đại khái là phải truy tìm đến đời ông sơ nữa kia! May ra ông mới hiểu.

Tôi chừng này tuổi, sống ở quê hương tôi, bởi vì văn hóa ở quê nhà rất tốt, bắt nguồn của phái Đồng Thành, cho nên không khí học hành rất là thịnh. Người ở quê đó đều được học. Chúng tôi còn ở vùng sâu vùng xa, biết được sự việc này, chính mắt mình nhìn thấy, sau khi kháng chiến thắng lợi thì không còn nữa. Đến Trung Quốc đi rất nhiều địa phương, tôi rất để tâm đến vấn đề này. Nhà có còn hay không? Còn. Giống như ở Giang Nam, Trung Quốc, những dãy nhà vẫn còn đó, nhưng người không có, không ai tới lui nữa. Vì thế, di tích xưa còn không ít, quý vị đến đó có thể thấy, không có người.

Chúng ta chiến tranh 8 năm với người Nhật Bản, tổn thất lớn nhất của chúng ta là cái gì? Nhà chúng ta không còn nữa. Chết bao nhiêu người, mất biết bao nhiêu tài sản, điều này không thành vấn đề. Truyền thống xưa của chúng ta, tinh thần nhà chung của ta không còn, đây mới là tổn thất không gì thay thế được.

Xã hội hôm nay của chúng ta đây, xảy ra bao tai họa lớn như thế, căn nguyên chính là ở chỗ này. Giáo dục gia đình kiểu như vậy, bây giờ không còn nữa. Sở dĩ, tinh thần giáo dục nhà của người xưa, mạnh mẽ như thế, là bắt nguồn từ tề gia, trị quốc, bình thiên hạ. Chính là điểm này. Bây giờ, làm sao khôi phục đây? Chúng tôi nghĩ không thể nào được, không có biện pháp khôi phục. Vì thế, chúng tôi suy nghĩ rất nhiều, và thường nghe người ta nói: “Nhà xí nghiệp”, nó đã nhắc nhở cho tôi rất lớn. Nếu như xí nghiệp chân chính, có thể đem tinh thần và truyền thống xưa, tinh thần của nhà, gia đạo của nhà, gia quy, gia học, gia nghiệp, nếu như có thể khôi phục trở lại, thì sẽ rất tốt.

Giáo dục thuở ban sơ dạy những gì? Dạy luân lý, dạy đạo đức, dạy nhân quả. Đây chính là điểm cơ bản của 3 nhà Thích, Đạo và Nho vậy. Gốc rễ truyền thống văn hóa của chúng ta. “Đệ Tử Quy” của Nho gia; “*Thái Thượng Cảm Ứng Thiên*” của Đạo giáo; “*Thập Thiện Nghiệp Đạo*” của Phật giáo - 3 điều cơ bản này. Hồi trước, người ta đi học, lúc nhỏ không thể không tiếp nhận 3 điều đó. 3 điều cơ bản này, đều do cha mẹ chỉ dạy. 6-7 tuổi đi học, đến trường tư thực, những quy cũ này, nó đã học được rất thành công. Đến trường học, thầy giáo thay thế cho cha mẹ. Thầy giáo cũng đem những khuôn phép này, làm lại cho học sinh xem, học sinh mới phục, mới bội phục quý vị.

Thầy giáo làm tấm gương, thầy giáo giảng giải, tại sao phải hiếu thuận. Do đó, giảng giải phải từ 6 tuổi trở về sau.

Trước 6 tuổi chỉ có học, không giảng giải. “*Đệ Tử Quy*” là trước 6 tuổi phải hoàn thành rồi. Đặc biệt, trước 3 tuổi đã làm xong. Điều này, người ngoại quốc không thể nào biết được. Lúc chúng tôi nói chuyện với họ, sau khi nghe xong, họ vô cùng kinh ngạc. Vấn đề này ắt có đạo lý của nó. Gia giáo là số một. Tại sao? Vì mọi người được giáo dục tốt, thì họ đều là người tốt. Việc của mỗi người làm đều là việc tốt, người tốt làm việc tốt, sẽ dẫn đến xã hội phồn vinh, xã hội hưng thịnh. Cuộc sống đích thực của nhân dân chính là cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

360 nghề. Người Trung Quốc ưa nói 360 nghề. Tại sao? Vì một năm có 360 ngày. Từ chỗ này mà ra. Đây, chính là nói về nghề nghiệp trong xã hội. Hết thấy nghề nghiệp, nghề nào tốt đẹp nhất, người ta ưa thích nhất? Nói cho quý vị biết, chính là làm quan. Tại sao vậy? Vì nghề này có địa vị rất cao. Họ là quan viên, đối xử không tệ. Khó khăn nhất là cái gì? Không có việc gì làm. Vì sao không có việc? Vì không có vụ án nào. Không có ai phạm tội. Vì thế, làm quan là nghề thoải mái nhất, nghề nhàn rỗi nhất.

Chúng tôi đọc *Tứ Khố Toàn Thư*. Những tập trong *Tứ Khố Toàn Thư* là văn học. Quý vị hãy xem bên trong đó, hơn một nửa đều là ghi chép lại việc làm quan. Họ không có việc làm, ở trong nhà làm thơ, viết từ, viết văn chương, du sơn ngoạn thủy, cả tháng trời mới được mấy vụ án, là quá lắm rồi, nhiều lắm rồi, thế mới hiểu được sự tốt đẹp của xã hội

lúc đó. Chính là nhờ gia giáo của mỗi người dạy họ sống tốt. Trong xã hội không có ai hại ai, không gây án mạng, cho nên làm quan rất nhẹ nhàng; làm vua thì gọi là “Buông tay mà trị”. Vua cũng không có việc làm, thiên hạ thái bình. Đó là Thái bình thiên tử. Giáo dục làm thành công.

Ngày nay, chúng ta xem xã hội bây giờ. Xã hội hôm nay, trong các ngành nghề, khổ nhất là nghề gì? Là làm quan. Vô cùng khổ sở, giải quyết vụ án không hết. Trước đây, làm quan không có vụ án nào cả, bây giờ thì giải quyết hoài cũng không xong. Tại vì sao? Vì giáo dục lơ là, người học hư hỏng, đặc biệt là do 2 thứ, đem dạy dân chúng hỏng hết, dạy cho toàn thể xã hội rối thêm. 2 thứ ở đây là cái gì? Thứ nhất là truyền hình, thứ hai là Internet. Bây giờ, gặp mỗi người, quý vị hỏi thử xem, một ngày xem TV bao nhiêu tiếng đồng hồ? Đây là làm giáo dục. Truyền hình đã dạy họ cái gì? Dạy họ bạo lực, tình dục, sát đạo, dâm vọng. Điều này có thật, không phải giả. Chỉ cần những thứ này còn tồn tại, muốn xã hội được hòa bình, yên ổn, thì vĩnh viễn không bao giờ làm được. Vấn đề này không thể không biết. 2 thứ này sẽ hủy diệt một quốc gia, sẽ hủy diệt một dân tộc, sau cùng là hủy diệt cả thế giới. Quá nguy hại.

Vấn đề này, chẳng phải tôi cảnh giác đâu, mà do thầy của tôi là Phương Đông Mỹ tiên sinh nói cho tôi biết. Thời trai trẻ tôi ở Đài Loan, lúc đó tôi còn nhỏ tuổi, khi đó đại khái khoảng 30-40 tuổi, Đài Loan từng có một lần, đề xướng phục

hưng văn hóa Trung Hoa. Một hôm nọ, có 3 vị quan viên của Bộ Giáo dục, đến nhà của thầy Phương, thỉnh giáo người nhà của thầy. Ngay hôm đó, tôi cũng ở đấy. Tôi ở tại nhà thầy.

Những quan viên này đã đề xuất một vấn đề, rằng, chính phủ đang đề xướng phục hưng văn hóa Trung Hoa, nên làm như thế nào cho chu đáo? Sau khi thầy Phương nghe xong câu hỏi này, ít nhất là 5 phút đồng hồ, biểu lộ dáng vẻ nghiêm túc, một câu cũng không nói. Sau 5 phút, thầy bắt đầu nói, thầy nói có, phương pháp thì có. Họ bèn hỏi phương pháp đó là gì? Ngài nói: thứ nhất, lúc đó ở Đài Loan có 3 đài truyền hình. Truyền hình phải đóng cửa. Đài Loan còn có mấy mươi đài truyền hình vô tuyến. Hết thấy phải dẹp bỏ. Báo chí ngừng phát hành, tạp chí ngừng xuất bản. 3 vị quan viên này la lên. Thầy, việc này không thể làm được! Thầy Phương bèn nói: Những thứ này, hằng ngày đang phá hoại văn hóa truyền thống của chúng ta, chỉ cần tồn tại những thứ này, anh lại muốn phục hưng ư? Làm không được đâu. Lời này là chân thật, một chút cũng không giả dối. Vì thế, hiện tượng xã hội của Đài Loan, mãi đến bây giờ, vẫn còn hỗn loạn. Cảnh báo của thầy Phương, lúc đó những quan viên này lại hỏi: Nhưng nước Mỹ bây giờ là cường quốc số một của thế giới.

Họ đặt câu hỏi khá hay. Thầy nói: La Mã sẽ có một ngày diệt vong. Xin hỏi thầy: Nước Mỹ tương lai diệt vong, nhân tố đầu tiên là cái gì? Ngay lập tức thầy Phương trả lời: Truyền hình. Nước Mỹ tương lai sẽ diệt vong. Nguyên nhân của nó

là do truyền hình. Sau đó, đặc biệt nói rõ cho họ biết, Đài Loan chưa đạt đến mức độ này. Truyền hình Đài Loan, nếu cuồng vọng như Hoa Kỳ, không có hạn chế của nó, thì sau những chương trình vừa xuất hiện đó, Đài Loan cũng sẽ tiêu luôn. Giáo dục! Nên biết, điều quan trọng ở đây là cái gì? Là làm chủ giáo dục. Ngày nay, giáo dục không còn là vấn đề quan trọng của quốc gia nữa, phương tiện truyền thông mới là quan trọng. Vì thế, những người làm quan, đáng thương, vô cùng đau khổ, giải quyết công việc không xong.

Bây giờ, tự do dân chủ rồi. Thời xưa không có đâu. Lúc đó là thời đại quân chủ, ngôn luận không được tự do, phát hành báo chí cũng không được. Chính phủ phải bảo đảm đời sống tinh thần của nhân dân. Họ có sứ mạng đó, cho nên, họ có tiêu chuẩn. Những tiết mục văn nghệ trình diễn phải có tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của nó, như trong *Luận Ngữ* đã nói: “*Tư vô tà*” (Suy nghĩ không tà).

Những tiết mục muốn biểu diễn, đều phải phù hợp tiêu chuẩn này. Không thể để quần chúng sau khi xem xong khởi lên tà tư tà niệm. Họ áp dụng tiêu chuẩn đó. Quý vị xem, thời xưa họ đã dùng đến 3 từ “*Tư vô tà*”. Chỉ cần để người ta tiếp xúc được, nhìn thấy được, nghe được rồi mà sinh ra tà niệm, thì quyết định cấm hẳn. Bây giờ, bắt chước người ngoại quốc, cái này phải là tự do dân chủ thì xong rồi; nhân dân phải chịu khổ, phải chịu nạn.

Trong cuộc sống của chúng ta, vận may vô cùng ở đây là gặp được Phật pháp. Gặp được Phật pháp rồi, thì cuộc sống này không còn khổ nữa. Cuộc đời này sống rất hạnh phúc, rất viên mãn. Điều này, thầy Phương ban đầu đem Phật pháp giới thiệu cho tôi; học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người. Tôi học được, năm tới là tròn 60 năm. Tôi giảng kinh, dạy học đã 52 năm. Năm tới là “Ngũ thập tam tham”, tức là 53 năm tham học. Hạnh phúc mỹ mãn vô cùng. Lời của thầy Phương là thật, không chút giả dối.

Phật pháp đã giảng cái gì? Chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Chân tướng của nhân sinh và vũ trụ là mục tiêu cuối cùng của triết học cần phải học, cũng là mục tiêu sau cùng của khoa học. Nhưng mục tiêu sau cùng này, kỹ thuật khoa học trước mắt, so với trong kinh Phật nói vẫn còn lạc hậu rất nhiều. Trí tuệ của đức Phật do đâu mà có? Phật nói: Trí tuệ của Phật, mỗi người trong chúng ta ai ai cũng có. Một chút cũng không nghi ngờ. Hết thấy chúng sinh đều có đức tướng, trí tuệ của Như Lai. Do vậy, giáo học của Phật không có gì khác, tức chính là đem tự tính của quý vị, đức tướng, trí tuệ vốn có của quý vị khôi phục lại.

Điều Ngài muốn giảng là cái này. Đức tướng, trí tuệ của chúng ta, sao mất tiêu rồi? Làm sao quên mất rồi? Ngài nói: Chính là do Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. 3 loại phiền não này đã làm chướng ngại. Do đó, Phật dạy chúng ta phải buông xả. Buông xả Kiến Tư chính là

không chấp trước, bất luận đối nhân, xử sự, tiếp vật, không có suy nghĩ đối lập. Có đối lập thì sai rồi. Không có đối lập, thì nó hài hòa. Tự tính vốn hài hòa, không có đối lập. không có khống chế, không có chiếm hữu. Khởi tâm động niệm là vì người khác, không phải vì mình. Tại sao vậy? Vì mình và người vốn không hai. Lợi ích cho người khác, đích thực chính là lợi ích cho mình, lợi ích cho xã hội, chính là lợi ích chơn chính cho gia đình.

Điều này, Phật pháp nói là phúc báo, quý vị tu phúc. Đạo lý này rất là thâm sâu. Chúng tôi học 59 năm, mới hiểu rõ ràng, mới thông suốt được; cát hung, họa phúc, có nhân của mình, thì quả cũng của mình, chẳng liên quan gì đến người khác cả, cho nên hôm nay, chúng ta học được chỗ này, dạy quý vị niệm A Di Đà Phật. Niệm A Di Đà Phật lợi ích rất nhiều, kể không hết. Lợi ích đầu tiên, xin nói cho quý vị biết, đó là thân tâm khỏe mạnh. Ở tuổi trung niên trở lên, hạnh phúc thật sự chính là thân thể khỏe mạnh.

Quý vị giàu có, địa vị cao, nhưng thân thể của quý vị không được khỏe, thường hay sinh bệnh, đây là khổ. Giàu mà không vui, sang trọng mà chẳng vui, thì không bằng nghèo mà vui sướng, bần tiện mà an nhàn, vui vẻ. Con người ở trên đời này cần niềm vui. Niềm vui và phú quý không liên can. Vậy liên quan với cái gì? Trí tuệ. Đối với nhân sinh vũ trụ, Tính, Tướng, Lí, Sự, Nhân, Quả đã hiểu tường tận rồi, thì vui sướng biết bao! Tôi từ đâu sinh ra, tương lai tôi chết rồi

sẽ đi về đâu, cần phải hiểu rõ ràng tường tận, một tí cũng không mơ hồ. Vấn đề này, nói chung người thế gian không cách nào làm được. Phật nói cho chúng ta biết, cái này là thật, không phải giả. Chính xác muôn ngàn, một chút chẳng giả. Quý vị nghĩ xem, môn học này tốt đẹp nhường nào, viên mãn biết bao. Đáng được học tập.

Lại như nguyện thứ 18 trong đó viết rằng: *“Khi tôi làm Phật”*. “Tôi” là tên tự xưng của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. *“Nhân dân trong quốc độ chư Phật, thực hành đạo Bồ tát, thường dùng tâm tịnh khiết niệm ta”*. Tâm tịnh khiết chính là tâm thanh tịnh, *“thì khi lâm chung, ta cùng vô số chúng Tỷ kheo hiện đến tiếp dẫn họ, đứng ở trước họ, tức sinh về nước ta, làm A Duy Việt Trí”*. Nguyện này rất hay. Ngài phát ra nguyện này. Nhưng nếu không làm tròn lời nguyện, thì Ngài không thành Phật. Phật A Di Đà ở thế giới Tây Phương Cực Lạc đã thành Phật, thuyết minh về 48 lời nguyện của Ngài, nguyện nguyện đã thực hiện xong. Ở đây, thì 18 lời nguyện thôi. Mỗi lời nguyện trong đó rất hay.

Trước kia, Ngài hành đạo Bồ tát. Hành đạo Bồ tát là học Phật, làm Phật tức là đã thành tựu rồi, tu học viên mãn. Đạt được học vị này, học vị cao nhất này, đức Phật, Ngài đã đạt được, cho nên, Phật pháp không phải là tôn giáo. Trong tôn giáo chỉ có Thần, con người không thể thành Thần, không thể bình đẳng với Thần. Phật giáo không phải vậy. Phật giáo là giáo dục. Đức Phật là một học vị cao nhất, mà mọi người

đều có thể đạt được, cũng giống như học vị Tiến sĩ ở trường. Quý vị chỉ cần tu học đàn tràng hoằng, thì nhất định sẽ lấy được nó. Vì vậy, Phật thì rất nhiều, không giống như thượng đế, chỉ có một. Thần cũng chỉ có một. Phật thì ở đâu cũng có. Phật ở trong các ngành nghề, Phật ở trong nam nữ già trẻ bé lớn. Do vậy, cần phải hiểu rằng, nó là danh xưng của học vị. Bồ tát cũng như thế, A La Hán cũng như thế, đều là tên gọi của học vị mà thôi.

“Nhân dân trong nước của chư Phật”. Cõi nước chư Phật chính là hết thảy chư Phật – lãnh thổ Ngài dạy học. Nhân dân trong lãnh thổ này, được học tập với Ngài. Vấn đề này, ở trong kinh, chúng ta thấy rất rõ ràng rồi. Rất nhiều bạn đồng học, tụng kinh *Địa Tạng* rất giỏi. Ở trong kinh *Địa Tạng*, quý vị sẽ phát hiện, phát hiện cái gì? Phát hiện rất nhiều tín đồ tôn giáo đã học Phật với Phật. Nhưng Phật không kêu họ phải từ bỏ tôn giáo của họ, thì quý vị mới biết được, Phật chỉ dạy học.

Bất luận tín ngưỡng, tôn giáo nào, đều có thể đến học Phật, đến cầu học, giống như ở nhà trường vậy. Nhà trường có học sinh rất nhiều, tín ngưỡng, tôn giáo cũng không giống nhau. Nó đều đi đến trường, nó cũng được đến lớp để học tập với thầy giáo. Điều này, quý vị cần phải biết, quý vị đã đọc rõ ràng rồi.

Bà la môn nữ là một tín đồ của Bà la môn giáo. Bà la môn giáo chính là Ấn Độ giáo bây giờ. Tiền thân của Ấn Độ giáo là

Bà la môn giáo. Không cần dạy họ cải đạo. Cô ấy là học sinh giỏi của Phật, đệ tử giỏi. Cô ấy cũng là tín đồ tốt của Bà la môn giáo. Phật không bảo cô ta phải từ bỏ tôn giáo, rồi đến đây học. Điều này nhất định phải hiểu.

Đạo Phật là dạy học, là giáo dục. Dạy cái gì? Dạy quý vị khai mở trí tuệ, dạy quý vị làm sao hiểu rõ được thật tướng của nhơn sinh vũ trụ; dạy quý vị biết, phải làm thế nào để khơi dậy tính linh của chính mình, làm như thế nào để thay đổi phẩm chất cuộc sống của quý vị. Cái để học ở đây rất nhiều, phong phú hơn so với đại học ngày nay rất nhiều.

Kinh *Địa Tạng*, chính là giáo án dạy học của đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi còn tại thế. Điều này, quý vị nên biết, lúc Ngài còn tại thế, chưa có chữ viết, những giáo án này là sau khi Ngài qua đời, do những học sinh của Ngài, từ trong trí nhớ của mình ghi chép ra, lưu truyền cho hậu thế, giống như Khổng Tử vậy.

Khổng lão phu tử khi còn sống dạy học, không có giảng nghĩa, cũng không có tài liệu văn tự phát cho mọi người. Không có. *Luận Ngữ* là sau khi Khổng Tử chết rồi, học sinh mới đem những lời nói của ông ghi chép lại, thành một cuốn sách, lưu truyền hậu thế. Thích Ca ra đời sớm hơn Khổng Tử một chút, đại khái cùng thời đại với Lão Tử. Vì thế, chúng ta đối với Phật Đà phải hiểu biết. Quý vị không hiểu biết, mù quáng tin theo, nói sao làm vậy, thì thành ra mê tín rồi.

Tôn chỉ dạy học của Phật pháp là phá mê khởi chính tín. Tại sao quý vị còn mê tín? Đâu có đạo lý này! Điều này, chúng ta không thể không biết. Đặc biệt là xã hội bây giờ, còn rất nhiều người nẩy sinh hiểu biết sai lạc đối với Phật giáo. Cách nhìn sai lầm.

Thời chúng tôi còn trẻ tuổi cũng không ngoài lệ; cũng chịu sự ảnh hưởng của thầy giáo nhà trường. Thầy dạy học nói cho chúng tôi biết: tôn giáo là mê tín. Phật giáo là tôn giáo. Đứng trên phương diện tôn giáo, Phật giáo là tôn giáo thấp nhất. Tại sao vậy? Vì tôn giáo cấp cao, thì chỉ có 1 ông Thần, chỉ có 1 ông thôi. Phật giáo thì phiếm thần giáo, đa thần giáo, cái gì cũng bái lạy. Đây là tôn giáo cấp thấp. Từ nhỏ, chúng tôi đã bị dụ dỗ bởi lý luận này, cho nên, cả đời không có ý muốn đi tìm tôn giáo. Không tiếp cận, không gặp nó. Nhân duyên học Phật của tôi, là bắt nguồn từ khi tôi học triết học với thầy Phương Đông Mỹ. Thầy dạy cho tôi một bộ *Triết học khái luận*. Môn học sau cùng nhất là *“Triết học kinh Phật”*. Tôi cảm thấy kỳ lạ. Phật giáo là một tôn giáo cấp thấp, nhưng tại sao nó lại có triết học? Thầy giáo Phương nói với tôi: “Anh còn trẻ không hiểu”. Thầy lại nói: “Thích Ca Mâu Ni Phật, là nhà triết học vĩ đại nhất trên thế giới này. Anh học triết học, thì đây là triết học gia rồi”.Ồ! Hồi giờ chưa nghe qua.

Triết học kinh Phật là đỉnh cao nhất của nền triết học trên toàn thế giới, cũng chưa nghe ai nói qua. “Học Phật là

sự hưởng thụ tối cao của đời người”. Ngay tại lớp học này, tôi bị thầy Phương xoay chuyển cách suy nghĩ của mình. Tôi bèn hướng về ông ấy thỉnh giáo. Tôi nói: “Thầy học được điều này từ đâu vậy?”. Thầy nói với tôi: Trong thời kỳ kháng chiến, thầy dạy học ở Đại học Trung ương. Thầy là một triết học gia. Lúc hai mươi mấy tuổi, thì trở thành giáo thọ nổi tiếng, giáo thọ lừng danh rồi. Có một thời gian thầy bị bệnh, nằm dưỡng bệnh tại núi Nga Mi.

Thời gian kháng chiến, chính phủ đặt ở Trùng Khánh, nên Đại học Trung ương cũng giống như một thành đô vậy. Thầy ở núi Nga Mi dưỡng bệnh. Thầy nói, lúc đó ở trên núi rất thanh tịnh. Về sau, tôi lại đến đó 2 lần. Trên núi không có báo, không có tạp chí, sách gì cũng không có, chỉ có kinh Phật. Thầy bèn lấy kinh Phật làm niềm vui, mỗi ngày đều xem kinh Phật, càng xem càng thú vị.

Từ đó về sau, thầy không thể xa rời kinh Phật. Hằng ngày, thầy đều xem kinh Phật. Thực sự phải nói là chúng tôi đã mê, mê với kinh Phật. Phát hiện kinh Phật là đại tri thức. Phát hiện trong triết học, có rất nhiều vấn đề không thể nào giải quyết được, nhưng ở trong kinh Phật đều có, đều tìm được đáp án. Do đó, thầy Phương nói với tôi: “Triết học trong kinh Phật, anh cần phải học nó. Không ở trong các chùa. Chùa miếu không có nó”. Tôi hỏi tại sao vậy? Chùa chiền trước đây, người xuất gia thực học, có đạo đức, lại có học vấn. Thầy nói, hiện tại chùa chiền, những người xuất gia này họ không

học. Tôi mới hiểu ra rằng, ông ta nói anh cần nên học, anh hãy học từ trong kinh điển. Lời này, thật sự mà nói, vô cùng quan trọng. Nếu không nói lời này, nếu tôi đi đến chùa miếu gặp những người xuất gia này, đi thảo luận với họ, cầu học nơi họ, họ trả lời không xong, thì tôi sẽ hoài nghi, thầy giáo nói lời này là có vấn đề. May mà thầy nói ra trước. Anh nên đi tìm kinh điển, không nên đi hỏi người xuất gia.

Sau này, tôi cũng gặp được người xuất gia, gặp được Chương Gia Đại sư, tôi xin cầu học với vị này. Người này rất đặc biệt, có duyên đặc biệt với tôi. Đại sư rất hiền lành. Sự tu hành của vị này, đã cảm động đến những người thanh niên như chúng tôi.

Có một hôm, tôi tiếp xúc với đại sư. Câu nói đầu tiên tôi thỉnh giáo đại sư: “Con từ thầy giáo Phương biết được Phật pháp là nền triết học cao thượng, là đại tri thức, con xin hỏi đại sư: Trong nhà Phật, có phương pháp gì khiến con nhanh chóng thể nhập được nó hay không?”. Với vấn đề của tôi vừa hỏi, Chương Gia Đại sư chỉ nhìn tôi, tôi cũng nhìn Ngài. Cả hai chúng tôi nhìn nhau hơn nửa tiếng đồng hồ, một câu cũng không nói. Hơn nửa tiếng đồng hồ trôi qua, đại sư mới cất lời, nói 1 tiếng “Có”. Tiếng “có” này, đã khiến chúng tôi chấn động. Đại sư lại im lặng, sau 7-8 phút đồng hồ, đại sư mới nói. Cách nói của đại sư rất chậm, từng tiếng từng tiếng một: *“Nhìn được thấu, buông được xuống”*.

Cuộc hội ngộ lần thứ nhất, thời gian khoảng 2 tiếng đồng hồ, nói chuyện không quá 10 từ. Mười mấy, hai mươi năm sau, tôi mới hiểu được sự việc tại sao lại như vậy. Đây là cách thức dạy học của Phật pháp. Thanh niên như chúng tôi, nóng lòng thấp thỏm, đặt vấn đề như thế, nhưng không trả lời quý vị, cứ nhìn quý vị, đợi khi cơn nóng vội của quý vị lắng dịu xuống rồi, tâm của quý vị định trở lại rồi, mới nói cho quý vị hay. Lúc này, những gì nói với quý vị, quý vị nghe mới tiến bộ. Nghe rồi sẽ khai ngộ, sẽ nhớ lâu hơn, cuộc đời của quý vị sẽ không còn thoái chuyển nữa. Từ chỗ này, chúng ta mới thấy được, cách dạy học của các bậc đại đức thời xưa.

Sau khi tôi hiểu được, tôi cũng từng dạy học ở nhà trường mấy năm, nhìn thấy tâm tính nóng vội của học sinh bây giờ, mức độ vội vàng lo âu đó, vượt hơn tôi gấp mười lần. Tôi lúc đó, thầy giáo quả trách tôi tâm vội vàng thô tháo, muốn tôi phải định tâm trở lại. Tâm tính nóng vội của học sinh thời nay muốn định tĩnh cũng không thể được. Do vậy, tôi không muốn làm thầy giáo nữa. Tôi không đi dạy nữa. Nhưng tôi rất muốn thường được nói chuyện với các vị thầy giáo. Các vị đó còn dạy. Học sinh bây giờ, thật sự mà nói, rất khó dạy, nó bị truyền hình, internet làm hư rồi.

Quý vị làm sao có thể dạy chúng nó hồi đầu đây? Thật khó khăn vô cùng! Những tình trạng này bây giờ, chúng ta không thể không giải quyết, cho nên, việc dạy học hôm nay của chúng ta, cách thức chọn lựa là dùng truyền hình,

mạng internet. Chúng ta sử dụng mạng internet, đến nay đã được 15 đến 20 năm. Chúng ta dùng truyền hình vệ tinh đã được 8 năm nay. Công cụ này rất hay. Điều này, cũng được thầy Phương nói cho tôi biết, công cụ đó rất tuyệt vời, trong tương lai nếu có điều kiện thì sẽ dùng đến nó. Dùng công cụ này để dạy học, thì nó như một người thầy có thể đứng ngang hàng muôn ngàn thầy giáo khác.

Có loại phương tiện này, quốc gia, xã hội sẽ được nhờ, mấu chốt là ở nơi người lãnh đạo quốc gia. Người lãnh đạo phải chân chính giác ngộ, thỉnh mời vài vị thầy giáo giỏi, bồi dưỡng cho năm sáu mươi học sinh, lúc này có thể sử dụng truyền hình, nhưng truyền hình này, luôn luôn ở một tần số nhất định. “Truyền thông giáo dục”, để cho những người dạy học này ngày đêm không ngừng, một môn học là một giờ đồng hồ, 24 tiếng đồng hồ không bị gián đoạn, cả thế giới đều học được. Thầy giáo không đủ, có thể cho phát lại, giống như chúng ta bây giờ chia ra phát lại 3 lần, mỗi lần 8 tiếng, 8 tiếng, 8 tiếng, phối hợp với thời gian bất đồng của từng khu vực trên toàn thế giới, thì họ có thể xem được. Hiện tại, chúng ta mỗi ngày phát ra 8 tiếng đồng hồ, nhưng phát lại có 2 lần thôi.

Nếu như Nhà nước kêu gọi, toàn dân phải học tập, giống như xã hội xưa, thì tôi nghĩ rằng 1 năm, xã hội sẽ ổn định, thiên tai cũng không còn. Do đâu mà thiên tai không còn? Đây chính là câu hỏi lớn. Trong kinh, đức Phật đã giảng tường

tận rồi, chẳng phải một vài câu nói rõ ràng được. Bởi vì suy nghĩ của con người, có thể ảnh hưởng đến cỏ cây hoa lá, ảnh hưởng đến núi đất sông ngòi. Những nguyên lý nguyên tắc này, chân tướng sự thật của nó, đã được kinh *Hoa Nghiêm* giảng giải rõ ràng tường tận rồi. Đây là “đệ nhất kinh” của nhà Phật. Vắn tắt, đơn giản nhất nữa chính là bộ kinh “*Vô Lượng Thọ*”. Trong đây nói, nhân dân các nước, có người hành Bồ tát đạo, tức là đã học Phật. Người học Phật, chính là đang đi trên đường đạo Bồ tát.

Bồ tát là tiếng Ấn Độ, nghĩa của nó là giác ngộ. Chúng ta không muốn mê mờ nữa. Chúng ta muốn đi con đường giác ngộ. Giác ngộ là đối với hết thảy sự vật trong vũ trụ này. Đạo lý quá rõ ràng minh bạch. Chúng ta tiếp nhận lời giáo huấn của đức Phật, nương theo phương pháp của Ngài dạy để học tập. Điều này, thật vô cùng quan trọng. Nếu quý vị muốn đời mình thăng hoa, không còn cách nào khác, phải buông bỏ phiền não, xả bỏ tập khí. Điều này, rất quan trọng. Tập khí phiền não của quý vị không buông xuống, những chướng ngại đó sẽ chướng ngại sự giác ngộ của quý vị, chướng ngại sự thăng tiến của quý vị.

“*Thường niệm ngã tịnh khiết tâm*”. Tịnh khiết tâm, chính là thanh tịnh tâm. Nên biết rằng, Phật A Di Đà, tâm của Ngài rất thanh tịnh, vì Ngài đã giác ngộ, Ngài đã buông xả. Tâm của Ngài rất bình đẳng. Ngài đã làm tấm gương cho chúng ta noi theo. Chỉ cần chúng ta niệm Phật, niệm đạt

đến tâm thanh tịnh, thì sẽ tương ứng với tâm của đức Phật A Di Đà. Thanh tịnh tâm của Ngài, ta cũng có tâm đó; tâm tâm tương ứng.

Nguyện vọng của quý vị đạt được rồi. Khi thọ mạng hết, Ta và chúng Tỷ kheo nhiều vô số. Ta là chỉ cho Phật A Di Đà dẫn theo chúng Tỷ kheo nhiều đông không thể kể hết, “bay đến rước họ”. Ngài đến đón tiếp quý vị, đứng ở trước mặt quý vị, dìu dắt quý vị sang thế giới Cực Lạc, tức là sinh về nước của Ngài, dẫn quý vị đến thế giới Cực Lạc. Đằng sau câu nói, có thể dễ dàng: “Làm A Duy Việt Trí”. A Duy Việt Trí là tiếng Ấn Độ, Phạn văn, nghĩa của nó thế nào? Là Bất thoái chuyển Bồ tát. Ở đây, không phải là Bồ tát thông thường. Do đó, một nguyện này quý vị phải ghi nhớ; trong nguyện thứ 18 nói, mười niệm nhất định sinh, ở đây Hán dịch là làm A Duy Việt Trí Bồ tát. A Duy Việt Trí Bồ tát, tức là đã thành Phật.

Kinh *Hoa Nghiêm* thuộc hệ giáo lý Đại thừa thường nói, có 3 loại phiền não. Không chấp trước, tức là quý vị đã chứng được A La Hán; không phân biệt, quý vị chứng được Bồ tát; không khởi tâm, không động niệm, quý vị là Phật rồi. A Duy Việt Trí không khởi tâm động niệm. Nên biết, chúng ta vãng sinh là mang nghiệp vãng sinh; chúng ta không có năng lực cao như thế. Thậm chí, đến như chấp trước cũng không chịu buông xả hết, chỉ có thể nói rằng, chúng ta còn phân biệt, chấp trước chút ít thôi, không còn nhiều giống như trước đây nữa. Bây giờ, giảm bớt đi tí rồi,

thì sự công phu này sẽ có thể vãng sinh. Vãng sinh về thế giới Cực Lạc, sẽ làm A Duy Việt Trí Bồ tát. Đây là nhờ vào sự gia trì thần thông, uy đức và trí tuệ của Phật A Di Đà. Nói cách khác, điều này là do Ngài ban cho ta, chẳng phải do ta tu mà được. Vấn đề này rất hay. Trong hết thảy các kinh Phật, xưa nay chưa từng nói qua, chỉ có trong kinh này nói. Chúng ta tin rằng Phật không bao giờ nói dối. Từng câu từng chữ của đức Phật đều là chân thật.

A Duy Việt Trí là quả vị bất thoái. Địa vị này của Bồ tát không còn thoái chuyển, hành bất thoái, niệm bất thoái. Do đó, viên chứng Tam bất thoái. Chứng đắc viên mãn Tam bất thoái. Nói một cách nghiêm túc, đến lúc này mới là thật chân chính. Sự tu hành của Bồ tát, tu đến địa vị nào mới là chơn chính, viên mãn chứng đắc Tam bất thoái? Địa vị thứ 7. Địa vị cao. Nhưng vấn đề chứng đắc, ở hàng Sơ Trụ của Viên giáo thì đã chứng đắc rồi. Siêu việt thập pháp giới. Những người như thế, sinh về thế giới Thật Báo Trang Nghiêm, không ở Đồng Cư Độ, hay Phương Tiện Hữu Dư nữa. Do vậy, có thể biết sinh ở Đồng Cư Độ là thuộc hạ hạ phẩm vãng sinh, cũng là A Duy Việt Trí Bồ tát, hoàn đắc trở lại.

Tại sao Bồ tát trong mười phương muốn vãng sinh về thế giới Cực Lạc? Đạo lý chính là ở chỗ không có phân biệt. Quý vị đang ở trong cõi nước của đức Phật khác, mong muốn tu đạt đến cấp bậc này thật không dễ, thời gian tu rất dài. Về thế giới Cực Lạc rồi, vừa bước vào cõi này, thì sẽ chứng đắc,

cho nên pháp môn này còn gọi là pháp môn khó tin. Đoạn sau có nói, Hoàng lão còn ghi chú ở trong đây: Tịnh khiết tâm tức là Thanh tịnh tâm, cũng là câu thanh tịnh ở trong *Vãng Sinh Luận*. Phật danh Vô Lượng Thanh Tịnh Phật. Phật tâm là Vô Lượng Thanh Tịnh Tâm. Tóm lại, câu Nhất pháp tức là câu thanh tịnh. Câu thanh tịnh này, tức là chỉ cho Pháp thân vô vi trí tuệ chân thật, cũng tức là câu Phật hiệu. Quy kết lại không ngoài 4 từ A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chính là Thanh tịnh trí tuệ. A Di Đà Phật chính là thanh tịnh. A Di Đà Phật chính là Vô Vi Pháp thân. Người niệm Phật, nên hiểu được những ý nghĩa này. Người ta muốn hỏi, tại sao phải niệm A Di Đà Phật? Không biết! Niệm A Di Đà Phật, có lợi ích gì chẳng? Trả lời không được. Vậy ai dám tin tưởng quý vị đây? Muốn tin tưởng quý vị, nhưng người kia bảo là mê tín, cũng chẳng sai. Anh ta mê tín. Mê tín nên nghĩ: Có thể đạt được lợi ích gì không? Thật không phải dễ, cho nên quý vị đồng học phải biết, học Phật, không đến lớp biết đâu mà hành trì?

Khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, cả đời Ngài lên lớp dạy học, không dạy chúng ta tụng kinh. Lúc đó, chưa có kinh sách. Một quyển cũng không có. Ngày ngày, chỉ nghe Ngài thuyết giảng, nghe rõ ràng, nghe hiểu rồi, thì đem hết thấy những suy nghĩ bất thiện sửa đổi trở lại, vậy gọi là tu hành. Vì thế, “tu hành”, 2 từ này: tu là sửa đổi, hành là hành vi. Hành vi sai lầm, sửa đổi trở lại gọi là tu hành. Danh từ

này phải hiểu cho rõ; hành vi có 3 loại lớn: Thứ nhất là tư tưởng. Thứ hai là lời nói. Thứ ba là sự tạo tác của thân thể.

Tư tưởng chính là hành vi của tâm. Lời nói là hành vi của miệng. Sự tạo tác của thân thể là hành vi của thân. Hành vi thì còn nhiều, nhưng không ngoài 3 loại thân, khẩu, ý này. Ý chính là tâm, bao quát hết thấy rồi.

Ba loại hành vi bất chính, sai lầm này, hãy sửa đổi nó chân chính trở lại. Đây gọi là tu hành. Ngày nay, rất ít người hiểu được, ý nghĩa đích thực của danh từ này. Cái gì gọi là tu hành? Mỗi ngày gõ mõ, tụng kinh, lạy Phật gọi đó là tu hành ư? Không phải! Hàng ngày tụng kinh, hàng ngày lạy Phật, nhưng còn suy nghĩ lung tung, hành vi của quý vị hoàn toàn chẳng liên can gì. Vậy làm sao có thể được lợi ích? Phải thực sự thay đổi trở lại. Những ý nghĩ ích kỷ riêng tư là hành vi sai lầm. Danh văn, lợi dưỡng là hành vi sai lầm. Tham luyến ngũ dục, lục trần là sai lầm. Đem những suy nghĩ sai lầm này tu sửa trở lại. Từ đâu mà tu? Xin thưa quý vị, phải từ nơi căn bản mà tu. Đức Phật thường giảng: Nhờ giới được định, nhờ định khai tuệ.

Ba nguyên tắc này, hôm nay chúng ta nhìn lại xem, hàng đệ tử tại gia của Phật, *Thập Thiện Nghiệp Đạo* vẫn chưa làm được. Đệ tử xuất gia của đức Phật, *Sa Di Luật Nghi* vẫn chưa làm xong. Chưa làm được là còn giả, chẳng phải thật. Tại sao họ vẫn chưa làm được? Họ không có nền tảng. Do đó, muốn

học, học cả đời cũng học không giống. Tu hành nhất định phải có nền tảng. Nền tảng thứ nhất là *Đệ Tử Quy*. *Đệ Tử Quy* quý vị làm chưa xong, thì *Thập Thiện Nghiệp Đạo* sao có thể làm được? Không thể nào. Sau đó nữa, quý vị làm càng không được, cho nên, chúng ta phải biết, trước tiên phải có nền tảng. Hiện giờ, không có nền tảng, mà muốn tu hành, hay theo từ những nền tảng trước mà khởi, cũng giống như một ngôi nhà vậy.

Ở trong Phật pháp, *Đệ Tử Quy* là cơ sở của chúng ta, giống như cái móng của ngôi nhà. *Cảm Ứng Thiên* như là làm móng nhà vậy. 2 loại này, nền móng đã vững rồi mới xây nhà lâu được. *Thập Thiện Nghiệp Đạo* là tầng thứ nhất. *Sa Di Luật Nghi* là tầng thứ hai, tầng trên của nhà lâu. Lên cao nữa, *Tỷ kheo* là tầng thứ ba. *Bồ tát* là tầng thứ tư. Do đó, hôm nay, một tầng cũng không thể thành tựu. Cơ sở là không có *Nho* và *Đạo*.

Khi xưa, Phật ở Ấn Độ, người thời đó tại sao tu dễ thành công? Lúc đó có Tiểu thừa, có Tiểu thừa Phật giáo. Trong Tiểu thừa giảng lý luận, nói đạo đức, nói nhân quả. Vì thế, trong kinh Phật dạy cho chúng ta, ở trong “*Phật Tạng Kinh*” có đoạn nói: Phật tử trước không học Tiểu thừa, sau học Đại thừa, thì chẳng phải Phật tử. Phật nói mấy câu này rất quan trọng.

Học Phật không từ trên cơ sở nền tảng, mà bắt đầu học từ Đại thừa, Phật nói, Phật không tán đồng, Phật không công

nhận. Cũng giống như đi học, khi nhỏ quý vị phải học từ mẫu giáo, tiểu học, trung học, đại học. Đâu phải bỗng dưng lên đại học liền, mà trước đó không học gì cả. Không ai thấu nhận quý vị đâu. Vì thế, kinh Tiểu thừa, trong *Đại Tạng Kinh* rất đầy đủ. “*Tứ A Hàm*” chính là kinh Tiểu thừa. Tôi không được học những kinh đó. Chương Gia Đại sư nói với tôi: Tam tạng văn tự Pali của Nam truyền, so với *Tứ A Hàm* bằng kinh điển chữ Hán của chúng ta, chỉ nhiều hơn 50 bộ, vậy mà phiên dịch rất hoàn chỉnh, tổng cộng gần 3.000 bộ. 3.000 bộ kém hơn 50 bộ, khoảng cách sai lệch này vô cùng nhỏ. Do đó, có thể biết kinh Tiểu thừa truyền sang Trung Quốc, thì đã hoàn bị rồi.

Tiểu thừa ở vào thời kỳ nhà Tùy, nhà Đường đã có 2 tông phái. Đây là cơ sở để học Phật, khoa mục mang tính chung, không thể không học, đó là Câu Xá tông và Thành Thật tông. Nhưng 2 tông phái này, cuối đời nhà Đường đã bị suy yếu, đến đời nhà Tống thì không còn nữa. Bây giờ, rất nhiều người không biết đến sự tồn tại của 2 tông phái này. Từ giữa thời nhà Đường về sau, người Trung Quốc không học Tiểu thừa. Vậy đã học gì? Dùng Nho và Đạo thay thế. Nho và Đạo là “sản phẩm” của Trung Quốc.

Nội dung của nó, không thua kém Phật giáo Tiểu thừa. Những gì trong đó nói còn viên mãn hơn Tiểu thừa. Do đó, người xuất gia, và cư sĩ tại gia ở Trung Quốc, không ai không đọc *Tứ thư*, *Ngũ kinh*, mọi người đều đọc sách của Lão Trang,

Lão Tử, Trang Tử. Họ đã dùng cái cơ sở này để học Đại thừa Phật giáo, cho nên một chút chướng ngại cũng không có. Quý vị xem, đời Tùy, Đường đến này đã hơn 1.700 năm rồi. Hơn 1.700 năm nay, đã bao triều đại trôi qua, các bậc cao tăng thạc đức, những cư sĩ tại gia, người tu hành thành công không ít, hơn hẳn Hán, Đường.

Ở đây muốn nói lên rằng, phương pháp này là hiệu quả chính xác. Chúng ta có thể tiếp nhận nó, cho nên ngày nay, chúng ta học *Đệ Tử Quy*, học *Cảm Ứng Thiên*. Ban đầu có người đến hỏi tôi, họ nói: Những thứ này là của Nho giáo, là của Đạo giáo, chúng ta học Phật tại sao phải học nó? Đặt câu hỏi này, tức là đối với Phật giáo Trung Quốc đã có 2.000 năm lịch sử, họ không hiểu. Nếu họ hiểu, thì đã không đặt câu hỏi này. Dùng Nho, dùng Đạo để làm nền tảng tu học, cái này chẳng phải tôi đề xuất, mà do các bậc tổ sư ở thời kỳ giữa nhà Đường đề xuất. 3 nhà Thích, Đạo, Nho, từ hình thức bên ngoài quý vị thấy đó, chiếc áo mặc tuy không giống, hoàn cảnh sống cũng chẳng giống, ngoại trừ hình thức ra, nội dung bên trong thì luôn dung hòa nhất thể. Người học Nho cũng có thể đọc kinh Phật.

Quyển *Tứ thư* của Chu Hi biên soạn rất là hay. Cảm hứng của ông ta từ đâu mà có? Tôi rất hoài nghi, có thể ông ta có được nhờ đọc kinh *Hoa Nghiêm*. Cách lý luận của kinh *Hoa Nghiêm* rất đầy đủ, có phương pháp tinh tế, phía sau còn kèm theo cả luận chứng. Chúng ta xem, *Tứ thư* của ông ta

sáng tác và kinh *Hoa Nghiêm* rất giống. “*Trung dung*” là lí luận. “*Đại học*” là phương pháp, “*Luận Ngữ*”, “*Mạnh Tử*” là luận cứ.

Quý vị xem, lí luận và phương pháp đi sát với thực tế của cuộc sống. Khổng Tử làm sao chu đáo đến vậy? *Luận Ngữ*, *Mạnh Tử* sao hay vậy? Khổng Tử là thánh nhân. Mạnh Tử là hiền nhân. Thánh hiền làm thế nào có được những phương pháp lí luận phù hợp với cuộc sống như thế. Tức là họ làm để cho quý vị thấy. Vậy chẳng phải giống với kinh *Hoa Nghiêm* đó sao? Đạo lý và phương pháp của kinh *Hoa Nghiêm*, lấy Thiện Tài đồng tử làm nhân vật chính, thực hiện tham vấn với 53 vị thiện tri thức. Họ làm để cho quý vị thấy, cho nên, càng đọc *Tứ thư* càng thấy giống kinh *Hoa Nghiêm*. Khẳng định như thế, vì Chu Hi đã từng học Phật. Trong giới tu sĩ Phật giáo, có không ít cao tăng thạc đức thường qua lại rất thân thiết với ông ấy. Chúng tôi cho rằng, có đạo lí của nó. Viết một tác phẩm hay như thế, từ đoạn sau của cuốn sách ta thấy được, trong quá khứ, người Trung Quốc đọc sách, họ không đọc *Tứ thư* này. Nói chung, *Tứ thư* có thể học thuộc nó.

Ngày nay, ở Luân Đôn, chúng tôi thấy các trường Đại học Newton, Đại học Cambridge và Đại học Luân Đôn, sinh viên khoa Hán học của 3 ngôi trường này, đều có thể học thuộc lòng *Tứ thư*, chúng tôi không thể không khâm phục; nói chuyện với nhau đều sử dụng tiếng Bắc Kinh làm tiêu chuẩn, đọc những cổ văn của Trung Quốc. Không hổ thẹn là

Hán học gia của Âu châu. Tôi thấy vậy vô cùng hoan hỉ, cũng rất lấy làm khen ngợi.

Đoạn sau nói, *“Cho nên phát tâm Đại thừa, trì danh niệm Phật, khi sắp qua đời, được Phật tiếp dẫn vãng sinh. Phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm chính là tôn chỉ của bản kinh”*. Đoạn này dễ hiểu. Nghĩa lý bên trong rất thâm sâu. Phía trước đã nói qua, phía sau vẫn còn lặp lại mấy lần nữa. Sự lặp lại này là có đạo lí của nó; tức là muốn gây ấn tượng sâu sắc cho chúng ta, thời thời khắc khắc thức tỉnh chúng ta. Thuyết minh những lời khai thị này vô cùng quan trọng. Phát tâm Đại thừa rất quan trọng. Phát Đại thừa tâm chính là phát Bồ đề tâm.

Thế nào là Bồ đề tâm? Những năm gần đây, chúng tôi đem Bồ đề tâm ở trong kinh luận đã nói, làm mới lại, tức là nương vào nghĩa lí trong kinh điển để chỉnh sửa lại, viết thành 10 từ, mong mọi người dễ hiểu hơn. Thể của Bồ đề tâm, bản thể chính là chân thành. Chúng ta học Phật là mong tương lai thành tựu. Nếu quý vị không dụng tâm chân thành, thì quý vị sẽ không bao giờ thành tựu. Người khác dùng tâm giả dối để đối xử với ta, ta lại dùng tâm chân thành vậy chẳng phải thiệt thòi sao? Vâng, bị thiệt thòi. Người xưa nói, thiệt thòi là phúc.

Quý vị muốn có phúc không? Phúc là cái gì? Tức là quý vị đã đến thế giới Cực Lạc làm Phật rồi. Nếu quý vị không muốn làm Phật, muốn bị luân hồi, được rồi, khi họ dùng

tâm giả dối đối xử ta, ta cũng dùng tâm giả dối đối xử lại với họ, vậy thì quý vị vẫn còn luân hồi trong lục đạo rồi. Không thoát khỏi lục đạo.

Thiệt thòi là phúc. Người bị thiệt thòi có thể đến thế giới Cực Lạc. Người không thiệt thòi, thì tiếp tục luân hồi trong sáu nẻo. Vậy hãy suy nghĩ xem, quý vị có muốn chịu thiệt thòi không? Được thiệt thòi mới thật là vui sướng! Lợi dụng thì không tốt. Lợi dụng thì trong lòng thường hay lo sợ, tâm hồn bất an. Thiệt thòi mới tốt. Vì thế, học Phật phải học chịu sự thiệt thòi. Ai không học thiệt thòi, thì không có cách nào học Phật được. Không nên chống trái người khác. Họ chống trái với ta cũng được, nhưng ta không nên chống trái với họ. Họ hủy báng ta cũng được, ta không nên hủy báng lại họ. Họ sỉ nhục ta cũng được, ta không nên sỉ nhục họ. Họ hãm hại ta cũng được, ta không được hãm hại họ. Vì sao vậy? Vì ta là Bồ tát. Bồ tát đâu có thể làm hại người khác! Chỉ có Bồ tát mới có thể đến thế giới Cực Lạc.

Lợi ích của thế giới Cực lạc; lợi ích thứ nhất là Vô Lượng Thọ. Thọ mạng của chúng ta ở thế gian này rất ngắn ngủi. Vô lượng thật sự, chẳng phải Vô lượng giả. Thật Vô Lượng Thọ, nên dùng Đại thừa tâm, chân thành tâm để đối xử với mọi người. Thanh tịnh tâm, Bình đẳng tâm, Chính giác tâm, tự thọ dụng, tức là đối với chính mình. Đối với người khác, dùng tâm từ bi, tâm yêu thương. Đối đãi người, phải từ bi. Chúng ta nên học theo hạnh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni.

Khi đức Thích Ca Mâu Ni Phật còn ở nhân địa hành Bồ tát đạo, thời kỳ học Phật, bị vua Ca Lợi cắt xẻ thân thể, bị sỉ nhục không gì bằng, vô cùng tàn khốc. Vua Ca Lợi đưa Ngài đến chỗ chết. Ca Lợi tức là tiếng Ấn Độ, dịch ra tiếng Trung Quốc là Hung Bạo. Ca Lợi vương, người Trung Quốc hay nói là Bạo quân. Bồ tát bị ông ta giết. Nhưng Bồ tát, một chút oán hận cũng không có, lại còn nói với vua Ca Lợi: Tương lai tôi thành Phật, việc đầu tiên tôi làm là đến độ ông. Điều này, chúng ta nên học tập. Nghịch cảnh khiến phải chịu cái chết như thế, cũng có thể chịu được. Ngày nay, người khác hủy báng quý vị vài câu, sỉ nhục quý vị vài câu, quý vị đã chịu không nổi rồi, vậy quý vị có thể học Phật được không? Không thể được. Nên nhẫn nhục. Trong cái nhẫn có niềm vui. Không có gì không thể nhẫn. Vì thế, nhẫn nại đổi thành nhẫn nhục. Đây là do các pháp sư thời nay phiên dịch. Đặc biệt, dùng danh từ này, bởi vì người Trung Quốc rất coi trọng chữ Nhục.

Quý vị xem, trong sách xưa thường nói “*Sĩ khả sát bất khả nhục*” (Kẻ sĩ thà chết chứ không thể chịu nhục). Bị nhục không thể chịu đựng, nhưng chặt đầu thì không vấn đề gì. Không chấp nhận bị làm nhục. Người Trung Quốc có khuyết điểm này. Vì thế, chữ nhẫn nại đổi thành nhẫn nhục. Nhục có thể nhẫn, thì không có gì không thể nhẫn được. Gốc của danh từ này, nó vốn là Nhẫn nại. Bởi vì người xưa rất coi trọng chữ Nhục, cho nên dịch thành Nhẫn nhục. Học Phật

phải buông xả, buông xả là bổ thí. Chân thành buông xả, siêng năng nhẫn nhục, thì quý vị dễ dàng thành tựu.

Cái gì không buông xả được? Danh, lợi. 2 thứ này không buông không được. Người khác hại quý vị, hủy báng quý vị, quý vị bất năng nhẫn, như vậy làm sao thành tựu được? Khi quý vị đang bước đi trên mảnh đất Bồ đề đạo, một tí cũng không thể vươn lên cao, vậy thì sai rồi. Tu hành, tức là tu sửa những hành vi sai trái. Không thể coi việc nhẫn nhục là hành vi sai trái.

Không thể coi việc buông xả là việc làm sai lầm. Đối đãi với người chút từ bi, đặc biệt là đối với người hại ta, nên đối xử từ bi đặc biệt với họ. Tại vì sao? Vì người hại ta, sẽ có lợi ích cho ta. Lợi ích gì đây? Họ đến thử thách ta, xem công phu của ta đạt đến giai đoạn nào rồi. Ta nên vui mừng. Họ thật sự có lợi ích với ta. Nhưng có điều, tâm của họ chẳng phải là thiện tâm, họ tạo nghiệp. Họ tạo nghiệp tương lai sẽ có ác báo. Người giúp đỡ ta thăng hoa trên đạo lộ tu hành, nhưng tương lai sẽ chịu ác báo. Ta phải xử lý thế nào đây? Dùng công đức tu hành của mình để hồi hướng cho họ.

Hi vọng họ trong tương lai khi chịu quả báo hiện tiền, cái khổ họ chịu sẽ giảm nhẹ. Khi chúng ta đã thành tựu rồi, phải nâng đỡ dìu dắt họ, để báo ân. Đây là Phật pháp. Đây gọi là học Phật. Quý vị nên làm! Vì thế, Phật, Bồ tát việc đầu tiên là cảm ơn. Chính những người gây phiền phức, những

người gây chướng ngại khắp nơi cho ta, ta bỏ qua hết thấy thì mới dễ dàng thành tựu. Do đó, trong ánh mắt của Bồ tát, mọi người đều là người tốt, mọi việc là việc tốt. Sự thật là vậy. Một tí cũng không giả.

Phát tâm Bồ đề, có được tâm này rồi sẽ có. Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chính giác, Từ bi. Nhất hướng chuyên niệm. Dùng cái tâm này, chỉ một phương hướng, đó là Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyên niệm A Di Đà Phật. Ngay trong ý muốn niệm A Di Đà Phật đó, chính là đã di dân sang Cực Lạc thế giới rồi. Chúng ta được di dân đến thế giới Cực Lạc. Chúng ta được thân cận với đức Phật A Di Đà, đó là vị thầy tốt nhất. Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà giới thiệu. Mười phương chư Phật cũng vì chúng ta mà giới thiệu. Thế giới Cực Lạc là hoàn cảnh tốt nhất cho việc học Phật. Chúng ta đến đó rồi là coi như đã thành tựu. Ở thế giới này, thành tựu rất khó, thời gian rất dài, đến nơi ấy thì rất nhanh. Vãng sinh về thế giới Cực Lạc, cũng như cách nói ngày nay là Di dân. Di dân qua đó rồi, thì không còn sinh tử nữa.

“Lại như câu Thanh tịnh, là biểu thị lý thể thực tế”. Lý thể thực tế này chính là Chân như bản tính, cũng giống như chỗ nói trong *Tam Tự Kinh* của chúng ta, *“Nhân chi sơ, tính bản thiện”*. Lý thể thật tế là bản thiện. Chữ thiện này chẳng phải thiện của thiện ác. Các vị nên hiểu rõ vấn đề này. Chữ thiện này, ý nghĩa của nó là khen ngợi. Vì nó không có chút tư hào nào khiếm khuyết; hoàn mỹ, viên mãn, nó có ý nghĩa như

vậy. Một chút khiếm khuyết cũng không có. Bất luận là nói về trí tuệ, nói về đức hạnh, hay nói về tướng hảo. Bất luận nói về cái gì, nó đều hoàn toàn viên mãn, nó đều Thanh tịnh, Bình đẳng. Nó có ý nghĩa như vậy đó.

Từ câu Thanh tịnh nảy sinh ra 3 loại trang nghiêm. 3 loại trang nghiêm đồng nhập vào một câu Thanh tịnh. 3 loại trang nghiêm, phía trước đã nói qua rồi. Đây là nói về thế giới Cực Lạc, cho nên, Cực Lạc thế giới, chúng ta phải biết rằng, Cực Lạc thế giới chẳng phải là một quốc gia. Nó chỉ là một khu vực. Vì sao vậy? Vì nó không có chính phủ, nó cũng chẳng phải giống như thiên đường của tôn giáo. Trong thiên đường có Thiên chủ, có Thiên vương, nó có tổ chức chính trị, nó có bá quan văn võ.

Thế giới Cực Lạc không có những thứ đó. Cực Lạc thế giới như chúng ta thấy trong hết thảy các kinh đã giới thiệu. Chúng ta học nhiều năm nay cũng biết rồi. Cực Lạc thế giới người rất đông, nhưng chỉ có 2 loại: Một là thầy giáo, hai là các học sinh. Do đó, nó là nơi để học. Điều này, chúng ta phải nắm bắt cho rõ. Chưa từng nghe nói ở thế giới Cực Lạc, nào là quốc vương, nào là thiên chủ. Không có. Chỉ nhắc đến Phật A Di Đà, Phật A Di Đà là thầy giáo. Ngoài thầy giáo ra, còn lại toàn là học sinh. Học sinh đều có cấp bậc; có sinh viên Đại học, có học sinh Trung học và học sinh Tiểu học. Nhưng, những học sinh này không cần chia lớp, họ cùng nhau ngồi chung một lớp. Thật không thể nghĩ bàn! Vì vậy thế giới Cực

Lạc không có tổ chức. Học sinh tuy rất đông, nhưng họ rất có quy củ. Họ có trật tự một cách rất tự nhiên. Họ đều giữ quy củ, không có ồn ào, không cần tổ chức.

Vậy nên chúng ta biết, cấp bậc Bồ tát, A La Hán đều có ở trong đó, không cần phân ban. Không nói lớp này, người nào làm trưởng lớp, không có. Vấn đề này, lúc đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, đã từng biểu hiện cho chúng ta thấy rồi. Chúng ta muốn học Phật, nên học với Phật Thích Ca Mâu Ni. Điều này, Chương Gia Đại sư dạy cho tôi đó.

Quý vị mới thực sự học được mọi thứ. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật khi còn tại thế, phương pháp dạy học của Ngài giống với Phật A Di Đà. Học sinh rất nhiều. Quý vị thấy trong kinh điển đã ghi chép lại cho chúng ta biết, thường theo chúng học, không rời khỏi thầy giáo.

Thầy giáo đi đến đâu thì học sinh đi đến đó. 1.255 người, lúc nào cũng theo thầy giáo. Tôi tin rằng, sẽ không ít người như vậy, Tăng đoàn của đức Phật Thích ca Mâu ni, ít nhất là 3.000 người. Một Tăng đoàn lớn như thế, nhưng không nghe nói nó có sự tổ chức, chia thành bao nhiêu lớp, người nào lớp trưởng của một ban. Không có. Hoàn toàn là trường tư dạy học, nghiêm chỉnh một cách tự nhiên, người trình độ cao thì dìu dắt người trình độ thấp. Người trình độ cao là Bồ tát. Chúng Bồ tát, các vị này đã lấy được bằng cấp học vị.

Người thấp hơn một bậc là A La Hán. Thấp hơn A La Hán, là những phàm phu chưa được khai ngộ. Đây chính là chỗ chúng tôi thường giảng, Phàm Thánh Đồng Cư Độ của những người đời nghiệp vãng sinh. Trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ không có A La Hán, không có học vị, nó tương tự như học sinh Trung học và Tiểu học. Gặp được người nào, Phàm Thánh Đồng Cư Độ gặp được A La Hán nào, thì A La Hán đó sẽ dạy họ. Gặp được Bồ tát nào, thì vị Bồ tát đó sẽ dạy họ, đều có thể giúp đỡ họ, vô cùng thân thiết, giống như chị em huynh đệ vậy. Thế giới như vậy, chúng ta không thể không biết.

Chúng ta nên học, học với Phật Thích Ca Mâu Ni. Phật pháp không cần có tổ chức, không giống với tôn giáo khác. Tôn giáo khác có tổ chức, từng bậc từng bậc. Với Công giáo, Giáo hoàng Vatican là Chính phủ Trung ương của họ, mỗi quốc gia đều có cơ quan Giám mục, người lãnh đạo của khu vực của họ.

Ở Trung Quốc, mỗi tỉnh đều có chủ giáo Giám mục địa phận, mỗi huyện cũng có Giám mục. Nó có tổ chức hành chính. Trong Phật giáo không có. Quý vị nói xem, như vậy có tốt hay là không? Không tốt. Nếu có, thì trong lòng quý vị có phân biệt, có chấp trước, vậy là không buông xả được. Nó không có.

Quý vị nghĩ xem, Phật giáo khuyên chúng ta hãy đem những chướng ngại đang gồng gánh này, hết tẩy rửa sạch

trống trơn. Không cần tổ chức. Vì thế, chúng ta đến thế giới Cực Lạc mới đúng thân phận của học sinh. Đến nơi đó thành Phật. Thành Phật chính là hết nghiệp.

Sau khi hết nghiệp, quý vị không thể ở lại thế giới Cực Lạc nữa, mà nơi nào có duyên thì đến nơi đó để giáo hóa chúng sinh. Hết nghiệp rồi, thì đi phân phát. Địa phương nào có duyên với quý vị, thì tự nhiên quý vị đến nơi đó. Chúng sinh có cảm, thì quý vị mới có ứng. Đi đến nơi đó dạy học; dạy học nhất định phải giống với Phật A Di Đà, cũng giống với Phật Thích Ca Mâu Ni.

Thanh cao biết nhường nào! Tự tại biết bao! Nếu quý vị có tổ chức, thì quý vị sẽ bị loạn tâm, có phân biệt, có chấp trước, thế là hỏng rồi. Những việc quý vị làm là thế gian pháp, không ra khỏi Lục đạo luân hồi. Đạo lý này không thể không hiểu. Từ đó, quý vị có thể thấy, đây mới là trí tuệ chân thật. Thành tựu chân thật.



TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH

GIẢI DIỄN NGHĨA



TẬP 80



Giảng ngày 15 tháng 7 năm 2010
Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội HongKong
Chuyển ngữ: Tử Hà
Biên tập: Bình Minh



Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời xem tiếp *Đại thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải*, trang 85, dòng 2.

Bình đẳng giả, ly sai biệt dã. Kinh vân, tâm Phật chúng sinh, tam vô sai biệt, chính hiển bình đẳng chi nghĩa (Bình đẳng là lìa sai biệt vậy. Kinh nói: Tâm, Phật, Chúng sinh cả 3 không sai biệt. Chính là chỉ rõ nghĩa Bình đẳng).

Đề kinh này là *Bình Đẳng, Giác*. Chúng ta phân chia danh đề này làm 3 câu để đọc: *Thanh Tịnh. Bình Đẳng. Giác*.

Bình đẳng nghĩa là không sai biệt. Tâm, Phật, Chúng sinh đồng một thể tính. Đều do tự tính biến hiện ra. Trong kinh điển Đại thừa, đức Phật thường dạy: *“Mười phương ba đời Phật, cùng đồng một pháp thân”*, chính là ý nghĩa này.

3 đời Phật là nói về quá khứ, hiện tại, vị lai. Quá khứ đã thành Phật. Đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta một bộ phận: Kinh *Tam Thiên Phật Danh* có 3 quyển - thượng, trung, hạ. Quyển thượng là ngàn Phật quá khứ, quyển trung là ngàn Phật hiện tại, quyển hạ là ngàn Phật vị lai. Phật vị lai nghĩa là chưa thành Phật. Ở đâu? Hết thấy chúng sinh trong lục đạo hiện nay, đều là Phật vị lai. Trong Phật pháp gọi là hữu tình chúng sinh.

Hữu tình chúng sinh. Tình, trong Duy thức nói là thọ, tưởng, hành, thức. Có cảm thọ, cảm thọ khổ lạc ưu hỷ xả, có tư tưởng, chấp trước, ký ức, gọi là hữu tình.

Ngày nay, chúng ta biết được động vật có tình, thực vật có tình, khoáng vật cũng có tình. Thật hiếm có, chúng ta thấy được báo cáo của giới khoa học lượng tử, họ cho chúng ta biết, trong hư không cũng có tình. Đây là điều các nhà khoa học thời cận đại nói, họ khẳng định không có cái không thật sự. Đạo Phật nói chắc chắn không hữu không vô. Ở trạng thái chân không, trong đó còn có nguyên tử, nó hoạt động rất mạnh, nhục nhãn của chúng ta không thấy được.

Trên thực tế, họ đã phát hiện ra những thứ này, rất giống trong kinh đức Phật nói về ý niệm, chính là một niệm bất giác. Đạo Phật nói vô thủ vô minh. Vô thủ, nghĩa là không bắt đầu. Giới khoa học cũng phát hiện ra rồi, thật sự không có nguyên nhân. Thật sự không có bắt đầu, họ cũng nói sát na sinh, sát na diệt, giống như Bồ tát Di Lặc nói, một khảy móng tay có ba trăm hai mươi triệu niệm. Mỗi niệm đều độc lập riêng biệt.

Hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần từ đâu mà có? Chính là những ý niệm này tích lũy liên tục mà sinh ra huyền tướng, nó không có thật. Vì thế, hiện tượng vật chất và hiện tượng tinh thần, hiện tượng đại tự nhiên trong vũ trụ, đều do đây mà có.

Các nhà khoa học cho rằng, có thể đây là nguồn gốc của vũ trụ và sinh mạng. Họ đã phát hiện ra. Nhưng nói rõ ràng nhất, minh bạch nhất là kinh điển Đại thừa.

Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni còn tại thế, chưa có nhiều dụng cụ khoa học, sao Ngài biết được? Ngài dạy chúng ta, hiểu rõ hết thấy là bản năng của mỗi chúng sinh. Quý vị vốn nhìn thấy. Ngày nay, khoa học muốn thấy được nguyên tử, điện tử, phải dùng kính hiển vi tối tân. Chư Phật, Bồ tát thì không cần.

Trong kinh nói chúng ta có ngũ nhãn viên minh: Nhục nhãn, thiên nhãn, tuệ nhãn, pháp nhãn, Phật nhãn. Chúng ta đều có đủ. Nhưng bây giờ nó ở đâu? Nếu có đủ 5 loại nhãn này, thì đâu cần kính hiển vi! Không cần!

Đức Phật dạy, do chúng ta mê mất tự tính, giống như trong *Tam Tạng Kinh* nói vậy. Phật pháp thật sự làm cho nền văn hóa xưa thêm phong phú. Nếu dùng cảnh giới Hoa Nghiêm để giảng về *Tam Tạng Kinh*, có thể giảng thông. “*Nhân chi sơ, tính bản thiện*”. Thiện ở đây không phải thiện đối với ác. Thiện ở đây là danh từ tán thán, khen ngợi. Hay quá, viên mãn quá, không hề khiếm khuyết tí nào. Trí tuệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Kiến, văn, giác, tri, của quý vị không có gì chẳng viên mãn.

Quý vị có thể thấy, có thể thấy được điều gì? Thấy được tiểu quang tử mà giới khoa học ngày nay nói, lập tử cơ bản. Quý vị có thể thấy được tiểu quang tử này phát sinh như thế nào? Do nhất niệm bất giác biến hiện ra. Niệm niệm bất giác, đó chính là tiểu quang tử tích lũy lại. Tiểu quang tử là

ý niệm. Ý niệm tích lũy lại biến thành hiện tượng vật chất. Trong hiện tượng vật chất có kiến, văn, giác, tri. Kiến, văn, giác, tri, vốn sẵn có trong tự tính.

Động vật do tự tính biến hiện ra; thực vật do tự tính biến hiện ra; khoáng vật cũng do tự tính biến hiện ra; hư không pháp giới đều do tự tính biến hiện ra. Mỗi lập tử trong đó, đều có đầy đủ kiến, văn, giác, tri, quý vị có thể thấy được từng lập tử. Trong đó có âm thanh, diệu âm, âm thanh vi diệu, quý vị đều có thể nghe được. Nó có hương, có vị, quý vị có thể ngửi được, nếm được. Điều này, trong kinh đức Phật có nói.

Những điều khoa học ngày nay phát hiện ra, trong Phật pháp gọi là vi trần, cực vi, cũng có thể là lượng tử mà giới khoa học ngày nay nói. Nhưng lượng tử nó có thể tích, bởi nó là vật chất, nó có hiện tượng tinh thần, họ đã nhìn thấy. Họ thấy được sắc, nhưng hương và vị thì chưa phát hiện ra. Sắc, thanh, hương, vị, họ cũng chưa phát hiện được âm thanh.

Đức Phật nói viên mãn hơn. Vũ trụ do vật chất cơ bản cấu thành, đem nó phân tích thấy đều giống nhau. Pháp bình đẳng mà, không hề có chút sai biệt. Vì sao biến hiện ra vũ trụ phức tạp như vậy?

Đức Phật dạy, từ ý niệm sinh ra. Ý niệm phức tạp. Phức tạp đến mức nào, thì bản thân chúng ta không biết được. Vì sao? Bởi tâm chúng ta quá thô. Nếu thanh tịnh, bình đẳng,

giác của chúng ta hiện tiền, thì chúng ta sẽ biết được, sẽ hiểu rõ. Tâm chúng ta quá thô. Mình động niệm, nhưng bản thân mình không biết được. Không chỉ cực kỳ vi tế mà ta không biết được. Trong kinh, đức Phật nói rất rõ ràng, A Lại Da là ý niệm rất vi tế. Ai biết được? Trong kinh nói, Bồ tát Bát Địa biết được, đã chứng minh được!

Các nhà khoa học hiện nay đem so với Bồ tát Bát Địa, không được đâu, còn kém xa lắm! Khoa học mới phát hiện ra có những thứ này, nhưng chưa rõ ràng. Bồ tát Bát Địa thấy được rõ ràng rồi.

Những vị Bồ tát dưới Bát Địa giống như chúng ta, chúng ta cũng biết, nhưng là nghe nói. Học kinh điển Đại thừa, trong kinh có nói đến. Chúng ta biết chắc chắn đức Phật không vọng ngữ. Những điều đức Phật nói chắc chắn là chân, chứ không phải giả. Điều này, chúng ta tin tưởng, chúng ta tin được, đức Phật không vọng ngữ.

Đức Phật dạy chúng ta phù hợp khoa học, chứ chẳng phải do đức Phật nói là chúng ta tin. Đây không phải ý của đức Phật.

Đức Phật dạy, bây giờ các người tin tưởng, các người lý giải được rồi, nhưng đức Phật yêu cầu ta phải chứng thực, mới gọi là cái của chúng ta. Nếu không chứng thực được, thì đó không phải của chúng ta, mà là của chư Phật, Bồ tát nói. Tuy quý vị biết, nhưng chẳng được lợi ích. Nếu quý vị chứng

thực được Hành, Chứng. Hành nghĩa là gì? Là buông bỏ. Vì sao quý vị không thể chứng thực? Phải hỏi quý vị, vì sao tâm của quý vị không chân thành? Không buông bỏ vọng tưởng, quý vị không chân thành.

Vọng tưởng là vô thỉ vô minh, chính là khởi tâm động niệm. Ý niệm của quý vị, ý niệm này diệt, ý niệm kia khởi, miên viễn không ngừng lại. Có cái này thì không có chân thành. Vì sao? Bởi cái này là giả. Khởi tâm động niệm là giả chẳng phải chân.

Trong tự tính, Đại sư Huệ Năng nói rất hay: “*Vốn không dao động*”. Vốn không dao động, trong kinh điển Đại thừa, đức Phật thường gọi là tự tính bản định. Người xưa nói rằng tự tính bản thiện. Bản định là bản thiện, không dao động.

Chẳng những chúng ta có vọng tưởng, nghĩa là có khởi tâm động niệm, mà còn phân biệt, chấp trước nữa. Tiêu rồi! Khởi tâm động niệm là gợn sóng. Phân biệt là sóng. Chấp trước là sóng lớn. Tâm của quý vị không định được.

Tu học Phật pháp, 84.000 pháp môn, bất luận pháp môn nào cũng phải tu định. Nếu không định, thì chẳng thể khế nhập. Vì thế, trong Phật pháp, định là cốt lõi tu tập. Những phương pháp khác là giúp cho quý vị được định. Dạy quý vị trì giới, giới giúp cho quý vị được định, đây là phương pháp. Nhân giới được định, định đến trình độ nhất định, sẽ hoát nhiên đại ngộ, trí tuệ khai, đó gọi là chứng đắc. Định

không chứng được. Muốn chứng được trước bắt buộc phải có định.

Sau khi khai trí tuệ, đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chúng ta nói hết thấy muôn vật, Tính-Tướng, Lý-Sự, Nhân-Quả của muôn vật ta đều hiểu rõ.

Tâm kinh nói: *“Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không”*.

Ngũ uẩn là gì? Ngũ uẩn là vũ trụ. Sắc là vật chất; thọ, tưởng, hành, thức là tinh thần. Gọi là ngũ uẩn. Đây là đứng về mặt A Lại Da mà nói, chứ tự tính thì không có. Trong tự tính không hiện tướng. Tự tính bản định khi không hiện tướng, có ngũ uẩn chăng? Có! Đại sư Huệ Năng nói: *“Đâu ngờ tự tính vốn tự đầy đủ”*. Đó là khi không hiện tướng. Vì thế, không hiện tướng chẳng thể nói nó là không có. Có thọ, tưởng, hành, thức, nhưng là ẩn không hiện. Tự tính không phải là vật chất cũng chẳng phải là tinh thần, nhưng có thể hiện vật chất, có thể hiện tinh thần. Gặp được duyên, duyên ở đây chính là một niệm bất giác. Gặp được duyên này, thì năng sinh vạn pháp. *Hoàn Nguyên Quán* gọi là “xuất sinh vô tận”.

Vô tận, nhưng có một cái làm chủ nó. Vì sao nó sinh? Ý niệm! Vì thế, Phật pháp nói: *“Hết thấy pháp từ tâm tướng sinh”*. Ý niệm đấy! Sức mạnh của ý niệm rất lớn. Ý niệm có sức mạnh. Sức mạnh của chúng ta không lớn bao nhiêu, nguyên nhân vì sao? Bởi ý niệm của chúng ta tán loạn, nghĩa

là ý niệm của ta không thể tập trung. Ý niệm tập trung sẽ sinh ra một sức mạnh rất lớn.

Tu tập trong Phật pháp, bảo quý vị nhất tâm xưng niệm. Nhất tâm ở đây là gom ý niệm tán loạn tập trung lại. Năng lượng đó đúng là không thể nghĩ bàn.

Lễ phép đầu tiên của Phật giáo là chấp tay. Chấp tay tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho nhất tâm. Bình thường 10 ngón tay đều tán loạn, tâm tán loạn, thu tâm tán loạn lại thành nhất tâm. Nó tượng trưng cho ý nghĩa này, cho nên khi chấp tay phải chấp sát, bởi nó tượng trưng cho nhất, nó tượng trưng cho tán loạn thu lại thành một.

Cảnh giới nhất tâm biến ra, chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật, gọi là Nhất chân pháp giới. Tâm tán loạn biến thành mười pháp giới, biến thành lục đạo, biến thành tam đồ, đều do tâm tán loạn biến ra.

Chúng ta không nói đến một đời, chỉ nói một ngày thôi, từ sáng đến tối có bao nhiêu vọng niệm? *“Niệm niệm thành hình, hình giai hữu thức”*. Vũ trụ từ đâu mà có? Do tự tính biến hiện ra. Tự tính của ai? Tự tính của chính mình! Không liên quan gì đến người khác. Mỗi người biến hiện cảnh giới của riêng mình, hổ tương trùng điệp. Trong sự trùng điệp đó có cộng nghiệp và bất cộng nghiệp.

Cộng nghiệp, nghĩa là chúng ta có thể thấy được. Bất cộng nghiệp là chỉ có mình biết được, chứ người khác không biết

được. Người có định sẽ biết được. Vì sao? Bởi định công đột phá không gian duy thứ. Vì thế, không gian duy thứ nếu đứng về mặt lý luận mà nói, như các nhà khoa học nói, là vô hạn lượng. Đây là lời chân thật. Không gian duy thứ từ đâu mà có? Từ vọng niệm mà có, nghĩa là từ phân biệt, chấp trước mà có. Có phân biệt, chấp trước là có không gian duy thứ. Không còn phân biệt, chấp trước, thì sẽ phá được không gian duy thứ. Sự việc là như vậy.

Do vậy, tu tập chú trọng công phu. Thế nào là công phu? Chẳng phải ta đọc bao nhiêu bộ kinh, ta đọc bao nhiêu danh hiệu Phật. Không phải như thế, đây không phải là công phu. Công phu là gì? Đây là phương pháp. Dùng những phương pháp này thành tựu công phu của quý vị. Công phu nghĩa là buông bỏ chấp trước, buông bỏ phân biệt, buông bỏ khởi tâm động niệm, gọi đó là công phu. Khó quá!

Ngày nay, chúng ta sử dụng phương pháp Trì danh niệm Phật, đây cũng là pháp môn. Dùng pháp môn này thành tựu công phu của chính mình. Đầu tiên, chúng ta niệm để buông chấp trước. Phương pháp này hay quá, chỉ chấp trước A Di Đà Phật. Quý vị xem, trong kinh nói *“Chấp trì danh hiệu”*. Chấp chính là chấp trước, trì là bảo trì, không cho nó mất. Chấp trì danh hiệu này, còn những thứ khác buông bỏ hết đừng chấp trước. Dùng một chấp trước để buông bỏ hết thấy chấp trước. Bởi vì bảo quý vị buông bỏ hết thấy chấp trước, không dễ dàng gì, khó có thể làm được, luôn luôn

phải chấp trước. Đây là pháp phương tiện. Trong vô lượng pháp môn đây là pháp môn số một. Dùng câu Phật hiệu này, bởi câu Phật hiệu này thật sự rất hay, trong hết thấy thời, hết thấy xứ đều có thể niệm được, không bị trói buộc vào bất cứ hình thức nào. Niệm tiếng lớn, niệm tiếng nhỏ, niệm thành tiếng hay mặc niệm đều được hết, niệm trong tâm cũng được. Quý vị xem, rất dễ!

Mục đích ở đâu? Dùng một niệm để gạt bỏ hết thấy vọng niệm. Nếu ta niệm câu Phật hiệu này, vẫn còn xen lẫn tạp niệm khác, thì công phu niệm Phật của quý vị bị phá hoại hết rồi. Như vậy là công phu không đắc lực.

Hôm qua, có người hỏi tôi: Niệm Phật mà tạp niệm nhiều quá, dùng phương pháp nào để gạt bỏ tạp niệm? Công phu không đắc lực! Nếu công phu đắc lực thì sẽ ít tạp niệm.

Điều này liên quan đến tín nguyện. Nếu thật sự phát nguyện: Đời này buông bỏ hết tất cả, chỉ hướng đến một mục tiêu, cầu sinh Tịnh độ, thấy được đức Phật A Di Đà. Nếu quý vị chỉ đơn thuần có một mục tiêu như vậy, một phương hướng như vậy, thì những thứ khác tự nhiên sẽ buông bỏ hết.

Nếu nghĩ rằng, tôi muốn ở thế gian này làm cái này làm cái khác, thì vọng niệm của quý vị rất nhiều. Đến khi nào mới có thể đạt được tâm thanh tịnh? Sự thật này, chúng ta chẳng thể không biết.

Trong kinh *Vô Lượng Thọ*, đức Phật dạy chúng ta: “*Phát Bồ đề tâm. Nhất hướng chuyên niệm*”. Ngài đem phương pháp cầu sinh về thế giới Cực Lạc, thân cận đức Phật A Di Đà xếp vào vị trí số một, chứ không nói về những điều khác. Vì sao? Bởi chỉ có sự thành tựu này mới gọi là thành tựu viên mãn. Vãng sinh Phạm Thánh Đồng Cư Độ hạ hạ phẩm vãng sinh, cũng là chân thật thành tựu viên mãn. Vì sao? Bởi đến thế giới Cực Lạc là địa vị Bồ tát A Duy Việt Trí.

Chúng sinh khổ, chúng sinh có nạn. Ai đến cứu họ? Đây là việc làm của chư Phật, Bồ tát. Chúng ta là Phật, Bồ tát chẳng? Không phải. Vì sao? Bởi chư Phật, Bồ tát không có vọng tưởng.

Ở thế gian này, chẳng phải không có Phật, Bồ tát? Có! Chư Phật, Bồ tát thừa nguyện thị hiện rất nhiều. Thật sự có các Ngài thị hiện ở thế gian này. Quý vị hỏi các Ngài có vọng tưởng chẳng? Không có! Các Ngài có phân biệt, chấp trước không? Không có! Các Ngài thật sự không có. Phân biệt, chấp trước của các Ngài là hòa quang đồng trần. Các người chấp trước, ta thuận theo sự chấp trước của các người. Các người phân biệt, ta thuận theo sự phân biệt của các người. Như vậy sẽ dễ nói chuyện với quý vị, dễ qua lại với quý vị! Tâm các Ngài thanh tịnh, không nhiễm một bụi trần. Đó thật sự là Bồ tát.

Quý vị cần nên biết. Vào thời đại chúng ta, bất luận trong nước hay nước ngoài, rất nhiều chuyện bịa đặt.

Năm xưa, khi tôi sống ở Mỹ, có người nói với tôi rằng: Người kia là Bồ tát Văn Thù thị hiện, người này là Phật gì đó thị hiện. Một số học trò đến hỏi tôi. Tôi nói với họ, chư Phật, Bồ tát ứng hóa tại thế gian này là thật có, chứ không phải giả. Nhưng có một quy định, nếu thân thể các Ngài bị tiết lộ, thì các Ngài lập tức nhập Niết bàn. Đó là thật, chứ không phải giả. Nếu thân thể các Ngài bị tiết lộ, mà vẫn ở thế gian này chứ không nhập Niết bàn, thì đây là giả, tuyệt đối không phải thật. Từ đây, từ chỗ thị hiện này, lưu lại cho hàng đệ tử chúng ta, làm tài liệu tham khảo chính xác.

Bồ Đại Hòa thượng, thật sự có nhân vật này. Truyện ký của Ngài trong *Cao Tăng Truyện*, Ngài chính là Bồ tát Di Lặc chúng ta thờ ngày nay. Ngài xuất hiện vào triều đại nhà Tống, cùng thời đại với Nhạc Phi, vào thời Tống Cao Tông. Trong truyện ký có ghi chép một số việc của Ngài. Không ai biết họ tên Ngài, cũng không ai biết tuổi tác của Ngài. Chỉ biết rằng, khi đó ở Phụng Hóa có một người xuất gia như thế. Hàng ngày, khoác túi vải lớn trên vai đi hóa duyên. Người ta cúng dường cho bất cứ vật gì, Ngài cũng bỏ vào túi, không nhòm ngó tới, cho nên người ta mới gọi Ngài là Bồ Đại Hòa thượng. Lỗ tai to và dài. Gặp người là cười múm míp. Khi sắp lâm chung, Ngài tuyên bố với mọi người, Ngài là Bồ tát Di Lặc thị hiện. Nói xong, Ngài ngồi xếp bằng mà vãng sinh. Đây là thật chứ không phải giả.

Hoặc là người khác tuyên bố thân thế của các Ngài, người khác vừa tuyên bố là các Ngài nhập Niết bàn ngay. Đó cũng là thật.

Hòa thượng Phong Can ở chùa Quốc Thanh, là đức Phật A Di Đà thị hiện. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Thị trưởng khi đó, mẫu thân bị bệnh, Hòa thượng Phong Can chữa khỏi bệnh cho mẹ ông ấy. Ông biết ơn vô cùng, thỉnh giáo với vị hòa thượng này.

Đúng lúc ông được phân đến địa phương làm thái thú, nghĩa là làm thị trưởng ở đây. Ông thỉnh giáo với Hòa thượng: Núi Thiên Thai là khu vực con trông coi, trong đấy có bậc cao tăng chân chính chăng? Có! Hòa thượng nói có. Là ai vậy? Là Hàn Sơn, Thập Đắc. Ông đến ngôi chùa đó thân cận 2 vị này. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền. Đây là do Hòa thượng Phong Can nói ra.

Ông thị trưởng đi đến đó, người ta đến lễ bái tham học, muốn gặp được thánh hiền tăng. Nói đến Hàn Sơn, Thập Đắc mọi người đều cười. Họ nói: Sao ông lại tìm 2 người đó? 2 người đó khùng khùng điên điên, thần kinh mà! Sao lại tìm họ? Trong đây có rất nhiều cao tăng. 2 người đó chỉ là người làm việc trong bếp thôi. Một người gánh nước, một người đốt lửa. Sao ông lại tìm 2 người này? Ông thị trưởng không nói gì. Ông biết 2 vị này là Bồ tát thị hiện, nhất định phải đến đánh lễ. 2 vị khùng khùng điên điên này cười ông.

Chạy ra ngoài, ông chạy theo sau, đuổi theo. Chạy đến bên ngọn núi, ngọn núi tách ra, 2 vị đó đi vào trong, nói một câu: “Di Đà bẻm mép”. Nói xong, ngọn núi khép lại, không thấy nữa. Đó là thật.

Ông ta nghe nói câu “Di Đà bẻm mép”. Hòa thượng Phong Can nói với ông, như vậy Phong Can chính là Di Đà. Thân thể của Hòa thượng Phong Can bị bại lộ. Ông trở về tìm Hòa thượng Phong Can. Hòa thượng Phong Can đã viên tịch rồi, không còn nữa.

Trong lịch sử Trung Quốc, hiện tượng này rất nhiều. Nói xong là Niết bàn. Nói xong mà vẫn còn sống, là lường gạt người đấy! Làm gì có lý như vậy! Người xưa làm cho chúng ta thấy. Nhiều thời đại thật sự có, chẳng những có người xuất gia, mà có cả người tại gia nữa.

Chúng ta học đến Phó Đại Sĩ, vị cư sĩ triều đại nhà Đường, ông cũng là hóa thân của Bồ tát Di Lặc. Những thường thức này, khi chúng tôi mới học Phật, thầy giáo phó chúc cho chúng tôi, sau này gặp phải, đừng bị mắc lừa. Những việc này chẳng thể không biết.

Ở thời cận đại này, khi xã hội bỏ qua nền giáo dục luân lý, đạo đức, nhân quả, xã hội thiếu đi chính khí, khí hào nhiên. Người nước ngoài gọi là từ trường. Bởi chúng ta làm mất đi nền giáo dục của cổ thánh tiên hiền. Ở nước ngoài cũng làm mất nền giáo dục của tôn giáo. Hết thầy đều làm mê tín, nết

sống của xã hội xấu đi. Người nước ngoài nói từ trường xấu đi. Yêu ma quỷ quái xuất hiện. Nếu xã hội có chính khí, có yêu ma quỷ quái chẳng? Có, nhưng nó không dám xuất hiện. Nó phải ẩn nấp, không dám hiện thân. Ngày nay, đã hiện ra, cho nên nhiều chuyện bịa đặt, nhất định chúng ta phải biết.

Khi đức Phật Thích Ca sắp Niết bàn, Tôn giả A Nan thỉnh giáo với Phật: Khi Phật còn tại thế, Phật là thầy của chúng con, Ngài nhập Niết bàn rồi, chúng con tôn ai làm thầy? Chúng con phải học tập với ai đây? Đức Phật không giới thiệu ai hết. Đức Phật nói với A Nan, nghĩa là Ngài nói với chúng ta: *“Lấy giới làm thầy”, “Lấy khổ làm thầy”*.

Nếu muốn thật sự thành tựu đạo nghiệp, nhất định phải đem những chuyện ở thế gian, như danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tài sắc, danh thực thù, buông bỏ hết. Vì sao? Nếu không buông được những thứ này, thì làm sao có thể đạt được thanh tịnh, bình đẳng, giác. Thanh tịnh, bình đẳng, giác là Tính đức. Người xưa nói, tự tính bản thiện, bản tính bản thiện. *Tam Tự Kinh* nói, *Nhân chi sơ, tính bản thiện*. Tự tính của quý vị là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi. Hiện nay, mê mất tự tính, cho nên mới có tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, tham, sân, si, mạn. Trong tự tính không có những thứ này. Đó là gì? Là tập tính, trong tập tính có, không có trong tự tính. *Tam Tự Kinh* nói tiếp: *“Tính tương cận, tập tương viễn”*.

Đứng về mặt tự tính mà nói, thì mọi người đều là Phật. Đức Phật dạy: *Hết thấy chúng sinh vốn là Phật*. Cổ thánh tiên hiền nói: *Hết thấy chúng sinh đều là thánh hiền* - “Ai ai cũng có thể làm Nghiêu Thuấn”. Nghiêu Thuấn là thánh nhân. Tự tính của quý vị là như vậy, tính giống nhau. Ngày nay, chúng ta gọi là bình đẳng, nhưng tập thì tương viễn.

Tập là tập tính, là thói quen, “gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”. Khái niệm giáo dục từ đây mà có. Vì sao phải dạy? “*Nếu không dạy, tính bèn dờ*”. Nếu không dạy dỗ cẩn thận, tập tính với bản tính càng ngày càng xa, xa đến mức không còn thấy thiện, mà chỉ thấy ác thôi. Phiền phức lớn đấy.

Từ đó, quý vị sẽ biết được, mục đích giáo dục từ xưa đến nay là gì? Là hy vọng tập tính của quý vị sẽ tương ưng với bản tính. Như thế là đúng. Mục đích cuối cùng là trở về bản tính, giống như Phật pháp vậy. Phật pháp dạy học là dạy chúng ta trở về tự tính. Tự tính là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chính giác, từ bi. Trở về chỗ này, thì sự giáo dục này viên mãn, thành công rồi!

Chỉ cần trở về tự tính, thì đối với vũ trụ, nhân sinh, muôn sự, muôn vật, chẳng có điều gì quý vị không thông đạt, không hiểu rõ. Vì sao? Bởi tự tính có trí tuệ viên mãn, tự tính có đức năng viên mãn, ngày nay chúng ta gọi là tài nghệ. Tự tính có phúc báo viên mãn. Tướng hảo chính là phúc báo. Không cần cầu, có đủ hết.

3 loại phúc báo này giống ai? Như đức Phật A Di Đà trong kinh đức Phật nói. Thế giới Cực Lạc của đức Phật A Di Đà, quý vị xem, phúc báo của Ngài lớn biết bao. Phúc báo của quý vị giống như Ngài vậy. So với Ngài ta không thiếu một điều gì. Đức Phật A Di Đà, thân có vô lượng tướng, vô lượng vẻ đẹp. Chẳng phải chỉ có 32 tướng 80 vẻ đẹp đâu. Đó là cõi Nhân gian này. Bản thân mình là thân Kim cương bất hoại, thật sự là vô lượng thọ.

Ngày nay, chúng ta ra nông nổi này, đó là gì? Là tập tính. Tập tính biến hiện ra. Vọng tưởng trong tập tính. Những đạo lý và chân tướng sự thật này, đều phải hiểu rõ ràng minh bạch. Mê thất tự tính, thì con người sẽ rất khổ. Trí tuệ trong tự tính không thể hiện tiền. Phải làm sao đây? Học tập, cầu học khắp nơi. Những điều ta học được ngày nay là tri thức chứ không phải trí tuệ. Đó là sự khác biệt lớn nhất giữa người phương Tây và người phương Đông.

Phương Đông từ xưa đến nay, như Trung Quốc, Ấn Độ, mục đích dạy học là trí tuệ. Phật giáo nói khai ngộ, Nho giáo và Đạo giáo cũng nói đến khai ngộ. Chú trọng ngộ tính, chú trọng đức hạnh, chú trọng sự điềm tĩnh. Điềm tĩnh gần với định công. Trí tuệ giải quyết được mọi vấn đề, nhưng không để lại di chứng về sau. Tri thức có thể giải quyết được vấn đề cục bộ, nhưng có nhiều hậu di chứng, đó chẳng phải là phương pháp.

Vì thế, đầu tiên chúng ta phải hiểu, Phật pháp thật sự vô cùng viên mãn. Bất luận là lý luận, phương pháp, hiệu quả hay kinh nghiệm, đều đáng để cho chúng ta học tập.

Sự thành tựu của Phật pháp không phải thành tựu người khác mà là thành tựu chính mình. Sự y cứ của Phật pháp đều là Tính đức của chính mình. Chúng ta học với ai? Chẳng phải học với đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chẳng phải học với đức Phật A Di Đà, mà là học với tự tính của chính mình. Phật A Di Đà là tự tính biến hiện ra.

Quý vị xem Thiền sư Trung Phong khai thị trong tam thời hệ niệm, Ngài nói rất rõ ràng: *“Tâm con tức là Phật A Di Đà. Phật A Di Đà chính là tâm con”*. Phật A Di Đà từ đâu mà có? Tâm ta biến hiện ra. Do tâm gì biến hiện ra. Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác biến hiện ra. Phật A Di Đà chính là Thanh tịnh, Bình đẳng, Giác của tự tính. Nơi đây là Tịnh độ. Tịnh độ là nơi đây. Ngài nói vô cùng rõ ràng minh bạch. Tự, Tha bất nhị; Tính, Tướng nhất như. Đây là sự thành tựu của Phật pháp.

Ý niệm khác biệt của hàng phàm phu chúng ta chính là phân biệt, rất khó đoạn. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cần phải học. Học điều gì? Học không khác biệt, cũng có nghĩa là học không phân biệt, cố gắng làm phai nhạt phân biệt, phai nhạt chấp trước, như thế là tiến bộ. Thật sự không phân biệt nữa, chúc mừng quý vị, quý vị đã chứng

được quả vị A La Hán, đã siêu việt được lục đạo rồi. Luân hồi lục đạo từ chấp trước mà có, không còn chấp trước thì lục đạo sẽ không có. Không còn phân biệt, thì mười pháp giới không còn.

Đến khi nào mới biết mình thật sự đoạn được phân biệt, chấp trước? Không còn mười pháp giới là quý vị thật sự đoạn được phân biệt, chấp trước. Nếu lục đạo và mười pháp giới vẫn còn, quý vị sẽ biết được mình vẫn còn chấp trước, vẫn còn phân biệt, vẫn chưa đoạn! Đức Phật nói lời chân thật, không giả dối.

Nhưng về lý, nhất định chúng ta phải biết Tâm là thể, năng sinh, năng hiện, bao gồm cả năng biến của A Lại Da.

Phật và chúng sinh, Phật là giác ngộ, chúng sinh thì mê hoặc, đều là sở sinh, sở hiện, sở biến. Giác và mê là hai, nhưng đều từ tâm sinh, tam vô sai biệt. Đây gọi là chân bình đẳng.

Nhập Phật Cảnh Giới Kinh viết: Bồ đề giả, danh vi bình đẳng. Bình đẳng giả, danh vi chân như, nãi chí bình đẳng giả tức thị nhập bất nhị pháp môn. Cố tri hữu sai biệt tức thị nhị, tức bất như. Cố vân bình đẳng tức nhập bất nhị, tức thị chân như. Khả kiến bình đẳng chí nghĩa thậm thâm (Kinh Nhập Phật Cảnh Giới nói: Bồ đề gọi là Bình đẳng. Bình đẳng gọi là Chân như, cho đến Bình đẳng tức là nhập pháp môn Bất nhị. Vì thế, nên biết, có sai biệt tức là nhị, là bất như. Do đó, nói

Bình đẳng tức nhập Bất nhị, tức nhập Chân như. Có thể thấy nghĩa Bình đẳng rất sâu).

Đoạn kinh này hay quá, giống như kinh *Hoa Nghiêm* nói: “*Một là tất cả. Tất cả là một*”. Nếu ta ngộ nhập Phật pháp, trong đó là thông. Người xưa nói rất hay: “*Thông được một bộ kinh sẽ lâu thông hết thấy kinh*”. Thông được một pháp môn, sẽ thông hết thấy các pháp môn. Còn một pháp không thông, nghĩa là pháp môn đó quý vị chưa thấu triệt. Thật sự thấu triệt rồi, thì đâu có lý chẳng thông!

Bồ đề là tiếng Ấn Độ, dịch thành tiếng Hán có nghĩa là Giác ngộ. Người thật sự giác ngộ, tâm thì bình đẳng. Trong tâm còn vọng niệm, nghĩa là chưa giác ngộ. Vẫn còn bất bình là chưa giác ngộ. Vẫn còn chấp trước cũng chưa giác ngộ. Bình đẳng là giác ngộ. Bình đẳng chính là Chân như trong kinh nói. Chân như chính là bản tính.

“*Cho đến Bình đẳng tức là nhập pháp môn Bất nhị*”. Câu này nói hay quá. Nhị là có sai biệt, chúng ta khởi tâm động niệm là nhị, lạc vào hai rồi. Khi nào nhập được pháp môn Bất nhị? Lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thấy rõ ràng, nghe minh bạch, mà không khởi tâm động niệm, đây gọi là nhập pháp môn Bất nhị. Cảnh giới này, trong kinh *Lăng Nghiêm*, đức Phật nói rất hay. Kinh *Lăng Nghiêm* nói xả thức dụng căn. Phương pháp tu tập này phải là bậc thượng căn lợi trí, chúng ta không làm được đâu.

Chúng ta thấy sắc, nghe thanh là dùng nhãn thức, nhĩ thức. Thức là phân biệt. Không dùng phân biệt là tính thấy, tính nghe, đó là dùng Bồ đề. Tính thấy, thấy là sắc tính. Tính nghe, nghe là thanh tính. Là tính chứ không gọi là trần. Phạm phu nhãn thức thấy là sắc trần, nhĩ thức nghe là thanh trần. Trần có nghĩa là gì? Là nhiễm ô. Tính là chân thành, là chân như, không nhiễm ô. Đó gọi là gì? Là minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Kiến tính có nghĩa là như vậy. Mắt thấy là sắc tính, tai nghe tiếng là thanh tính.

Tính có nghĩa là gì? Kinh *Bát Nhã* nói: “*Hết thấy pháp*”. Hết thấy pháp ở đây chính là cảnh giới lục trần, lục căn lục trần, năng kiến, sở kiến. “*Hết thấy pháp, vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”. Đức Phật giảng kinh *Bát Nhã* 22 năm. Ngài giảng về điều gì? Trí tuệ chân thật, vô thượng Bồ đề. Ngài nói về chân tướng của vũ trụ nhân sinh.

Những bộ kinh hay như thế, ngày nay dần dần các nhà khoa học đã chứng minh. Đó là việc tốt. Giới khoa học dùng phương pháp thực nghiệm. Từ việc thực nghiệm này, họ có được kết luận đức Phật nói không sai, nhất là nói về duyên khởi của vũ trụ, vạn vật, sinh mạng, nhân sinh. Những thứ này từ đâu mà có? Sự việc này cho đến ngày nay, quý vị xem trên thế giới, biết bao nhiêu nhà khoa học, triết học, bao gồm cả các nhà tôn giáo, mấy ngàn năm rồi nghiên cứu về vấn đề này. Nếu tính cả đạo Bà la môn vào đó, thì phải là hơn 10 ngàn năm rồi, nhân loại nghiên cứu về vấn đề này.

Đạo Bà la môn rất giỏi, họ dùng phương pháp rất tuyệt, họ dùng thiền định đấy. Nhập thiền định thậm thâm, trong cảnh giới thiền định, đột phá không gian duy thứ. Lục đạo do họ phát hiện ra. Điều này, cần nên biết.

Trong công phu thiền định, họ có thể thấy được 28 tầng trời, bên dưới thấy được ngạ quỷ, địa ngục. Là cảnh giới hiện lượng. Hiện lượng nghĩa là tận mắt thấy được, chứ chẳng phải người khác nói cho họ biết, cũng chẳng phải lý luận suy đoán. Họ thật sự nhìn thấy.

Quý vị nhập được cảnh định này, quý vị sẽ thấy được. Họ nhập được cảnh định này, họ cũng thấy được, cho nên người thấy được rất nhiều. Hầu như hết thầy tôn giáo ở Ấn Độ, đều tu Tứ thiền Bát định. Học phái Ấn Độ, học phái triết học cũng tu thiền định. Vì thế, ở Ấn Độ, lục đạo được phổ biến khẳng định. Vì sao? Bởi rất nhiều người thấy được rồi.

Năm xưa, đức Phật Thích Ca Mâu Ni, 19 tuổi, Ngài rời vương cung đi tham học. Nền tảng công phu là Tứ thiền Bát định, dĩ nhiên Ngài học rất giỏi. Ngài cũng rất rõ ràng minh bạch. Khi giảng kinh, Ngài thường đưa ra những điển hình này. Ngài cũng dạy chúng ta hạ thủ công phu từ đây. Vì sao? Đây gọi là thế gian thiền định. Xuất thế gian thiền định càng cao hơn. Đây là nền tảng. Nếu không có thế gian thiền định, thì làm sao có thể tu xuất thế gian thiền định?

Xuất thế gian thiền định thấp nhất là A La Hán. Trong hội Lăng Nghiêm, định của bậc A La Hán tu, gọi là cửu thứ

đệ định. Tứ thiên cộng Tứ Không Định, định này có 8 đẳng cấp. Định thứ 9 siêu việt rồi. Bậc A La Hán chứng được. Siêu việt luân hồi lục đạo. Lên trên nữa, định của hàng Bồ tát càng sâu hơn. Bồ tát tiến lên nữa, có khoảng hơn 40 đẳng cấp. Chúng ta tính từ bậc A La Hán, định thứ 9, đẳng cấp thứ 9. Bích Chi Phật là 10. Trong mười pháp giới, Bồ tát là thứ 11, Phật là thứ 12. Lên trên nữa vẫn còn 41 đẳng cấp, 41 vị pháp thân đại sĩ ở hội Hoa Nghiêm. Cấp bậc từ từ hướng thượng nâng lên. Đây gọi là chân tu hành, chân công phu.

Bất luận tu tập pháp môn nào, quý vị chẳng thể nói không cần trải qua những gian đoạn này, không thể được. Bất luận tu pháp môn nào, đều phải theo thứ lớp này tiến lên. Đây là Phật pháp. Phật pháp cao thâm mà.

Xã hội của chúng ta ngày nay, ngay cả giới triết học và khoa học, có trí tuệ của bậc A La Hán, nhưng không có đức hạnh của A La Hán. Đức hạnh chính là định, họ không có định của bậc A La Hán. Họ nghiên cứu, dùng máy móc tinh vi quan sát được. A La Hán thấy được, thiên nhãn, tuệ nhãn của bậc A La Hán thấy được, không cần dùng máy móc, họ còn thấy được rõ hơn quý vị nữa. Lên cao nữa như các vị Bồ tát thì chẳng cần phải nói.

Đến chỗ nhập pháp môn Bất nhị, hàng Bồ tát Sơ Trụ trong hội Hoa Nghiêm mới nhập được. Cũng chính là điều trong

đạo Phật thường nói: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật, là nhập pháp môn Bất nhị.

Trong mười pháp giới có nhị, bởi họ vẫn còn phân biệt vi tế. Đến cõi Thật Báo, siêu việt mười pháp giới, thật sự không còn ý niệm đối lập nữa. Điều này, ngày nay chúng ta đang học, họ cách nào? Học không đối lập với người. Họ đối lập với ta, ta không đối lập với họ. Không đối lập với sự việc, cũng không đối lập với hết thảy vật. Từ trong nội tâm hóa giải đối lập.

Làm cách nào để đạt đến chỗ công phu như thế? Khi đạo Phật chưa truyền sang Trung Quốc, người xưa đã đưa ra vấn đề, không khác gì lời Phật dạy.

Lão Tử nói: *“Thiên địa với ta đồng căn, vạn vật với ta nhất thể”*. Ta và thiên địa vạn vật đồng căn một thể, thì làm gì có hai nữa? Đây chẳng phải là điều đức Phật nói sao? Đó chính là nhập pháp môn Bất nhị mà đạo Phật nói. Vì thế, người xưa, tôi cho rằng họ đều là chư Phật, Bồ tát tái lai, đến phàm trần hóa độ chúng sinh.

Người xưa không tin có thần. Quý vị đọc lịch sử xưa xem, người xưa không mê tín, ở đó không có tôn giáo. Nước ngoài có tôn giáo, ở đó không có tôn giáo. Ở đó có thánh nhân, có hiền nhân. Những điều các vị thánh hiền này dạy chúng ta, có nhiều chỗ tương ứng với Phật pháp. Do vậy, Phật pháp truyền vào Trung Quốc, được người Trung Quốc vô cùng hoan nghênh. Đạo lý là ở chỗ này.

Tôn giáo truyền vào Trung Quốc, người Trung Quốc tỏ ra lạnh nhạt với nó, không hoan nghênh cho lắm. Nhưng người xưa rộng lượng, từ bi, bao dung không bài xích, đối xử rất tốt. Chúng ta có thể hòa bình chung sống. Thật sự đã bao dung tôn giáo.

Ở đây, cho thấy ý nghĩa bình đẳng vô cùng thâm sâu. Trong Phật pháp, trước nói về thanh tịnh, sau nói về giác, đều có nghĩa lý vô cùng thâm sâu.

Kim đề trung viết bình đẳng giác, khả hữu tứ giải (Nay trong đề kinh ghi *Bình đẳng, Giác*, có thể có 4 giải nghĩa).

Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ hợp Bình đẳng, Giác lại. Tôi giảng kinh đem Bình đẳng, Giác phân ra. Ở đây, ông hợp Bình đẳng, Giác lại, cũng được. Vì sao? Bởi bình đẳng là định. Nhân định khai ngộ. Giác là khai ngộ. Thanh tịnh là giới. Bình đẳng là định. Giác là trí tuệ. Khai ngộ rồi.

Nếu đứng về mặt thể dụng mà nói, bình đẳng là thể của khai ngộ, từ đây mà khai ngộ. Khai ngộ là dụng của bình đẳng. Bình đẳng là thể, giác là dụng. Chúng ta đang nói về thể - tướng - dụng. Thanh tịnh là tướng. Bình đẳng là thể. Giác là dụng. Đây là đứng về mặt thể - tướng - dụng mà nói.

Bình đẳng, Giác có 4 nghĩa.

Nhất viết bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sinh (Một là Bình đẳng giác ngộ khắp hết thảy chúng sinh). Câu này có nghĩa là *Phổ linh nhất thiết chúng sinh bình đẳng thành Phật*

chi pháp (Khiến khắp hết thấy chúng sinh pháp bình đẳng thành Phật).

Ý nghĩa này hay quá. Đức Phật nhìn chúng sinh đều là Phật. Bồ tát thấy chúng sinh đều là Bồ tát. Pháp bình đẳng đấy. Đây là thật sự đã giác ngộ. Phàm phu thì thấy Phật, Bồ tát cũng là phàm phu. Từ đó cho thấy, trong kinh nói hết thấy pháp từ tâm tưởng sinh, không sai tí nào.

Pháp chẳng phải là chân, nó hoàn toàn do cách nhìn của quý vị. Nếu quý vị thấy hết thấy chúng sinh đều là Phật, thì tâm của quý vị sáng tỏ, tự tại và thanh tịnh biết bao. Nói cách khác, thanh tịnh, bình đẳng, giác trong tự tính của quý vị đã xuất hiện rồi. Hết thấy chúng sinh thật sự là Phật chẳng? Đúng là Phật! Chúng ta thấy họ không phải là Phật, là do chúng ta nhìn nhầm, Phật không nhìn nhầm đâu. Đây là sự thật.

Vì sao đức Phật không nhìn nhầm? Bởi Ngài nhìn về tính. Tính là bình đẳng. Vì sao chúng ta nhìn sai? Bởi chúng ta nhìn về tướng. Tướng không giống nhau.

Người xưa đưa ra ví dụ: Lấy vàng làm đồ trang sức. Đồ trang sức đều là vàng. Chúng ta thấy như nhẫn, lắc tay, dây chuyền, không giống nhau! Nhẫn chẳng phải là lắc tay, lắc tay chẳng phải là dây chuyền. Chúng ta nhìn từ hình tướng. Đức Phật thấy thế nào? Đức Phật thấy đều là vàng ròng. Nhẫn là vàng ròng, lắc tay là vàng ròng, dây chuyền cũng vậy, hết thấy đều là vàng ròng. Bình đẳng mà!

Chấp tướng thì không thấy tính. Thấy tính thì không chấp tướng. Nếu chúng ta không chấp tướng, không riêng gì con người, mà muôn sự muôn vật đều là bản tính hiện ra. Bình đẳng, giác hiện tiền. Chấp tướng thì không được, sẽ khác nhau rất nhiều. Trong tâm quý vị vọng niệm sẽ nhiều. Nếu thanh tịnh, bình đẳng, giác, có ở trong tâm thì quý vị sẽ không có vọng niệm. Không có vọng niệm được lợi ích lớn, là chân tự tại.

Đức Phật dạy chúng ta, phàm phu lục đạo chấp tướng. Pháp giới Tứ thánh tuy không chấp tướng, nhưng họ có phân biệt, cho nên cũng chưa thấy tính. Họ không chấp tướng, nhưng có phân biệt. Nhất định phải buông bỏ hết phân biệt, chấp trước, sau đó mới có thể đạt được không khởi tâm, không động niệm. Đó là thấy tính.

Đức Phật lấy *bình đẳng phổ giác*. Phổ biến giác ngộ hết thảy chúng sinh. Chúng ta đem câu này, dùng ngôn ngữ hiện nay để giải thích. Đức Phật dùng phương pháp bình đẳng phổ biến, giúp cho hết thảy chúng sinh giác ngộ. Như thế, mọi người sẽ dễ hiểu. Đây gọi là chân từ bi.

“Khiến khắp hết thảy chúng sinh pháp bình đẳng thành Phật”. Đây là phương pháp gì? Chính là phương pháp mà kinh *Vô Lượng Thọ* nói. Phương pháp này nói đơn giản chỉ có 8 từ: *“Phát Bồ đề tâm. Nhất hướng chuyên niệm”*. Bất luận nam nữ già trẻ, phú quý bần tiện, thượng trí hạ ngu, dùng

phương pháp này đều sẽ thành Phật. Đây là bình đẳng, chân bình đẳng. Về đến thế giới Tây Phương Cực Lạc, đức Phật A Di Đà bản nguyện oai thần gia trì, ai ai cũng là Bồ tát A Duy Việt Trí. Đây gọi là bình đẳng thành Phật, không giống những phương pháp khác.

Tông chỉ tu tập này được viết trên đề kinh. Dưới đây nói: *Kim kinh trung phát Bồ đề tâm nhất hướng chuyên niệm chi pháp, phổ bị tam căn* (Nay trong kinh nói pháp phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, cho khắp 3 căn). *Bản kinh vị đương lai nhất thiết hàm linh giai y thủ pháp nhi đắc độ thoát, chính hiển bình đẳng phổ giác chi nghĩa* (Kinh này vì hết thảy hàm linh đương lai đều y theo pháp này mà được độ thoát, chính là hiển bày nghĩa giác ngộ rộng khắp vậy). Đây là ý nghĩa thứ nhất.

Pháp môn này thù thắng không gì sánh bằng! Chúng ta phải tin tưởng đức Phật. Không được có cảm giác tự ti, tôi tạo nhiều nghiệp, tội lỗi sâu dày, e rằng không thể vãng sinh. Như vậy, quý vị đã cô phụ đức Phật A Di Đà rồi. Hiện nay, đức Phật A Di Đà giúp cho quý vị một đời thành Phật, vì sao quý vị không dám làm? Như thế là sai. Quan trọng nhất là phải nhận lấy.

Khoa học lượng tử ngày nay cũng cho chúng ta biết, bất luận quá khứ quý vị tạo tội nghiệp nặng cách mấy, khi ta chuyển đổi ý niệm, thì hết thảy sẽ được hóa giải. Vì sao? Bởi

tội và phúc đều không có thật. Hết thấy mọi hiện tượng đều chẳng phải là chân. Hết thấy mọi hành vi cũng chẳng phải chân. Nếu nó thật có, thì phiền phức rồi. Những việc này từ đâu mà có? Đều từ ý niệm mà có. Một niệm bất giác là ác. Một niệm giác là thiện.

Khi nói đến chỗ cao hơn nữa, nói cho quý vị biết, không có tương tượng tục thật sự. Giống như chúng ta xem phim vậy. Phim nhựa ngày xưa, từng tấm phim nhựa. Ở chỗ này, tôi có đạo cụ đây. Quý vị xem từng tấm từng tấm phim. Nó có tương tục chẳng? Nó không tương tục. Mỗi tấm đều khác nhau, độc lập riêng biệt.

Ý niệm của chúng ta cũng như vậy, mỗi ý niệm đều độc lập riêng. Niệm trước và niệm sau có tương tự, nhưng hoàn toàn không tương đồng. Nếu hoàn toàn tương đồng, thì Giang Bốn Thắng làm thí nghiệm nước, ý niệm trước của ta, ta dùng tâm thương yêu kết thành tinh. Ngày mai, ta vẫn dùng tâm thương yêu của mình để làm thí nghiệm, thì kết tinh đó phải tương đồng, vì sao nó lại không giống nhau? Một giây trước và giây sau không giống nhau. Tiến sĩ Giang Bốn Thắng nói với tôi, ông ấy làm mười mấy năm rồi, chưa phát hiện có 2 tấm hoàn toàn tương đồng. Ông hỏi tôi vì sao như vậy? Tôi đem đạo lý của Phật pháp giảng cho ông ấy nghe. Tuy nói một mình ông làm, tình thương yêu của ông, giây phút trước và sau không giống nhau. Tuyệt đối không có tương đồng. Có bằng chứng trong Phật pháp. Ngày

nay, trong khoa học lượng tử cũng có bằng chứng. Khoa học lượng tử cũng nói như vậy, họ cũng dùng phim nhựa làm ví dụ. Thật sự là như vậy.

Do vậy, một niệm giác, một niệm là thiện, những bất thiện đang trước không còn nữa. Đây gọi là chân sám hối. Vì sao thường xuyên sám hối mà không hết tội? Quý vị cho rằng tội nghiệp của mình trước đây sâu nặng, thường nghĩ như vậy. Ý niệm đó khởi lên, ác niệm lại xuất hiện, không có cách nào làm sạch được. Quý vị hiểu rõ đạo lý này rồi, ý niệm của chúng ta niệm niệm không tương đồng. Ý niệm này của ta thiện, không nghĩ đến những ý niệm trước thì tự nhiên nó sẽ không còn. Vì sao cứ nghĩ đến nó vậy? Sai lầm rồi!

Người học Phật nghĩ đến điều gì là tốt nhất? Nghĩ đến đức Phật A Di Đà là tốt nhất. Vì sao? Phật A Di Đà là tượng trưng cho tự tính viên mãn, tượng trưng toàn thể của tự tính. Một câu A Di Đà Phật là bao gồm tất cả. Không nên tán mát tu hết thấy những tán thiện đó. Quý vị như vậy là đại viên mãn.

Muốn học kinh, một đời đức Phật giảng bao nhiêu kinh? Quý vị nên biết, đó chẳng phải đức Phật nói với chúng ta, mà Ngài nói với những người thời đó. Những người đó không liên quan gì đến chúng ta. Đức Phật ứng cơ thuyết pháp. Nếu năm nay, chúng ta gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Ngài nói với ta bộ kinh này, đó là Ngài độ ta. Nhưng đức Phật rất

từ bi, hết thấy kinh đều có đối tượng. Có một bộ kinh không có đối tượng, ai cũng thích hợp, đó chính là kinh *Vô Lượng Thọ*, kinh *Di Đà*.

Nói cách khác, tuy bộ kinh này đức Phật nói cách đây 3.000 năm về trước. Nhưng ta có thể nói là Ngài nói với ta. Vì sao? Pháp bình đẳng mà. Những bộ kinh khác không bình đẳng, có đối tượng đặc biệt. Căn tính quý vị không tương đồng. Đó là nhân bệnh mà cho thuốc. Bộ kinh này là thuốc vạn linh, bệnh gì cũng chữa được. Không cần chẩn đoán, chắc chắn chữa khỏi bệnh cho quý vị.

Đây là bài thuốc phổ thông, bệnh gì cũng thích hợp, cho nên trong kinh được ví là thuốc A Già Đà. A Già Đà là tiếng Ấn Độ, giống như Trung Quốc gọi Vạn linh đơn vậy. Bất luận căn bệnh gì, chỉ cần có được thuốc này thì chắc chắn chữa khỏi bệnh.

Thứ hai, *Dĩ bình đẳng pháp giác ngộ chúng sinh* (Lấy pháp bình đẳng giác ngộ chúng sinh).

Thứ nhất là bình đẳng phổ giác nhất thiết chúng sinh. Ở đây thêm một pháp nữa. Pháp là phương pháp, là môn đạo.

Tịnh Ảnh Sớ viết, vô tác vô sở hữu đẳng, vi bình đẳng pháp. Trì danh chi pháp, tâm tác tâm thị, ám hợp đạo diệu, xảo nhập vô sinh. Tòng hữu niệm nhập vô niệm, nhân vãng sinh chứng vô sinh. Niệm đắc năng sở lưỡng vong, tức thị Kim Cương Bát nhã chi ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm. Diệc tức Tịnh Ảnh

Số chi vô tác vô sở hữu. Dĩ như thị pháp giáo đạo chúng sinh hoành xuất tam giới, thành cứu cánh giác, thị vị dĩ bình đẳng pháp giác ngộ chúng sinh (Tịnh Ảnh Số nói: Không có tạo tác, không có sở hữu là pháp bình đẳng. Pháp trì danh tâm làm, tâm là ngằm hợp diệu đạo, khéo nhập Vô sinh. Từ hữu niệm vào vô niệm, nhờ vắng sinh chứng Vô sinh. Niệm đến năng, sở đều quên, tức là ở chỗ vô trụ mà sinh tâm nói trong kinh *Kim Cương Bát Nhã*. Cũng tức là nghĩa không có tạo tác, không có sở hữu trong *Tịnh Ảnh Số*. Lấy pháp như thế chỉ dạy chúng sinh, ngang ra 3 cõi, đó là lấy pháp bình đẳng giác ngộ chúng sinh vậy).

Đoạn kinh này cũng nói rất rõ ràng. *Tịnh Ảnh Số* là một bộ chú giải kinh *Vô Lượng Thọ*, do vị pháp sư đời nhà Đường viết. Trong đó, giải thích về 2 từ bình đẳng. “*Vô tác vô sở hữu đẳng*”, gọi là pháp bình đẳng.

Có tác là có phân biệt, có chấp trước. Có sở hữu cũng là có phân biệt, chấp trước, như thế là không bình đẳng rồi.

Chư Phật, Bồ tát ứng hóa tại thế gian, có tác chăng? Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vì chúng ta mà giảng kinh thuyết pháp suốt 49 năm. Trong lòng chúng ta là Ngài có tác, có sở hữu. Nhưng với Phật, thì Ngài vô tác, vô sở hữu. Câu này giải thích thế nào?

Phàm phu chúng ta, bảo quý vị dạy một tiết, thì phải chuẩn bị trước, chuẩn bị là có tác, có sở tác. Năm xưa, đức

Phật giáo hóa chúng sinh, quý vị nên biết, Ngài không có bài giảng, không có sách, tùy khẩu thuyết. Nguồn gốc của kinh là sau khi Ngài nhập Niết bàn, học trò của Ngài từ chỗ nhiều năm tiếp nhận sự dạy dỗ, tự mình nhớ lại đức Phật đã dạy như thế nào, đem viết ra thành sách lưu truyền lại đời sau. Nguồn gốc là như vậy.

Đức Phật Thích Ca như vậy, Khổng lão phu tử còn tại thế cũng như vậy. Khổng lão phu tử còn viết mấy bài, không nhiều. Chúng tôi biết *Dịch Kinh Hệ Từ Truyện*, là bài viết của Khổng lão phu tử. *Xuân Thu*, bộ sách này do Khổng Tử viết. *Truyện* là giải thích, là chú giải. Có 3 nhà chú giải. Tả Khuru Minh có *Cốc Lương Truyện*. Khổng Tử viết một số sách.

Đức Phật thì không. Đức Phật không viết một bài nào hết, cho nên Ngài nói, ai nói Ngài thuyết pháp suốt 49 năm, là phỉ báng Phật. Đức Phật phủ định những điều mình nói trong suốt 49 năm. Ngài không nói pháp, Ngài thật sự không nói pháp. Vì sao nói nhiều như vậy mà nói thật sự không nói pháp? Bởi nói mà không nói, không nói mà nói. Cái này diệu đấy, càng nói càng huyền rồi. Thế nào là không nói? Ngài không khởi tâm động niệm mà!

Khi chúng ta nói pháp, trong đó có khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước. Ngài thì không có. Ngài không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Sao Ngài nói được? Tự nhiên lưu xuất ra, từ tự tính lưu xuất

ra. Quý vị xem kinh sách ghi chép lại hay như thế, trong tự tính có điều lý, có thứ tự, không hề loạn tí nào. Pháp nhĩ như thị, tự nhiên mà!

Chúng ta nghĩ lại xem, thân thể của mình, thân thể này do cha mẹ sinh ra. Đầu tiên là tế bào đơn, vì sao ở trong thai mẹ lại lớn lên thành một cơ thể phức tạp như thế này? Bên ngoài có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, bên trong có ngũ tạng, lục phủ, kinh mạch hoàn chỉnh không thiếu cái nào. Ai tạo ra? Ai thiết kế? Ai chế tạo vậy? Không có! Pháp vốn như vậy.

Đức Phật thuyết pháp vô cùng viên mãn, cũng giống như cơ thể của chúng ta, từ tự tính tự nhiên lưu xuất ra. Cơ thể của con người thật sự cũng có sự khác biệt nào đó, như sức khỏe bất đồng, diện mạo bất đồng. Trong đời, phú quý bần tiện bất đồng. Những khác biệt này là do nghiệp lực biến hiện ra. Ở đây nói, hết thấy pháp từ tâm tướng sinh.

Đời quá khứ tu phúc, đời này đến hưởng phúc. Đời quá khứ tạo nghiệp, thì đời này đến thọ tội, chịu khổ chịu nạn. Đức Phật dạy: *Nhân sinh thù nghiệp!* Tuy có nghiệp lực, nhưng có thể thay đổi, chứ chẳng phải không thể thay đổi.

Liễu Phàm Tứ Huấn là điển hình dạy chúng ta thay đổi vận mệnh hay nhất. Số không có tiền của, có thể có tiền. Số không được thông minh trí tuệ, có thể được thông minh trí tuệ. Số không thọ, có thể được trường thọ. “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”. Những lời này khi tôi mới học Phật, thầy giáo dạy tôi - Chương Gia Đại sư dạy tôi. Trong đây có

đạo lý, có phương pháp. Cầu như lý như pháp, thì cảm ứng không thể nghĩ bàn.

Tôi học Phật 59 năm, hoàn toàn thực hiện. Tôi nương vào lời dạy dỗ của thầy, hoàn toàn thực hiện, cho nên không hề có chút nghi ngờ nào.

Có phúc báo, khi hưởng phúc vẫn phải tu phúc, thì phúc báo của quý vị đời đời kiếp kiếp hưởng không hết. Nếu hưởng phúc mà không biết tu phúc, sẽ hưởng hết phúc. Ngạn ngữ có câu: “*Giàu không quá ba đời*”. Đó chính là hưởng phúc mà không biết tu phúc. Nếu biết tu phúc, thì phúc báo của họ đời đời kiếp kiếp không hết.

Ở Trung Quốc, Ngài Ấn Quang đưa ra 2 người, một là Khổng lão phu tử. Quý vị xem Khổng lão phu tử, Khổng Đức Thành bảy mươi mấy đời rồi, gia đạo không suy, đấy là tích đức lớn. Đức lớn ở đây là dạy học. Một đời Khổng Tử không làm việc gì khác chỉ dạy học. Dạy điều gì? Dạy đạo thánh hiền. Phu tử là người thật thà.

Chúng ta dùng từ *thật thà, nghe lời, làm thật*, ông đã làm được 6 từ này. Những điều ông học, ông tu, ông dạy, ông truyền lại, chẳng phải của mình. Ông không nói dối, ông thật thà. Là của ai? Của cổ thánh tiên hiền. Vì vậy, người đời sau tôn xưng ông là Tập Đại Thành Giả.

Từ xưa đến nay, mấy vạn năm về trước rồi, khi đó chưa có văn tự, chưa phát minh ra văn tự, hết thấy đều là khẩu

truyền. Đời đời kiếp kiếp truyền lại, đến đời Phú tử thì có văn tự rồi, dùng văn tự ghi chép lại truyền cho đời sau. Vì thế, ông là Tập Đại Thành Giả. Bản thân ông nói là những lời chân thật chứ không phải là khiêm hạ. Chúng ta phải lãnh hội được điểm này, ông nói bản thân mình một đời là “*thuật nhi bất tác*”. Điều này, nói lên rằng ông không sáng tạo, không phát minh ra. Những điều ông tu, ông học, ông truyền lại, hay dạy học, đều là của cổ thánh tiên hiền, bản thân ông không sáng tạo ra.

“*Tín nhi hiếu cổ*”. Thái độ này thật hiếm có. Ông tin tưởng cổ thánh tiên hiền. Thích những lời dạy của cổ thánh tiên hiền. Ông nghiêm chỉnh học tập, ông lý giải được, và thật sự làm được.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni không khác Khổng Tử, cũng là nhân vật nhất lưu. Trong kinh *Hoa Nghiêm*, trên đề kinh *Tứ Thập Hoa Nghiêm*, Đại sư Thanh Lương chú giải. Trong đó có mấy câu: Hết thấy pháp mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói trong suốt 49 năm, đều là những điều cổ Phật từng nói. Đức Thế Tôn không thêm một chữ nào vào kinh điển của cổ Phật. Ngài còn nghiêm khắc hơn Khổng lão phu tử nữa. Chúng ta có thể tin được những lời này chẳng? Tin được. Nương vào đâu? Ngài thấy tính mà. Chỉ cần thấy tính, thì kim Phật như cổ Phật tái lai. Mọi người đều thấy tính. Những người thấy tính nói ra đều giống nhau, làm sao khác được! Ngài là cổ

Phật, quý vị là kim Phật, quý vị thấy tính rồi, đương nhiên sẽ nói giống như Ngài thôi. Không tăng không giảm.

Từ đó cho thấy, mục đích Phật pháp dạy con người, chính là minh tâm kiến tính.

Chúng ta niệm Phật cầu sinh về thế giới Cực Lạc, đến đó làm gì? Ở thế gian này, môi trường này, chúng ta không thể thấy tính, không thể thành Phật. Đến môi trường ở thế giới Cực Lạc, đến đó để làm gì? Để minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật. Đến đó để làm việc này. Điều này chúng ta chẳng thể không biết, cho nên Phật Phật đạo đồng. Quý vị xem, ở Trung Quốc, chúng ta ở đây thuộc về Quảng Đông, có duyên sâu dày với Thiền tông Lục Tổ Huệ Năng. Ngài đã khai ngộ. Chúng ta biết, Ngài không biết chữ, không đi học. Chỉ cần thấy tính, thì trí tuệ của Ngài, đức năng của Ngài, không khác gì cổ Phật cả. Thực tế mà nói, tướng hảo cũng không khác.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ở Ấn Độ, hiện Phật thân. Lục Tổ Huệ Năng hiện thân Tỳ kheo. Giống như 32 ứng nói, cần lấy thân gì để độ, bèn hiện thân đó để hóa độ. Đều là viên mãn không khiếm khuyết. Cần lấy thân gì để độ bèn hiện thân đó. Hết thấy kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, dĩ nhiên Ngài không đọc qua, cũng chẳng cần đọc. Quý vị đọc cho Ngài nghe, Ngài giảng lại cho quý vị nghe. Khi quý vị đọc không khai ngộ, nghe Ngài giảng rồi bèn khai ngộ. Vị thầy này quá tài giỏi!

Chư vị lịch đại tổ sư, nói thiệt nhé, Ngài là người độ chúng sinh giỏi nhất, không ai hơn được Ngài. Học trò của Ngài rất đông, những người đại triệt đại ngộ, đạt được cảnh giới như Ngài, có 43 người. Trước thời Lục Tổ không có, sau thời Lục Tổ cũng không có, đây là vô tiền tuyệt hậu đấy!

Điều này chứng minh cho ta thấy Phật Phật đạo đồng, chứng minh chân tướng sự thật này. Vì thế, thái độ *“tín nhi hiếu cổ”*, là đại thánh đại hiền, là chư Phật, Bồ tát làm gương cho chúng ta.

Nếu bản thân mình nương vào sự tưởng tượng của mình mà làm, thì đều đi đường vòng. Các Ngài đi đường thẳng chứ không đi đường vòng. *“Tín nhi háo cổ, thuật nhi bất tác”*. Tuyệt đối không có tâm danh lợi, chân thật học tập, đều thành thánh, thành hiền, thành Phật, thành Bồ tát.

Đây là *Tịnh Ảnh Sớ* giải thích về ý nghĩa chân thật của pháp bình đẳng.

Bản kinh trì danh chi pháp, tâm tác tâm thị (Kinh này pháp trì danh, tâm làm tâm là). Phương pháp Trì danh là tâm làm Phật, tâm là Phật. Tâm là Phật là Tính đức, tâm tác Phật là tu đức. Tính tu bất nhị. Tính tu viên mãn tương ưng. Tu đức là Bồ tát, Tính đức là Phật. Quý vị vốn là Phật, ngày nay lại phát tâm làm Phật. Dùng phương pháp nào phát tâm làm Phật? Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm, là phát tâm làm Phật.

Ngầm hợp diệu đạo. Đạo ở đây là nói đạo Thiền tông, đạo Mật tông, không dễ tu đâu. Nhưng niệm Phật, phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm thì dễ dàng. Đạo hoàn toàn tương ưng.

Khéo nhập Vô sinh. Xảo diệu, từ hữu niệm niệm đến vô niệm. Mới bắt đầu thì có, vì sao? Bởi có phân biệt, có chấp trước. Niệm đến 3 năm, 5 năm, thật sự nhất tâm, ngoài câu Phật hiệu ra không có niệm thứ hai nào khác. Cuộc sống sinh hoạt, tùy duyên diệu dụng.

Diệu dụng là gì? Tùy duyên thôi, Phật hiệu không gián đoạn. Miệng không niệm thành tiếng, nhưng trong tâm không gián đoạn, diệu dụng đấy! Khéo nhập Vô sinh rồi!

Từ hữu niệm niệm đến vô niệm. Vô niệm mà niệm, mới đầu là hữu niệm mà niệm. Niệm đến cuối cùng là vô niệm mà niệm. Vẫn là niệm Phật. Vì sao nói vô niệm? Không còn phân biệt, chấp trước, niệm này không còn nữa. Không còn khởi tâm động niệm. Vãng sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, trực tiếp sinh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Công phu này có cao thấp. Vô niệm, nếu niệm không chấp trước, thì sinh về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Không khởi tâm, không động niệm, sinh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Chỉ dùng một phương pháp. Nếu còn hữu niệm, thì sinh về cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Hết thấy đều được vãng sinh. Niệm đến chỗ vô niệm, tiêu chuẩn của vô niệm là không khởi tâm, không

động niệm, sinh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Thời gian mấy năm thôi là thành công rồi.

Làm thế nào để niệm đến chỗ vô niệm? Niệm đến chỗ vô niệm nghĩa là gì? Nghĩa là chúng ta niệm hết tập khí phiền não, chứ không có gì khác. Ấn Quang Đại sư dạy chúng ta một phương pháp, rất hay: Dán chữ “Tử” trên trán, thường xuyên nghĩ rằng, mình sắp chết rồi. Nghĩ xem, khi lâm chung quý vị mang được thứ gì? Quý vị hiểu rõ ràng rồi, hiểu thông rồi, chẳng phải buông bỏ hết rồi sao? Phương pháp này hay quá!

Tôi thường dạy mọi người, bản thân tôi cũng làm như vậy, mỗi ngày tôi đều coi là ngày cuối cùng của đời mình. Hôm nay là ngày cuối cùng của tôi, tôi nên làm điều gì đây? Chân thật niệm Phật, những thứ khác đều buông bỏ hết, cho nên vì sao tâm thanh tịnh, chính là đạo lý này. Tôi sắp chết rồi, không mang theo được gì, chỉ có câu A Di Đà Phật là mang theo được. Những thứ không mang theo được phải buông hết. Như thế, quý vị mới có thể đạt được tâm thanh tịnh.

Đối với thế gian này còn một chút lưu luyến, thì phiền phức lớn đấy. Khó buông xả nhất là thân tình.

Tôi may mắn, khi mới học Phật, Chương Gia Đại sư khuyên tôi xuất gia, nên không bị cửa ải thân tình này. Ngài dạy tôi học theo đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Một đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp, Ngài không kiến lập đạo tràng. Không có một đạo tràng nào hết, cho nên

Ngài không bị vướng mắc. Học trò ai ai cũng học theo Ngài. Đệ tử Ngài khi đó đều học theo Ngài, không ai kiến lập đạo tràng. Phương thức sinh hoạt, đều là ngày ăn một bữa, tối ngủ dưới gốc cây, sống đời sống đơn giản nhất, cũng chính là cuộc sống hạnh phúc nhất, mỹ mãn nhất. Vì sao? Bởi nó giúp cho quý vị đạt được tâm thanh tịnh, bình đẳng, giác. Quý vị nghĩ xem, hạnh phúc và vui sướng biết bao!

Nhờ vãng sinh chứng Vô sinh. Sinh về thế giới Tây Phương Cực Lạc, đại triệt đại ngộ là chứng vô sinh. Niệm đến chỗ năng sở lưỡng vong. Lưỡng vong nghĩa là không chấp trước hai đầu nữa. Tâm là năng niệm và Phật là sở niệm dung thành một phiền, năng sở bất nhị, sinh Phật bất nhị, như kinh *Kim Cương* nói: “*Ứng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm*”. Quý vị xem, tương ứng với Bát nhã đấy. Thiền tông đạt được cảnh giới này không dễ dàng đâu, nhưng niệm Phật dễ dàng đạt được cảnh giới này. Làm được mà.

Đây cũng chính là “*vô tác vô sở hữu*” mà *Tịnh Ảnh Sớ* nói. Hoàn toàn là Bát nhã, vô tác mà tác, tác mà vô tác.

Dùng pháp như thế chỉ dạy chúng sinh ngang ra tam giới. Không phải dọc ra. Dọc ra là từng lớp từng lớp đi lên, 28 tầng trời, từng tầng từng tầng leo lên, như leo cầu thang vậy. Leo lên rồi, trên là Tứ thánh: Thanh Văn - Duyên Giác - Bồ tát - Phật. Vẫn còn 4 tầng. Siêu việt mười pháp giới mới gọi là thật sự thành tựu. Chứng được Bồ tát Sơ Trụ của Viên giáo.

Đây chính là điều Thiền tông nói: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tính, kiến tính thành Phật.

Bồ tát Sơ Trụ, trong kinh Đại thừa nói, các Ngài lấy địa vị là Phật để xuất hiện ở thế gian. Cần lấy Phật thân để độ, các Ngài có thể hiện 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, lấy thân này để giáo hóa chúng sinh. Thật sự làm được không khởi tâm, không động niệm. Lên cao nữa, chúng ta thấy trong hội Hoa Nghiêm nói rất rõ, các Ngài và cứu cánh Phật quả thật sự bình đẳng, còn kém một chút gì? Chưa đoạn tập khí vô thi vô minh. 41 phẩm, 41 địa vị này, là nói về tập khí dày hay mỏng, chứ không nói về điều gì khác. Vì thế, trong cảnh giới đó, nghĩa là trong cõi Thật Báo, 41 vị pháp thân đại sĩ và cứu cánh viên mãn Phật, trí tuệ, đạo lực, thần thông, tướng hảo đều bình đẳng hết. Hoạt động của các Ngài là biến pháp giới hư không giới. Chúng sinh có cảm, các Ngài có ứng.

Vì thế, trong đây, trong kinh luận thường nói, đức Phật không độ người vô duyên với Ngài. Cảm ứng nghĩa là có duyên. Bất luận thiện duyên hay ác duyên đều bình đẳng. Thiện duyên cũng được, ác duyên cũng được, quý vị thành Phật rồi thì dễ dàng độ cho họ, họ có duyên với quý vị. Đến khi đó hết thấy đều trở thành pháp duyên.

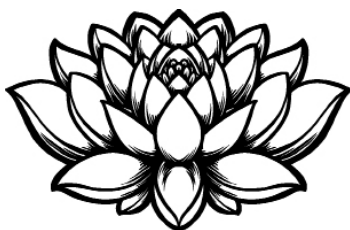
Ngang ra tam giới, thành cứu cánh giác. Về thế giới Tây Phương Cực Lạc, chắc chắn chúng được quả Phật cứu cánh viên mãn. Đó chính là pháp bình đẳng. Giác ngộ chúng sinh.

Thứ ba: *Bình đẳng giác chỉ Như Lai chi chính giác. Chính giác vô nhất thiết cao để thâm thiển chi biệt. Cố viết bình đẳng giác* (Bình đẳng, giác chỉ Chính giác của Như Lai. Chính giác không có cao thấp sâu cạn sai khác, cho nên gọi là Bình đẳng, Giác). Nghĩa là thấy tính. Thấy tính thì bình đẳng. Thấy tính rồi chắc chắn không còn phân biệt, chấp trước.

Thứ tư: *Chuyên tựu bản kinh bình đẳng giác diệt tức Cực Lạc giáo chủ chi thánh hiệu* (Chuyên chú về Bình đẳng, giác của kinh này tức là nói thánh hiệu của giáo chủ cõi Cực Lạc).

Bình đẳng, giác chính là Phật A Di Đà. Biệt hiệu của đức Phật A Di Đà là Bình Đẳng Giác.

Dĩ thượng chư nghĩa (4 ý nghĩa trên) *đề trung cụ nhiếp* (trong đề đều có đủ). Sau đề kinh còn có một đoạn. Phần cuối là giảng chữ Kinh. Giảng chữ Kinh xong rồi, chúng tôi sẽ tập hợp lại để giải thích.



MỤC LỤC



TẬP 71.....	5
TẬP 72.....	47
TẬP 73.....	95
TẬP 74.....	149
TẬP 75.....	191
TẬP 76.....	237
TẬP 77.....	279
TẬP 78.....	323
TẬP 79.....	363
TẬP 80.....	415



HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH GIẢI DIỄN NGHĨA - QUYỂN 8

Chủ giảng: **LÃO PHÁP SƯ TỊNH KHÔNG**

Trưởng ban biên dịch: TK. Thích Đồng Bổn

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung
Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: **Phan Thị Ngọc Minh**
Sửa bản in: **TT Phật Học Chánh Trí**
Trình bày & bìa: **Khánh Chi**

Đối tác liên kết:
CÔNG TY TNHH VĂN HÓA PHÁT QUANG
26 Nguyễn Tử Nha, P.12, Q. Tân Bình, TP.HCM

In 500 cuốn, khổ 19,5x26,5cm tại Công ty CP in Khuyến học phía Nam, Lô B5-8 đường D4, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP.HCM. Số XNĐKXB:1460-2024/CXBIPH/04-50/HĐ ngày 07/05/2024. Số QĐXB của NXB: 793/QĐ-NXB-HĐ cấp ngày 08/05/2024. In xong và nộp lưu chiểu năm 2024. Mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) 978-604-89-7965-2